NĂM THỨ V
SỐ 5

THÁNG 10
1962

ĐẠI-HỌC

TÌM HIỂU THA-NHÂN

Đâu là vấn-đề tha-nhân . . . . . ĐẠI-HỌC
Yếu-tính của tha-nhân . . . . . TRẦN-THÁI-ĐỈNH
Ta với người khác . . . . . CUNG-GIŨ-NGUYÊN
Người mắc bệnh tâm-linh với khung cảnh sinh-hoạt . . . . . ERICH WULFF
Tha nhân, thành phần của bản-thân tôi TRẦN-VĂN-TOÀN

Vài nét về sinh-hoạt của Hát Ả-đào trong truyền thống văn-hóa Việt-nam . . LÊ-VĂN-HẢO
Tây-sơn lấy Nam-Hà . . . . . NGUYỄN-PHƯƠNG
Những sai lầm của Đại-việt sử-ký toàn thư . . . . . NGUYỄN-PHƯƠNG

ĐIỂM SÁCH

DESCARTES : **Những suy-niệm siêu-hình-học** : TRẦN-THÁI-ĐỈNH
ARISTOTE : **Đạo-đức-học của Nicomaque** : ĐỨC-HINH —
BERGSON : **Năng-lực tinh-thần** : CAC-VĂN-LUẬN.

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Chủ-trương biên tập: **TRẦN - VĂN - TOÀN**

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

độc quyền các phương tiện bạo động hợp pháp. Dĩ nhiên xã hội càng văn minh thì càng tránh được sự lạm dụng quyền hành của cấp trên với cấp dưới; hơn nữa người ta còn cấm đánh đập những người bị giam, nhất là khi bị tình nghi. Nhưng dù sao cũng vẫn còn bạo động.

Hình như bạo động ăn rễ sâu vào con người, sâu đến nỗi có thể nói không bao giờ người ta độc ác với loài vật bằng đối với con người. Những trại tập trung với những hàng rào thép gai, những bức màn sắt, những gông cùm và các kỹ thuật tra tấn mà óc thông minh của con người nghĩ ra, tất cả không phải là để đối phó với loài vật ác thú, nhưng là để dành cho đồng loại.

Không phải vì bản năng con người là xấu xa, ưa chém giết, ưa bạo động. Vẫn biết có những người mắc bệnh tâm-linh, coi đó là một trò tiêu-khiển. Nhưng đa số nhân loại bạo động là để bảo-vệ sinh-mạng cho mình và cho người của mình. Người ta bạo động là vì bất-đắc-dĩ, bạo động vì sợ nhau: vì sợ người sẽ làm hại mình nên mình tìm cách làm hại người trước !

Bạo động giữa ta và tha nhân là một vấn-đề phải giải quyết.

***

Thiên hạ vẫn dùng pháp-luật và các định chế để thanh toán cái bạo động trên đây.

Nhưng thiết tưởng chúng ta có thể đặt vấn-đề một cách khác: Tha nhân phải chăng chỉ là hàng rào ngăn trở đà tiến của khuynh hướng ích kỷ của ta ? Tha nhân phải chăng chỉ là một lực lượng đe dọa sự an ninh của ta ? Hay là trái lại, tha nhân cũng chính là lực-lượng làm cho ta nên người, và lực lượng đó quan trọng đến nỗi vắng tha nhân thì đời ta cũng nghèo nàn đi, nếu chưa phải là sa đọa xuống tới đời sống động vật ? Đằng khác theo khoa tâm-lý-học, người điên là người mất hết khả năng nhìn nhận tha nhân.

Cách lập-vấn này có thể đem lại một nhận định mới và một thái-độ mới đối với tha-nhân. Có lẽ như thế cũng là góp một phần tích cực vào việc thanh toán bạo động giữa người với người. Thái độ của ta đối với tha nhân, đấy mới là vấn-đề căn-bản về tha-nhân vậy.

ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Yếu-tính của tha-nhân

TRẦN-THÁI-ĐỈNH

Tha-nhân là một vấn-đề tương đối mới mẻ. Bao lâu con người chưa thoát ra khỏi nhân-sinh quan của Aristote và của Kant, bao lâu con người vẫn xây những mối bang giao trên cường quyền và bạo-lực, thì làm sao có thể có ý-thức về tha-nhân được? Nếu *tha-nhân* là một người *như* tôi (nhân), đồng thời *khác* tôi (tha), thì hỏi đã mấy triết-gia nhận-định ra bản tính đích thực của tha-nhân?

Cả hai nền triết-học cổ-truyền đều tỏ ra bất lực, không đạt tới bản-chất của tha-nhân. Aristote với nhân-sinh-quan Hy-lạp, coi mọi người đều giống hệt nhau về mô-thể (forme substantielle) và chỉ khác nhau về chất-thể (matière): con người của Aristote bị chìm trong vũ-trụ, hoàn toàn chịu thể-thức chung của vũ-trụ vạn vật; nghĩa là cũng như trăm ngàn con bò đều chung nhau một mô-thể « bò », thì trăm con người cũng chung nhau một mô-thể « người ». Điều này hiện ra rõ rệt khi chúng ta nhớ rằng vũ-trụ-quan Hy-lạp giả-thiết những sự vật vĩnh-cửu trong một vũ-trụ vĩnh-cửu: vũ-trụ tự ngàn xưa vẫn thế này, và mãi sau này sẽ vẫn thế; các cá-vật có sinh có diệt, nhưng *loại* của chúng thì vĩnh-cửu; vạn vật đều thông-phần vào vĩnh-cửu-tính của loại mình bằng cách phát-sinh ra những con cái giống như mình.

Một triết-học như thế không thể nào biết tới tha-nhân. Nó chỉ biết có *những* con người sống quanh nó. Aristote chủ-trương rằng « chất-thể là cái làm cho có những cá-thể trong một loại », nghĩa là các vật trong một loại đều hoàn toàn giống nhau theo bản-tính, và chúng chỉ khác nhau về cái vỏ bên ngoài mà thôi. Aristote nêu lên nguyên-tắc đó cho vạn vật trong vũ-trụ, và người ta không thấy ông đưa ra luật trừ nào cho con người hết. Cũng không nên trách ông làm chi, vì những triết-gia đến sau ông từng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chục thế-kỷ vẫn chưa chân-nhận được bản-chất của tha-nhân. Chúng ta chỉ nhận-định như thế để tiện bề theo vết lịch-sử mà thôi.

Descartes không đặt vấn đề tha-nhân. Bị vít kín trong *Cogito* của ông, ông chỉ đạt tới tha-nhân bằng những suy-luận. Nói nhiều làm chi, vì ngay đối với thân-xác của ông, Descartes cũng phải dùng đến 4 cách suy-luận, tức 4 luận-chứng mới dám *tin* rằng ông có xác (Suy-niệm thứ 6). Con người của Descartes là con người tuyệt-đối cô-đơn, một tinh-thần thuần-túy: một con người như thế làm sao có thể sinh hoạt *với* tha-nhân và có ý-thức đích-thực về tha-nhân được? Phải đợi đến Kant, triết học mới thực sự bước sang phía cực-đoan đối lập với Aristote: Aristote coi con người là sự vật của vũ-trụ, còn Kant lại chủ-trương rằng con người là thước đo vũ-trụ. Chính cái nhìn của con người đã ban cho vạn vật có hình này hay hình kia. Con người của Kant gần giống như đấng Sáng-tạo: như thế, con người của Kant cũng tuyệt-đối cô-đơn như Thượng-đế của Aristote. Không có hai Thượng-đế, không thể có một người nữa khác tôi; hoặc nếu có người đó, thì họ là một thế-giới vô cùng xa lạ đối với tôi, tôi không có cách nào để biết tới. Tôi chỉ có thể có một vũ-trụ mà thôi, tức vũ-trụ của tôi, do cái nhìn của tôi làm xuất-hiện; nếu lại có một người nữa như tôi, như thế là tôi phải nhận có hai vũ-trụ chăng?

Thực ra, Aristote và Kant đều không đặt nổi vấn-đề tha-nhân. Người ta phải đợi mãi đến Hégel, thì vấn đề mới được đặt ra lần đầu tiên cách rõ ràng. Đối với Hégel, tha-nhân là cái *phi-ngã* (non-moi). Trong biện-chứng-pháp phổ-quát của Hégel, tha-nhân là phản-đề của bản-ngã (le moi). Có thể đi tới một tổng-đề chăng? Hégel đặt vấn-đề này một cách gay go trong tương-quan biện-chứng Chủ-ông và Nô-lệ, trong đó viễn-tượng mờ mờ của một xã-hội bình-đẳng được mở ra với sự can-thiệp của sức giải-phóng của cần-lao. Nhưng, như ông Trần-văn-Toàn viết trong Đại-Học số 27: « Lớp chủ-ông cũng như lớp nô-lệ mới thành chủ-ông không phải là những người sẽ đem xã-hội loài người ra khỏi cái liên-lạc bất-nhân giữa chủ-ông và nô-lệ ». Muốn chấm dứt sự thống trị con người bởi con người, dầu là thống trị duy-tâm của triết-lý Kant, dầu là thống-trị theo liên-hệ Chủ-Nô của Hégel-Marx, có lẽ nhân-loại cần phải tiền triển thêm nữa, và triết-học cần phải đạt tới một quan-niệm đích-thực hơn về tha-nhân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quan-niệm đích-thực đó đang đến với chúng ta qua tư-tưởng của những triết-gia hiện-đại như Gabriel Marcel và Karl Jaspers. Hơn nữa, chúng ta có một triết-gia hầu như đang hiến trọn đời tư-tưởng để đào sâu những tương-quan nhân-đạo: Maurice Nédoncelle. *Jaspers* là triết-gia chủ-trương rằng: hiện sinh con người có hai yếu-tố nền-tảng, cũng chính là hai hình thái sinh-hoạt đích-thực của con người xứng tên là con người. Hai hình-thức sinh-hoạt đó là: sinh-hoạt với tha-nhân, và sinh-hoạt với Siêu-việt. Thiếu yếu-tố nào trong hai yếu-tố nầy, hiện sinh con người sẽ trở thành cằn cỗi, khập khễnh, thiếu thốn. Như vậy tha-nhân là cơ-cấu của nhân-vị: không có tha-nhân đích-thực, sẽ không có nhân-vị đích-thực, vì các nhân-vị sinh-hoạt trong môi-trường *Cảm-thông*. Jaspers định nghĩa Cảm-thông là « đấu tranh yêu mến ». Đấu tranh, vì tha-nhân và tôi, cả hai cùng là những độc-đáo, cho nên tôi và tha-nhân đối-lập nhau như hai nhân-sinh-quan khác nhau. Nhưng vì là đấu-tranh yêu-mến, nghĩa là hai cái độc-đáo kia (tôi và anh) cùng hòa-hiệp chặt chẽ với nhau. Jaspers nhấn mạnh rằng: nếu trong Cảm-thông, một trong hai người tỏ ra thụ-động như sự vật, thì không thể có cảm-thông đích-thực. Khi đó chỉ có chiếm-đoạt và thống-trị. Nhưng khi mà cả hai chỉ giữ thế-thủ trong lập-trường « độc-đáo » của mình, thì cũng không thể có Cảm-thông. Như vậy, theo Jaspers, Cảm-thông là mối đồng-tâm giữa hai nhân-vị đầy đủ ý-thức và đầy -đủ tự-do: trong cảm-thông đích-thực, tôi truy-nhận bản-chất đích-thực của tha-nhân là một chủ-thể tự-do và độc-đáo, đồng thời tha-nhân cũng truy-nhận tính chất đó ở nơi tôi.

Gabriel Marcel đã đóng góp một phần quan-trọng trong việc xây-dựng một quan-niệm đích-thực về tha-nhân: những tư-tưởng của ông về Gặp gỡ, Cầu-khẩn và Yêu-mến, đã là những luồng gió mới thổi vào giới triết-học hiện-đại, làm nảy nở những nguồn sống mới. Triết học về mối « tương đồng giữa các tâm-thức » (réciprocité des consciences) của Nédoncelle là một trong những mùa hoa mới đó của tư-tưởng nhân-bản hiện-đại. Những đề-tài chính của Marcel là: trước khi tôi biết Tôi, tôi đã biết Anh; chính anh làm cho tôi biết tôi là một nhân-vị, vì không có anh để tôi sống với và cư-xử với, thì tôi sẽ không bao giờ có những giao-tiếp nhân-đạo. Hơn nữa ý-nghĩa căn-bản của Gặp-gỡ, Cầu-khẩn và Yêu-mến là: tôi đón chào một nhân-vị như tôi và *khác* tôi: nếu không, tôi chỉ gặp tôi, bởi chưng tôi nghĩ tha-nhân chỉ là chính tôi, y như tôi. Trái lại, sự Gặp-gỡ và Cầu-khẩn đích-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thực luôn luôn giả-thiết rằng tôi kính trọng *chờ mong* sự trả lời của tha-nhân, tôi *xin* tha-nhân đáp lại lời mời gọi của tôi, và tôi tin tưởng vào một phúc-đáp hoàn toàn chân-thành và tự-do: thiếu chân-thành và tự-do, làm sao có thể có Gặp-gỡ và Yêu-mến được?

Nédoncelle, một triết-gia của mối giao-tiếp nhân-đạo, đã đưa ra một cái nhìn mới mẻ và sâu sắc trong cuốn « Tương-đồng giữa các tâm-thức » của ông (1942). Chủ-đề của cuốn sách là: « Chúng tôi đi tự khởi điểm này: có một mối tương-đồng giữa người ta với nhau » (*Réciprocité des consciences*, p. 16: « Le point de départ que nous prenons dans cette étude est l'existence d'une réciprocité humaine »). Nédoncelle nhắc lại rằng triết-học cổ-điển chỉ biết đến hai loại tâm-thức: *tâm-thức về mình* là tâm-thức làm chúng ta tự biết mình ta, và *tâm thức của tha-nhân* là tâm-thức làm tha-nhân tự biết mình. Tâm-thức về mình (conscience de soi) không cho phép ta biết chi về tha-nhân xét như tha-nhân là một chủ-thể, và tâm-thức của tha-nhân cũng không cho tha-nhân biết chi về đời sống tâm-linh của ta hết. Triết-học cổ-điển, hoặc ít hoặc nhiều, đều coi mỗi tâm-thức của ta là một vũ-trụ đóng kín, và xét chung thì chúng ta là những đơn-tử (monades) hoàn toàn xa lạ nhau. Trái lại, theo Nédoncelle, nếu không có mối tương-đồng giữa các tâm-thức, nghĩa là nếu mối tương-đồng đó không phải là một dữ-kiện nguyên-thủy, thì chúng ta không thể hiểu tại sao chúng ta có thể hiểu biết nhau và truy-nhận nhau là những nhân-vị tự-do. Phương-pháp *loại suy* (analogie) của Aristote chỉ cho ta thấy những cái *tương-tự* như ta, như vậy phương-pháp đó làm ta mù không thấy được bản-chất của tha-nhân là một độc-đáo (Sd. tr. 29-36). Phương-pháp *suy-luận* của Descartes càng không thể cho ta *gặp* được tha-nhân: suy-luận chỉ cùng lắm cho phép ta « suy bụng ta ra bụng người »; nhưng như vậy là ta mặc-nhiên coi tha-nhân như giống hệt ta: triết-học cổ-điển đã lẫn-lộn mối tương-đồng giữa các tâm-thức với *sự nhất-thể* của các sự vật (identité des objets).

Thay cho những học-thuyết « vô nhân-đạo » đó, Nédoncelle đưa ra quan-niệm về « tâm-thức đoàn-thể » (conscience collégiale). Tâm-thức con người không có tính-chất duy-ngã (solipsiste), nhưng cộng-đoàn (collégiale). Nédoncelle nhắc lại chủ-trương của J.M.Baldwin, theo đó thì sự tiến-triển của tâm-thức đứa trẻ đi từ chỗ biết có người ta (conscience projective), rồi qua giai-đoạn tự biết mình nó (conscience subjective), và sau

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cùng là giai-đoạn đứa trẻ lấy mình nó làm khuôn mẫu để biết người khác (conscience éjective). Nédoncelle cho đó là những nhận định tâm-lý khá tinh-vi, nhưng ông cho rằng ba giai-đoạn tiến-triển của trẻ con đó chưa đưa đứa trẻ đến chỗ khám phá ra bản-chất của *nhân-vị* nó và bản-chất của *tha-nhân*: « Nếu đứa trẻ chỉ biết coi người khác như nó thì nó chưa ý-thức về *bản-ngã* (le moi), nhưng mới chỉ ý-thức về *cái ngã* (le soi) mà thôi. (Sd, tr. 69).

Khi nào con người khám phá ra tha-nhân? Theo nhận xét của Nédoncelle thì đa số nhân-loại còn sống trong trạng-thái ấu-trĩ, chưa vượt qua giai-đoạn « ý-thức tự phóng » (conscience éjective), vẫn chỉ biết lấy mình làm trung-tâm vũ-trụ và lấy mình làm mẫu-mực bắt thiên hạ phải theo. Khác chi đứa trẻ còn bắt mọi người chiều ý nó? Vậy con người chỉ khám phá ra tha-nhân trong trường đời, khi phải đối diện với tha-nhân, tranh-đấu với tha-nhân. Khi đó sự tiến-triển của ý-thức ta như sau: ta lần lượt khám phá ra nhân-vị độc đáo của ta, khám phá ra tha-nhân và khám phá ra cộng-đoàn của « chúng ta » : *le moi, le toi et le nous* (Sd, trang 61-85).

Nên nhớ Nédoncelle chủ-trương tâm-thức cộng-đoàn, cho nên ý-thức về tôi, về nhân-vị của tôi, không tiến-triển một mình, nhưng nó tiến-triển cùng nhịp với ý-thức tôi có về tha-nhân: chính trong khi truy-nhận nhân-vị của tha-nhân, thì tôi nhận ra nhân-vị độc-đáo của tôi. Thành thử tha-nhân không phải là *phi-ngã* như chủ-trương của Hégel, nhưng tha-nhân là *tha-ngã* (un autre moi-même). Như vậy sinh-hoạt đích-thực nhân-đạo của con người chỉ có thể có khi con người nhận ra bản-chất của « chúng ta » (le nous). Và đó chính là cái Nédoncelle gọi bằng danh-từ « tâm-thức cộng-đoàn ». Cuốn sách của Nédoncelle thực là súc tích, và tỏ ra xứng với sự đón chào nồng-nhiệt trong giới triết gia trên thế-giới. Chúng tôi sẽ mượn ít nhiều tư-tưởng của Nédoncelle trong mấy trang suy về bản-chất của tha-nhân dưới đây.

***

Trên đây, chúng ta đã nhờ con đường lịch-sử để dò xem bản-chất của tha-nhân. Bây giờ chúng ta đi thẳng vào bản-chất đó. Chúng ta bắt đầu với nhận định này: tha-nhân không phải là một quan-niệm, và tha-nhân cũng không phải là một bản-thể (substance) theo nghĩa triết-học cổ-truyền,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhưng tha-nhân là một tương-quan hiện-sinh. Nói cách khác, bản-chất của tha-nhân không hiện ra *trong* một bản-thể *tĩnh* của tha-nhân, nhưng nó xuất-hiện trong mối tương-quan giữa người và người, giữa tôi và tha-nhân cũng như giữa tha-nhân và tôi. Như vậy chúng ta đi sát lập-trường hiện-tượng-học, chúng ta coi con người là một *hữu-thể tại thế* nghĩa là sống trong *môi trường* của mình. Theo hiện-tượng-học, ta chỉ biết con người do những thái-độ và cử-chỉ của con người: những thái-độ và cử-chỉ là *phản-ứng* của con người đối với môi-trường sinh-hoạt của mỗi lúc. Con người của tâm-lý hiện-tượng-học không còn là một bản-thể lầm-lỳ của Tâm-lý-học duy-nhiên (Aristote) hay Tâm-lý-học duy-ngã (Descartes) nữa, nhưng là một *sinh-hoạt* gắn liền với một *môi-trường*.

Chúng ta không thể tìm thấy bản-chất đích-thực của tha-nhân trong cái bản-thể *tĩnh* của nó. Chính vì chỉ biết nhìn con người theo phía bản-thể, cho nên Aristote tỏ ra hoàn toàn bất lực không đạt tới ý-thức chân-chính về tha-nhân. Là một Linh-mục, Nédoncelle đã phân-tích một cách ý-vị những quan-niệm của Aristote về bản-thể, cũng gọi là « *ens in se* » (hữu thể tự-tại, *l'en-soi*), và « tùy thể » cũng gọi là « ens in alio » (être dans un autre), rồi ông áp-dụng hai quan-niệm « ens in se » và «ens in alio » vào Tam Vị trong Thiên-Chúa (les trois Personnes divines). Ông vạch cho ta thấy, cũng như Tam Vị trong Thiên-Chúa, những con người chỉ là nhân-vị trong những tương-quan với nhau. Như vậy cái mà Aristote coi là tùy-phụ, lại trở thành chính sự đối với thế giới con người: con người không tỏ ra nhân-vị độc-đáo của mình nơi cái bản-thể mà ai cũng có như nhau, nhưng con người tỏ tự-chất của mình ra nơi những xử sự và những giao-tiếp với người khác. Như vậy « *esse ad* » (être avec, sống với) là hiện-tượng nền-tảng của sinh-hoạt con người; nó còn quan-trọng hơn cả « esse in se » (être en soi bản-thể tự nội). Chúng ta hãy nghe Nédoncelle:

« *C'est en subsistant* in alio *qu'un être personnel a la capacité d'exister* « in se *ou* per se, *ou même* a se. *Le dogme chrétien estime, par exemple, que* « *l'essence de Dieu s'exprime par une trinité de personnes, et la réalité suprême* « *y est donc définie comme un système de relations subsistantes, dont tout le* « *sens, disent les scolastiques, est un* esse ad. *On voit que les spéculations rela-* « *tives à la Trinité sont remplies d'intérêt pour qui veut élucider le problème* « *du contact entre les esprits.* » *(p. 53).*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chúng tôi xin dịch rộng nghĩa là: « Chính nhờ sự sống với người khác mà một nhân-vị có khả-năng hiện-hữu như một *chủ-thể, cho mình* và cả *bởi mình* nữa. Chẳng hạn một tín-điều của đạo Thiên-Chúa dạy rằng yếu-tính của Thiên-Chúa được biểu-lộ bằng Tam Vị, và thực-thể tối cao của Thiên-Chúa là một hệ-thống những tương-quan bản-thể: các nhà Kinh viện nói rằng tất cả ý-nghĩa của những tương-quan của Tam Vị là *esse ad* (sống với). Như vậy những suy-tưởng về Tam Vị tỏ ra rất bổ ích cho những ai muốn làm sáng tỏ vấn-đề tiếp-súc giữa các tâm-linh ». Thiên-Chúa-giáo dạy chỉ có *một* Thiên-Chúa, và Thiên-Chúa là Tam Vị; nếu nói Thiên-Chúa là độc vị là nói một điều phản-đạo. Sở dĩ *một* Chúa mà *ba* vị, vì theo *bản tính* thì là một, mà theo *tương quan bản thể* thì là ba: như thế « thực-thể tối cao của Thiên-Chúa là một hệ-thống những tương-quan bản-thể ». Nói cách khác Thiên-Chúa tỏ mình ra trong những tương-quan giữa ba Vị với nhau: tương-quan là nơi Thiên-Chúa tỏ rõ bản-chất của Ngài. Chính vì thế, sự nghiên-cứu về Tam-Vị sẽ có ích lợi cho những ai muốn tìm hiểu về tương-quan giữa các nhân vị với nhau.

Chúng ta vừa nhận thấy « tương-quan » là môi-trường phát xuất của các nhân-vị đối với nhau. Nhưng chúng ta cũng nên chú ý: tương-quan là chiếc cầu bắc giữa ta và tha-nhân. Không thể có cầu khi thiếu một trong hai điểm tựa. Nói thế nghĩa là tương-quan đích-thực giữa người và người chỉ có thể có khi con người nhận ra bản-chất của tha-nhân: chính khi tôi nhận ra bản-chất của tha-nhân là lúc tôi nhận ra bản-chất của nhân-vị tôi. Tôi và tha-nhân, *chúng tôi* đã khám phá ra nhau trong « tương-quan bản-thể », nghĩa là chúng tôi đã truy-nhận nhau trong « ý-thức cộng-đoàn » là ý-thức cho tôi thấy rằng: nếu thiếu tha-nhân, tôi sẽ sống cuộc đời « vô nhân đạo ». Vô nhân-đạo vì tôi mới chỉ sống theo cách *duy ngã*, coi người khác như một sự vật, một dụng-cụ để thỏa những tính tham và tình-dục của tôi; hoặc coi tha-nhân phải giống hệt như tôi, thì tôi vẫn duy-ngã như thường: tôi chỉ thấy tôi trong tha-nhân, tôi chưa nhận ra những đặc-sắc làm cho tha-nhân là « con người khác tôi ».

Cũng nên nhớ rằng chính tha-nhân làm cho ta biết giá-trị độc-đáo của nhân-vị ta, và còn làm cho ta nhận ra những khả-năng tiềm tàng nơi ta. Tôi chỉ cảm thấy tôi là tôi khi tôi được tha-nhân truy-nhận. Ông thấy nào

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

biết mình không được học trò tín nhiệm, sẽ cảm thấy mình ngọng ngượng trong tư-cách ông thầy: mình có bằng cấp, có giấy bổ-nhiệm đầy-đủ, nhưng chỉ thiếu sự truy-nhận của học trò, thiếu sự truy-nhận của tha-nhân; thiếu điều đó là thiếu tất cả: ông thầy tự cảm thấy mình không phải là thầy của bọn thanh thiếu niên kia. Thí dụ khác: một người có tài, nhưng bị những người chung quanh coi rẻ, thì người đó sẽ có mặc cảm, cho đến khi có người sáng suốt biết chân nhận cái tài của anh: khi đó anh ta mới nhận-thức khả-năng của mình. Một thí dụ khác: có người sống nhiều năm trong chán nản coi nhân-tình thế thái là « bạc như vôi »; nhưng một ngày kia, anh ta gặp một người thành tâm và cao thượng, người đó quý mến anh và làm anh tin-tưởng: anh đã tìm thấy một người tri-kỷ, và tự nay anh biết rằng ở đời có những tâm-hồn cao-thượng, đồng thời anh cũng khám phá ra một điều, là anh vẫn mang sẵn trong lòng một mối tình bằng-hữu chân-chính. Người bạn tốt kia đã là tiếng gọi; không có tiếng gọi đó, có lẽ không bao giờ anh thấy phát-sinh mối tình đó nơi anh.

Cho hay tha-nhân là môi-trường giúp cho sự phát-triển của tư-cách ta và nhân vị ta. Tuy nhiên tha-nhân *không có sẵn* nghĩa là tự nhiên tha-nhân không đến với ta trong bản-chất đích-thực của tha-nhân: tha-nhân và ta cùng chung sống trong một « ý-thức cộng-đoàn », tha-nhân và ta *cùng xuất-hiện một lúc* như hai đầu của mối dây. Trên đây chúng ta đã thấy tha-nhân là tiếng gọi và ta là lời đáp lại, thì đàng khác nhiều khi tôi lại là tiếng gọi và tha-nhân là tiếng thưa. Hơn nữa, giữa tôi và tha-nhân, tiếng gọi và tiếng thưa sẽ tiếp tục mãi mãi trong một biện-chứng cụ-thể: mỗi cử-chỉ của tha-nhân đều có ảnh-hưởng biến đổi tôi, đồng thời mỗi cử-chỉ đáp lại của tôi đều có giá-trị mặc-khải cho tha-nhân biết những khả-năng mới của họ. Như thế, chúng ta càng thấy rõ tương-quan nhân-bản là cái làm cho con người sống với nhau trong sự kính trọng nhân-vị của nhau.

Trên đây chúng ta vừa thấy mối *tương-đồng* (réciprocité) giữa hai tâm-thức, tâm-thức của tôi và tâm-thức tha-nhân: tôi chỉ là nhân-vị khi nào tôi truy-nhận nhân-vị của tha-nhân; thiếu sự tương-đồng đó, con người sẽ là kẻ cô-đơn khốn nạn, vô nhân-đạo vì không sống với người nào hết « *Nhân giả nhân dã* », nhân là cách hai người cư xử với nhau cho hợp đạo). Như vậy tôi phải khám phá ra tha-nhân, cũng như tha-nhân phải coi tôi là tha-nhân. Đứng về phía tôi, tôi phải coi tha-nhân thế nào cho hợp đạo làm người?

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đặt câu hỏi trên đây, tức cũng như hỏi rằng bản-chất tha-nhân là gì?

Chúng tôi nghĩ Gabriel Marcel đã nói lên bản chất đó khi gọi tha-nhân là *tha-ngã* (un *alter ego*, un autre moi-même). Nédoncelle cũng hay lấy lại danh từ này, và tựu-trung, tư-tưởng « tương-đồng » của ông đã phát-triển tốt đẹp cũng là nhờ căn-bản đó. Tha-ngã : tha-nhân là một *ngã*, một nhân-vị như tôi, nhưng lại là một nhân-vị khác tôi, *tha*. Chúng ta thử đào sâu hai yếu-tố đó.

Trước hết, tha-nhân là một *ngã*, một nhân-vị như tôi. Là một nhân-vị, tha-nhân cũng có đầy-đủ chủ-thể-tính và tự-do tính như tôi. Tôi không được quyền coi tha-nhân như một sự vật, một hữu-thể *thụ-động*. *Chủ-thể thì chủ-động* cho nên tha-nhân có quyền định-đoạt theo ý mình. Tha nhân có toàn quyền ưng hay không ưng những ý-kiến của tôi. Tha-nhân có quyền đáp lại hay không đáp lại tiếng mời gọi của tôi. Tôi không thể tiên đoán, nhưng phải chờ đợi sự quyết-định đó của tha-nhân. Chờ đợi trong kính trọng, cũng như tôi muốn người khác trọng kính sự quyết-định của tôi. Vì quên tha-nhân là một *chủ-thể*, chúng ta nhiều khi cư-xử với tha-nhân như cư-xử với một sự vật, hoặc cư-xử với một người nô lệ, nghĩa là một người không được quyền quyết-định chi hết, một người luôn luôn phải nghĩ tưởng và hành-động theo ý ta. — Nhưng *tự-do-tính* mới là đặc-tính của nhân-vị. Mà nói tự-do là nói hoàn toàn được tự ý nghĩ-tưởng, tự ý hành-động; không những người tự-do không bị xiềng xích bằng sắt, nhưng cũng không bị trói buộc bởi những áp bức tinh-thần: người tự-do là người được thực sự *tự-quyết* và *trách nhiệm* những quyết định của mình. Thiếu tự-do, không thể có con người nữa, nhưng chỉ có những đoàn nô-lệ tức những con người bị tước mất nhân-vị rồi. Chính cái tự-do làm cho trăm người trăm ý, « bá nhân bá tính ». Chính tự-do làm cho con người khác con vật: những sự vật và những con vật có tính-chất đồng-đều, trăm cái ghế cùng loại (như ta thấy trong rạp hát, hay ở những giảng đường) đều giống hệt nhau, và trăm con heo cũng hoàn toàn giống hệt nhau, có khác đôi chút là vì con này nặng hơn con kia mấy kí thịt! Nơi con người ta thì khác hẳn: triết-học hiện-đại nhấn mạnh vào tính-chất *độc-đáo* của con người ta. Độc-đáo, mỗi người là một nhân-vị. Chúng ta quá biết hai chữ *cá-nhân* và *nhân-vị* khác nhau một trời một vực: khi nói « cá nhân », chúng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ta coi người ta như những đơn-vị của cùng một loài, loài người. Trong ý đó, chúng ta đã bán rẻ nhân-vị của mỗi người, để chỉ nhìn đến một con số trừu-tượng. Người ta nói đến cá-nhân khi làm *sổ thống kê* dân-số, khi làm sổ quân số v.v..., và ta thấy rằng khi đó người ta coi con người ta như những đơn-vị và những con số mà thôi. Trái lại khi nói đến nhân-vị, là nói đến những con người mà ta có tương-quan nhân-đạo mật-thiết; và như chúng ta vừa nhận-định trên kia, chính những *tương-quan bản-thể* đó làm chúng ta coi nhau là cha, là con, là thầy, là trò, là bạn-hữu v.v... Cha với con cùng là người cả, nhưng sự sinh-thành và dưỡng-dục đã đặt một người là cha và là cha của người con: đó là tương-quan sinh-hoạt của hai người. Hai người không thể coi nhau như những *cá-nhân* nghĩa là không thể coi nhau như một người trừu-tượng, một đơn-vị người. Tôi chỉ có một cha tôi, cha tôi cũng chỉ có một con là tôi, mặc dầu ngài có nhiều người con khác: nói thế vì cha tôi không đối xử với tôi như ngài đối với em tôi hay đối với chị tôi. Chính sự đối xử đó của cha tôi làm chúng tôi tự nhận ra sự khác biệt của chúng tôi, về độc-đáo của chúng tôi: độc đáo về chỗ đứng trong hàng con cái của cha tôi, độc đáo về sức khỏe và tính-tình của mỗi người chúng tôi. Cha tôi biết chúng tôi cách sâu xa; ngài đối xử với mỗi người chúng tôi theo sự biết đó, hòng giúp cho sự phát-huy những đức-tính của mỗi đứa chúng tôi.

Tóm lại, trong chữ *ngã* của tha-ngã, chúng ta nhìn nhận chủ-thể-tính và tự-do-tính của tha-nhân, thể-hiện nơi tính-chất độc-đáo của nhân-vị mỗi người.

Bây giờ xin xét đến yếu-tố « *tha* » của bản-chất tha-ngã. Đây là đặc-tính quan-trọng không kém chi đặc-tính « ngã » mà chúng ta vừa coi. Thực ra chúng tôi dám nghĩ rằng yếu-tố « tha » có thể quan-trọng hơn yếu-tố « ngã », ít là đối với nấc tiến-triển hiện nay của nhân loại. Tất cả những cãi lộn trong gia-đình, những xô xát ngoài xã-hộ cùng là chiến-tranh tàn khốc trên thế giới, đều bắt nguồn nơi chữ «tha»: người ta không chịu chấp-nhận sự « khác tính » của người khác. Điều đó nhiều khi cũng chỉ vì chúng ta chưa hiểu rõ bản-chất của tha-nhân là *tha*-ngã. Chúng ta quá quen với cái triết-lý duy-nhiên « suy bụng ta ra bụng người », mà suy không ra thì cũng cố bắt ép người ta phải như thế mới nghe. Nguồn gốc của óc thống trị và độc-tài là ở đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tưởng đã đến lúc con người phải tỏ ra trưởng thành, cởi bỏ thái độ con nít, tức thái-độ *độc-tài* mà Baldwin đã nói trên kia. Con người phải nhìn nhận bản-chất của tha-nhân. Mà tha-nhân là tha-ngã. Nếu chúng ta chỉ nhận cho tha-nhân là có nhân-vị, đồng thời chúng ta không nhận tính-chất « khác » của họ, thì ta chỉ tự lừa dối mình thôi. Tại sao thế? Vì nếu không nhìn nhận tha-tính của tha-nhân, nhất định chúng ta chưa nhận có *tha*-nhân; không nhận tha-nhân thì là duy-ngã và độc-tài chớ còn gì nữa? Chúng ta dễ dàng nhận cho mình có quyền nghĩ tưởng, có quyền quyết-định theo lập trường của mình; nhưng chúng ta ít khi nghĩ đến việc nhận cho tha-nhân có quyền đó. Thái-độ « phụ mẫu » nhiều khi cũng chỉ là trá-hình của thái-độ độc-tài trẻ con: muốn người ta phải nghĩ như mình. Trong thái độ « phụ mẫu » đó, chúng ta có thể là thành-tâm muốn điều tốt cho tha-nhân, nhưng thực ra chúng ta đã tước mất của tha-nhân một của quý-báu hơn hết: tự-do của họ, tư-cách làm người của họ. Các tâm-lý-gia nhận xét các bà mẹ thường hay lỗi hơn các người cha về phương diện này. Khi đứa trẻ đã bước sang tuổi thiếu-niên, vậy mà các bà mẹ vẫn coi những đứa con đó như « ngày còn thơ »: cách yêu thương này nhiều khi làm những đứa con đâm bực tức, vướng vít. Những người con đó vẫn thích được mẹ yêu, và họ vẫn tự coi mình là con của mẹ, nhưng họ không muốn bị coi như những đứa bé « trăm sự đều phải do tay mẹ cha ». Nhiều khi do sự cổ chấp của những bà mẹ ít am hiểu, những đứa con kia đã có thể đi tới chỗ gạt cánh tay mẹ ra, thà không được mẹ yêu con hơn là được yêu cách đó, nghĩa là cách làm giảm nhân-vị của họ.

Những nhận-định trên đây vạch cho ta thấy căn-nguyên của những khủng-hoảng thường diễn ra trong tương-quan phụ-tử, huynh-đệ, bằng hữu, ái-tình: chỉ vì người ta chứa hiểu tới chữ « tha » trong bản-chất tha-nhân. Theo Jaspers, xã-hội con người sẽ chỉ khác với đoàn-thể con vật khi nào con người biết sống trong *Cảm-thông*, biết chấp nhận tính-chất độc-đáo của nhân-vị mỗi người, và như vậy đồng thời chấp-nhận tính-chất « khác » của tha-nhân. Đến đây, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bản-chất của mối tương-quan giữa người và người. Công việc này sẽ làm sáng tỏ những ý-tưởng trên đây về tha-nhân.

Tương-quan giữa người và người có tên là : ***hiệp-nhất***. Hiệp-nhất (union) khác đồng nhất (identification) cũng như *tha-nhân* khác *tha-thể*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đồng nhất là cộng nhiều đơn-vị cùng loại lại với nhau. Cộng ba trăm chiếc ghế lại, chúng ta có con số 300, và một loại: ghế. Trái lại khi hai người hòa hiệp nhau, chúng ta không có số hai, rồi một loại người, nhưng chúng ta có một tương-quan bản-thể là: hiệp-nhất. Hiệp-nhất là hiệp những nhân-vị tự-do lại với nhau, cho nên trong Hiệp-nhất có bao-hàm những ý-kiến khác nhau. Vì hiệp-nhất, mỗi người chúng ta đã *tự tình* bỏ một số ý-kiến của mình, để đi tới chỗ thỏa hiệp với nhau: những ý-kiến đó ta không giữ lại trong bụng để khi có dịp thì đem ra chống lại tha-nhân, nhưng chúng ta đã thành thực hy-sinh nó cho đại-nghĩa tương-đồng. Hiệp-nhất đã thực sự bao-hàm những khác-biệt kia, và đã có khả-năng để tiêu chúng đi trong tình Cảm-thông. Như thế, hiệp-nhất là mối liên-lạc giữa những con người đầy đủ tự-chủ và tự-do; hiệp-nhất tỏ ra kính trọng tính-chất tự-do và độc-đáo của nhân-vị mỗi người. Không có tự-do, không thể có hiệp nhất, mà chỉ có những liên-hiệp giả-dối. Liên hiệp vì áp-bức. Liên-hiệp mà trong bụng vẫn mơ tưởng ngày giải-phóng để thù lại những người mà nay mình phải liên-hiệp với.

Tóm lại, bao lâu con người chưa nhận-thức bản-chất của tha-nhân là *tha-ngã*, thì không thể có hiệp-nhất. Cùng lắm chỉ có đồng-nhất như ta thấy trong những nước cộng-sản và những nước độc-tài. Một xã-hội như thế vẫn chưa thoát ra ngoài tương-quan Chủ-Nô của Hegel-Marx. Một xã-hội như thế vẫn chưa xứng danh là xã-hội loài người.

Để kết thúc mấy trang này, chúng tôi xin ghi lại đây mấy tư-tưởng của Nédoncelle về tha-nhân xã-hội mà trong đó tha-nhân được truy-nhận là tha-ngã:

« *Le point de départ de nos analyses a donc été l'étude de la réciprocité aimante.* Autre *ne veut pas dire* non-moi, *mais volonté de promotion mutuelle des moi, et par là même, transparence de l'un pour l'autre. La perception des objets de la nature extérieure comporte un non-moi, mais dans la perception intersubjective ou interpersonnelle, on ne pense plus à soi ni à autrui comme à des objets. C'est une coïncidence des subjets où le Je n'est pas absorbé dans le Toi, mais où l'on peut remarquer toutefois que nous saisissons le Toi dans son altérité au moment où nous ne nous attachons plus à nous dans notre particularité.* » *(Op. cit. p. 319).*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Khởi-điểm của những phân-tích của chúng ta là nghiên-cứu về tính « chất tương-đồng yêu mến. Tha-nhân không có nghĩa là *phi-ngã*, nhưng « là ý-chí muốn thăng-tiến lẫn nhau giữa những bản-ngã, và do đấy những « bản ngã nhìn nhận được nhau cách thấu suốt. Khi tri-giác những sự « vật của vũ-trụ bên ngoài, chúng ta thấy ngay đó là phi-ngã, còn khi các « chủ-thể, tức các nhân-vị tri-giác lẫn nhau, thì người ta không nghĩ đến « mình hay nghĩ đến tha-nhân như nghĩ đến những đồ vật. Khi đó có « một mối thông-hiệp giữa những chủ-thể: trong niềm thông cảm này, « Tôi không bị thu-hút vào trong Anh, nhưng chúng ta đạt tới tha-nhân « trong tha-tính của họ, chính lúc mà ta không còn bám chặt vào cái « tư-kỷ của ta nữa ».

Xem thế đủ biết một ý-thức đích-thực về tha-nhân là điều-kiện căn-bản để đi tới một xã-hội con người xứng với địa-vị « linh ư vạn vật » của mình. Phải chăng ý-thức về tha-nhân sẽ là con đường giải-quyết tương-quan Chủ-Nô, đưa xã-hội con người tới một giai-đoạn sáng sủa hơn giai-đoạn tàn khốc ngày nay?

TRẦN-THÁI-ĐỈNH

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ta với người khác

CUNG GIŨ NGUYÊN

Không mấy ai sống lẻ-loi một cách tuyệt đối, suốt đời không biết đến một người khác. Trong văn-chương, nhân-vật tiểu-thuyết *Robinson Crusoé* điển hình cho người sống cô-độc, nhưng bên cạnh Robinson, tác-giả cuốn truyện đã đặt thêm người bạn da đen, Vendredi. An-Tiêm của truyện *Quả dưa đỏ*, có phải từ bỏ xã-hội cổ-hữu, cũng đã dùng vỏ dưa ghi đôi lời thơ, mong ước sự nối liền bằng tư-tưởng với người đồng-tâm. Người khác, trong đời sống của ta, là một vấn đề quan-trọng. Sự hiểu biết tha-nhân không phải là chuyện dễ; và sự đón tiếp người trong đời, sự nhìn nhận giá-trị đặc-biệt của người cần nhiều sự cố-gắng của tình cảm cũng như của tri-thức.

Bề ngoài, thì sự hiện-diện của kẻ khác là một điều hiển nhiên. Nhưng trong một phần lớn trường hợp, người khác được đón tiếp như một sự cần thiết, tạm thời hay lâu dài. Ta có nhiều thái-độ đối với người khác. Tùy theo những thái-độ ấy sinh ra nhiều hình-thức giao-tế, nhiều quan-niệm về gia-đình và tình yêu, về xã-hội lễ nghĩa và xã-hội chính-trị.

Đời sống trong xã-hội, buộc ta sống giữa người khác, sống với người khác, nhưng nếu không có sự cố-gắng tâm-hồn để tiến đến người, thì việc bắt buộc chỉ là một hình-thức làm cho sự giao-tế giữa người không được chân thành, bền-bĩ, hay hữu ích cho đôi bên. Thiếu sự tương kính, thiếu đối thoại, thiếu trao đổi, thiếu thiện cảm, thiếu tình thương, những người sống bên cạnh nhau, dù là thân thuộc trong một gia-đình, công dân một đất nước hay tín-đồ cùng một giáo-hội, cũng chỉ là những « hòn đảo » chuyên lo số kiếp riêng mà không cảm thông và chung sức lo-lắng cho số kiếp chung. Sẽ có toan tính hơn là tình thân, sẽ có lợi dụng và bóc lột hơn là công bình hay phục-vụ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Gát một bên những hình thức bắt buộc và giả dối của phong-tục, lễ nghi, hay của sự cần thiết, những bước tiến của ta đến người phải tốn nhiều cố gắng mới vượt lên biết bao chướng ngại. Hiểu biết kẻ khác hẳn tốn nhiều công phu; nhưng ta sẽ có một quan-niệm về người, về đời, một cách khác khi đã nhận rõ giá-trị và địa-vị của người trong đời ta. Hiểu biết nơi đây là một sự hiểu biết trong nghĩa đồng-sinh không chỉ là sự hiểu biết hời-hợt, thông-thường ,để có vẻ thỏa-mãn khuynh-hướng hay nhu-cầu xã-hội của con người, mà chẳng phá tan được biên-thùy của những vũ-trụ cô-đơn trong vạn kỷ.

Chúng ta chỉ hai ba người làm hành-khách trên một chuyến xe, thì vui biết chừng nào. Dù chưa quen biết, cũng có sự hỏi thăm và chẳng mấy chốc, có thể chia nhau những thức ăn đi đường hay tỏ bày tâm-sự, trao đổi địa-chỉ để rồi quên hẳn, sau khi, hay trước khi, tàu đến chỗn. Nhưng nếu trên cùng một chuyến xe ấy, mỗi lần ngừng nơi ga, thêm hành-khách bước lên, thì tâm-lý của người đi đường sẽ đổi khác. Sẽ không còn sự đón tiếp niềm-nở những bạn đồng hành đến sau. Sẽ không còn sự háo kỳ muốn biết người đi đâu về đâu, còn nói gì đến việc chia bầu nước hay vắt cơm hay lời hứa-hẹn sau nầy còn có thư thăm viếng. Khách lên càng đông, lòng người se chặc lại, từ lòng đại độ người trở nên lãnh-đạm, đến tức giận hay oán ghét không bao nhiêu chốc. Toa xe chật chội gặp cảnh nhiều người, thì bao nhiêu khách sáo, vỏ ngoại giao lịch-thiệp, sẽ biến mất. Con người, khi quyền lợi bị hăm dọa, xem người chung quanh một cách khác rồi.

Vậy, cái quen biết người khác trên toa xe hay ở trong đời thường khi chỉ là một lối biết cho vui, không thay đổi cuộc sống của mình chút nào. Tha-nhân, đồng-bào hay đồng loại, được liệt vào chữ vô-nghĩa, vô-can: *người ta* hay *thiên hạ*. Đời, quả thật là mâu-thuẫn. Ta hãy xét kỹ bao nhiêu lối xử thể của ta đối với người, và những chướng ngại ngăn cản sự giao hão giữa người với ta.

Chú trọng đến người khác là việc đầu tiên của đứa trẻ. Trước khi để ý đến vật, trẻ đã để ý đến người. Hình như bản-năng khiến trẻ cũng như con thú nhỏ cần hơi ấm và sự che-chở của kẻ đồng loại để được bảo an. Vậy cử-chỉ đầu tiên của người, không phải là một cử-chỉ uẩn-áo, mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trái lại là một cử-chỉ hướng mình đến kẻ khác. Qua đến năm thứ ba, đứa trẻ mới gặp cơn tự kỷ, nhưng trước tuổi ấy, nó đã tìm nó trong hình người khác; nó biết tai mắt của mẹ, trước khi nhận ra tai hay mắt của nó. Nó nhận nó-ở-giữa-người-khác, nó-với-người-khác, người-khác-với-nó.

Đến một thời kỳ sau, nó lo củng-cố những kết-quả vừa thâu nhập, và bắt đầu chống lại với sự xâm lấn của hoàn cảnh. Đứa trẻp hản-ứng trước sự uy-hiếp của kẻ khác. Sự ganh tị, thích biểu diễn, hồ-ngươi, rồi đến độc-quyền sở-hữu khi có được những vật, là bao nhiêu phương-tiện đứa trẻ dùng để tự-vệ bản-ngã vừa mới nhận thức.

Sự tìm biết người, đối với đứa trẻ, cũng giống như lối nhận định về sự thật của nó là một lối hiểu biết vừa bị bao trùm vừa phản ứng, không chỉ đi từ cái ta đến người, theo đúng trật-tự từ trong ra ngoài, từ cá-nhân đến cận-nhân, hay đến xã-hội, như thể làn sóng nơi mặt nước khi ta quăng viên đá xuống, làn sóng cứ lan rộng ra mãi. Sự hiểu biết ấy là một tổng hợp hai lực-lượng hay hai ý muốn của ta và của người. Và phân tách hẳn, ta và người, như thể hai sự hiểu biết có thể tách riêng biệt, ta tìm biết lấy ta, rồi biết đến người, chỉ là một sự phân tách lý-thuyết dùng để cho thấy rõ hai điểm mà thôi. Sự thật, ý-thức về cái ta, hay ý-thức về người chưa đến trạng-thái đầy đủ, thì ảnh-hưởng của yếu-tố kia đã nhập vào rồi để đảo trộn, thay đổi hay đặt lại vấn-đề, gây ra những khó-khăn hay tiện lợi mới. Đời sống cá-nhân không phải chịu một cách thụ-động các ảnh-hưởng của xã-hội; mà cũng biết bảo-vệ, đối phó, hay tấn-công những điều có thể nguy hại cho nguyên cốt của mình. Nói một cách khác, thì đứa trẻ cần nhất được yêu và được hiểu, mà kẻ trưởng thành lại thích và hiểu; lối cư-xử thụ-động chỉ là phù-phiếm, lối cư-xử chủ-động mới chứng tỏ một sự tiến triển.

Từ ba bốn tuổi cho đến tuổi trưởng thành, đứa trẻ phải trải qua nhiều cuộc xung đột trước khi đạt đến một cảnh yên tĩnh, một lối sống tạm thời hòa hợp với tâm tính. Sau khi thấm nhuần kinh-nghiệm do hoàn cảnh gia đình hiến cho, đứa trẻ trải qua cơn khủng hoảng khi phải đi học. Đã gặp thêm nhiều cơ-hội xung-đột với gia-đình, (vì đứa trẻ được biết ngoại cảnh khác để nương tựa), đứa trẻ lấy làm khó chịu nếu không thể theo khuôn-khổ của xã-hội. Cho nên khoảng bảy tuổi, mười hai tuổi, đứa trẻ dịu bớt, tánh nết thay đổi; nó thích đoàn thể đông-đảo hơn số ít người, thích kết bè kết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đảng. Với tuổi dậy thì, đứa trẻ lại trở lui về cái « ta » của nó. Đứa trẻ không còn thích tham dự những cuộc chơi chung, đó là tuổi rất khó-khăn, đã làm bực lòng nhà giáo-huấn hay gia-đình. Đầy là tuổi trẻ chống lại gia-đình, chống lại xã-hội, tuổi bỏ nhà đi nơi khác, tuổi thích sống đời phiêu lưu ngoại lệ. Tuổi ấy làm giàu cho những nhà xuất bản sách, báo chí, phim ảnh phiêu-lưu và mạo-hiểm. Nhưng tuổi thiếu thời cũng là một tình trạng lưu-chuyển, đi mãi từ người đến ta, từ ta đến người, cho đến khi giữ chặt được mối quân bình. Đến lúc trưởng thành, thanh-niên tìm một cái « siêu ngã » một hình thức cao cả của ta, để đặt vào nó tất cả tin-tưởng. Tuổi thanh-niên vì thế, dễ đi đến chỗ nguỵ biện và nhiệt cuồng. Nhưng nếu nền tảng của lương-tri và ý-lực thanh-niên không phải là ngu-xuẩn hay cường bạo, thì hăng hái của thanh-niên vào tuổi trưởng thành, cũng rất cần khi thanh niên sắp sửa bước lên trường đời; nhờ nhiệt thành, nhờ hăng-hái ấy, thanh niên mới theo gương các bậc anh-hùng, biết hy-sinh cho tổ-quốc, hay cho đại cuộc, mà thanh niên mới tìm lý-tưởng, để rồi suốt đời cố gắng noi theo. Trong một ý-thức hỗn-độn, như ý-thức của ấu-sinh hay thiếu-sinh, sinh-lực dần dần sẽ tắt đi nếu không có một ý-chí nhiệt-cuồng nào giúp sức vào; đối với ý-thức ấy, « người » trước mặt, kẻ thân-cận, hay xã-hội, không có giá-trị nữa; ý-thức ấy sẽ xem người ta, hay thiên hạ như là ngoại cuộc, không can hệ gì đến mình. Cái chiều xuôi của những bản-năng lo bảo-tồn sinh sống sẽ khiến cho người thanh-niên khi trưởng thành trở nên lãnh-đạm, và lúc lớn tuổi, già cả, trở nên ích-kỷ và oán ghét xã-hội.

Vậy, muốn hiểu biết người chung quanh, ta phải trải qua nhiều cơn khủng-hoảng, phải sa vào nhiều cạm bẫy. Đời sống xã-hội là một hoạt-động tốn rất nhiều khổ-khắc và dụng-tâm. Dĩ nhiên, người hướng đến đời sống xã-hội, nhưng chẳng có khuynh hướng nào lại không nhờ một cuộc tranh đấu thường xuyên để đến đích. Ý nghĩ sống chung, sống với người khác phải luôn luôn thắng những lực-lượng của lòng tự-kỷ, tự-ái, của ý xem ta là trung-tâm-điểm vũ-trụ, mà những lực-lượng nầy không bao giờ tiêu mòn cả, trái lại, người càng lớn càng già, thì lực lượng vị-ngã ấy lại tăng cường thêm lên. Ý nghĩ sống chung phải biến thông với một thế giới muôn hình vạn trạng, làm cho bản-năng ngay thẳng, không ngớt ngạc-nhiên và bất-mãn. Ý nghĩ sống chung phải luôn luôn đáp lại sáng-kiến bất ngờ của người, của xã-hội, thường đòi hỏi mà không chịu kiên-nhẫn đợi chờ, thường hứa hẹn mà không chịu thực-hành lời hứa, thường dọa nạt vô-duyên-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cớ, tấn công khi ta không để phòng, phản đối khi ta tưởng đã là ưng thuận, đảo ngược tất cả chương-trình, dự định, kế-hoạch hay hy-vọng của ta, chạm mãi lòng tự-ái của ta, cứ mãi mãi cầm giữ ta trên đường chiến đấu. Vì thế mới hiểu tại sao nhiều người không đáp tiếng mời của nhân loại để sống một đời sống chung, thấm-nhuần tình yêu. Vì tình yêu người chẳng thấy, mà chỉ thấy cảnh khổ nhọc của bản-ngả phải luôn-luôn thủ thế và đã lắm phen thất trận.

Nhược-điểm của nhân-vị là từ-chối người khác, dưới nhiều hình-thức: thái độ nghi-kỵ, thái-độ bất hòa, thái-độ hỗ-ngươi thái-độ bí-mật. Thái-độ nghi kỵ đôi khi được xem như là một tánh tốt, hay là một lối khôn ngoan. Thái-độ nghi-kỵ chưa phải là địch-ý, chưa phải là thái-độ phản-kháng, nhưng đã làm đảo ngược vận-động tự-nhiên của sự chú ý và lòng thiện-cảm. Đối với người nghi kỵ, thì « người kia », có nghĩa không phải là một sự hứa hẹn, mà là một sự dọa nạt. « Người kia », cũng không có nhân cách nữa mà được liệt vào một cách mơ-hồ trong đám bao bọc cái ta, và được xem như là mồi hăm dọa thường xuyên.

Có thể nhận xét rằng những vật, những mùi, làm cho ta khó chịu, khi từ người khác đưa đến ta, không làm cho gớm tởm khi tự nơi ta mà có, mà có lúc lại làm cho ta chú ý nữa. Ta thấy một mụt nhọt, vết thương của kẻ khác, lấy làm khó chịu, nhưng ta có thể măn-mo mụt nhọt hay vết thương của ta một cách kiên-nhẫn và có khi đẩy âu-yếm. Bà phước ở nhà thương phung băng bó một cách thản nhiên cái chưn lở lói của bệnh nhân là vì đó không phải là vết thương của ai, mà chỉ là một vật « trừu tượng » sự đau chung của nhân loại; tôn giáo của bà phước đã khiến bà không thấy bệnh phung là sự hăm dọa mà chỉ là một sự thật phải đón tiếp hay là một phương tiện để có thể thực-hiện lý-tưởng ép xác, chuộc tội lỗi, phổ biến từ tâm. Vậy sự gớm tởm chỉ có khi nào có sự hăm dọa, không phải hăm dọa nguy hiểm gì lắm, nhưng hăm dọa xâm nhập vào mình một cách thình lình như những thú nhỏ, chuột, thằn-lằn hay gián làm chúng ta khó chịu hơn những con vật lớn.

Tâm hồn ta đối với người, có thái-độ nghi kỵ cũng như xác thịt ta đối với vật, dùng sự ghê tởm để chống lại. Nhưng sự phản động nhất thời để chống với sự hăm dọa không quan trọng bằng thói quen nghi kỵ vì đây không chỉ là một phản ứng của bản năng tự-vệ mà tỏ ra tánh hẹp hòi, một

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lối hà-tiện sống. Thái độ ấy rút cục chỉ là bất lợi. Trong mỗi người, dầu cho xấu-xa đê tiện đến đâu, cũng có vài phần tốt, sự khôn ngoan khuyên ta nên nhìn vào phần ấy trong sự giao thiệp với người chưa quen biết. Đó là một thái độ chống lại thói nghi kỵ, mà nghi kỵ không những làm mất cảm tình ta có thể tiếp nhận mà từ bỏ luôn sự giúp đỡ hiệu-lực. (Chữ giúp đỡ đây không có nghĩa trông nhờ tiền của, có thể gồm các sự nâng đỡ về tinh-thần, những sự giúp ích kín đáo và vô giá hơn là sự giúp đỡ vật-chất).

Nghi kỵ không phải là sáng-suốt, như ta thường tưởng; đó chỉ là một bộ mặt bôn-xèn mà ta hướng phía người khác. Đối với người nghi kỵ, ai đến trước mặt mình, khách thăm, người qua đường, người hành khất, người phương xa, cũng là một người thù địch, một người nguy-hiểm đáng đề phòng; sự thật, người ấy có thể đem đến cho ta cái vui hiếm có, có khi là hạnh-phúc thật, nhưng ta chỉ xem sự gặp-gỡ với tất cả thành-kiến xuyên tạc và đầy tính toán mà thôi.

Thái-độ bất hòa là một thái-độ thối lui trước mặt người, quan trọng hơn thái-độ nghi kỵ. Sự trốn tránh là phản-động rất thường của động vật sau cơn thất bại hay một sự rủi-ro. Người có tánh buồn rầu cũng như con thú, tay chân quắp lại, lấy tay, áo, mền che mặt lại, và tránh cái nhìn của người khác. Đó là lối ẩn núp của đứa trẻ bị la rầy, đó cũng là thái-độ của người trưởng thành vừa gặp tang tóc, mất của cải, hay một chuyện đau khổ nào. Sự có mặt của người khác nhắc nhở đến cho họ cảnh tranh-đấu, mà họ vì bên ngoài phải khủng-hoảng không thể nào nghĩ đến tranh-đấu với ngoại cuộc được. Lối ẩn núp ấy cũng có nhiều hình trạng tùy theo trình độ tâm-linh của mỗi người. Có kẻ thuộc hạng loạn óc, tuyệt giao với đám chung quanh một cách tàn bạo, rồi ẩn núp trong thế giới tưởng-tượng. Có kẻ như hạng đa cảm, lại lui vào cảnh cô-đơn để tránh ồn-ào của đám đông cốt để hưởng những thích thú, của cải, chỉ có thể hưởng đầy đủ trong cảnh yên lặng.

Thái-độ hổ-ngươi cũng là một lối thối lui nhưng không phải do sự bất mãn mà vì mục-phiêu tự-vệ cũng như thái-nộ bí mật vậy. Chống lại với khuynh-hướng tự nhiên là biểu-lộ cái « ta », khoe-khoang cái ta, sự hổ-ngươi ngăn ngừa bản-ngã khỏi phải sa vào cảnh dễ dãi, giữ mỗi giao-thiệp của bản-ngã khỏi cảnh chung đụng sỗ-sàng. Trong bất cứ tôn giáo nào, phong tục đạo lý nào, trông thấy và bị trông thấy, động chạm và bị động chạm, cũng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

được xem là nghiêm trọng hay cần kiêng cử, « không nên » để gìn giữ cho kỳ được một ý niệm thiêng liêng hay một điều đáng kính. Động đến một tượng ảnh, một quyển kinh, bước lên gần cung thánh là làm việc phàm tục không thể tha thứ được; nhìn người một cách thất lễ hay động chạm đến một người khác tính hay lớn tuổi cũng được xem như là một hành vi phạm tội trong những xã hội lễ nghĩa.

Thái độ hổ-ngươi, là một thái-độ thụt lùi, trốn tránh, nhưng đấy không phải là một sự từ chối hẳn nhiên người khác mà chỉ là sự dè dặt, một cách đánh thức sự kính nể của kẻ khác đối với ta.

Thái-độ bí-mật lại khác. Hổ-ngươi là phản-ứng tự-nhiên của tinh-thần cũng như thể-xác; giữ bí mật là có sự suy nghĩ. Có hai hình thức của thái-độ. Một hình thức cần thiết là thái-độ bảo vệ phần kín đáo không ai xâm nhập được; phần không san-sẻ được của tâm hồn mình dù cho đối với những người rất thân yêu. Sự giao thiệp chân thành và sâu xa phải quan tâm đến sự thật đó. Điều ràng buộc có vẻ mâu-thuẫn, vì khi yêu thương, tin cậy nhau, thì còn gì phải dấu nhau nữa. Nhưng phần bí mật, phần riêng của một tâm hồn, (gồm những hình ảnh, ảo vọng, dự-phóng, chớ không chỉ gồm tội lỗi như thói thường có thể phỏng đoán) chỉ có giá-trị khi người giữ lấy cho mình, cái phần không ai nhận hay hiểu được. Lấy thí dụ, những nhật ký, văn tự-sự, hay những tờ khai trước pháp-luật, dưới sự khắt-khe của thẩm vấn hay sự tàn-nhẫn của « thước chân-lý », hay biện-pháp tra-tấn, cũng không phá tan tất cả điều bí ẩn trong tâm trí của một người. Họa chăng tín đồ một tôn giáo có thể trước tòa giải tội nói hết tất cả, không còn dám dấu gì với Thượng-Đế, hay trước mặt vị đại-diện; nhưng tín đồ cũng chỉ nói tất cả tội lỗi, mà không trút cả tâm hồn của mình, vì tội lỗi, sự suy nghĩ, ăn năn về tội-lỗi chỉ là một đôi phần của đời sống tâm-linh mà thôi. Luật của tôn giáo không buộc nói ra những công đức, những công trình, nghĩa cử, niềm vui, nỗi buồn của mình. Người (kể luôn cả kẻ chuyên nghiệp như văn nghệ sĩ) bất lực trước sự diễn đạt đầy đủ và chân thành ý tưởng và cảm giác của mình. Ngôn-ngữ hay nghệ-thuật vẫn là phương tiện thiếu sót để dùng vào việc ấy. Ngôn-ngữ còn nguy hại hơn nữa, vì còn có thể dùng làm phương tiện biến chế, hay che đậy sự thật. Nên muốn khám phá phần bí-mật của người khác có thể không biết gì hơn là một hình thức giả tạo của người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chúng ta lắm khi bằng lòng với sự lừa dối ấy hơn là chịu thua trước biên giới không xâm-lăng được của người ta muốn tìm hiểu. Nhưng thái-độ bí mật còn có hình thức khác; đó là lối nhất quyết tuyệt giao với chung quanh, cự tuyệt với sự hiểu biết của kẻ khác, do cố tình hay bắt buộc. Phân-tâm-học cho biết thái-độ cố tình bí mật do một hành động cưỡng đoạt đầu tiên của tha-nhân, sinh ra thứ e-lệ bệnh hoạn và vĩnh-viễn. Cũng do đó, mà phát sinh thêm nhiều ẩn-ức khiến người cứ vùi mình trong thành trì càng ngày càng vững chắc. Người có thể mất lý trí, hoặc đi đến một hành động dị thường để giải thoát bao nhiêu bí ẩn. Tự ý sống một cách bí mật cũng nguy hại như khi bắt buộc phải sống che đậy. Không khí áp bức của hoàn cảnh, gia đình hay xã-hội, thường tạo nên những người giả dối và bệnh hoạn. So sánh thái-độ cởi mở của những dân chúng sống tự do với thái-độ huyền-bí, khó hiểu và đáng thương của những đám người, vì áp-lực chính-trị, hay tôn-giáo, không dám sống theo như mình nghĩ, hoặc không dám biểu lộ điều gì không phải là công-thức, cho thấy sự khác biệt của hai lối xây dựng người — hai thứ văn-hóa — đã làm hư hỏng mối tương quan giữa người với người, và biến đổi cả những điều cao quý và tốt đẹp như tình yêu hay nghệ-thuật trở thành bao nhiêu hình thức có vẻ hòa-hợp, êm thắm nhưng thật phi-nhân.

Nhưng, ta có thể giả bộ chấp nhận sự hiện-hữu của « người », và tìm mọi lối, lương thiện hay bất chính, ý-thức hay vô-ý-thức, để thôn tính người để làm người trở thành vật sở hữu của ta. Rốt cục, người khác không còn có đời sống riêng biệt nữa, và như thế sự giao tế giữa ta và người trở nên ô tục vì không còn đặt trên sự bình đẳng giữa nhân-vị.

Sự trốn tránh xã-hội, tránh người khác, rất thường, mà sự trốn tránh trong xã-hội trong đám đông cũng không phải hiếm có. Xã-hội, không còn có nghĩa đám người được ta hiểu biết, yêu thương, mà xã-hội chỉ là một phương tiện, một cơ hội cho ta thực hiện những dự định riêng của ta. « Người » không còn có nghĩa là gần ta, có một bản ngã và giá-trị đặc thù như ta; mà « người » trở thành một «vật » phụng sự ta, gây khoái lạc và đem hạnh-phúc cho mình. Đối với một bà mẹ thích trang sức, đứa con có thể được sửa soạn như một phụ tùng trang sức mà thôi. Cái áo đẹp của con sẽ tăng mỹ-miều của bà mẹ, như lược giắt trâm cài, hay cái bót xách tay. Đối với người đàn ông thích khoe-khoang, người vợ sẽ là một yếu

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tổ để tăng thể diện của ông trong làng nước. Nhưng bà mẹ ấy, người chồng ấy, chỉ sống đời riêng biệt của họ và không quan tâm đến con, đến vợ, đúng giá-trị hiện sinh của họ.

Đám đông người, như những buổi hội hè là nơi thuận tiện để sống hiu quạnh, để tránh người và tránh luôn cả ta nữa. Không đâu nhiều câu chuyện và người ta ham nói chuyện hơn những nơi ấy; những câu chuyện nhảm nhí làm cho ta không còn ham thích, không còn phương tiện hiểu biết người khác và cũng hết ham thích, hết phương tiện, suy nghĩ đến cái « ta ». Đối với tha-nhân, ta sẽ có sự háo kỳ bên ngoài, hoặc sự chú ý của ta cũng chỉ nằm nơi hình-thức của ngôn-ngữ, hào-dáng của cử-chỉ, ta chỉ tìm và lo ngại, người nghĩ về ta thế nào, và ta nên nghĩ họ thế nào. Giữa ta với người, mặc dầu chén rượu nồng, điếu thuốc thơm, hay cái cười tươi dòn, sự giao-tế đeo đuổi cái ngộ-nghĩnh, cái vui đẹp bề ngoài, không đeo đuổi đời sống chung. Có kẻ xem cái « chết chung » như là đời sống xã-hội, cho cái tê-liệt của các tâm trí như là sự nẩy nở, xem những sự giao thiệp quay cuồng, luôn luôn mới-mẻ và đông-đảo, như là một tâm hồn rộng-rãi, biết yêu người và yêu đời.

Trong những trường hợp trên, ta lầm tưởng đi đến người, mà kỳ thật ta chỉ đi đến ta mà thôi. Tâm lý học cận đại tìm thêm được nhiều ví-dụ về nhận xét ấy của mấy nhà đạo đức xưa. Như việc tặng quà cho kẻ khác không chắc gì là do lòng tốt của người cho; có thứ quà, chỉ theo sở thích của người cho mà không kể đến sở thích của người được tặng. Nói rộng ra một chút, tình thương người, những tình bề ngoài cao-thượng đối với đoàn thể, gia đình hay tổ-quốc, nhiều khi cũng vì do lòng tự-ái, tự-kỷ mà ra thôi.

Ta lại còn có lối gán cho người khác, những điều gì ta không thích nhận thấy nơi ta, những mặc-cảm vô-thức của ta, nhất là những điều ta tự trách ta, dù đúng hay không, những lỗi lầm của ta chưa hề thốt ra hay thú nhận. Gán cho người khác, nơi đây, chỉ là một việc mà chính ta không cố ý, không biết đến. Nhưng nếu người đứng trước mặt ta, thì cái nhìn của người ấy sẽ có giá trị như một câu hỏi, một sự tra-vấn hay trách cứ, khiến ta nhớ đến trách nhiệm, hoặc sự hiện diện của người khiến ta phải thay đổi tâm hồn, và nhắc-nhở đến sự thiếu-thốn của ta. Lương tri của ta chạm ngay sự phán

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đoán thân-hữu ấy, không phải lối phán đoán sai lầm, bất công, vô lý, mà ta thường đặt lên trên người khác, mà sự phán-đoán của người chỉ vì có mặt, mà phải có.

Nhưng ta thường tránh sự đối diện, tránh những mắt nhìn nhau, tránh sự trách cứ trong đám đông; muốn cho lỗi lầm có thể xa hẳn được ta, ta lại chuyển lỗi ấy cho một đám đông nào, hay cho một ý niệm, như quốc-gia, giai-cấp, giống nòi, hay đám người cừu địch. Nếu có lỗi, nếu có thất bại riêng hay chung, thì đó là do nước nầy, nước kia, tại thiên hạ, tại gia đình mà chẳng mấy khi tại mình cả. Sự trách cứ sẽ hướng về nơi khác, và nhờ vậy ta không còn ân-hận, không cần viện duyên-cớ bào chữa và có thể sống theo bản năng và dục vọng hay trong vòng tội ác.

Thái độ ấy sinh ra giữa ta và người mối tương-quan xấu-xa và nguy-hiểm. Tính vị-kỷ thường đi đôi với sự khinh miệt những người chung quanh; vì trút đổ tánh xấu của ta ra ngoài, ta thấy người chung quanh đầy cả tánh xấu. Hình như làm vậy, khinh-miệt người, giảm giá-trị người, thì họa may ta có được đôi chút giá-trị.

Ngoài ra cách dùng tha-nhân như thế, để làm bật hẳn nhân-phẩm và giá-trị của ta, ta cũng còn có thể dùng tha-nhân một lối khôn ngoan hơn, để thỏa thích lòng tự-ái của ta. Như lối tỏ bày tâm sự, làm cho người biết ta, là một lối thường dùng. Ta đã nói đến sự giữ bí mật, nhưng trong bản năng của mỗi chúng ta, lại có một khuynh-hướng cũng khá mạnh, không chịu dung nạp, dì dưỡng bí mật. Xu-hướng ấy, thấy rõ-ràng trong trường hợp những người làm tội ác; kẻ sát nhân, thường trở lại nơi xảy ra án mạng, hay khoe khoang, hoặc bày tỏ bí mật mình cho một người nào. Nhưng không phải tội ác mới sinh ra xu-hướng ấy, những cái vui thầm kín của ta, lắm lúc mất giá-trị, nếu không được chia sẻ cho một người thứ hai.

Ngoài ra, còn lối khoa trương, lối muốn cho kẻ khác thấy, muốn cho thiên hạ hay công chúng biết. Đứa trẻ, từ năm thứ hai đã bắt đầu khoe mình rồi. Những người trưởng thành cổ quảng cáo cho mình bằng mọi phương tiện, lập lại một khuynh hướng của bản năng trẻ con. Khoe khoan cũng như kể chuyện, là một cử-chỉ cơ-bản của xử thế trong xã-hội; khoe

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khoang, là khêu gợi sự chú ý của người để mong đi đến sự hợp tác hay sự trao đổi. Nhưng, cũng như các giai đoạn khác của sự phát triển tâm-linh, sự khoe mình có thể dừng bước lại và trở thành một lối giao thiệp giả dối. Lời nói là một hứa hẹn hành động, trở thành một hành động giả dối. Tính khoe-khoang đi đôi với sự cần trông nhìn mà cũng nằm trong mặc cảm phức tạp; cần được yêu, được quý, cần đàn áp kẻ khác, cần người ta khen tặng. Và muốn được thế, người có thể làm sai lạc sự thật, đóng một vai tuồng mà không sống thật.

Trong tất cả những thái-độ chúng ta vừa xét qua « người » được ta biết đến với mục đích « người » làm vật phụng-sự cho « ta ». Nói chữ « vật » không phải là quá đáng khi chúng ta nhớ lại những trường hợp giao tế mà nhà chính khách chỉ biết mấy mươi triệu đồng bào, không biết đến tên Mỗ, tên Giáp ngồi trước mặt, nhà từ thiện chỉ biết đám người khốn khổ, cái vết xấu xa của xã-hội, mà chẳng biết gia-đình láng giềng, đang đói rách hay đau ốm, nhà tranh đấu chỉ biết bênh vực cho giai cấp cần lao, mà không nới tay xử cho nhân đạo một chút người xác thịt đang làm đầy tớ cho mình, hay thương gia chỉ biết khách hàng, và bậc quan lại chỉ biết bọn hầu đơn hay đóng thuế. Họ không biết người nữa, và trong khi họ nói, hay tưởng (một cách thật tình) phụng sự hay giúp đỡ cho xã-hội, cho nhân-loại, họ chỉ giúp ích và phụng sự những ý niệm trừu-tượng về nhân-loại, về xã-hội mà thôi. Họ quên người xác thịt người đang sống, mà những sự đòi hỏi phức tạp và thiết thực hơn ý niệm về người của họ. Chẳng qua người chỉ là một phương tiện để gây dựng hạnh-phúc và lợi quyền của họ, người chỉ là một vật dụng để họ có thể thi-thố tài ăn nói, thỏa-thích tánh khoa trương của họ mà thôi. Một phần lớn thống khổ của người ở thế kỷ nầy phải chăng là do sự trá hình chữ « người », do sự thay đổi trong tâm hồn chúng ta, chỉ biết cảm động và đầy từ tâm trước hình ảnh mơ-màng và sáo ngữ về người, mà trở lại lãnh-đạm thờ-ơ trước mặt con người thật, có khi được xem như là thù địch của ta. Có lẽ vì con người trừu-tượng, có thể đàn áp, uốn nắn, theo chiều của ý lực ta, có thể thay đổi cho hợp với luận điệu, thành kiến, ý thuyết chủ-nghĩa, hay lý-tưởng của ta, mà người thật, người xác thịt, dù dốt nát đê hèn đến đâu cũng có lúc sực nhớ lại, lĩnh hội được nhân phẩm mình, không chịu đóng vai tuồng đồ vật để cho người khác mãi mãi lợi dụng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sự có mặt của tha-nhân gây ra những phản-động-lực nói trên. Ta trốn tránh người, ta nghi-kỵ người, ta giảm giá trị người, ta xem người như vật để lợi dụng, bao nhiêu thái-độ cho thấy rõ người với ta không thể là hai thế-giới riêng. Nhưng người vẫn có ảnh hưởng đối với ta nhiều lắm. Đời sống xã-hội, sự phát triển xã-hội, do nơi sự ảnh hưởng của người nầy đối với người khác. Đời sống xã-hội càng phức tạp, thì ảnh hưởng cùng kết quả của ảnh hưởng ấy lại càng phức tạp thêm.

Cái nhìn của người cũng đã quan trọng đối với ta rồi. Khi ta nhìn một đứa trẻ, ta thấy nó nhận cái nhìn ấy một cách khoái-lạc, nó trở nên vui mừng như được sự gần gũi, nó múa tay chân để tỏ rõ sự tiếp nhận của nó. Người nhút-nhát thấy ai nhìn, thì đã mất quân-bình, và lo run sợ hay trốn tránh. Rất nhiều người không thể làm một việc tầm thường như đọc sách, hay ngồi nghe nhạc mà có người gần đó. Phần đông chúng ta có ai chịu được, khi đang làm việc, có người đứng sau lưng để nhìn ta, dù người ấy là thân thuộc, là người ta hoàn toàn tin cậy. Vì sự có mặt của người trong phạm-vi sinh sống của ta có thể là một sự hứa hẹn an-ủi hay giúp đỡ nhưng vẫn luôn luôn là một sự hăm dọa và bản năng chống lại trước hết với các mối hăm dọa.

Nhưng, không kể hạng người tâm tính buồn-rầu mệt-nhọc, rất đông người cần sự có mặt kẻ khác; họ cần cảnh vui-vẻ của quán nước, của phố xá, của xưởng thợ, để tìm hứng thú. Rất đông người lại cần sự có mặt của kẻ khác để sống; vì tánh bắt chước, muốn thỏa thích, cần phải có người chung quanh.

Sự có mặt người gây ra cho ta những cảm tình truyền-nhiễm, như tiếng cười trong buổi tiệc vui, vẻ buồn đượm trong đám tang. Làm như người ta, nói như người ta, hát như người ta, suy-nghĩ như người ta. Bắt chước là một phương tiện rất cần cho một nhân cách đang nẩy nở. Bắt chước là phương pháp đầu tiên của nhà văn, nhà họa, nhưng nếu tánh ấy trở thành một thói quen không rời bỏ được, thì bắt chước làm nghèo nhân phẩm đi. Bắt chước, trong sự hiểu biết người, cũng chẳng đem gì lại cho ta, nó chỉ là sự thay đổi ngoài da, không uyên thâm và giá trị bằng sự thay đổi, do ảnh-hưởng chắc chắn của một «người» ta hiểu biết, hay hiểu biết ta.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ta trốn tránh người, hay ta tìm đám người vô danh và biến chuyển là để gìn giữ— nếu có thể được —cái bản ngã của ta. Ta có thể chịu thay đổi, nhưng bản-ngã ta vẫn được toàn vẹn vì hình như ta đã làm tự ý ta, mà chẳng có một người nào, khuyến-khích, chỉ bảo hay sai khiến ta được. Chính vì lòng tự-ái tự tôn, khiến ta tránh người, vì sợ ảnh-hưởng của họ. Ta thử hỏi tánh không chịu phục thiện có phải chứng tỏ cái giá trị thật của ta khng ? Sự tự ý quên người khác, sự có mặt người khác có hại hay có lợi cho ta ? Cómột nhận xét giúp ta hiểu rõ: « Con mắt nhìn được mọi vật trừ ra nó ». Trừ phi, con mắt nhờ gương soi mới thấy mà đối với tâm hồn có gương soi nào sáng hơn là con mắt của người khác, nhờ đó có sự hiểu biết người khác và người khác hiểu được mình. Không gặp được ai để nhìn để đối chiếu bản-ngã của ta với bản-ngã khác, thì không thể nào biết được chân giá-trị của ta, thì có lẽ, và thường thường là như vậy, chỉ nuôi những ảo tưởng về cái ta, đặt cái ta trong vũ-trụ toàn-hảo và tuyệt đối, cũng như những quốc-gia đời xem mình là trung-tâm điểm của hoàn-cầu, xem cuộc sinh-hoạt mình hẳn nhiên là văn-minh nhất (vì nó là của mình, mà đã của mình thì tại sao không hay nhất được) còn nơi biên giới, chẳng qua là những bộ-lạc dã-man, bọn mọi rợ man di! Sự lầm lẫn của ta, không đến nỗi khờ-khạo như thế, nhưng ta vẫn xây đắp vạn-lý trường thành, vẫn bề quan tỏa-cảng, vẫn quên người, là vì không những sợ bị một người thứ ba so-sánh mình với kẻ khác mà sợ trước hết sự so-sánh của chính ta đối với người.

Tha-nhân, với sự hiện diện của họ đặt lại mọi vấn đề quan-hệ đến ta. Trước khi gặp người, tôi tự đặt tôi trong một mớ khả-năng, khuynh-hướng, tin-tưởng, tập quán, lối sống; tôi đã hết sức suy nghĩ về mọi thứ, tôi không còn thấy cái tầm thường của điều nầy, cái lố-lăng khả-ố của cái kia. Tôi đã sống thích ứng, hòa-hợp với bộ mặt tôi, với tâm tính tôi cũng như người nghèo khổ bần cùng, đã sống thích ứng, hòa hợp với cái đói rách hay dơ bẩn của họ. Nhưng, tôi gặp người, người nhìn tôi, tất cả đời sống bên trong và bên ngoài của người nhìn đời sống của tôi và phá ngay trật tự đã làm chật yên vui nhịn-nhục hay kiêu-hãnh của tôi. Tôi bỗng nhiên, thấy tôi với cặp mắt khác, *cặp mắt của người*. Ánh sáng của người, chiếu vào trong đời tôi, làm cho thấy rõ những nơi bóng tối, sầm-uất, mà bấy lâu tôi không thấy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Những ươn hèn, thành kiến, điều phi lý mà bấy lâu tôi tin là đúng đắn bây giờ bốc lộ ra với cái mặt thật tro-trẽn của chúng nó.

Thứ lương-tri cô-độc, bản-ngã « bề quan tỏa cảng » chỉ là một quyết định độc đoán và mù quáng. Tha-nhân là cầu hỏi đặt ở trên con đường của ta đi, là cái đà châm biếm mà nhờ đó ta mới khỏi được cảnh chết của tâm hồn. Cảnh chết hay cảnh già cỗi, suy nhược chính là phần thưởng dành cho cái « ta » chỉ biết nó.

Vậy thì, đi đến người, đón tiếp người, không phải là giảm giá trị của ta mà chính là tìm được phương-tiện bồi đắp hay cấu-tạo giá-trị chân thật của mình.

Trước khi hai người cùng nhìn nhận cho nhau giá trị con người, thì họ đang còn chịu ám ảnh của một xu hướng tự nhiên: đặt mình phục tòng người kia, hay là buộc người khác phục tòng mình.

Thích phục tòng người, núp dưới tài năng người, nương dựa oai quyền hay danh vọng, đó cũng là nhu cầu khẩn thiết của một số người hèn yếu. Nơi đứa trẻ, ta nhận thấy nhu cầu ấy. Đứa trẻ trước hết phải nhờ người chung quanh. Đến khi nó cảm thấy mỗi lần nó muốn gì được nấy, nó xem như có một ít uy-lực để lay chuyển hoàn cảnh. Đến 5,6 tuổi trở lên, khi chạm phải sự ngăn cản của người chung quanh, đứa trẻ mới hiểu cảnh lệ thuộc của nó. Tới tuổi dậy thì, đứa trẻ vì trải qua cơn khủng hoảng hợp với sự nở-nang sinh-lý, đứa trẻ bực mình vì cảnh lệ thuộc, xem sự áp bức của gia đình với tất cả uất hận và căm hờn. Cha mẹ, nếu không đủ minh-mẫn và kiên-nhẫn giúp đứa trẻ qua cơn khủng hoảng ấy, lấy làm bất mãn về thái-độ cường-lương của con và làm cho trẻ trở thêm ngỗ-nghịch, hoặc cồm uốn duy-trì tình-thế lệ-thuộc của con đối với mình, chỉ làm cho nó mất nhân phẩm, không tin-tưởng nơi nó, và suốt đời không đủ nghị-lực tạo lên cốt cách. Sống trong xã-hội, đứa trẻ nấy chỉ mong tìm cho được người che chở nó, giải quyết thay thế cho nó những vấn đề mà chính nó phải giải quyết. Tình yêu của nó cũng là một thứ cảm tình thụ động, nó muốn được yêu hơn là yêu kẻ khác.

Ngược lại với hạng người thích phục tòng, thích được che chở, có kẻ lại không bao giờ chịu gần những người bề trên hay người ngang mình. Họ muốn giao thiệp với kẻ dưới, những bậc già cả hay trẻ con, nơi đó họ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

có thể đóng vai tuồng đẹp-đẽ hơn, thỏa-thích một cách dễ-dàng được tánh tình thống-trị và uy-hiếp của họ. Trong cuộc sống chung, hạng người ấy lấy làm khổ sở nếu phải chung đụng với những người hơn họ về một mặt nào, hoặc về thông-minh, hay về địa-vị xã-hội. Họ không thích lệ-thuộc, dù cho sự lệ thuộc ấy là chính đáng, là bổn-phận, dù cho người trên, không phải là kẻ lạ, thù địch, mà chính là bậc thầy, bậc cha. Kẻ dưới (dưới về phương-diện nầy hay về phương-diện khác) bao giờ cũng nuôi tánh oán ghét, thù hằn kẻ trên. Một vài phong-trào chính-trị đã biết lợi-dụng cái sự thật hiển-nhiên ấy về tâm-lý của con người. Nhưng sự oán ghét ấy không phải là hoàn-toàn vô lý hay hữu lý. Cần phải phân tách và phán-đoán đúng theo trường-hợp như cử chỉ của kẻ dưới phẫn-uất đối với một oai quyền, đối với một thế lực bất chính hay khi nó bộc lộ ra trước sự khinh miệt và tàn bạo của tiền bạc phi nghĩa. Sự phẫn-uất ấy có nguồn gốc trong một cao vọng chính đáng, nơi một lý-tưởng cao-thượng, và thực-hiện cho được công-lý cho xã-hội, là đòi lại, cho mỗi người thế giá xứng đáng. Các bậc thánh Nho-giáo cũng đã thừa nhận thái-độ phản-đối của kẻ dưới đối với kẻ trên, trong trường hợp bề trên không đáng ở trên. « Người ta nói giết tên Trụ, chưa nghe ai nói giết vua Trụ bao giờ », là vì khi nhà Trụ cường hành bạo ngược, thì dĩ-nhiên, nhà ấy không thi-hành đúng thiên-mệnh, không thi-hành đúng hợp đồng giữa một bậc vua với đám dân.

Nhưng hạng chỉ biết ganh tị, chỉ khao-khát hạnh-phúc của kẻ khác, ghét người thông thái, khi mình dốt nát, ghét người giàu sang khi mình nghèo khổ, ghét người ra lệnh, khi mình phải tuân lệnh, mà ghét không phải bởi vì sự thông thái của người đi đôi với sự đê-tiện, bởi vì giàu sang do sự bất lương mà có, hay là bởi vì kẻ chỉ-huy không xứng đáng với oai quyền, mà chỉ ghét là vì người ta hơn mình, thì sự ganh tị ấy chỉ là dấu hiệu của một tâm hồn thấp kém. Cái tự tôn mặc-cảm thường là mặt tiền của tự-ty mặc-cảm; và nếu có cơ-hội thuận-tiện, thì ta sẽ thấy cái đê hèn nhuộm lấy tất cả hành vi của họ, khi họ trở nên phú quí hay cầm được một chút oai quyền. Như trên kia đã nói, người không chịu « phục thiện » kẻ khác vì sợ nhìn nhận giá-trị chân thật của tha-nhân, có nghĩa là mình chẳng có giá-trị, vì nếu nhận sự hiện diện của người, thì mình còn ra gì! Nhưng xét cho kỹ cử-chỉ ấy chứng tỏ một lần nữa họ còn kém gấp mấy người không có giá-trị mà đã biết phục thiện.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sự biết vâng lời quả thật là một đức tánh cao quí khó đạt và giá-trị không kém gì tài chỉ-huy. Cái khó-khăn thường xảy ra trong các đoàn thể hay trong các xã-hội, phần nhiều là do sự ngộ nhận hai điều ấy. Thành-kiến cứ xem sự vâng lời là một thái-độ nhục-nhằn (mặc dầu vâng lời một người có khi không có nghĩa là vâng lời tên Cột tên Kèo, mà vâng theo một lý-tưởng, một chí nguyện của ta), và xem chỉ-huy là một thái-độ vinh-hiển (mặc dầu sự chỉ-huy không có một chút hiệu quả nào, nếu kẻ chỉ-huy không dựa nơi một thế-lực ngoài nhân-phẩm mình, ví-dụ võ-lực).

Những ai đã có cơ-hội chỉ-huy, nghĩa là lãnh trách-nhiệm của một hành động chung, cũng biết rằng công việc chỉ huy khó nhường nào. Người ta thường lầm tài chỉ-huy với quyền sai khiến. Quyền sai khiến, thì do một sắc-lệnh, một nghị-định, một giấy phép của một quyền lớn hơn trao cho. Bất cứ ai, từ tối đến sáng có thể ra lệnh, sai khiến người, trừng phạt kẻ bất tuân thượng lệnh. Nhưng đấy không phải là chỉ-huy, theo nghĩa chúng ta muốn nói đây, là hướng dẫn một người, theo chiều lý-tưởng chung, đường hành động chung, với ý muốn của người, với sự thỏa-thuận của người, với sự hợp tác của người nữa. Với một khí giới, bất cứ ai cũng có thể sai khiến một người thất-thế hay không có phương tự-vệ. Chúng ta đã biết, lâm trong cảnh mất tự-do, người mất luôn giá-trị của người, và những cử chỉ mà người làm trong tình thế ấy, chẳng có giá-trị gì cả. Người đã trở nên một vật hoàn toàn nằm trong tay người thắng thế. Nhưng giữa hai người cùng có tự-do và thế cách của mình, xui khiến người làm theo ý-muốn mới chứng tỏ tài chỉ-huy thật-sự.

Chỉ-huy phải biết lo trước, suy nghĩ, hành động hợp với thời-cơ, hành động hợp với chừng mực, cảm hóa và hướng dẫn những ý-lực, trông nom sự thi-hành các chỉ-thị, vạch sửa những chỗ hư-hỏng, trừng phạt những lỗi lầm nặng. Tài chỉ-huy là việc nặng nhọc, khác hẳn với quyền sai khiến, là một thái-độ dễ-dàng, trong đó chỉ có lời nói thay thế cho hành-động, và người bày ra những phương tiện để thỏa-thích tính khí bất thường, dùng những người khác để xây-dựng cho mình danh-vọng và cũng dựa nơi đó để buộc kẻ thuộc hạ phải kính phục mình.

Trong hai trường hợp nói trên, sự hiểu biết người của ta khác hẳn. Người sai khiến dùng oai quyền mình một cách sai lạc không thể nào biết rõ người trước mặt, người chỉ-huy vì gần những người dưới, vì trọng nể

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

họ được hiểu rõ hơn, có cảm tình, và gây ra thứ cảm tình chân thật, có khi là tình thân hữu không thể so-sánh với thái-độ sợ hãi. Giữa ta với người, dù ta đứng địa vị chỉ-huy hay bị chỉ-huy, mối tương quan có vẻ thanh cao và phong phú, nếu ta với người có thể sống một cách chân thật, không lệ thuộc những mục-phiêu thiển-cận của hư-danh tư-lợi, thường bao phủ các cuộc giao tế xã-hội dưới cái màn rất đẹp-đẽ, rất huy-hoàng của sự giả dối, sự lừa gạt lẫn nhau.

Tánh kiêu ngạo và hay làm oai của người ta khiến cho ta khó lòng nhận bên cạnh ta đời sống hoàn toàn của một người khác cũng đủ quyền lợi và thể giá như ta.

Cũng có những người, vì không hạp tánh (ta thì nói hạp tuổi, hay hạp mạng) không thể nào sống bên cạnh nhau được. Sự chỉ-trích thường xuyên, sự phân bì ghen ghét, đầu độc mối tương quan. Giữa hai người như thế, sự tương phản chỉ có thể giải-quyết bằng cách tiêu-diệt người đối diện mà thôi. Án-mạng, trong đời cá-nhân, cũng như chiến tranh trong đời các dân-tộc, là phương-sách thường dùng, từ khi Caïn giết em là Abel để dành của cải, thì loài người không ngớt chém giết nhau để dành cái ăn, ái-tình, của-cải, oai quyền, hay để chứng tỏ cái tự-do của người, cái tài sống ra ngoài đạo lý hay ngược với lẽ Trời. Nhưng may rằng, trên thế-gian, cũng còn có người không có máu sát nhân, và dù thật không có từ-tâm cũng còn ham thốt ra những lời đầy nhân-đạo và ý-chí hòa bình. Cho biết cảnh tương-sát tương-tàn, chỉ là một chuyện bất đắc dĩ mà người ta biết xấu hổ vì nó.

Nhưng ý-chí nhân-đạo và hòa-bình có hiệu-lực chăng là khi người chịu khó sửa lại tận nơi gốc, mối tương quan giữa ta và người, khi người chịu khó xem kẻ khác như mình, khi người chịu đựng lẫn nhau, không phải chịu đựng như ta chịu đựng hành khách cùng chung một chuyến thuyền gặp phải bão tố, mà còn gắng tìm ra những bổn phận: hiểu biết để thương yêu nhau.

Chịu nhận người, không phải tha-thứ cho người sống bên ta, dẹp bỏ mối tỵ-hiềm và sống nguội lạnh, không phải để cho người yên thân cho ta được yên thân. Cái rộng lượng của người quân-tử tha-thứ cho mọi kẻ, kể cả tiểu-nhân, đang còn đượm mùi khinh-miệt, chưa vượt khỏi tôn-ti trật-tự, có khi độc-đoán và vô lý, vì ai cũng tưởng mình là quân-tử, mà tiểu-nhân đi-nhiên là kẻ khác. Ý-niệm về tha-nhân, thật ra chỉ bắt đầu,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

với sự kính nể người có nghĩa là kính nể sự khác biệt của họ và điều gì ta kính nể trong thâm tâm ta. Ý-niệm về tha nhân như vậy đi đôi với ý-niệm đối với bản ngã; vì người là một kẻ đồng loại với ta, người là một cái « ta » khác đó thôi.

Vượt lên khỏi những ích-kỷ nhỏ-nhen, ta mới cảm thông được với người. Bằng chứng những cái vui chung, cái buồn chung của tất cả đoàn thể khiến cho cá-nhân quên bản ngã của họ đi. Nhưng nơi đây, cũng nên đề-phòng những quan-niệm sai lạc.

Rất nhiều người, chẳng biết chân thật, hay giả dối, xem người, hay đám người, xem thiên-hạ hơn cả mình nữa. Hạng người thường đặt (hay nói là đặt) quyền lợi của kẻ khác lên trên hết, quên hạnh-phúc mình, hạnh-phúc gia-đình mình, hạnh-phúc tổ-quốc mình để mưu hạnh-phúc kẻ khác, gia-đình kẻ khác, vinh-hiển tổ-quốc người. Chúng ta chỉ biết cúi đầu, trước những sự hy-sinh lớn-lao ấy. Nhưng đã định nguyên tắc xem xét mối tương quan giữa ta với người, ta tự hỏi nếu cái ta mất đi, thì mối tương quan ấy còn thành vấn đề nữa không. Thêm nữa, chúng ta được nghe một lời sách dạy, thứ sách mấy nghìn năm nay được lắm người đọc đến và sống theo. Lời sách ấy phán: « Hãy thương người như thương mình vậy ». Thiết tưởng lời ấy rất hợp với thực-tế, hợp với tâm-lý của hạng người thông thường. Lời sách biểu: thương người *như*, không nói thương người *hơn* mình. Đó là tất cả một quan-niệm dồi-dào, khiến ta phải suy-nghĩ.

Nhưng, cứ ngay thật mà xét, ta cứ tự hỏi riêng ta, sự hiểu biết và thương yêu tha-nhân của ta, hiểu biết và thương yêu không phải người trừu tượng mà con người xác thịt, sống bên cạnh ta, đã có chút nào hay chưa? Phải chăng, ta thấy con đường nối liền ta với người còn dài lắm, và trên đường ấy rất nhiều chướng-ngại ngăn cản bước tiến của ta. Thế thì ta chẳng nên có cao vọng thương người hơn mình? Theo những điều nhận xét đã được trình bày, chính cái ta to lớn thường choáng mất chỗ của tha-nhân rồi. Vậy ta chớ vội đi từ cực điểm nầy đến cực điểm kia; chớ vội chỉ biết đến người mà quên hẳn cái ta đi. Vì, theo tôi tưởng, và có lẽ rất nhiều người cũng tưởng như tôi, cái ta vẫn đáng kể lắm, vì có ta, mới đáng có ý-thức về người khác.

CUNG GIŨ NGUYÊN

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Người mắc bệnh tâm-linh (1) với khung-cảnh sinh-hoạt

ERICH WULFF

Nhờ những cố gắng về phép trị liệu của khoa chữa bệnh tâm-linh theo phương-pháp mới, chúng ta thấy rằng về nơi lưu dưỡng cũng như cử-chỉ, động-tác của người mắc bệnh tâm-linh đã có thay đổi nhiều. Sự thay đổi nầy, lần đầu tiên, chứng minh rằng danh-từ « người mắc bệnh tâm-linh » được dùng một cách chính xác để diễn tả một sự thật, chứ không phải là một lối uyển-từ để tránh gọi bệnh nhân là người điên.

Thời xưa, người ta cho kẻ điên là những kẻ được những thần lành phù hộ hay bị những thần ác ám ảnh. Cho nên hoặc người ta tôn thờ kẻ điên ấy, hoặc người ta trục xuất ra ngoài xã-hội nếu người ta không giết chết.

Đến thế kỷ thứ 16, người ta nhốt kẻ mắc bệnh tâm-linh vào nhà lao. Về sau, người ta nhốt vào phong-điên-viện. Nhưng mãi đến cuối thế kỷ 18, những nơi lưu-dưỡng nầy mới xứng đáng với tên « phong-điên-viện ». Tại đây, người ta lưu ý săn sóc người mắc bệnh tâm-linh. Thỉnh thoảng có y-sĩ đến thăm. Mặc dầu thế, sự cố gắng để chữa cho lành bệnh cũng chả được bao lăm. Người ta nghiên-cứu các bệnh thể một cách thiếu khoa học.

Mãi cho đến năm 1800, mới có những bác sĩ (nhất là bác sĩ Pháp mà vị lừng danh hơn hết là Ô. Esquirol) khai sáng môn chứng-hậu-học chữa bệnh tinh-thần. Cũng trong khoảng thời gian ấy, bắt đầu có nhiều cố gắng để săn sóc bệnh nhân một cách nhân-đạo hơn, và cũng do Ô. Esquirol và

(1) Ta hay nói là bệnh thần-kinh, nhưng phải dịch là bệnh tâm-linh mới đúng nghĩa chữ: MENS, GEIST, L.t.s.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các cọng-sự-viên chủ-trương. Đọc những tạp-chí Y-khoa xuất bản ở Đức vào khoảng năm 1840, ta thấy những nhà chuyên môn chữa bệnh tâm-linh ở Đức lúc bấy giờ đã biết rằng tại Pháp người ta bắt đầu thử lối chữa bệnh bằng cách chọn khung-cảnh để cho bệnh-nhân an dưỡng. Người ta cho bệnh-nhân ở chung với gia-đình những y-sĩ và những người khán hộ, và người ta ngạc nhiên rằng sự thay đổi khung-cảnh như thế đã đem lại nhiều kết-quả tốt. Nhưng cũng có xảy ra lắm điều không hay. Tựu trung phương-pháp ấy không được áp-dụng một cách phổ biến.

Qua thế-kỷ thứ 19, giới khoa-học tìm hiểu thêm về môn chứng-hậu-học và những nguyên-tắc về bệnh-lý-học. Người ta xem bệnh tâm-linh như là một thứ bệnh óc (Griesinger). Người ta phân biệt các loại bệnh-thể tâm-linh do óc não bị sưng, hoặc bị viêm-chứng, hay bị xuất huyết, hoặc do các mạch máu bị bệnh, nhất là bị động-mạch cố-kết gây ra. Người ta càng tìm hiểu thân thể người mắc bệnh tâm-linh thì càng dễ tìm phương chữa bịnh. Mặt khác, Freud chủ-trương rằng nguyên-nhân thầm kín những bệnh tâm-linh là sự ức-chế làm cho bản-năng tính dục không được thỏa mãn lúc ấu thời. Nhưng vẫn còn một số bệnh tâm-linh mà lúc bấy giờ người ta chưa tìm ra được nguyên nhân đầy đủ trong cơ thể hay trong tâm-lý bệnh nhân. Có thể nói là những bệnh tâm-lý nội tại: đó là những bệnh về khí sắc, thuộc về tính tình hơn là về tinh-thần (và hình thức thông thường hơn hết là chứng ức-uất) và những bệnh làm cho năng-lực trí-não bị phân tán nên bệnh nhân không còn có những phản ứng đúng-đắn đối với ngoại cảnh. Đây là bước đầu đưa đến chứng điên. Ô. Kraepelin, một Bác sĩ Đức chữa bệnh tâm linh có danh tiếng, đã có công phân loại các chứng bệnh tâm-linh. Cũng thời đó, ông Bleuler là người đầu tiên đã dùng danh-từ « bệnh tâm-linh phân tán » (schizophrénie).

Mặc dầu chưa tìm ra nguyên-nhân bệnh, người ta đã cố gắng nhiều về phương chữa bệnh. Lần này, người ta phải ghi sự cố gắng ở Đức. Ô. Simon là người đầu tiên áp dụng tại lưu-dưỡng-đường Gutersloh lối chữa bệnh tâm-linh bằng cách cho bệnh nhân làm việc hy vọng rằng công tác hoạt động sẽ làm cho bệnh-nhân dịu bớt tánh, đồng thời xóa bỏ trong óc bệnh nhân những tư-tưởng hắc ám, những ấn-tượng bệnh hoạn. Phương-pháp nầy đã đem lại nhiều kết quả. Nhưng muốn chữa bệnh theo cách

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ấy, tất cả nhân viên của dưỡng-đường đều phải gia công rất nhiều. Ngoài ra dưỡng-đường cần phải tuyển thêm người, sắm thêm nhiều dụng-cụ, như thế sẽ gây tốn phí nhiều cho ngân-sách quốc-gia. Hơn nữa, phương pháp ấy cũng không thể chữa lành bệnh một cách thực sự. Đó chỉ là một cách giữ cho khỏi hại, như là « trung-lập-hóa » bệnh tình. Người bệnh trở nên dịu hơn, bớt dữ tợn. Lối « trung-lập-hóa » này tăng thêm cơ hội cho bệnh-nhân để chờ đến lúc tự nhiên lành bệnh. Trường-hợp nầy rất hiếm, nhưng vẫn có thể có.

Chính trong khoảng thời gian ấy — từ 1992 đến 1940 — là các lưu-dưỡng-đường trở thành những nhà ở của bệnh-nhân, trong đó họ được giữ gìn cho khỏi điều nguy-hiểm khi bệnh trạng bộc phát quá chừng. Những nơi ấy biến thành những tổ chức cộng đồng nhỏ trong đó y-sĩ, điều-dưỡng-viên và bệnh-nhân sinh hoạt ít nhiều riêng biệt đối với cuộc sống bên ngoài. Lẽ dĩ-nhiên, sự biến chuyển ấy đã đòi hỏi một khoảng thời gian. Nhưng khi đã thành tựu, thì kết quả của sự cố gắng nói trên có thể nhận thấy qua hành-vi cử chỉ đa số bệnh nhân. Mặc dầu còn có những ý tưởng mê sảng điên cuồng, bệnh nhân đã bắt đầu xem dưỡng-đường như nhà ở. Có kẻ tỏ ra hóm hỉnh trong lúc giải thích sự tương quan giữa ý tưởng điên-cuồng của họ — thường thường là những ý tưởng hiểu đại — và hành-vi cử-chỉ của họ.

Năm 1935, sự phát minh phương-pháp chữa bệnh tâm-linh bằng điện và hiện-tượng hôn-mê vì cường-huyết giảm lại làm thay đổi cách trị bệnh tại lưu-dưỡng-đường. Một số bệnh-nhân được chữa thực sự bằng thuốc men hay bằng những động-lực về vật-lý-học như điện-khí, phóng-xạ tuyến v.v... chứ không phải chỉ được trông nom gìn giữ mà thôi. Lối chữa bệnh này có nhiều điều bất tiện, nhất là lúc đầu, cho bệnh-nhân, nhưng kết-quả thâu được là một số bệnh-nhân, sau vài tuần, đã có thể rời khỏi dưỡng-đường. Số bệnh-nhân chỉ lên cơn khi còn ở dưỡng-đường mà thôi cũng tăng nhiều hơn trước. Ngoài các lúc lên cơn, bệnh nhân có thể tiếp tục những hoạt-động chuyên-nghiệp. Lưu-dưỡng-đường bắt đầu trở thành nơi trị bệnh thật sự. Nhưng chúng ta cũng không quên rằng những tiến bộ ấy đã bị gián đoạn bởi bệnh thủ tiêu hàng vạn bệnh nhân dưới chế độ Đức quốc xã, trong số ấy có rất nhiều bệnh nhân có thể chữa khỏi được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Lúc mãn chiến tranh, các lưu-dưỡng-đường đều vắng người. Vì thiếu phương-tiện, lối chữa bệnh bằng công-tác hoạt-động đã được thi-hành một cách trừu-tượng hơn là thiết-thực. Mãi đến năm 1951, tình hình các lưu-dưỡng đường mới trở lại bình thường. Và qua năm 1952, tại Đức năm 1953, J. Delay tìm ra dược tính trị bệnh tâm-linh của thuốc Largactil, đã làm đảo lộn khoa chữa bệnh tâm-lý. Người ta có thể, trong một thời gian ngắn, làm dịu những bệnh nhân rất hung-hăng, và cũng nhờ cách chữa bệnh mới nầy, người ta có thể cho ra khỏi dưỡng-đường một số đông bệnh-nhân. Những người nầy, mặc dầu chưa hết bị ám ảnh bởi những ý-tưởng mê-sảng, vẫn có thể sống chung với gia-đình. Người ta có cảm tưởng họ không phải là những người điên mà là những kẻ suy-nhược tinh-thần.

Từ đây người ta có lột thái-độ mới đối với bệnh-nhân. Tại nhiều bệnh viện, không còn có những phòng rộng lớn để người ta có thể kiểm-soát từng giây phút mỗi cử động của bệnh-nhân. Những phòng nhỏ khi trước dùng để giam những bệnh nhân hung-hăng nay phần nhiều để dành cho những bệnh-nhân rất bình-tĩnh, và nếu cần những người nầy lại nhường cho một bệnh-nhân hung-hăng mới vào.

Ngoài ra, số bệnh-nhân được phép đi chơi phố mỗi tuần một vài lần cứ tăng thêm luôn. Đối với đa số bệnh-nhân, khóa cổng bệnh-viện chỉ là tượng trưng thôi. Xem bề ngoài thì một bệnh-viện chữa bệnh tâm-linh tối-tân trông chẳng khác một bệnh-viện thường bao nhiêu, và cũng như tại nơi đây, vấn-đề cho một bệnh-nhân ra ngoài hẳn có phần khó hơn là lại nhận vào.

Trên đây là những nhận xét có tính cách lịch-sử. Để tiền gần vào đề, chúng ta nên thêm rằng sự tiến bộ về những lãnh vực dược-khoa trị-liệu chưa đủ để giải-thích sự thay đổi hiện trạng những người mắc bệnh tâm-linh tại những bệnh-viện tối tân. Người ta nhận thấy rằng cũng những thuốc ấy, nhưng nếu đem dùng tại những bệnh-viện không được trang-bị hẳn-hoi thì thuốc rất ít hiệu-lực, cũng như khi bệnh-nhân về ở nhà thì phân lượng liều thuốc dùng ở bệnh-viện không đủ cho bệnh-nhân nữa. Như vậy thì tất có một yếu-tố khác thuộc về lãnh-vực tâm-lý, cần phải được phân-tích.

***

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trên kia chúng ta đã phân biệt người điên với người bị bệnh tâm-linh. Nay từ điểm ấy, chúng ta xét đến những tương quan giữa người điên và khung-cảnh sinh-hoạt của người ấy. Chúng ta không đề-cập đến những trạng-thái của bệnh điên trong ấy bệnh-nhân tạo cho mình một thế-giới hoàn toàn tưởng-tượng, không cần phải được xây dựng trên thực-tế. Những cơn mê sảng dữ dội thuộc về trường hợp nầy. Rõ rệt hơn hết là chứng mê sảng động phong. Cũng có những chứng mê sảng do những chất ma túy, chất độc hay bệnh sưng óc não gây nên. Trong trường hợp này, bệnh nhân gần như không thấy gì về khung-cảnh thực tại chung quanh, khác với trường hợp những người bị chứng « phân-tán tinh-thần ». Những người nầy vẫn còn có ý-niệm về không-gian. Mặc dầu mê sảng, bệnh nhân rất có thể ý-thức rằng hiện mình đang ở đâu, và cũng có thể nhận ra người và vật chung quanh nhưng không thể tìm hiểu ý nghĩa. Năng-lực hiểu biết tiêu tan dần dần, nên bệnh nhân cho rằng những vật rất quen thuộc hằng ngày đều là những giá-trị hoàn toàn ước định, những giá trị mà mọi người chỉ giả vờ công nhận. Đối với bệnh nhân nầy, đời sống thực tại biến thành một tấn tuồng trên sân-khấu, có màn trong, màn ngoài. Hiện cảnh trước mắt ta chỉ một cảnh giả vờ như thế thôi. Một bệnh nhân nhìn qua cửa sổ nói rằng y đương ở tại thành phố London. Tôi cải chính rằng đây là thành phố Freiburg.

— « Freiburg à, người ấy nói, Freiburg nghĩa là gì mới được chứ... ông hãy nhìn kỹ xem, đó chỉ là Freiburg giả thôi, người ta kéo màn, dàn cảnh àm cho chúng mình tưởng đây là Freiburg ».

Nhưng chẳng phải bệnh nhân chỉ nhận lầm như thế mà thôi. Vì bệnh nhân không khi nào có thể lột được mặt nạ của thực trạng giả dối ấy, nên bên phía sau thực-trạng này, bệnh nhân chỉ coi là một hình thức giả dối khác. Thật ra, bên phía sau, chẳng có gì, ít ra chẳng có gì khác để nhìn nhận. Thế giới nầy, mỗi vật, mỗi người thiếu cái gì? Thiếu một cái nhân (hạt) là thực thể, làm cho ta nhận ra các hình dáng bề ngoài của sự vật hay các hành vi kỳ dị nhất của con người dưới mọi hình thức. Đối với kẻ đau bệnh tâm-linh phân tán, các hiện tượng đều thiếu cái nhân là thực thể làm cho ta nhận ra rằng dù có xuất hiện dưới nhiều hình thức thì vẫn là một người, một vật. Vì thế nên bệnh nhân cho rằng những sự vật ấy đều rỗng, dầu

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« vô nghĩa », như Car Schneider đã nói. Nói cho đúng hơn, đối với kẻ điên, chính xác sự vật, chính cái thế giới bên ngoài làm cho nó không thể nhận chân được sự vật. Những sự vật nầy thật ra như thế nào, đó là một điều hoàn toàn ngoài sự hiểu biết. Kẻ điên cho rằng những người và vật chung quanh chỉ là một giả cảnh. Còn sự diễn biến thực cảnh, đối với nó, vẫn ngoài sức thâu nhận của giác quan. Nó cho rằng không có phương tiện gì để tiếp nhận hành vi kẻ khác một cách thích-hợp, và như thế sự tiếp xúc với người hoặc với cảnh giới bên ngoài là một việc không thể làm được về hai phương-diện:

1) Người điên cho rằng có ai đâu mà nói, có vật gì đâu mà nhận, quanh mình chỉ có bóng dáng giả dối thôi.

2) Nó không làm thế nào mà biết một cách chính xác được hoạt động và bóng dáng của người và của vật. Cuối cùng, nó đành giữ một thái độ chịu đựng vậy. Chúng ta phải dành cho danh-từ « chịu đựng » nầy tất cả ý-nghĩa của nó. Đối với cảnh giới chung quanh, người điên cho rằng dù cố gắng, nó cũng không thể nhìn thấy cảnh thật, không thể nghe âm thanh thật. Những gì nó thấy trước mắt đó chỉ là do người ta bắt nó thấy như thế, người ta đã lợi dụng giác quan của nó vậy. Nó nói đến chiếu bóng, đến vô tuyến truyền hình vì những âm thanh nó nghe chẳng qua là nhĩ-quan của nó bị dụ hoặc, bị uy-hiếp, những tiếng ấy từ máy phát âm tuôn vào tai nó mà nó không ngăn cản được. Ngay những cảm-xúc, những cảm giác tính dục, cho đến những hoạt-động của các cơ quan trong thân thể nó đều bị ai ở xa điều khiển cả. Như vậy tự sức mình, người điên không làm sao đạt đến chỗ hiểu biết sự việc chính xác. Tự cho là bất lực, nó giữ một thái độ hết sức thụ-động đối với mọi sự vật mà nó cho rằng đều đang diễn biến một cách lén lút, ngoài sức thâu nhận của nó. Chỉ cần nhận xét vắn tắt rằng đối với người điên, thế giới bên ngoài chia làm hai: một khoảng không gian có thể tiếp xúc được, nhưng thật ra nó không phải như thế, đó chỉ là bóng dáng lừa dối mà thôi. Nhưng cảnh giả dối ấy không phải tự nó như thế, mà là cảnh bị phơi bày, bị « viễn-truyền sai khiến » để xuất hiện dưới hình-thức ấy, do một thực-thể không tài nào thâu nhận được, tạo nên một cảnh mỉa-mai để chế riễu sự bất lực của nó. Cái thực thể ấy có thể phát hiện bên trong, nhưng không có gì rõ ràng để cho người ta theo dõi mà tìm đến

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

gần nó, hoặc tránh nó. Thực thể đó hiện thân trực tiếp trong cảnh giới mà không hiện thân qua các đặc tính làm cho nó mất hết những « tri giác nhổ nhiệm » có thể làm giây liên lạc giữa sự vật với nhau hoặc giữa người và vật. Người ta có thể nói rằng sự hiện thể thuần-túy nầy chính nó là yếu-tố cắt đứt mọi giây liên-lạc giữa nó và cảnh vật chung quanh. Cái thực-thể không thể tả, vô giới hạn lén lút, thầm kín, nó chi phối bệnh nhân trăm ngàn cách không thể lường trước được, trong mọi mặt và mọi lúc. Nhưng bệnh nhân không nhìn nó ra, không nắm nó được, không thể theo nó, cũng không thể chống đối lại nó. Nó không tiến đến gần, cũng không đi xa ra, xuất hiện đó rồi biến mất đó, nó tha hồ chi-phối con bệnh. Sự hiện thân thuần-túy nầy cầm chỉ mọi hoạt động của bệnh nhân đối với nó, dù là muốn tiến gần đến nó. Nó không có một thời gian, một nhịp điệu riêng của nó, bệnh nhân chỉ có việc chịu sức chi-phối của nó. Chính sự hiện-thân ấy là « khổ-hình », là « địa-ngục » của người bệnh. Dầu lúc bệnh nhân, vì chứng tôn-đại-cuồng, huênh-hoang hiếu đại, lúc ấy bệnh nhân cũng vẫn đau đớn như một kẻ bị « khổ hình ». Một bệnh nhân nói với tôi: « Tôi là thế giới, phổi tôi là Châu Mỹ, gan tôi là Trung-quốc, da tôi là Đại-Dương, nhưng tôi bị liên-kết với các thứ ấy bởi một sự đau đớn dày vò, và chính sự đau đớn nầy không phải của tôi ».

Giới chuyên môn cho rằng đó thường là do một yếu tố vô hình tỏa ra, tượng trưng cho một thực tại lạ lùng không thấy được, không sờ được, nó đến gần lúc nào người ta không hay, và người ta cũng vô phương đối kháng. Còn về phần bệnh nhân, nó không thể tự nó, với tri-giác-lực và sự chủ-động của nó, tiến tới thực tại ấy được. Đây hình như là áp dụng lối viễn-truyền sai khiến hay là trạng thái thôi-miên vậy.

***

Bây giờ nếu người ta tìm hiểu, như Ô. V. Weizsacker, những hành-động của bệnh-nhân đối với những người chung quanh và những gì người điên tưởng-tượng, người ta nhận ra rằng người điên không đếm xỉa đến sự hiện diện của kẻ khác, tức là *bỏ hẳn sự tương-hệ chủ-quan và sự tương thuộc giữa người và người.* Đối với bệnh-nhân điên, kẻ khác không phải một kẻ có thể hiểu được, hay có đủ khả-năng để tiếp nhận hoặc phản-đối một người khác. Mặt khác, người điên chính nó cũng tự nhận không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

có phương gì để nhìn thấy hay tiếp nhận thực tại do kẻ khác đưa lại. Nó tự tìm hiểu nó là ai mãi. Nó ngờ vực cho đến sự xuất sinh của nó và cho rằng dòng-dõi nó có thể bị giả mạo. Cha mẹ nó thật ra không phải là cha mẹ nó. Nó không có hình-hài cơ-thể, giác-quan riêng của nó. Nó là nửa đàn ông nửa đàn bà. Những tri-giác diễn xuất xuyên qua người nó, nó chỉ làm trung-gian như một đồng cốt tự do và tùy thuộc là đặc điểm trong sự giao-tế giữa xã-hội loài người, thì người điên không thể cảm nghiệm được nữa. Chưa hết. Tất cả những hành-vi của người điên đều chịu ảnh-hưởng của sự kiện ấy. Có thể nói rằng người điên sống bên ngoài thế giới và xóa bỏ sự hiện diện của tha-nhân không xem kẻ này như một cá nhân có nhất thể (vẫn là một), có thể hiểu được qua các hành-động, nhưng có thể ảnh-hưởng đến nó. Đây chính là căn-nguyên của trạng-thái *giải-ly* mà E. Bleuler đã mô tả. Và vì người điên xóa bỏ sự tương thuộc, vốn là nguồn gốc tâm-lý làm cho nó cảm nghiệm được sự nhất thể của sự vật, nên nó cũng không nhận ra nhất thể của nó. Ở đây chúng ta không đặt câu hỏi: Người bệnh không thể nhận là các chủ thể tùy thuộc lẫn nhau thực sự như thế, phải chăng là vì khi còn lành mạnh đã làm đi làm lại nhiều hành vi mà không đi đến đâu (nhưng vẫn không để ý đến nó?) Chúng ta chỉ ghi nhận sự từ khước, sự đẩy lùi mọi liên-lạc tương-hệ phụ thuộc làm cho người và vật đều mất hết hằng-tính và cuối cùng nó làm cho bệnh-nhân mất cả hằng tính. Nhưng người ta sẽ đáp rằng sự tước đoạt ấy chỉ là tưởng tượng, nó chỉ diễn ra trong trí óc lộn xộn của người điên mà thôi. Còn từ những mối liên lạc tưởng-tượng giữa óc người điên với cảnh giới chung quanh đến những liên lạc thực sự và cụ thể thì sao? Tuy nhiên sự chuyển biến nầy thường diễn ra một cách rất giản-dị và rõ-ràng, vì rằng người tưởng tượng với cảnh-giới do óc tưởng tượng ấy tạo nên trở thành một thực-tại rất khách quan, và ít hay nhiều chúng ta cũng bị nó chi-phối. Thực tại nầy không thuộc về thuần lý-trí. Nó tác động ngay cơ năng tình-cảm chúng ta trước khi lý-trí tiếp nhận nó.

Trước sự phô diễn ấy, chúng ta phản ứng bằng cách phô diễn những tình-cảm do quang cảnh gây ra. Một bộ mặt hay một cảnh-trí vui gợi lên một nụ cười. Cơn giận dữ hung tợn gợi lên lòng sợ sệt. Một bề ngoài dơ dáy, xấu xí hay thối tha (ví dụ: kẻ mắc bệnh phung) làm cho người ta ghê tởm và buồn nôn. Chúng ta không thể tránh khỏi một phản-ứng tình cảm như thế. Lẽ dĩ nhiên chúng ta có thể che giấu tình cảm ấy, giữ cho

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nó khỏi phô-diễn ra ngoài. Nhưng chúng ta phải cố gắng ít nhiều. Về mặt tình cảm, chúng ta tự nhiên vẫn bị cái này lôi cuốn, cái kia đẩy lui. Ảnh-hưởng nầy thường chi-phối đời sống bản năng của thú vật như Lorenz đã chứng minh.

Trên kia chúng ta đã diễn-tả thái độ người điên. Qua những hành-vi đối với chúng ta, nó không nhìn nhận chúng ta là ai cả. Chẳng những nó nghi ngờ những đức tính của chúng ta, như những người bị bệnh thần-kinh suy-nhược thường có thái-độ ấy; nó còn ngờ vực đến cá-thể của chúng ta, đến quá khứ, dòng dõi, thân thể, hành-vi và tri-giác của chúng ta.

Tựu trung, thái độ người điên cho ta thấy rằng nó xóa bỏ tất cả những gì tương-quan giữa chúng ta và ngoại-cảnh. Sự kiện ấy đủ làm cho ta hoảng sợ. Có hai cách để thoát khỏi: một là tuyên bố rằng người điên là một kẻ đã vượt ra khỏi thực tại liên chủ thể của chúng ta và xem nó như là bậc tiên, thánh, v.v... hai là tuyên bố rằng người điên là một kẻ phạm trọng tội, một tên sát nhân cần phải tiêu diệt ngay.

Ở đây chúng ta không đề cập đến hạng người điên « đặc biệt » như Hölderlin, có thể phát biểu những điều đúng sự thật mà người thường khó tìm hiểu được. Chúng ta cũng không bàn đến hạng người điên phạm tội sát nhân; hạng này cũng hiếm. Chúng ta chỉ lưu ý đến sự khiếp sợ do hình dáng có vẻ sát nhân của người điên gây nên. Khiếp sợ vì sao? Vì chúng ta cảm thấy cá-thể chúng ta lâm nguy trước luận-điệu phá hoại của người điên.

Nhưng vấn-đề còn phức tạp hơn thế. Trước khi nói đến trường hợp người điên, sự tương thuộc giữa người và người chỉ là một vấn đề triết-lý hay xã hội đối với chúng ta. Cá thể của chúng ta tựa lên trên nền tảng ấy mà ta không để ý. Nay bỗng thấy rằng chẳng những một số đặc tính của chúng ta, mà chính ngay đến cá-thể của chúng ta cũng trở nên tùy thuộc kẻ khác, ý-tưởng này làm cho ta kinh-sợ. Người điên đặt chúng ta trước sự lựa chọn: hoặc chấp nhận sự tương thuộc ấy, và đồng thời, nhận cái trách-nhiệm và mối đe dọa xã hội do đó mà ra, hoặc chúng ta để cho người điên đưa chúng ta vào (ít ra cũng một phần nào) thế-giới ảo-tưởng của nó,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trong ấy cái gì cũng có thể có được. Như vậy chúng ta chỉ đối mồi kinh sợ vì tùy thuộc kẻ khác—kẻ này là một người hay một xã hội có thực—thành ra mồi kinh sợ đối với những lực-lượng vô hình, vô danh. Nhưng thật ra, chúng ta không có quyết định gì trong sự lựa chọn ấy: chúng ta chỉ kiếm cách từ bỏ người điên, như người ta đã làm trong những thế-kỷ trước. Nhưng với xã hội tân-tiến ngày nay chúng ta không thể làm thế được. Người điên và sự phô-diễn nguy hiểm của bệnh điên vẫn sờ sờ trước mắt. Nếu chúng ta không sẵn-sàng chấp nhận sự tương-thuộc giữa người và người, chúng ta bắt buộc phải tự bảo vệ đối với sự phô-diễn bệnh điên bằng cách đặt phương-pháp kiểm soát để giữ mình đối với sức ám hại của những lực-lượng vô hình. Như vậy, chúng ta sẽ trở lại với thái-độ ngày xưa.

Sự phô-diễn bệnh điên làm cho chúng ta, ngay lúc đầu, thay đổi thái-độ đối với một người nguyên trước là thân thuộc với chúng ta. Chúng ta bắt đầu giữ gìn. Chúng ta không còn nhìn nhận những lời họ nói một cách giản-dị, dù là trường-hợp họ cố gắng để thân mật với ta như trước. Chúng ta bắt đầu tự hỏi lời nói ấy hàm ẩn-ý gì bên trong. Chúng ta đáp lời họ một cách dè-dặt, nếu không tỏ ra sợ hải. Giọng nói chúng ta cũng thay đổi, khác với âm điệu thường ngày. Tóm lại chúng ta mất thái-độ tự-nhiên, và như thể thiết tưởng bệnh nhân đâu có sai lầm khi nó ngờ vực chúng ta. Đó là cả một vòng lẩn quẩn vậy.

Việc chăm nom một lưu-dưỡng-đường bệnh điên cũng như thế. Lẽ dĩ-nhiên, người ta phải lo giữ mình để khỏi lâm nguy vì những cơn điên bất thường của con bệnh, mặt khác người ta phải giữ cho bệnh khỏi tự sát. Nhưng khi làm việc tự vệ tối cần nầy, ta cũng có ý như nhờ đến phù chú để đối phó với những cái không lường trước được mà ta thấy trong cử chỉ con bệnh. Thật ra bệnh nhân cũng không nguy-hiểm gì lắm, nó chỉ làm phiền chúng ta thôi. Lắm khi, chỉ vì sự phiền nhiễu ấy mà chúng ta giữ gìn một cách thái quá. Chúng ta nhốt con bệnh trong một phòng rộng, cắt đứt mọi liên-lạc thân mật. Bình đi tiêu cũng đặt ngay giữa phòng. Không có phút nào, mắt rời khỏi con bệnh. Như vậy, bệnh nhân làm gì chẳng có cảm-tưởng như bị giam trong một trại tập-trung. Không phải là vô cớ mà nó cho rằng người ta muốn kiểm-soát cho đến những hành-vi kín đáo nhất của nó. Một lần nữa, chúng ta đứng trước một vòng lẩn quẩn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

phát sinh không phải do một sự săn sóc thật sự có hiệu-lực và được giới-hạn trong phạm-vi cần-thiết, mà là do một sự kiểm-soát quá mức. Sự kiểm soát này chỉ do lòng sợ sệt quá đáng gây ra. Điều nầy cần phải tránh trong một lưu-dưỡng-đường.

***

Ví dụ thứ ba: vì bệnh-nhân ngờ vực đến cá-thể chúng ta mà nó cho là giả-mạo, nên nó cho rằng chúng ta là tay sai của những kẻ thù ẩn mặt của nó, rồi nó nhào đến chụp chúng ta: nó làm cho chúng ta sợ và gây cho chúng ta những phản-ứng chống cự. Như vậy lại càng làm cho nó tin rằng sự nhận xét của nó là đúng. Nó nghĩ: kẻ kia tỏ ra sợ sệt, tất phải có lý do gì. Như thế, chúng ta lại càng làm cho nó bám chặt tánh hung-tợn của nó.

Những ví dụ trên đủ cho ta thấy rằng sự tương-quan giữa người điên và khung-cảnh sinh-hoạt đã làm phát sinh những vòng lẩn quẩn như thế nào, nhưng tất cả đều đưa đến một kết-quả: đoạn tuyệt thực sự và dứt khoát tất cả các liên lạc giữa người với người, và đoạn tuyệt do cả đôi bên. Do đó, nhờ những phản-ứng của chúng ta, bệnh nhân có thể một phần nào coi những điều nó tưởng tượng lộn xộn là có thực. Đối với nó, chúng ta là nhân-viên của cơ quan an-ninh, là những viên mật-thám, là tay sai của những lực-lượng vô-hình chứ không còn phải là anh em, là khán hộ, là y-sĩ.

***

Như vậy chúng ta nên xử-trí thế nào? Phải trông nom con bệnh, nhưng phải đem chúng ra khỏi vòng lẩn quẩn. Cách đối-xử với người bệnh có thể rút lại thành hai quy-tắc:

1) Trước người điên, chúng ta phải tự đàn-áp lòng sợ sệt, không để cho cảm-giác ấy phát lộ ra ngoài, nhưng đừng trở nên vô-cảm vô-tâm. Ta phải hiểu những ý-hướng phủ nhận nhân-vị của người bệnh, nhưng làm bộ như là không biết và đừng xem đó là một sự nguy-hiểm đe-dọa ta. Phải làm cho bệnh-nhân nhận thấy rằng chúng ta rất chú trọng đến những điều nó muốn, chúng ta không sợ-sệt nó, và sẵn-sàng gây những mối liên-lạc hỗ-tương chủ-quan với nó. Tựu-trung, đó là một thái-độ phân-tâm-học mà chúng ta cần phải có, và đó cũng là một việc rất khó làm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

2) Phải sáng suốt khi áp-dụng những điều cấm đoán bệnh-nhân. Điều kiện thứ hai nầy liên-quan với điều-kiện trên. Phải tỏ ra rằng không phải vì sợ sệt bệnh nhân mà ta cấm đoán như thế, nhất là không nên bày ra những hình thức cấm-đoán quá đáng và vô ích. Chúng ta sẽ thấy rằng có một số người điên vui lòng chấp nhận những điều cấm đoán cần thiết cho nó, dần dần nó tuân theo một cách tự-nhiên, người ta không cần để ý đến nữa. Điều nầy rất dễ hiểu vì, trước hết, khi người ta làm một việc cần thiết cho kẻ khác với thiện-chí, không vị lợi, và tỏ ra không mảy may ngờ vực họ, tất việc ấy mất tính cách lăng nhục họ, không gây những phản-ứng hung-hăng và được họ chấp nhận dễ dàng. Ngoài cái nguyên tắc tâm lý thông thường ấy, những sự cấm đoán nói trên vẫn còn dành cho bệnh-nhân một địa-hạt tự-do, hoàn-toàn tùy thuộc nó. Những điều cấm-đoán nói trên gạt một số sự việc ra ngoài trách nhiệm của nó, nhờ đó nó có thể tạo nên một phạm-vi thân mật nhỏ cho nó và làm cho nó cảm thấy dễ chịu. Sự dễ chịu nầy giúp cho bệnh nhân tìm hiểu mình lại và lập lại mối tương-quan giữa nó và cảnh-giới chung quanh. Do đó, sau vài ngày bệnh nhân bằng lòng khi bị cấm ra khỏi bệnh-viện cũng như khi bị cấm hành động theo ý-nghĩ cuồng sảng của nó. Người ta nhận thấy rằng đối với người bị bệnh « tinh-thần phân tán », người ta có thể tin vào lời nói của bệnh nhân cũng như tin một người thường vậy.

Tại bệnh-viện Freiburg, chúng tôi hiện đã có thể làm cho gần hết bệnh-nhân tin rằng chính vì lợi ích cho họ mà người ta chữa họ trong một nơi cửa khóa. Các bệnh-nhân đều chấp nhận điều ấy. Điểm nầy rất quan-trọng, vì theo luật lệ tại xứ tôi (nước Đức. L.T.S.), nếu bệnh-nhân phản-đối thì việc ấy phải được đem ra tòa xét xử. Đa số bệnh nhân ở xứ tôi, mặc dầu lưu-dưỡng trong một nơi có cửa khóa, vẫn được đi dạo phố mỗi tuần hai lần.

Đó là về những điều cấm-đoán cần-thiết đối với bệnh-nhân. Nhưng trong thực-tế, phải cư-xử thế nào? Chúng ta đã đề-cập đến vấn-đề tạo một phạm vi thân mật cho bệnh-nhân. Vấn-đề nầy rất quan trọng. Phải làm thế nào để nơi chữa bệnh tâm-linh đừng biến thành một trại lính. Phải để họ mặc áo quần riêng của họ, tuy biết lúc đầu họ sẽ xé rất nhiều. Nhưng sau một thời gian thì thôi xé. Nếu dưỡng-đường có lệ buộc bệnh-nhân phải mặc quần-áo riêng của họ thì ít khi thấy một bệnh nhân mới vào xé

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

quần áo. Người ta cho mỗi người bệnh một cái tủ, giao cho nó một chìa khóa và nói với nó rằng còn một chìa nữa thì do bác sĩ giữ. Về thư từ cũng thế. Phải nói với bệnh nhân rằng bác sĩ có quyền mở thư để xem, chỉ bác-sĩ mà thôi, chứ không phải người phụ-tá hay cô nữ khán-hộ. Phải kiểm-duyệt một cách công khai, đừng làm lén lút. Đó là là những hành-vi bên ngoài.

Nhưng còn phải đối phó với những ý-tưởng mê-sảng, những cơn điên-cuồng. Một trong các phương sách là làm thế nào để biến cơn cuồng sảng ấy thành trò chơi. Ô. Benedetti đã phải đánh lộn thực sự với những bệnh nhân điên của Ông. Nhưng trong chốc lát, cuộc đánh lộn đã biến thành một trò chơi thể thao. Đối với ý-tưởng mê sảng, người ta cũng dùng phương-pháp ấy. Một nữ tài-tử trẻ tuổi và điên có ý-tưởng rằng trong các bệnh-nhân và nữ-khán-hộ, có một số người có vẻ « Nga », và muốn khám phá ra rằng những người ấy là tay sai của cộng-sản. Tôi đưa nữ bệnh-nhân ấy đi dạo miền quê rồi bắt đầu chỉ cho cô vài người phụ-nữ nhà quê hơi giống như người Nga, rồi tôi lại chỉ những người khác không giống, nhưng tôi vẫn nói họ là « Nga », rốt cuộc chúng tôi cả cười với nhau khi tôi cho rằng những mèo, chó, bò và xe cộ đều « Nga » cả. Từ đó, bệnh-nhân bỏ hẳn ý-tưởng mê cuồng ấy. Vấn đề vẫn là coi cơn mê sảng là một trò chơi tưởng-tượng.

Phương pháp thứ ba là cách phân-tích trực-tiếp của Rosen. Ở đây người ta tìm cách cụ-thể-hóa những hành-động phá-nhân-cách của người bệnh. Ví dụ, đối với một bệnh nhân tự cảm thấy bị con yêu tinh quấy phá hànhhạ, người ta thay thế con yêu-tinh ấy bằng người cha hay tình-nhân của cơn bệnh v.v...Rồi người ta nói với nó rằng nó phủ-nhận tha-nhân và nó dàn cảnh như thế là vì có ý muốn giết người. Như vậy hay hơn cả là giết ngay mẹ nó đi. Với phương-pháp ấy, có khi người ta đạt những kết quả rất lạ, và tôi đã thấy những cơn bệnh khẩn-trương của những bệnh-nhân rất hung-hăng, sau ba giờ chữa theo phương-pháp này, đã biến thành bệnh trầm-uất (dépression mélancolique) hay chứng cuồng si (manie). Những bệnh này tương đối rất dễ chữa hơn. Phương-pháp ấy đã đem lại những ảnh-hưởng gì? Chúng ta đã thấy một số triệu-chứng không còn nữa, hoặc một triệu-chứng nầy biến thành một triệu chứng khác. Thật ra, ít khi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người ta chữa lành bệnh chỉ bằng cách thay đổi cái khung-cảnh bệnh-nhân sinh-hoạt mà thôi. Nhưng người ta có thể coi kẻ điên là một người bị suy-nhược tinh-thần, sẵn-sàng chịu cho người ta săn-sóc như những bệnh-nhân khác. Tất-nhiên, nhờ những thứ thuốc chuyên-trị bệnh tâm-linh, người ta cũng có thể tạo nên điều-kiện cho sự thay đổi nói trên, mà không cần đến phương-pháp dùng lưu-dưỡng-đường. Nhưng ngược lại, sự thay đổi khung-cảnh sinh-hoạt của bệnh-nhân cũng làm giảm bớt liều thuốc trị bệnh một cách công hiệu và hơn nữa, bệnh-nhân, đáng lẽ bị ép buộc dùng hết thuốc nầy đến thuốc khác, thì ở đây được hành-động thong-thả tự-do trong một khung cảnh thuận-tiện cho sự chữa bệnh.

ERICH WULFF

NGUYỄN-THÚC TOÀN dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tha nhân (1)
thành-phần của bản-thân tôi

TRẦN-VĂN-TOÀN

Tha nhân là người, ta cũng là người; nhưng tha nhân là người khác ta. Mà đã là người thì ai cũng vừa là chủ-thể vừa là khách thể. Cái thân phận tinh-thần nhập-thể của ta là thể. Do đó, ta có thể nhìn nhận chủ thể của tha nhân, mà cũng có thể chỉ coi tha nhân là một cái gì khách quan.

Ta hiện thân trong thế-giới đồ vật và nhất là trong thân thể ta. Mất thân thể hay thiếu đồ vật, hiện diện ta bị mất hẳn hay bị cắt cụt. Đối với tha nhân cũng thế. Vì thế ta có thể nhận ra tha nhân trong tất cả các môi giới của đồ vật hay của chính thân thể.

Nhìn những đống gạch vụn của thành trì bỏ hoang, những tàn tích từ thời xưa để lại, như bia đá, đồ đạc cũ, ta có thể nhận ra rằng có người đã sống đâu đây. Các định chế phong tục mà ta đọc trong sách hay là va chạm hằng ngày đều nói lên một lối hiện-thân tập thể của một nhóm người. Đọc sách của một tác giả ta cũng có thể đối thoại với người ấy như khi đối diện với họ.

Ta có thể gặp tha nhân một cách trừu-tượng, như là một người có một địa vị, một chức vụ trong xã hội. Thái độ của ta lúc đó không nhằm tới bản

---

(1) *Tha nhân* cũng gọi là *người khác*. Nhưng cả hai cách gọi, không cách nào nói lên đúng điều chúng ta muốn. « Tha » là chữ Hán-Việt, chỉ người mà chúng ta nói đến; « *người khác* » là người khác ta, có thể là người mà ta nói với, nhưng cũng có thể là người mà ta nói đến. Chữ « *autrui* » trong tiếng Pháp, cũng như chữ «*người khác*» trong tiếng Việt, không chỉ rõ rằng đó là người mà ta nói với. Tuy nhiên chúng ta vẫn cứ dùng chữ *tha-nhân* và chữ *người khác* như chữ *autrui* để chỉ người đối thoại với ta, người mà ta nói với (dĩ nhiên khi nói về người đã đối thoại với ta, thì người ấy là tha-nhân, theo đúng nghĩa đen).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thân của tha nhân, nhưng nhằm vào chức vụ mà xã hội đặt cho tha nhân. Một người có thể rất nghèo, sống trong một hẻm lấy lội với vợ ốm với một đàn con đói rách, ta có thể biết rõ hoàn cảnh ấy; nhưng khi người ấy đảm đang một nhiệm vụ trong xã-hội, ví dụ như làm nhân-viên soát vé trên xe lửa, nhân-viên cảnh-sát công-lộ v.v..., thì dù ta là gì đi nữa vẫn phải để người ấy hỏi vé, hỏi giấy tờ, chận xe ta lại, hay đôi khi phạt vi cảnh. Chỉ có những phần tử thiếu giáo dục, thiếu công dân giáo dục, mới tưởng rằng hễ mình giầu và có địa vị, có bằng cấp, là tự nhiên có thể không tuân lệnh, xỉ vả hay nạt nộ những nhân viên đó: khinh nhờn nhân viên công lực là khinh nhờn xã hội đang che chở cho mình.

Sau cùng ta có thể gặp tha nhân trong thân tình, lúc đó ta để ý đến bản thân của họ, từ cái dáng điệu, cái thân thể, cho đến tính tình và vận mệnh người đó, ta chấp nhận cả.

*

Nhưng trái lại, con người dù huyền bí mấy cũng là một cái gì khách-quan, do đó có thể bị ta thu giảm thành từng bộ mặt khách quan.

Ta có thể coi tha nhân chỉ là một bộ máy sinh lý như là loài động vật. Ta sẽ có thể tính xem mỗi ngày bộ máy đó phải trao đổi bao nhiêu ki-lô vật chất với cảnh giới chung quanh để có thể sống được. Khi ta coi người là vô dụng, chỉ ăn hại cơm trời, thì đó là lúc ta giảm trừ họ vào một bộ máy sinh lý.

Ta có thể coi tha nhân là một bộ máy tâm-lý có những phản ứng mà ta có thể dự tính được. Ta xem xét tính tình và các phản ứng để có thể lợi dụng họ được. Muốn được những phản ứng ta muốn, ta phải kích-thích bộ máy ấy theo đúng chiều. Biết được những phản ứng đó, ta nói là ta « đi guốc trong bụng » tha nhân. Biết một người ưa tiền, thích rượu, mê gái, ta có thể tìm cách thỏa mãn họ, để được những đặc ân, như được bổ làm quan huyện, đi thi đỗ v.v... Tha nhân lúc đó chỉ là một phương-tiện. Ta không thể lầm tưởng rằng thái độ cung phụng của ta là do lòng trọng kính mà ra !

Nhà tư bản, có thể coi thợ vô sản là cái máy sản xuất và tiêu thụ. Họ sẽ tính trả vừa đủ lương cho thợ thuyền để có đủ sức làm việc, đủ sức sinh

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đẻ ra lớp thợ vô sản tương lai, nhưng họ sẽ không bao giờ muốn trả lương quá mức đó. Phải, một cái máy làm việc, một con vật kéo xe, làm gì có những nhu cầu về trí-tuệ, về thẩm mỹ, về tôn giáo, làm gì cần giải trí lành mạnh cho mất giờ tồn của. Đó là số phận dân vô sản ở Âu-châu vào thế-kỷ 19 và ở nhiều nơi khác hiện nay. Cái máy sản xuất không có vận mệnh gì.

Trong những lúc cạnh tranh sinh tồn, thường thường ta cũng chỉ coi tha nhân là thành phần của một nhóm, một đảng, một giai cấp, một dân tộc khác. Ta có thể giết chết một người, chỉ vì người ấy mặc bộ quân phục khác ta hay ở một địa vị khác ta, mà không thắc mắc gì về đời tư người ấy. Người ấy có thể là người cùng làng, có thể là người trong họ với ta, người đó có thể là một người tốt và cũng có mẹ già, vợ trẻ, con thơ phải nuôi. Nhưng không, ta chỉ biết nhìn người ấy một cách trừu tượgg chứ không hề gặp tha nhân với vận mệnh riêng của họ.

*

Tha nhân là cái bóng, lúc ẩn, lúc hiện. Những cái đưa hiện-thân của người khác đến với ta, lại cũng chính là những cái màn che khuất tha nhân.

Liên lạc của ta với tha nhân tùy thuộc vào hai quan điểm đó. Nhưng dù chúng ta đối với tha nhân như thế nào đi nữa thì tha-nhân cũng gắn liền vào bản thân ta. Muốn hiểu rõ, ta sẽ suy nghĩ về sự tranh-đấu, sự thân tình, và sự khiêm diện của tha-nhân.

***

TRANH-ĐẤU.

Thái-độ khách-quan đưa đến tranh-đấu với tha-nhân. Ta có thể coi cái bàn cái ghế là đồ vật, ta có thể coi núi non sông biển là đồ vật: Không có ai phản đối gì, các đồ vật đó cũng không phản đối gì. Ta có thể coi loài vật như loài đề hầu hạ cung phụng cho ta: chúng cũng không lấy làm chướng. Vì thế chúng ta có thể cắt xén thiên-nhiên để làm nên các dụng cụ. Vì thế đối với loài vật, ta có thể giết con này để ăn thịt, đánh chết con kia để lấy da bưng trống, đóng giầy, may áo, lấy xương nấu cao; ta có thể nhốt con này vào lồng, tha con kia vào bể nước, chặt đuôi con khác để trông cho vui mắt.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng khi đem thái-độ khách quan ấy đến tiếp xúc với tha-nhân thì sẽ có xung đột. Ta muốn làm chủ tha-nhân như các đồ vật trên kia, nhưng tha nhân cũng có khả năng làm chủ ta như thế. Vì thế phải dùng võ lực.

Nếu ta mạnh thì tha nhân phải thần phục ta để được sống. Lúc đó ta làm chủ, tha nhân nhận ta là chủ. Các bậc vương giả trong các nền văn-minh thượng cổ dùng nô lệ theo đủ kiểu. Nô-lệ có thể khom lưng như cái ghế để chủ-nhân lên ngựa, có thể quỳ xuống bưng mâm cơm như cái bàn, có thể canh gác nhà chủ như con chó giữ nhà, có thể khiêng kiệu cho chủ thay vì bò, thay vì ngựa. Nô-lệ không được có vận mệnh gì cả.

Làm chủ con người vẫn hơn làm chủ con vật, vì con người thông minh hơn con vật lại có thể hiểu ý chủ và hầu hạ đến nơi đến chốn hơn. Loài vật không thể dùng để rửa chân, tắm rửa cho chủ hay là dọn cơm cho chủ được.

Nhưng làm chủ con người vẫn có cái nguy: con người có thể phẫn uất và làm loạn. Nô-lệ có thể sợ ông chủ trong bước đầu vì ông chủ có cái « vai năm tốc rộng thân mười thước cao », vì ông chủ có nhiều của cải, nhiều quyền hành. Nhưng sau khi đã làm việc cho ông chủ ít lâu, nô-lệ có thể ý thức được rằng ông chủ hoàn toàn tùy thuộc vào nô-lệ chứ không có gì đáng sợ cả: không có nô-lệ vất vả làm việc và hầu hạ thì làm gì vai ông chủ rộng tới năm tấc, thân ông chủ dài tới mười thước mãi được, làm gì ông chủ có nhiều của và nhiều quyền hành được. Nghĩa là ông chủ chỉ là ông chủ đáng sợ khi có những nô lệ sợ sệt. Đời sống ông chủ hoàn toàn tùy thuộc vào nô-lệ. Hết nô-lệ thì ông chủ cũng hết sống. Vì thế đôi khi vì tư lợi ông chủ cũng phải săn sóc nô lệ, tư bản cũng phải cho vô sản đủ ăn. Tài trí ông chủ dùng vào việc để phòng không cho nô-lệ làm loạn, bằng cách dùng toán nô lệ này để trị toán nô lệ khác. Về điểm này, các chế độ thời thượng cổ cũng không khác chế độ độc tài của thế kỷ 20 là bao nhiêu.

Đời sống của ông chủ, đối với Hegel, là một lối bế tắc. Vẫn biết ông chủ có sức và có can đảm để liều mạng trong khi tranh đấu, nghĩa là lướt thắng được yếu tố sinh lý ở trong mình, và vì thế đáng làm chủ. Nhưng khi là chủ rồi, con người chỉ còn biết hưởng thụ như con vật no nê thôi: không còn gì là nhân cách nữa.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trái lại, cũng theo Hegel, lối sống của nô-lệ là con đường đưa tới văn-minh.

Nô lệ thua ông chủ, vì nô lệ sợ chết, nô lệ chịa thua đòi hỏi sinh lý, mà ông chủ lại thắng được yếu tố sinh lý. Lẽ đương nhiên là thế. Nhưng không phải vì thế mà nô lệ không tới một ý thức gì cả. Nếu chủ-ông ý thức được mình là chủ thể vượt lên trên vật giới, thì nô lệ lại ý thức được mình là vật-chất, là khách-thể, chìm vào trong vật giới, và ý-thức rằng nếu không có vật chất thì mình không sao hiện thân ở đời được: mất xác là hết sống. Hai đàng cùng ý thức về thân phận làm người, nhưng đàng nào cũng thiếu sót.

Người ta chỉ tới ý thức về thân phận làm người cho đầy đủ, khi tổng hợp được ý thức của chủ-ông với ý thức của nô lệ, nghĩa là ý thức được rằng mình vừa là chủ thể vừa là khách thể. Hiện nay ta nói: ý thức ta là tinh-thần nhập thể.

Đời sống của ông chủ chỉ có hai ngả: hoặc là chết ở bãi chiến trường vì quá liều mạng, hoặc là sống làm chủ và chỉ còn biết hưởng thụ như loài vật. Không bao giờ chủ-ông có thể ý-thức được mình là khách thể, là vật chất.

Nô lệ ý thức mình là khách thể và phải làm cho chủ ông. Liên lạc của con người với vật chất có hai cạnh: hưởng thụ và cần lao. Chủ ông chọn phần dễ chịu là hưởng thụ, và dành phần khó nhọc là cần lao cho nô lệ. Chủ-ông bắt buộc nô-lệ làm cho mình hưởng. Tình trạng có vẻ bất-nhân, nhưng theo Hegel, cái bất-nhân ấy là đường đưa con người đến chỗ đạt-thân. Nói thể khác: cần lao phải là cưỡng-bách cần lao mới có thể đưa tới văn-hóa. Văn hóa xây dựng trên sự cưỡng bách cần lao.

Vì sao lại có truyện có vẻ nghịch lý như thế? Phải chăng nói như thế là biện chính cho chế-độ khổ sai, như kiểu chế độ Quốc xã ở Đức cho để ở cổng các trại tập trung: « Cần lao làm cho con người tự do » (Arbeit macht frei) ?

Cần phải nói ngay rằng vì có ông chủ ở bên, mà nô lệ biết cần-lao. Vì sao thế? Nếu để tự nhiên thì người ta chỉ làm để tiêu dùng ngay mà không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

xét đến tương lai, như chúng ta thường thấy trontg tính tình và thói quen của vài dân tộc bán khai và man di. Ngay ở những nước văn minh, nhiều người chỉ nghĩ đến việc đi buôn để lấy lãi ngay, chứ không biết nghĩ đến việc kinh doanh lâu dài. Nếu không có ông chủ, người ta chỉ làm để ăn ngay rồi thôi.

Vì có ông chủ đòi hỏi nên nô-lệ phải làm, làm như thế để cho mình hưởng, nhưng đến lúc xong lại phải kiềm hãm bản năng của mình để đưa cho ông chủ. Hơn nữa ông chủ còn đòi nô lệ phải làm theo cách thức ông chủ đưa ra, làm những cái ông chủ cần chứ không làm những cái nô lệ cần. Do đó, nhờ ý muốn độc tài của ông chủ mà thằng ở hay nô lệ biết làm chủ bản năng của mình (nó kiềm hãm lòng ham muốn riêng của nó). Nhờ sự thôi thúc của ông chủ mà nó sợ, nên nó tìm cách biến đổi vật-giới: từ đó nó đi tới kiến thức và kỹ-thuật, nó hiểu tính chất của vật giới và biết cách tạo nên các đồ vật. Như thế nghĩa là đang từ chỗ ý-thức mình là khách-thể, là vật chất, nô-lệ nhờ có sự quản thúc của ông chủ mà làm chủ được bản thân và làm chủ vật giới. Đó là con đường quanh co đưa con người đến ý-thức đầy đủ về thân phận làm người.

Hơn nữa các sản phẩm của nô lệ đều bị ông chủ lấy mất thành ra nô lệ có thể tự tách mình ra khỏi các sản phẩm của mình. Nó biết rằng nó hơn tất cả các sản-vật ấy. Nó có thể tới ý-thức như thế là vì ý thức đòi phải có một quãng cách. Quãng cách ấy, ông chủ đã giúp nó thực hiện được. Từ đây xã hội loài người sẽ biến chuyển vì tình trạng thiếu thăng bằng. Vì rằng: cũng như ông chủ, người nô lệ đã thành công trong việc làm chủ bản thân, và hơn nữa còn làm chủ được vật giới, thế mà vẫn phải sống trong trạng-thái nô-lệ.

Xã-hội phải biến chuyển để giải quyết cái mâu thuẫn giữa ý-thức tự-do (ý-thức làm chủ) và tình trạng nô-lệ có thực. Xã hội sẽ tiến đến chỗ thực hiện được tự-do. Nhưng đây là vấn đề khác.

*

Chỉ cần nhắc rằng tất cả văn minh của chúng ta là do công trình của con người khi ở trạng thái nô-lệ.

Ông chủ cay nghiệt ở thời thượng-cổ, ngày nay không còn nữa. Nhưng vẫn xuất hiện dưới nhiều hình thức tế nhị hơn. Có những người lười-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

biếng, nhưng sau khi lấy vợ thì thấy chăm chỉ làm lụng hơn. Có người khác cần mẫn, đứng đắn vì nghĩ đến gia-phong.

Đấy là về cần-lao. Ngay các hình thức văn minh khác cũng thế. Con vật trao đổi vật-chất với vũ trụ tùy theo nhu cầu: thấy thiếu chất trong mình thì tìm thêm, thấy thừa thì đẩy ra bất cứ ở chỗ nào. Người ta, nếu để tự nhiên từ nhỏ, thì cũng thế. Trẻ con chưa hấp thụ văn minh của xã hội chung quanh nên cũng gào ăn và phóng uế tùy hứng khởi. Tự nó chưa có một ý-chí gì để bó buộc mình vào một khuôn phép, một kỷ luật. Nhưng ý-chí người lớn đã thay ý-chí nó để tập cho nó biết trao đổi vật chất với ngoại giới cho đúng chỗ đúng lúc. Người văn minh là người có kỷ luật để làm chủ bản thân. Người man di để mặc cho bản năng và hứng khởi làm chủ mình.

Nếu có một mình, có lẽ ta không thấy cần phải « mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao », không thấy cần phải dùng bát đĩa thìa đũa để ăn uống. Nhưng hiện-diện của tha nhân như mời gọi ta xuất hiện dưới những hình thức lễ nghĩa như thế, tuy rằng không có nó ta cũng vẫn sống.

Thế giới nhân loại gồm nhiều đồ vật do tay người làm ra. Chúng biểu lộ sự hiện thân của con người một cách phổ biến. Đồ vật tôi làm ra, có thể ăn khớp vào thân thể người khác, đồ vật người khác làm cũng có thể ăn khớp vào thân thể tôi. Vì thế chúng tôi có thể dùng sản-phẩm của nhau. Các sản phẩm ấy có giá trị phổ biến. Nhưng chúng ta chỉ có thể làm ra thế giới nhân văn, khi biết kiềm hãm dục-vọng để sản xuất những thứ ta không dùng ngay, và có lẽ không bao giờ dùng đến. Thành ra đồ vật chúng ta tác tạo không trở về chúng ta, nhưng hướng về phía tha nhân để đi tới sự gặp gỡ.

Đến đây ta có thể nhận định rằng ta cần phải có tha-nhân mới biết làm chủ bản thân (nếu chưa đủ ý chí để tự chủ thì ý chí tha-nhân sẽ giúp ta làm chủ chính mình) và làm chủ nhiên-giới. Có tha nhân, cần lao mới có giá trị nhân văn (sản xuất ra những đồ vật có giá trị phổ biến). Tắt, ta cần có tha nhân để thành người văn minh.

*

Trước khi bàn đến sự thân tình giữa người với người, cũng nên nói qua rằng xã-hội lý, do biện chứng « ông chủ và thằng ở » mà ra, đưa chúng ta đến sự nhìn nhận nhau là người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tuy nhiên các tổ chức trong xã-hội lý đều có tính cách ngoại tại. Trong những tổ chức như quân-đội, kinh-tế, chính trị, mỗi người chỉ là một bánh xe trong guồng máy, phải tuyệt đối tuân theo các đòi hỏi của cả bộ máy. Quân nhân phải tuân lệnh cấp trên, công dân phải làm những việc mà xã-hội gán cho mình, đảng viên đôi khi phải theo kỷ luật đảng mà bạo động, nói dối, tuy mình không muốn. Các tổ chức đó nhằm tới hiệu quả, cá nhân chỉ là phương tiện để tới mục đích.

Đi vào một tổ chức xã hội là vong-thân, là đánh mất bản thân. Nhưng các tổ chức đó vẫn có thể là một lối cụ thể hóa dự định sống chung của loài người, nếu người ta chấp nhận ý nghĩa của nó.

Nói tóm lại, cần phải có một tổ chức có tính cách ngoại tại để thực hiện ý-định sống chung của người ta vào bình diện khách quan. Nhưng chỉ có cái mục đích chung ấy mới có thể là cái hồn làm cho các kỹ thuật tổ chức có ý nghĩa. Thiếu nó, xã hội chỉ còn là chỗ cưỡng bách vô lý. Xã hội chỉ thành xã hội nhân đạo khi các việc phân công tác và định vị trí được coi là lối hiện thân của ý-định tương giao và do nó định hình.

Tha-nhân định hướng cho một lối hiện thân ở đời của ta vậy.

***

THÂN-TÌNH

Nếu xã-hội lý thanh toán được sự tranh đấu giữa người, bằng cách làm nên một công trình văn hóa, trong đó con người được nhìn nhận là người, thì xã hội tình vượt lên trên công trình đó. Pháp chế dàn xếp được sự mâu thuẫn do bạo động dã man mà ra. Xã hội tình phủ-định pháp chế, không phải để trở về bạo động, nhưng để đi tới sự tương giao thân tình: trước kia người ta gặp cái gì cũng nhận là « của tao », cả, sau đó đã biết nhận trong pháp chế rằng « cái này của tao », « cái kia của mày », thì nay tới chỗ cho rằng « của tao cũng là của mày ». Vậy xã hội tình xây trên xã hội lý: ít nhất phải nhận nhau là người đã, mới có thể đi xa hơn trong thân tình.

*

Liên-lạc thân-tình có nhiều điểm khác liên lạc tranh-đấu. Đó là lẽ dĩ nhiên! Có lẽ vì đã nhấn mạnh vào biện chứng « ông chủ và thằng ở » nên

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hegel đã quên rằng liên lạc thân tình cũng là yếu tố căn bản tạo thành con người (chúng tôi có ý nói là liên lạc giữa hai bên nam và nữ, vì đó là liên lạc thân tình sâu xa nhất).

Không phải là Hegel không suy nghĩ về điểm đó. Trái lại, lúc còn thanh niên đã tìm hiểu ái tình theo khuôn khổ biện chứng : ông thấy trước khi đi vào ái tình hai bên là hai ý thức mãnh liệt, vào trong ái tình thì cả hai bên cùng mất ý thức, để rồi sau đó sinh ra một ý thức mới. Nhưng ông lại thấy rằng ái-tình là một lực lượng tự nhiên, rất gần bản năng, cho nên không có tính cách lịch sử và không tạo ra văn minh.

*

Theo Gaston Fessard (2), tuy ái tình rất khác tranh đấu, nhưng cũng theo một biện chứng song song.

Tiên vàn giai đoạn tranh đấu. Khác hẳn biện chứng « chủ-nô », hai bên nam nữ không tìm cách coi mình là chủ, để coi bên kia là sự vật phụ thuộc vào bản thân mình, không bên nào đe dọa sinh mạng của bên nào cả. Như thế không phải là hai bên nam nữ không có thể coi nhau như đồ vật và không đe dọa lẫn nhau: nam nữ vẫn có thể coi nhau như những lực lượng kinh tế hay sinh lý, như ta sẽ bàn đến, và những truyện áp bức nhau không phải là không có. Nhưng lúc đó không phải là ái-tình nhưng là thái-độ tranh đấu của biện chứng « ông chủ và thằng ở ». Có nhà tâm-lý học nhận xét rằng loài vật đực và cái không cho nhau ăn, chúng tìm mồi cho con còn nhỏ ăn nhưng không giúp đỡ nhau ăn uống (ta có thể thấy: không bao giờ gà đực đem mồi đến cho gà mái đang ấp trứng, dù chịu đói chịu khát để ấp lâu ngày), hơn nữa chúng còn tranh nhau miếng ăn là khác. Ở nơi loài người thì thái độ căn-bản là bảo đảm sinh mạng cho nhau: người ta làm cho nhau ăn.

Đặc biệt nhất là ở đây hai bên coi nhau là chủ thể tự do. Nếu là liên lạc tranh đấu, thì ta không cần phải coi tha nhân là tự do: nếu muốn ghét gắm hay làm hại ai, ta cứ việc tuần tự nhi tiến, chứ không cần phải hỏi ý kiến xem người ấy có cho phép hay không. Đàng này khắc hẳn, ái tình nhằm

(2) Trong: *Le mystère de la société*, Recherches de Science religieuse, 1948, số 1+2.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bảo đảm sinh mạng cho người khác, giúp đỡ người ấy phát triển và làm cho người ấy sung sướng. Ấy thế mà ta vẫn phải hỏi ý kiến người ấy, phải để người ấy tự do chấp nhận hay không. Trong ái tình, tranh đấu (có thể gọi là tranh-đấu) chỉ là mời gọi và chỉ tới đích khi hai cái mời gọi gặp nhau. Kết quả là hợp nhất, là an ninh, chứ không phải là đi vào một mặt trận nguy hiểm.

Nếu biện chứng « ông-chủ và thằng-ở » đưa đến cần lao, làm cho con người hòa hợp nhất với nhiên giới, thì biện chứng « nam và nữ » đưa đến chỗ người hòa hợp với người. Ở đây không có ai phải sợ ai, ở đây người ta vượt hẳn lên trên các qui chế mà xã hội đặt ra để tránh bạo động. Không ai tranh dành ai gì cả: con cái là của chung là hiện thân khách quan của ái tình chủ quan. Quyền bính mà luật gia đình thường dành cho người chồng không làm cho người chồng thành một ông quan để cai trị vợ, nhưng đó là quyền để bảo vệ (nếu không có quyền đó thì không được phép bảo vệ cho phụ nữ !), của cải cũng thành của chung mà không còn đặt vấn đề « của tao, của mày » nữa.

Trong thân-tình con người được nhìn nhận là một nhân-vị, có các đặc điểm riêng, có vận mệnh riêng.

*

Tuy nhiên trong đời sống con người vẫn có hai yếu tố làm cho nó tổn thương về mặt thân-tình. Một đàng thái độ tranh đấu của biện chứng « chủ nô » làm cho ta coi tha nhân là một người đe dọa hiện thân ta và làm cho ta coi họ như một bộ máy. Đàng khác tha nhân cũng là một thân thể khách-quan. Hai yếu tố đó là những cơ hội thuận tiện để ta thu giảm vào một mặt khách quan. Liên lạc ái tình cũng không thoát được các thái độ thu giảm ấy.

Ta có thể coi gia đình là một tổ-chức sinh lý. Mục đích là sinh con cái để nối dõi tông đường hay là để cho nòi giống hùng cường. Nhận như thế thì chế độ đa thê rất hợp lý: càng lắm vợ thì càng đông con. Con người chỉ có một giá trị sinh lý, cho nên đàn bà không có con bị đuổi ra khỏi nhà là lẽ đương nhiên. Platon ngày xưa chủ trương rằng muốn có con cái khỏe mạnh, nhà nước phải tổ chức cấm những ai không ở tuổi khang cường không được sinh con cái : tiên-sinh hạn chế tuổi khang cường của phái nam vào quãng 25-55 tuổi, của phái nữ vào quãng 20-40 tuổi. Chế độ quốc xã cũng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cho thủ tiêu những người mắc bệnh tâm linh và cản trở không cho những người mắc bệnh di truyền được sinh đẻ. Đến như thế này, xã hội không còn phải là chỗ thân tình nữa, con người chỉ là phương tiện của nòi giống gần như đoàn vật trong ti mục súc.

Một cách thu giảm tha nhân nữa là coi tha nhân là một giá trị kinh tế. Gia đình là một tổ chức kinh tế: giá trị con người là ở sức làm việc và ở tư sản. Do đó càng nhiều vợ nhiều con thì càng nhiều sức làm việc, vợ càng giầu thì kinh tế gia đình càng phồn thịnh. Nhà giầu đời xưa nhiều khi lấy vợ đã đến thì và khỏe mạnh cho con trai còn đang là thằng bé tí tí. Để yêu đương ư? Không, để làm việc trong nhà. Ngày nay người ta cũng tính toán rất kỹ để lấy chồng có địa vị có của cải, lấy vợ có nhiều của hồi môn: ai dám bảo là ái-tình mù quáng? Lạ một cái là nhiều người lại cứ đổ tội cho K. Marx là chỉ coi con người là một lực lượng kinh tế!

Gia đình nhiều khi không phải là chỗ hiện thân của ái-tình, nhưng là chỗ thực hiện các dự định của xã hội. Cha mẹ ép duyên con cái để cho môn đăng hộ đối, đâu có phải vì để ý đến tình của con. Việt-Nam xưa kia cống hiến mỹ nhân cho Tàu, gả công chúa cho vua Chiêm, là vì quyền lợi quốc gia. Cái kế Tây Thi cũng thế. Xã hội lấy cái lợi của mình mà chi phối cá-nhân: hiện nay có những đảng độc tài bắt đảng viên phải bỏ vợ bỏ chồng « thiếu lập trường ». Lúc đó cái hình thức thân tình của gia đình chẳng qua chỉ là cái vỏ che giầu một lực lượng xã hội đang lấn át cá nhân.

Ngần ấy thôi cũng đủ thấy cái mặt ngoài của nhiều tổ chức thân tình.

*

Vẫn biết con người không phải chỉ là một bộ máy sinh lý, một lực lượng kinh tế hay một lực lượng chính trị. Nhưng ta có thể gặp bộ mặt thân tình của tha nhân trong những lối xuất hiện khách quan trên đây, nhất là khi giá trị sinh lý, kinh tế và chính trị của tha nhân mời gọi ta chấp nhận.

Thiếu một vài nét «đáng yêu ấy», người ta có thể còn có thân tình với nhau. Nhưng trong trường hợp cực đoan, khi tha nhân không xuất hiện được dưới những bộ mặt khách quan đó, thì ta rất khó nhận ra bộ mặt đáng yêu của nhân vị cao quý. Một người ốm yếu, xấu, nghèo, ngu ngốc, bần-thiu có lẽ còn có thể « đáng yêu », nếu có ảnh hưởng hay là địa vị cao trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

xã hội. Nhưng nếu thiếu cả điểm cuối cùng này nữa thì có lẽ ta chỉ còn biết thương hại, chứ không sao thấy là « đáng yêu », trừ khi vì một lý do tôn giáo nào khác.

Tất cả các bộ mặt khách quan của tha nhân ở đây không phải là những lực lượng đe dọa ta, không phải vì ta có đủ quyền lực mà làm chủ được, nhưng là vì ta được tha nhân tự do tặng ta. Trái lại con người cụ thể của ta, thân thể, tính tình, vận mệnh riêng ta cũng được tha nhân nhìn nhận và bảo trợ. Cái nhìn của tha nhân không còn phải là cái nhìn biến ta thành đồ vật, nhưng là cái nhìn mời gọi, cái nhìn nhân đạo bảo đảm cho ta rằng ta được nhìn nhận là người, là nhân vị, ví dụ như cái nhìn của mẹ nhìn con, của tình nhân nhìn nhau. Thiết tưởng J.P. Sartre cho rằng ái-tình đưa đến thất bại là vì ông đã quan niệm nó theo như biện-chứng ông chủ và thằng ở của Hegel vậy.

*

Đến đây ta có thể nhận định rằng dù trong tranh đấu hay trong thân tình, tha nhân có một vai trò rất quan hệ trong sự nhân-hóa của ta. Có tha nhân ta mới tập làm chủ bản thân và tập làm chủ vật giới: có tha nhân ta mới tập làm người. Ý chí của tha nhân định hình cho nếp sống của tôi. Ý chí của tha nhân làm cho tác động của tôi biến thành cần lao (tạo ra đồ vật có công dụng phổ biến trong thế giới nhân văn). Trong xã hội tình tôi và tha nhân nhìn nhận nhau là người đặc thù, có vận mệnh riêng: chúng tôi không còn sợ cái nguy là bạo động hay là thái độ khách-thể-hóa (coi con người là đồ vật).

Tắt một câu, tha nhân là thành phần của bản thân tôi.

Muốn hiểu thêm, ta có thể đi một lối ngược lại. Ta có thể xem nếu vắng mặt tha nhân thì bản thân ta sẽ ra sao.

***

VẮNG MẶT THA-NHÂN.

Ta không thể tưởng tượng được thế giới của ta sẽ thế nào, nếu vắng mặt tha nhân. Ta chỉ có thể tưởng tượng hay cảm nghiệm sự vắng mặt của người nọ của người kia, và có thể biết bộ mặt của thế giới của ta lúc đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng ta không biết con người của ta sẽ ra thế nào, nếu không còn ai ở chung quanh ta. Đó là trường hợp cực đoan.

Nhưng có lẽ ta có thể phân tích những kinh nghiệm lẻ tẻ ấy để hiểu một phần nào trường hợp cực đoan ấy.

*

Ta chưa bao giờ cảm nghiệm được sự vắng mặt của ta trong thế giới, ta chỉ có thể quan niệm nó qua những kinh nghiệm tương tự. Ví dụ khi ta ốm mệt hay già yếu, ta thấy ta còn sống ở đời nhưng ta tham dự vào đời ít đi. Lúc ngủ, ta chỉ còn tham dự vào hành vận thế giới như một loài thực vật. Có những người bị bệnh tâm-linh cũng chỉ hiện hữu như một loài thực vật.

Trái lại ta có nhiều kinh nghiệm về sự vắng mặt của tha nhân. Đọc lịch sử ta thấy có những kẻ đã « vang bóng một thời », như Attila, Thành-cát-tư-hãn (Gengis Khan), Napoléon v.v...; nhưng những người ấy không còn làm cho ta sợ hãi nữa: họ vắng mặt trong thời đại chúng ta. Có những người khác ở Tàu, ở Ấn-độ, ở Âu-châu hay Phi-châu, nhưng ta coi như không có họ, vì họ ở xa và không có liên lạc gì với ta. Ở những trường hợp ấy, sự vắng mặt của tha nhân hình không làm cho ta thiếu thốn gì cả.

Chúng ta chỉ cảm thấy thiếu thốn một cái gì khi vắng mặt một người thân thuộc.

Khi một người thân thuộc đi vắng, đi xa, đi xa lâu, hay đi xa mà không bao giờ về nữa, lúc đó có lẽ ta biết người ấy còn sống (vì thỉnh thoảng có thư từ), nhưng ta không liên lạc với người ấy nữa: không gian đã ngăn rào không cho chúng tôi tiếp xúc với nhau. Ở một vài quốc gia như Bỉ chẳng hạn, người ta vẫn còn lên án tử hình những người can phạm, nhưng không xử tử nữa; lúc đó người ta khai tử và xóa tên cho người đó, và coi như đã chết rồi: người đó không còn được gặp ai thân thuộc bao giờ nữa, thư từ cũng cầm hẳn, người đó chỉ còn sống về thể xác, nhưng không còn có liên lạc xã hội gì với ai nữa. Có lẽ một người như thế có thể cảm thấy tha-nhân cần cho đời mình như thế nào. Nhưng ta không sao biết họ đã cảm xúc được gì. Gia đình người đó, tuy biết người đó còn sống, nhưng không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

còn biết là ở đâu, không còn biết gì về người không tên không tuổi ấy nữa. Xác người ấy còn, nhưng kẻ là đã mất.

Một trường hợp khác tương tự là trường hợp người điên (xem bài của Bác sĩ E. Wulff trong số Đại-Học này). Người điên không còn khả năng nhìn nhận tha nhân, vì thế không còn thông cảm với ai được nữa. Đối với người thân thuộc, kẻ điên là một người thân thuộc đã biến thành hoàn toàn xa lạ: kẻ ấy không còn biết cha mẹ vợ chồng con cái là ai nữa. Các liên lạc thân tình đều bị cắt đứt: người điên sống trong một thế giới ý nghĩa khác hẳn thế giới liên-chủ-thể của chúng ta.

Đặc biệt nhất là trường hợp tha nhân bất trung với ta. Trước kia lời ăn tiếng nói cho đến điệu bộ và tất cả thế giới đồ vật của tha nhân, đối với ta đều đầy ý nghĩa: chúng cho ta cảm thấy hiện thân gần gũi của tha nhân. Nhưng tình thế đã xoay hẳn: lời ăn, tiếng nói, điệu bộ và đồ đạc của tha-nhân vẫn còn đó, thân thể của tha nhân vẫn còn đó: chưa chết đi, nhưng tha nhân cố ý xa ta, cố ý không còn liên lạc gì với ta nữa. Lúc đó ta mới thấy rằng tha nhân có thể có thân xác ngay bên cạnh ta, nhưng vẫn xa ta muôn trùng. Cái xác đó có thể coi như một cái xác không hồn. Đôi khi có những người bạn chí thân, mà đến lúc phải xa nhau vì lý tưởng, đến nỗi một người nói: « Thôi, anh đừng khuyên bảo tôi làm gì nữa, anh cứ coi tôi như là đã chết rồi vậy ». Đây không phải là cái chết thể xác nhưng là cái chết trong lòng. Có những trường hợp cha mẹ từ con, vợ chồng bỏ nhau như thế. Nhưng dù coi nhau như đã chết, người ta vẫn không thể quên rằng mình đã thân thiết với nhau. Mất người thân, ta cũng như chết đi một phần.

Trường hợp cuối cùng là cái chết của người thân thuộc. Đứng trước cái xác chết của người thân, ta biết nó đã thành vô tri rồi. Nhưng ta không thể coi nó như một con chó chết. Ta biết trước đây nó là trung tâm sáng-tạo và chấp nhận các ý nghĩa, nhưng giờ đây nó không còn đối thoại gì với ta nữa. Ta thấy tha nhân hoàn toàn vắng mặt, hoàn toàn khiếm diện, khiếm diện một cách dứt khoát, đến nỗi ta không còn hy vọng tìm lại tha nhân, như trong trường hợp tha nhân bất trung.

*

Đứng trước sự vắng mặt của tha nhân, thái độ ta ra sao?

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một đàng thế giới dụng cụ cũng như thân thể của tha nhân chỉ còn gợi lại cho ta một cái hiện thân đã mất. Dù ta có « *Đập cổ kính ra tìm lấy bóng, Xếp tàn-y lại để dành hơi*», thì cũng không sao tìm lại được hiện thân của một người đã đi mất một cách dứt khoát (3).

Đàng khác không những thái độ của ta, mà tất cả các nghi lễ, các đồ vật ta tặng người đó, đều nhằm một cái gì không còn nữa. Những quần áo đẹp ta mặc cho người chết, những vòng hoa, những đèn nến, những bài điếu văn mà ta tổ chức, là một nghi lễ xã-hội dành cho người sống hơn là dành cho người chết. Ta biết rằng người chết không còn hưởng được nữa. Thế là ta làm một việc không nhằm gì cả. Có lẽ ta muốn tỏ cho người chết biết lòng ta quý mến. Nhưng vô-ích, hành động ta bị cắt cụt.

Hành động ta còn bị cắt cụt nhất là khi ta đang có một dự-định gì với người chết. Tôi định gặp bạn tôi ở Sài-gòn để mở hiệu buôn, nhưng bạn tôi bỗng dưng chết ở Đà-lạt, thế là dự-định của tôi phải đình lại. Có những đôi vợ chồng mới cưới được ít lâu thì một người chết hay là bỏ đi mất, làm cho bao nhiêu dự-định phải tiêu tan. Mỗi lần có người thân thuộc mất đi, cũng như mỗi lần trong nước có chính khách bị chết, thì những người sống phải thay đổi các dự định để thích nghi với hoàn cảnh mới. Xã hội loài người luôn luôn phải hàn gắn các vết thương như thế mãi. Chiến tranh không phải chỉ làm cho một số người hết hiện thân và hết dự định ở đời, mà còn làm cho bao nhiêu người khác phải thay đổi nếp sống, phải thay đổi dự định. Biết bao nhiêu người không có thể thích nghi vào hoàn cảnh mới, và vẫn phải đeo đẳng kiếp sống vô hy vọng: dự-định mới thì không thể có, dự-định cũ thì không còn người cộng tác để hoàn thành. Cái cảnh mẹ góa con côi của bao nhiêu tử sĩ là một bằng chứng rõ rệt.

Đến đây ta thấy, mất tha-nhân thì hành-động của ta bị cắt cụt; hành động ta bị cắt cụt cũng là hiện thân ta bị cắt cụt. Hiện thân của ta bị rút hẹp lại. Càng mất nhiều người thân thì hiện thân mình ở đời càng nghèo nàn đi. Vì thế những người già cả bị cô độc dần dần vì lẽ các người thân yêu

(3) Khi nói về người chết ta cũng dùng những kiểu nói như khi người ấy đi xa: « quá cố », « ngài mất đi », « ngài khuất đi », « hoàng tuyền xa chơi » v.v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đã mất; sức yếu, lại ít người đồng tâm hiệp ý với mình, cho nên người già khi đã « tri thiên mệnh » thì đôi khi cảm thấy như là mình chết trước khi tắt thở vậy.

Mất tha nhân, ta như mất một phần bản thân. Vì thế có một thi sĩ La-tinh ngày xưa nói về người bạn như là một nửa phần bản thân mình.

***

Đến đây chúng ta dừng lại để kiểm điểm lại con đường đã đi. Chúng ta có thể bảo tha nhân là cần, và viện lẽ rằng nếu không có người khác nuôi nấng dạy dỗ cho chúng ta, thì chắc chúng ta không sống đến ngày nay, và có sống cũng không có văn minh như bây giờ. Và hiện nay nếu không có lớp nông dân cầy lúa thì chắc ta cũng khó sống, để đôi khi quên rằng mình không có quyền bóc lột hay khinh miệt người khác. Trình bày như thế cũng đủ để thấy tha nhân góp phần vào việc thành lập con người của ta.

Nhưng chúng ta đã đi lối khác, và kết quả cũng là một. Tha nhân tập cho ta làm chủ bản thân và biết cần lao. Tha nhân còn có thể nhìn nhận ta là nhân vị có vận mệnh riêng. Và sau cùng, nếu thiếu tha nhân thì hiện thân của ta trong vũ trụ cũng bị cắt cụt.

Chúng ta trở về đầu bài: Tha nhân là thành-phần của bản thân tôi. Thiết tưởng có thể căn cứ vào đó để đánh giá mực đạo-đức của ta, như Immanuel Kant đã viết: « Hãy hành động sao cho con người trong bản-thân của mình, cũng như trong bản thân của tha-nhân, bất cứ lúc nào cũng được coi là cứu cánh, và không bao giờ bị sử dụng như (chỉ là) phương tiện », « Handle so, dass du die Menschheit, sowohl in deiner Person als in der Person eines jeden anderen, jederzeit zugleich als Zweck, niemals bloss als Mittel brauchst » (Kant, *Grundlegung zur Metaphysik der Sitten*, Verlag Meiner, Leipzig 1920, trg. 54).

TRẦN VĂN TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vài nét về sinh-hoạt của Hát Ả-đào trong truyền-thống văn-hóa Việt-Nam

của *LÊ-VĂN-HẢO*

Trong xã-hội cũ, hạng người quyền quí và ít nhiều nhà nho đã vừa hưởng tiếng đàn câu hát của các giáo phường (1) lại vừa liệt các nghệ nhân đàn hát vào hạng « xướng ca vô loại »; thái độ bất công và bất nhã này quả đã có ảnh-hưởng tai hại không ít cho một nghệ-thuật đẹp quý như nghệ thuật hát ả-đào.

Xét về mặt lịch sử văn-chương, ta thấy hình-thức ca trù đã được uốn nắn bởi ngọn bút tài tình của nhiều văn nhân thi sĩ cận đại và hiện đại như Nguyễn-Khuyến, Cao-bá Quát, Nguyễn-công Trứ, Phan-bội Châu, Tú-Xương, Tản-Đà, đó là chưa kể các thi gia tuy ít được biết đến, nhưng đã để lại khá nhiều tiếng tăm trong làng ả-đào một thuở như Dương-Khuê, Trần Lê Kỷ và những tác giả vô danh đã sáng tác nhiều bài hát còn lưu truyền đến nay (2).

Nói sơ về mặt âm nhạc dân tộc, hát ả-đào là một nghệ-thuật gồm cả nhạc, múa, hát. Giàn nhạc giáo phường xưa gồm có: một cái nhịp dài

---

(1) Giáo phường, ở Trung Hoa, có nghĩa là trường dạy nhạc; ở nước ta vào đời Lê, có nghĩa là ban nhạc dùng vào các cuộc tế lễ trong triều đình; và từ đời Hồng Đức lại có « nhạc giáo phường » dùng trong dân gian; về sau từ ngữ này thường được dùng để chỉ những người đàn hát nhà nghề (theo Phạm đình Hổ, *Vũ Trung tùy bút* tờ 43 a).

(2) Phạm Quỳnh, *Văn chương trong lời hát ả-đào* (Nam Phong số 69 tháng 3/1923); Nguyễn văn Ngọc, *Đào nương ca*, và Trần thanh Mại và Trần tuấn Lộ, *Tú Xương, con người và nhà thơ* tr. 96-98.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bằng tre, một ống sáo, một đàn nhị, một trống cơm, nhiều đàn đáy (mỗi người kép cầm một cái), còn ả-đào thì cầm một cái phách, một cái sinh tiền hoặc một trống mảnh một mặt dùng khi vừa hát vừa múa (1). Múa thì có nhiều điệu như múa đội đèn, múa bài bông, múa cành hoa, múa « đi dây », và những điệu vừa hát vừa ra bộ như cách « Đánh đồng thiếp », « cách Bợm gái tỉnh », « Cách Bợm gái say »...(2). Hát thì có nhiều khúc, cung, luật, điệu, mà truyền thống phong phú, tiếc thay, nay chẳng còn sót lại bao nhiêu: nào là cách giáo trống, giáo hương; cách thiết nhạc, ngâm vọng, bắc phản; cách hát mưỡu, hát nói, hát hãm, hát truyện, hát bộ, hát ru; cách Hà nam, Hà vị, Hà liễu, Sa mạc, Chử khi; nào là cách gửi thư, đọc thư, đọc phú; cách Dịp ba cung Bắc, Dựng cung Huỳnh, Dồn Đại Thạch, Thổng năm cung, Loan hồng mai hạnh...(3).

Nhìn lại lịch sử xã-hội ta thấy có những thời đại như từ đời Trần trở về trước, nghề đào kép đã được công nhận ngang hàng mọi nghề khác; hát ả-đào xưa có tính chất chủ yếu là phụng sự văn-hóa dân gian trong những buổi cúng tế khao vọng ở nông thôn và ả-đào đã là những cô gái có nết na, biết hát mà vẫn tham dự vào công việc làm ăn trong làng.

Thế rồi nghệ-thuật ả-đào cũng như nghề-nghiệp ả-đào, trải qua nhiều thế kỷ, đã nếm bao mùi vị thăng trầm: về nghệ thuật hát, nhiều điệu cổ phong phú mà Phạm đình Hổ (1768-1839) có nhắc đến lúc cuối thời Lê mạt, nay chỉ còn là những kỷ niệm; về múa thì đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chỉ còn sót lại đôi ba điệu; cả giàn nhạc giáo phường chỉ để lại có cây đàn đáy và cổ phách; văn chương trong lối hát ả-đào thì nay có mấy ai thưởng thức được qua mấy bài hát nghèo nàn còn sót lại, huống hồ là sáng tác; về thân thể phẩm cách của ả-đào, trước vốn là những nghệ sĩ bán tiếng hát nuôi thân, thế mà trong khoảng một trăm năm về sau đây, họ đã lần lần đi vào con đường buôn hương bán phấn; nghề ả-đào đã mất nhiều cái tôn chỉ nguyên thủy của nó để trở thành trò chơi, và nhiều khi là trò chơi hạ đẳng, cho hạng quyền quý, phú gia hay nho sĩ.

---

(1) Đào duy Anh, *Việt Nam văn-hóa sử cương* 1951, tr. 291
(2) Nguyễn đôn Phục, *Khảo luận về cuộc hát ả-đào* (Nam phong, số 70, tháng 4-1923) tr. 279
3) Nt, tr. 277-78

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trước khi nghệ thuật và nghề nghiệp ả-đào biến chất và nghiêng về một chiều luân lạc, các nghệ-sĩ này đã đóng vai trò gì trong quá trình lịch sử xã-hội và lịch sử văn-hóa nước ta ?

I. — ĐỊA VỊ Ả-ĐÀO TRONG LỊCH-SỬ XÃ-HỘI VIỆT-NAM

Nguồn gốc hát ả-đào cho đến nay không ai biết là đâu; các học giả đã khảo luận về vấn đề này, có đưa ra vài truyền thuyết ít nhiều có tính chất hoang đường, khó cho ta mượn lịch sử mà kiểm tra ra được.

Theo Hoàng Yến thì tiên sư của các ả-đào là Đông phương Sóc, một văn sĩ Trung hoa đời Hán và Lử đồng Tân, một đạo sĩ đời Đường, còn cây đàn đặc biệt của ả-đào là đàn đáy thì do Lý thiết Quải, một trong tám vị tiên của đạo lão, chế ra, và vua Võ Đế nhà Hán nghe đàn rày có khen hay; cũng theo Hoàng Yến, hát ả-đào bắt đầu có ở Việt-Nam tại làng Cổ Đạm (huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh), và vì thế, người Nghệ Tĩnh đàn đáy rất hay (1). Một tương truyền khác do Nguyễn Đôn Phục và Phạm Quỳnh đưa ra nói rằng nguồn gốc hát ả-đào là tự tỉnh Thanh-Hóa và do Bạch Hoa công chúa hoặc Mản Đào Hoa công chúa, con ông Bạch đình Xà đại vương (không biết là ai, ở vào thời nào) đặt ra, vì thế cho nên ngày nay trong giáo phường vẫn phải kiêng chữ bạch, đọc là biệc, và chữ hoa, đọc là huê (2).

Ông Trần văn Khê, sau khi xét qua các tài liệu có tính chất thần thoại truyền kỳ vừa kể trên, tạm kết luận rằng không có lý gì khiến ta gán cho những nhân vật Trung hoa hay Việt-Nam có tung tích mập mờ hay hoàn toàn vắng mặt trong lịch sử, việc sáng tác ra lối hát ả-đào, và ông có ức thuyết là nên tạm xem rằng nghệ thuật này xuất phát tại vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh muộn nhất là vào đầu thế kỷ XV (3).

Theo Ông Nguyễn đồng Chi, ả-đào đã có mặt trong lịch sữ xã-hội và nghệ-thuật Việt-nam ở đời Lý: « Từ đời Lý, các ả-đào vẫn đã có điệu hát

---

(1) Hoàng Yến, *La Musique à Huế*, tr. 253-54.
(2) Nguyễn đôn Phục, bđd., tr. 277 và Phạm Quỳnh, bđd., tr. 172-73
(3) Trần văn Khê, *Hát ả-đào* tr. 67-69

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

riêng đều dùng lối lục bát biến hóa ra » (1); « trong đời Lý, các lối hát ca vẫn chưa bị lâm số phận đào thải; năm 1025, nhà nước định chức quản giáp cho các nghề, nghề xướng ca cũng được dự. Buổi ấy trong làng xướng ca có sản xuất ngôi sao danh tiếng là Đào thị, được vua Lý thái Tổ ban thưởng » (2). Sách Đại Việt sử ký toàn thư (tựa viết năm 1479) lại có chép : « Người buổi ấy / đời Lý / mộ danh tiếng Đào thị, cho nên kẻ con hát đều được gọi là đào nương (ả-đào) » (3).

Chúng ta biết rằng nghệ thuật múa hát đời Lý cũng đã thịnh (4) và sách Việt sử thông giám cương mục ghi rằng từ đời Lý « con hát cũng gọi là quản giáp » (5) mà hai chữ quản giáp đây là chỉ anh kép, người ngồi đàn đáy phụ họa tiếng hát của ả-đào. Cũng theo Ông Nguyễn đồng Chi, « đời Trần lối hát ả-đào dùng trong giáo phường bây giờ đã nhiều và nhờ được lối văn hát tuồng pha Tàu và ta, lại thêm có thơ phú quốc âm xuất hiện, nên hát ả-đào dần dần sinh ra lắm lối. Ngoài các lối hát nói, mưỡu, có lối gửi thư, đọc phú v.v...; có một lối mà giáo phường có lẽ đắt khách nhất là lối hát cửa đình tức là khúc đình môn thông dụng cho dân quê lúc tế thần hay rước xách trong khoản ngày xuân » (6).

Đời Lý và đời Trần, ả-đào không những trình bày nghệ-thuật trong đám dân gian mà còn biểu diễn trong triều đình, nhất là ở các dịp lễ lạc lớn: ấy là « lối hát cửa quyền » bên cạnh « lối hát cửa đình » và « lối hát phường chợ ». Theo Phạm đình Hổ thì « hát trong cung, tục gọi là hát cửa quyền, tiếng hát xinh xắn, uốn éo dịu dàng thanh nhã hơn giọng hát ngoài chốn giáo phường, nhưng âm luật cũng không khác gì mấy » (7).

Một sứ nhà Nguyên ghi lại như sau nghệ thuật âm nhạc và ca hát trong cung đình triều Trần: « Vua ban yến ở điện Tập Hiền, đào kép mỗi bên 10

---

(1) Nguyễn đồng Chi, *Việt nam cổ văn học sử*, tr. 368
(2) nt tr. 152-53
(3) Ngô sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*; dẫn trong Nguyễn đồng Chi, tr. 153.
(4) Trần huy Liệu và tác giả khác, *Lịch sử thủ đô Hà nội*, tr. 51
(5) *Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch Ban nghiên cứu Văn Sử Địa) tập III, tr. 51
(6) Nguyễn-đồng Chi, sách đã dẫn, tr. 368
(7) Phạm-đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*,, dẫn trong Phạm Quỳnh, bđd. tr. 174

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người đều ngồi dưới đất, có đàn tỳ bà hoặc đàn (bầu) tiếng hát cùng với tiếng đàn hòa nhau, lúc hát thì ngân mãi mới đến lời hát... » (1).

Ta có thể tưởng rằng trong số ả-đào đời xưa chắc có nhiều người có tài đức, nhưng hiện nay chưa tìm thấy sách vở nào chép lại lịch sử cách giáo phường và truyện ký của các danh ca, duy có sách Công dư tiệp ký của Vũ chương Để đã chép lại chuyện một đào nương múa giỏi hát hay vào đầu thế kỷ XV, trước đời Lê sơ, lúc quốc gia đang còn sống dưới ách nội thuộc Minh: nhờ tiếng hát sắc đẹp của mình, nàng đã dùng kế giết được nhiều quân giặc tại làng Đại xá (huyện Tiên lữ tỉnh Hưng Yên); ngày sau, công ơn nàng nên lập đền thờ và thôn nàng ở khi trước gọi là « thôn ả-người nhớ đào » (2).

Trong đời Lê sơ (hay thịnh Lê), nghệ thuật âm nhạc vũ đạo có phát-triển lên một bước so với đời Lý, Trần, và Lê thánh tông (1460-1497) có đặt ra « bộ giáo phường » để phụ trách phần âm nhạc dân gian (3). Đây là thời Nho học cực thịnh, và vài nho gia có sáng tác ra bài hát ả-đào: gia phả ông tân sĩ Lê đức Mao (1462-1529) hiện nay còn ghi lại một bài hát bằng chữ nôm là bài ông làm khi ông còn ở làng Đông ngạc trong những năm cuối thế kỷ XV « để cho ả-đào hát chúc làng vào ngày hội xuân, lập ra vào tháng hai để tế thần cầu phúc » (4).

Nhưng cũng vào thời Lê sơ xảy ra một sự kiện sau này có ảnh hưởng không ít đến sự tiến hóa của nghệ thuật và nghề-nghiệp ả-đào: đại đa số giai cấp phong kiến muốn xem nghệ-thuật này là trò du hý và họ khinh mạt ngược đãi các ca sĩ, nhạc công; nghề đào kép từ nay trở đi không còn được công nhận ngang hàng với các nghề khác trong xã-hội: theo Lê triều hình luật, con trai các nhà xướng ca không được đi thi (như trường hợp của

(1) Lê quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục;* (đoạn này viết theo Sứ Giao châu tập của Trần Phu, tức là Trần trung Cương, dẫn trong Hà văn Tấn và Trần quốc Vượng, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt-Nam*, tập 1 trang 434
(2) Vũ chương Để, *Công dư tiệp ký*, dẫn trong Phạm Quỳnh, bđd. tr.175
(3) *Việt sử thông giám cương mục*, tập XI, tr. 79-81
(4) Văn Tân, Nguyễn hồng Phong, Nguyễn đổng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học V.N. q.II, tr. 208-09*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đào-duy Từ (1572-1634) sau này), con gái các nhà xướng ca không được lấy con những nhà quan chức quyền quý (1).

Tuy vậy thái độ coi khinh phân biệt và đối xử khắt khe ấy không dập được cái đà phát triển của hát ả-đào, trái lại. Vào cuối thế kỷ XVI từ đời Quảng hưng (1578) tức là niên hiệu thứ 3 của Lê mục tông (1562-92) trở đi, khi quan nhạc (thứ âm nhạc được triều đình chính thức công nhận và chỉ dùng cho vua quan) càng ngày càng suy, tục nhạc hay dân nhạc, tức là nhạc giáo phường dân gian lại thịnh hành, đến nỗi « phàm tế giao miếu và lễ triều hạ, cùng trong dân gian có vào đám tế thần, đều dùng nhạc ấy cả » (2). Và khi triều Lê mạt càng ngày càng suy thì nhà nước không chăm đến quan nhạc nữa » cho nên những người muốn học âm nhạc bấy giờ chỉ có thể theo học ở bọn giáo phường là thôi » (3). Và nhạc giáo phường lần lần thành một chuyên nghệ của những đào kép dùng để sinh nhai, nó mất dần đi tính chất mỹ thuật duy nhất của nó; cũng trong thời gian này, theo Ông Đào duy Anh, nhạc giáo phường tách ra thành « hát ả-đào » và « phường bát âm » (4).

Thế kỷ XVII là một thời đại thịnh vượng cho hát ả-đào. Lúc ấy là lúc Trịnh Nguyễn đang phân tranh và chắc chắn sự kiện lịch sử này có liên quan đến sự phát triển và thành công của hát ả-đào trong xã-hội thời ấy: Ở miền Nam thì chúa Nguyễn có lẽ chỉ thích hát tuồng (cũng gọi là hát bộ hay hát bội) và ca Huế nên các lối đó được thịnh hành từ sông Gianh trở vào; ở miền Bắc có lối hát chèo là một nghệ-thuật sân khấu gồm cả nhạc, hát và múa, rất được nhân dân yêu chuộng, còn lối hát ả-đào cũng gồm nhạc hát và múa—nhưng không dùng sân khấu—thì vua chúa quan dân đều thích cả (5). Trong *Lịch triều tạp ký* có chép một bài ca theo cách Kiều dương do chúa Trịnh Cương (1709-1729) làm, mà Kiều dương theo Phạm đình Hổ là một lối hát ả-đào ngày xưa gọi là luật Dương Kiều (6). Trong thế

(1) Phan huy Lê, *Lịch sử chế độ phong kiến V.N.*, tập II, tr. 209
(2) Đào duy Anh, sđd., tr. 291
(3) nt tr. 291
(4) nt tr. 292
(5) Trần văn Khê, bđd. tr. 71
(6) nt tr. 71

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

kỷ XVII, một giáo sĩ người Ý, Marini Romain, sang giảng đạo Gia tô ở Việt Nam và Ai Lao có nói về ả-đào như sau. Theo giáo-sĩ thì đào nương thuở ấy hễ tóc đen mườn mượt hay dài thậm thượt thì được người yêu; thường thì đào nương hát về đêm và người nghe vì tiếng hát phải trằn trọc suốt canh thâu; tiền công có rất hậu và họ chỉ sống với nghề hát thôi. Nếu may mà được vua nghe và tiếng hát đẹp lòng thiên tử thì được tuyển làm cung phi hay nữ nhạc, và nếu là người hữu thanh hữu sắc thì được lên hàng quý phi; nếu sanh được hoàng tử thì ngoài việc được bổng lộc cao còn có mộng con mình sau có thể nối ngôi vua vì vua có quyền chọn Đông cung thái-tử trong đám con mình (1).

Hai thế kỷ XVII-XVIII, thời đại mà nho học cũng như giai cấp phong kiến đang suy đổi, mà 4 chữ « xướng ca vô loại » có lẽ ít được nhắc đến, phải chăng là buổi cực thịnh hay một trong những buổi cực thịnh hát ả-đào? Rất có thể nhưng ta còn phải tìm ra nhiều tài liệu lịch sử khác mới khả quyết được.

Nhưng vào nửa sau thế kỷ XVIII, ở giai đoạn cuối Lê đầu Nguyễn thì hình như lối hát này đã thất truyền ít nhiều. Phạm đình Hổ ghi lại rằng: « Sau đến cuối Lê, chỉ có ả-đào già mới hát được những điệu cổ, hoặc đem bắt những ả-đào non hát thử thì lè lưỡi xin chịu ngay không thể nào hát được (2).

Nói rằng nghệ thuật ả-đào từ đấy bắt đầu đi vào con đường luân lạc là nói chung, chứ ở một vài địa phương, truyền thống của lối hát này vẫn giữ gìn cái phong thái của nó. Ví dụ ta biết rằng cũng vào khoản cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX các ả-đào huyện Nghi xuân (Hà Tĩnh) « nổi tiếng trong thiên hạ » (3) và thuở ấy mọi người đều rõ là ở vùng Nghệ-An, trong đám các ông bầu có cả một quan thượng thư; trong thế kỷ XIX cho đến đầu thế kỷ XX các cô đào vùng Thanh thần, Sơn lãng (Hà đông) cũng nổi

---

(1) Marini Romain, *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lào*, dẫn trong Trần văn Khê, bđd, tr. 71

(2) Phạm đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, bản dịch của Đông Châu, dẫn trong Trần văn Khê, bđd., tr. 71

(3) Đặng thái Mai, *Văn thơ Phan bội Châu*, tr. 52

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

danh tài sắc một thì và đã từng làm cho vài đấng đại thần khoa mục như thượng thư Vân đình Dương Khuê nên nỗi « ngây ngây dại dại với tình » của các cô (1). Người ta cũng có thể tự hỏi hình như có một thời đại nào đó ở khoản cuối Lê đầu Nguyễn, ả-đào không biết có sắc đẹp và hát hay đến thế nào chứ trong xã-hội thì các cô quả đã có một uy quyền đặc biệt, nhất là ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh. Tại một làng nọ thuộc huyện Thanh Chương ngày nay còn thấy ngôi mộ của người đàn ông vì đã dám nói một câu hỗn xược trước mặt một ả-đào thời ấy nên bị cô ta vác gươm đuổi chém chết. Gần sông Lam, tại một làng khác thuộc huyện Nam đàn, có ngôi đền Trầm là đền thờ một thanh niên đã nhảy xuống sông mà chết vì bị một cô đào đuổi đánh sau khi anh ta cả gan bóp vú cô. Người đời sau có thơ rằng:

Hòn đá hai đầu thọc thọc đâm
Miễu ai như thử miễu anh Trầm
Vú trò ví chẳng tay giơ bóp (2)
Mặt nước chi nên cắng nhảy sầm (3)

Ả đào có quyền thế như vậy phải chăng vì họ đã được bênh vực bởi giai cấp quyền hành trong phái nam: vào thế kỷ XIX và chắc từ khá lâu về trước, hát ả-đào đã trở thành một thú vui công khai của các nhà nho, và nhất là của hạng quan lại ở tỉnh thành và của hạng phú hào ở thôn quê.

Đến cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này thì nghề ả-đào càng ngày càng đi gần đến nghề bán phấn buôn hương nhất là ở các nơi thành thị. Một nhà nho cho tôi biết rằng sở dĩ ả-đào lâm vào cảnh ấy cũng vì, bắt đầu từ thời Pháp thuộc, trạng thái lầm than của một nước lâm vòng nô lệ đè nặng trên nhân dân ta từ giữa nửa sau thế kỷ XIX; bấy giờ thôn quê dần dần đi vào con đường khánh kiệt và thành phố mới do bọn thực dân xây theo kiểu Âu-châu bắt đầu mọc lên: dân nghèo bỏ ruộng làng ra đó tìm một kế sinh nhai mới, và trong khi những người lao động ấy bị bóc lột thì những ổ nghèo

(1) Dương Khuê : thơ « *Gặp cô đào cũ* », dẫn trong Trần thanh Mại và Trần tuấn Lộ, *Tú Xương, con người và nhà thơ*, tr. 96
(2) Trò là cô hát nhà trò, tức là ả đào
(3) Đặng thái Mai, sđd., tr. 51

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khổ ở các thành thị lớn cũng biến thành những ổ bệnh tật, ổ tội ác và ổ mãi dâm. Trong cảnh nước mất nhà tan, ả đào ở trong số nạn nhân của xã-hội cũ.

Có điều đáng chú ý là nghệ thuật hát ả-đào dù có mai một theo nghề nghiệp và hoàn cảnh xã-hội của đào nương cách mấy đi nữa, cũng vẫn giữ một ảnh hưởng, một tiếng vang trong tinh thần và trong tình cảm của con người văn hóa nước Việt. Vì biết thể cho nên trong những năm ở đầu thế kỷ này — khi nhà thơ tài ba và yểm thế Tản Đà còn mượn văn chương qua lối Hát ả-đào để nhắn hỏi tình yêu và định mệnh — nhà ái quốc Phan-bội Châu đã nhiều lần lợi dụng hình thức biến thể của ca trù « để biểu hiện một nội dung tư tưởng cách mạng và chủ nghĩa anh hùng của thời đại mới» (1).

II.— NGHỆ-THUẬT VÀ SINH-HOẠT CỦA Ả-ĐÀO TRONG VĂN-HÓA VÀ PHONG-TỤC VIỆT-NAM

Trong phần này, thử lần lượt xét qua hai điểm :
— sinh hoạt của ả đào và trạng thái hát ả đào khi nghề này đã biến chất và đã mất đi hầu hết cái tôn chỉ chính đáng của nó;
— và khi nó đang còn được lưu truyền và nẩy nở lành mạnh trong triều lưu phong hóa của đại chúng Việt Nam.

A.— Khi hát ả-đào đã biến-thành thú vui của một thiểu-số.

Trong thời Pháp thuộc khi nói đến ả-đào thì nhiều người nghĩ đến các cô đầu hay cô nhà trò của các xóm Khâm thiên, Vạn thái, Ngã tư sở (Hà nội) hay Cống Đệ Nhị (Vinh) hay một vài nhà ở xóm Phú nhuận (ngoại ô Sài gòn); mấy chữ « xóm cô đầu » hay « đi hát cô đầu » ít gợi cho người ta một ý niệm về nghệ thuật âm nhạc hơn là một hình ảnh của thú vui xác thịt có tính cách che đậy ít nhiều.

Vả lại những ả-đào dù không lỡ bước sa chân vào các ngõ hẹp trăng gió phấn hương, cũng vẫn không được trọng vọng trong xã-hội. Vì vậy cho nên người vào nghề hát thì hoặc là con cái của ả-đào hoặc là trẻ con nhà

(1) Đặng thái Mai, sđd. tr. 53

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nghèo bị cha mẹ bán cho người khác để tập hát lúc còn nhỏ, hoặc là con nhà tử tế nhưng bị ép duyên, bỏ nhà đi hát nuôi thân, hoặc là người quả phụ bị cha mẹ chồng khắc nghiệt (1); còn những người khác thì ít ai tình nguyện gia nhập một nghề mà con người bị ngược đãi và khinh miệt bị hạn chế trong thanh danh cũng như trong quyền lợi: làm nghề đó thì không được lập gia đình, mà hễ lấy chồng thì không được đeo đuổi nghề nữa (2); trong trường hợp vợ chồng là đào kép thì tục lệ của vài nơi cấm không cho chồng đàn vợ hát cùng nhau (3).

Vào những năm 1920-30, Nguyễn-đôn Phục cho biết trạng thái của nghệ thuật và nghề-nghiệp của ả-đào như sau :

« Xưa kia những người hưởng thú Hát ả-đào là những hào hoa khẳng khái, cao thượng phong lưu, đó là cuộc chơi cao nhã thanh tao, người không có đủ tính tình văn chương, không có đủ tư cách giao thiệp với cô đào và với bạn bè thì không thường chơi về cuộc hát ấy, và cô đào không hát hay, không có tài tình nết na cũng không đủ tư cách để giao thiệp với quan viên. Rồi thì bây giờ văn học, tính tình đã biến thiên, ngoài đồng tiền ra thì ai cũng như ai, quan viên thì hình như ăn phải bùa thanh sắc, cô đào cũng hình như làm tôi tớ đồng tiền... hạng cô đào giả danh xuất hiện và bành trướng ... cô đào chân chính phải đành thoái thúc. Còn sót lại một ít những ả-đào già, biết nhiều lối hát, thuộc nhiều bài hát và hiểu được ý nghĩa của cuộc hát, tuy không biết chữ nhưng vì chịu cái ảnh hưởng của nhà văn học xưa cho nên có ý thức, có tính tình, nghe họ hát thâu đêm ra rả mà bài hát vẫn thấy dồi dào và khi kể câu chuyện thân thể gần xa nghe ra vẫn thú vị.

« Các cô đào non thì nay hình như đã thoái bộ, lối học tập không bằng ngày trước, bài hát quanh đi quẩn lại chỉ mấy bài thường nghe, không thuộc được mấy bài hát cao thượng hay ho lạ lùng, ý nghĩa câu hát họ cũng ít hiểu giọng hát của họ thì lại pha lối thời trang nghe ra có vẻ nhạt mà có màu lẳng lơ hơn lối cổ.

---

(1) G. Cordier, *Essai sur la littérature annamite : La chanson*, dẫn trong Trần văn Khê bđd., tr. 72
(2) G. Dumoutier, *Les chants et les traditions populaires des Annamites*, tr. VIII
(3) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 281

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Xưa thịnh hành lối hát khuôn, nay thịnh lối hát hàng hoa. Lối hát khuôn thì nền nã dọi dẵng, có rãi có mau, đang khoan vào mau đang mau lại ra khoan ví như đợt sóng có chỗ bình tĩnh có chỗ hiểm nghèo, thầy vui về hoạt bát tài tình, người nào đàn non mà gặp cô đào sắc phách và hát khuôn cũng phải cuống tay, mà ông quan viên chưa đủ lỗi trống gặp các cô ấy cũng chợn tay; lối Hát hàng hoa thì làm ra cách lẳng lơ bát ngát, lên xuống rập rờn, người biết nghe hát không có hứng thú, mà người không biết nghe lại cho là lịch sự thanh tao bởi vì lối Hát ấy nghe dễ lọt tai mà tiếng trống cũng dễ bì bõm, đời thường lấy làm thích nên lối hát dễ thịnh hành.

« Một trong những khuyết điểm lớn của các cô là có ít người biết chữ: Quyển Kiều đáng lẽ là một lợi khí của các cô trong cuộc mua vui thế mà các cô ít ai thuộc hết được, chỉ lõm bõm mấy câu để đưa đà trà rượu thôi... thậm chí khúc « Tỳ bà » là một khúc cơm bữa trong nghề mà các cô đào non không thuộc, cứ lẫn lộn ngắt ngư chỗ nhớ chỗ quên...; cho nên hát mấy câu Sa mạc là đủ, còn sự tích tình cảnh văn chương ý vị trong khúc hát thì các quan ít khi xét đến, nếu khúc hát có hơi dài một tí thì các quan cũng nóng ruột chán tai! Còn các bài hát hiểu trung cao thượng khí khái của các cụ xưa thì còn ai hỏi đến, ai đọc đến.

Hát ả-đào ngày nay chỉ là những câu chuyện cười hoa cợt nguyệt... đâu còn những câu chuyện xét nét cho cô đào về chỗ sai lầm, tách bạch cho cô đào về nghĩa lý thú, truyền thụ cho cô đào những bài hát hay khuyên bảo cho cô đào mọi đường tâm lý, để mong tế độ những kẻ trầm luân như các cụ xưa.

« ... Cái tính cách phong lưu cao nhã trong ca trường biến đổi lần; thì ra trong nhạc giới có xác mà không có hồn, có vỏ mà không có ruột: cuộc hát ả-đào ngày nay bề ngoài thì hình như sầm uất, bề trong thì thật là tiêu điều, thương thay ! ! » (1)

Đó là hình dung cuộc hát ả-đào ở nơi thành thị, một thú vui dành cho những ai có tiền, có tật đam mê tửu sắc, hay la cà ở các xóm bình khang

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 287-89

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngày xưa, khi những xóm này chưa có, hay chưa phải là nơi hoàn toàn công cộng, ả-đào hát tại nhà của các quan lại, các kỳ mục hay phú gia trong các đám khoa đám vọng. Đang khi người ta ăn tiệc, đào nương ngồi hát dưới sàn nhà, tỏ rằng mình là giai cấp thấp kém. Khi tiệc tan thì quan khách mới gọi đào nương đến ngồi gần và lúc ấy mới cho đào nương ăn uống. Vào khoảng cuối thế kỷ trước, mỗi đào nương hát xong trong một đêm tiệc thì lãnh được ba quan tiền (1).

Có một lớp người khác đến tận nhà các ả-đào để nghe hát: ấy là những nhà nho trong chế độ cũ. Nhà các cô trong danh nghĩa là một chỗ mà « tao nhân mặc khách » đến để biểu diễn thi ca của mình và luôn dịp am hưởng cái đẹp thanh sắc của nghệ sĩ: các nhà nho đã tìm nơi các cô một nguồn cảm hứng thi ca: thú chơi cô đào của các ông, các cụ có thể là rất thanh nhã, một thú chơi « có nghĩa lý, có văn chương, có tinh-thần, có khí khái » tuy cũng có khi liều lĩnh đến « phờ cả râu, trớn cả mắt » mà « long cả dải yếm, trụt cả giầy lưng » (2) nhưng bao giờ cũng có cái dư vị hào hùng là muốn « chơi cho phỉ chí nam nhi, chơi cho rõ mặt ngang tàng ».

Vì sao mà có sự kiện này? Theo Phạm Quỳnh, « ở Tàu và ta, vì nam nữ cách biệt nhau quá, người đàn bà không thường ra chỗ giao tế trong xã-hội, nên những bậc văn nhân tài tử có cái tư tưởng phóng khoáng thường phải tìm những nơi ca nhi kỹ nữ để gửi cái khái phong lưu » (2). Các văn sĩ đời xưa đã soạn ra nhiều bài hát ả-đào để phổ vào đàn ca. Thi sĩ Nguyễn Du trong những ngày lầm than lưu lạc chắc cũng có đi tìm một niềm an ủi trong làng hát ví trong xóm cô đào; một ông đồ nghèo khác, Nguyễn công Trứ có lúc đã dan díu với các cô và đã sống nhờ vả với nghề các cô, và sự nghiệp văn chương của ông, một phần nào đó đã « xây dựng trên những nhịp tom chát của các cô »; một nhà nho đỗ đạt làm đến thượng thư như Vân đình Dương Khuê, để nói lên cái thú vị tìm được trong thế giới ca trù, đã viết một « Cuổng ca khúc » (3).

---

(1) G. Dumoutier, sđd. tr. VIII

(2) Phạm Quỳnh, bđd. tr. 171-72

(3) Dương Khuê, *Cuổng ca khúc*, dẫn trong Trần thanh Mại và Trần tuấn Lộ, sđd. tr. 97

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Xem đó đủ biết rằng trong thế kỷ trước ả-đào đã đóng một vai trò không ít quan trọng trong truyền thống văn chương và trong sinh hoạt phong lưu của giai cấp « thông thái » hay quyền thế của xã-hội cũ, mặc dầu hạng người này đã có khi phủ nhận công trạng và, vô tình hay hữu ý, hạ giá phong cách của ả-đào.

Bây giờ thử quan sát các nghệ nhân này trong thế giới bình dân là nơi sinh trưởng, học tập của họ và cũng là nơi nghề của họ đã phát triển thể theo yêu cầu văn hóa đại chúng.

B.— Nghề ả-đào trong truyền-thống văn-hóa dân-gian.

Ngày xưa khi Thăng long còn là chốn đế đô, hát ả-đào rất thịnh hành ở Bắc-Việt, không có tỉnh nào, huyện nào không có, ở miền Trung thì sông Gianh là một biên giới nghệ thuật: chỉ từ Hà Tĩnh trở ra Bắc mới có loại hát này.

Trong mỗi huyện có đến 2,3 làng ả-đào và có khi 2,3 huyện giao hiếu với nhau mà kết thành một đoàn thể giáo phường. Trong mỗi đoàn thể có bầu một hai người quản giáp làm « trùm hàng huyện » để giữ gìn qui tắc luật lệ cho đoàn thể cùng là để kiểm điểm tài chính kế toán; người trùm hàng huyện được nhiều người thư ký giúp việc sổ sách và việc tổ-chức đàn hát. Ngoài ra các đoàn thể cũng có chia nhau giữ từng cửa đình, cửa đình của tốp nào thì tốp ấy hát, tốp khác không được đến hát; mỗi tốp đặt ra một người gọi là « trùm cửa đình » có phận sự liên lạc giữa dân các xã thôn và các đoàn thể giáo phường: làng nào có cúng tế hay khao vọng muốn mời ả-đào các nơi về hát thì phải cho người « trùm cửa đình » biết nếu không thì chẳng có cô đào nào đến hát cả (1). Ta lại biết rằng trong các đoàn thể giáo phường ngày xưa, kỷ luật rất nghiêm: « phường nào có quản giáp có cán sự phường ấy, giữ gìn danh giá cho nhau không dung những sự bậy bạ » (2); « khi đi hát hoặc chồng đàn vợ hát, hoặc anh đàn em hát, hoặc bố đàn con hát, đi đâu có đào thì phải có kép giữ gìn cho nhau, chưa từng xa lia nhau bao giờ » còn « cô nào ban ngày đi đôi với ông quan viên làm diện ở

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd, tr. 280
(2) Phạm Quỳnh, bđd. tr. 175

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đường phố hay hoặc đêm hôm thì thọt cùng với ông quan viên thì trong giáo phường có lệ phạt cô ấy về tội tà dâm; cô nào dại dột chửa hoang thì trong giáo phường hàng huyện xưa kia có lệ bắt vạ và tước tên đi không cho lệ thuộc vào ca tịch nữa, mà trong giáo phường cũng cho người ấy là gái giang hồ tứ chiếng, đi đâu thì đi không ai quá vấn đến nữa » (1).

Làng nào có phường ả-đào thì riêng có một hai họ học tập về nghề đàn hát. Ả-đào học nghề theo những quy tắc và truyền thống ghi trong sách « Ca trù thể cách ». Ả-đào trẻ học với những ả-đào già biết hát hay và có kinh nghiệm : do đó đã phát sinh một tục lệ rất đẹp là « tục thờ thầy» trong giáo phường : «cô đào nào đã nổi danh tiếng một thời, khi trở về già dạy được lũ cô đào trẻ thành nghề ca vũ thì tốp học trò ấy đi hát đâu cũng có để dành riêng một phần tiền gọi là « tiền đầu » để đóng góp với hàng huyện làm tiền cung dưỡng cho thầy, cho nên cô đào nào đã là bậc lão thành danh giá dạy được nhiều học trò thì cũng được chung thân sung sướng » (2).

Ở nông thôn, nghề ca trù luôn được xem như một nghề trong sạch và quý giá. Có ả-đào là người hoàn toàn tài tử, biết hát nhưng vẫn tham dự vào công việc làm ăn của gia đình; có ả-đào là nghệ-sĩ chuyên nghiệp: họ là kỹ nữ nhưng tuyệt không phải là gái giang hồ: trong mấy mươi năm trước đây khi ở nơi thành thị nghề này đã đi vào con đường trụy lạc thì ở miền quê các ả-đào vẫn giữ được nề nếp cũ là mọi năm vào mùa xuân đi hát thờ thần ở đình hay đi hát khao hát vọng ở các nhà sang, nhưng đến mùa cấy hái hay mùa tằm tơ họ lại trở về làm lụng như mọi người con gái khác. Nhiều chị bảo nhau: « Chị em ta cứ giữ lấy phong thói nhà quê » (3). Vả chăng đi hát cửa đình hay đi hát thì hàng huyện hàng xã là những dịp mà nết na phẩm cách của các chị là những điều kiện hầu như không có không được.

Ngoài những cuộc hát khao hát vọng tại các làng, ả-đào thi thố tài nghệ của mình trong 3 cơ hội quan trọng nhất là :

1— hát cúng tổ sư của nghề mình

---

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 284, 283
(2) Nguyễn đôn Phục, bđd, tr. 283
(3) nt tr. 284

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

2— hát thi lấy giải trong các cuộc thi hàng xã hàng huyện

3— và nhất là hát tế thần Thành Hoàng là một tục lệ bất di bất dịch của văn hóa cổ truyền, trong đó ả-đào đóng một vai tuồng có khi rất nghiêm trọng lại vừa rất bất ngờ.

1) Hát cúng tổ-sư.

Cũng như các phường thủ công thuở xưa sùng bái các tổ sư bách nghệ là vị thần bảo hộ nghề nghiệp của mình, giáo phường ca trù thờ nhiều tổ sư khác nhau. Các làng ở Thanh hóa thờ bà Bạch-hoa công-chúa hay Mản-đào-hoa công-chúa; ở Nghệ-Tĩnh có nơi thờ luôn 3 vị thánh sư là Đông -phương Sóc, Lý-thiết Quải và Hán-võ Đế, như làng Cổ đạm (Hà tĩnh) có nơi chỉ thờ có 2 ông là Đông-phương-Sóc và Lữ-đồng-Tân; làng Đài xá (huyện Tiên lữ, tỉnh Hưng yên) thì thờ ả-đào đã có công giết giặc Minh ở đâu thế kỷ XV, v.v...

Hát cúng tổ sư cử hành vào tiết xuân hay tiết thu, có nơi cử hành vào tiết đông khoảng tháng chạp. Mấy ngày trước buổi ấy, đào nương kiêng ăn cá thịt, giữ mình thanh khiết. Đến ngày lễ, đào nương và quản giáp đều hội lại cả một nơi, nơi ấy có thể là đền thờ Tổ sư, cũng có thể là đình Thành hoàng mượn của dân làng. Các nhà tai mắt già cả, các văn nhân nho sĩ của địa phương được mời đến trước dự buổi tế, sau dùng buổi tiệc. Liền sau lúc tế lễ, quản giáp ra đàn và đào nương ra ca múa đủ các lối: có những lối xưa nay chỉ hát vào lúc ấy để thờ Tổ sư mà thôi không bao giờ đem múa hát ra ngoài, ví dụ như cách « Loan mai hồng hạnh » là một khúc hát ít có người thường được nghe, một khúc mà ả-đào tưởng là chính Mản-đào-hoa công-chúa sáng tạo ra (1).

Buổi cúng tế ca vũ tiệc tùng này gọi là lễ « vào đám thánh sư », cũng như mỗi làng Việt-nam vào mùa xuân có mở hội « vào đám Thành hoàng ».

2) Hát thi hàng xã, hàng huyện.

Ngoài cuộc cúng tế Thánh sư long trọng, ả-đào có thể dự cuộc thi do dân của vài xã hay vài huyện tổ chức nhân ngày lễ nhập tịch tế thần hay nhân

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 279

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tiết xuân hay thu. Làng nào, huyện nào tổ chức cuộc thi phải gởi giấy cho các trùm cửa đình hay các trùm hàng huyện biết nửa tháng hay 1 tháng trước, để lựa chọn đào nương quản giáp hát hay đàn giỏi đến dự thi.

Theo Nguyễn-đôn Phục thì cuộc thi tiến hành như sau: dân làng hay dân trong huyện cử ra một hay nhiều người « không cần nhiều tuổi hay ít tuổi » có chức tước hay không, chỉ cần « thông hiểu âm nhạc và có giá trị đứng đắn » là được; những người này thay phiên nhau đội mũ chầu, mặc áo chầu, lên cầm trống chầu. Đào kép đợi người trùm hàng huyện vào đình làm « lễ chỉ tịch » và yết 8 chữ: Thiên tử vạn niên, bách nghệ thông hành, rồi mới vào trong đình trình diện với dân và ghi tên vào sổ « điểm duyệt ». Cuộc thi kéo dài trong 9,10 đêm; lúc thi thì đào kép cứ từng cặp lên đàn hát đủ các lối xong mới đến cặp khác; mỗi đêm thi chỉ có 4,5 cặp biểu diễn thôi: nếu hát và đàn đều hay thì cả hai đào kép được chấm ưu; nếu đàn và hát đều dở thì cả hai bị ghi liệt. Nếu kép hay mà đào dở thì dân làng tuyển người khác lên hát thế; nếu kép dở mà đào hay thì dân tuyển người khác lên đàn thay. Đã hỏng và đã thay một lần thì không được dự thi một lần nữa.

Sau khi tất cả quản giáp đào nương đã biểu diễn, người ta góp các sổ điểm duyệt lại rồi đếm lấy phân số. Đêm cuối của cuộc thi gọi là « đêm hát giã » thì mọi người đều đua nhau trang điểm để đến dự cuộc biểu diễn long trọng của những ả-đào trúng tuyển: cô thủ khoa, cô á nguyên và độ 15,18 cô thái nữ cùng lên dâng hương, cùng tiền nhạc, rồi vừa hát vừa múa. Xong lúc ấy quan viên phát thưởng cho các cô: các hoa khôi ngoài tiền ra còn nhận một tấm the, tấm lụa hay tấm lĩnh; cả những cô hỏng thi cũng được dân đãi mấy hào gọi là tiền phấn sáp đi về; tiền thưởng tính cả thảy trong ngoài một trăm đồng bạc do các quan viên cùng dân làng đã đóng góp chứ không được lấy trong quỹ chung của làng (1).

Cuộc thi hát này vừa có tính cách hoàn toàn dân chủ (2) lại đượm một màu luân lý rõ ràng: a) người trong làng, trong huyện tuyển cử ra một người

(1) Nguyễn-đôn-Phục, tr. 280-82

(2) Trần văn Khê, bđd., tr. 14

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

giỏi nhạc để cầm trống trọng tài, người đó không cứ tuổi cao hay chức lớn; b) những ả-đào dự thi vừa phải có tài lại phải có nết na phẩm hạnh mới được chấm vào hạng ưu, những « cô đào giang hồ tứ chiếng chỉ được có về hát hay mà thôi tuy nhiên có lấy ép chăng cũng chỉ nên lấy vào số thứ 9, thứ 10 trở xuống mà thôi chứ không thể cho chiếm lĩnh cái danh dự hoa khôi được » (1).

Riêng đối với các ả-đào thì cuộc vui chung trong xã-hội nông thôn này lại là một dịp cổ súy về lòng danh dự và một dịp tiến ích về phần nghệ thuật cho các cô; cô nào trẻ mà trúng giải thì trong giáo phường gọi đó là « mở xiêm áo » nghĩa là cô sẽ có nhiều may mắn thành công về sau. Nhờ cuộc thi mà nhiều tài hoa son trẻ được nhìn nhận và khuyến lệ trên con đường nghệ thuật vậy.

3) Hát thờ Thành hoàng.

Vai trò quan trọng nhất của ả-đào tự khởi thủy đến nay, theo thiển ý, có lẽ là vai trò của một nghệ thuật bình dân chủ ý tô điểm cho một khía cạnh của tôn giáo bình dân là sự cúng tế Thành hoàng, vị thần phù hộ làng mạc Việt-nam. Quả thật, sự ả-đào dự phần trong các lễ « vào đám » thờ thần ở mùa xuân là một tục lệ kỳ cựu, khẩn thiết, đồng rễ sâu trong văn-hóa dân gian; và không có nơi nào — trừ ra trong khúc đình môn — hát ả-đào đã giữ được nguyên vẹn một truyền thống nghệ thuật có hệ thống chặt chẽ, có nội dung phú lệ, có phong thái trang nghiêm như sẽ trình bày sau đây.

Tại đình làng các nghệ-sĩ này múa hát thờ thần ngay trong lúc tế lễ, hoặc ngoài hay sau các buổi tế lễ, có khi hát về chiều, nhiều khi hát về đêm giúp cho cuộc thức đêm cầu đảo của các bô lão kỳ mục thêm phần long trọng; những cuộc hát đêm có thể kéo dài từ 7,8 giờ chiều đến 3,4 giờ sáng; đêm cuối cùng của lễ vào đám, nhiều làng cử hành một điển lễ bí mật gọi là « hèm » của thần và đôi khi ả-đào có trực tiếp dự phần vào đó. Nhưng trước khi hát tế thần có khi nhiều phường ả-đào phải hát thi với nhau, phường nào trúng tuyển mới được trình diễn trước bàn thờ. Và sau khi hát tế thần, có khi các kỳ mục bô lão tổ-chức cả một cuộc phát thưởng long trọng cho đào nương.

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd., tr. 281

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

a) Ả-đào thi để được tuyển vào múa hát thờ thần. — Tại làng Yên sở (Hà đông) trong dịp lễ vào đám thần Lí-phục Man, dài đến 17 ngày, nhiều ả-đào từ làng Phương viên (Hà đông), Phượng cát, Phú ô (Sơn tây) đến dự cuộc thi hát chọn lọc trong một tuần lễ. Dự thi có cả thảy độ 10 phường, mỗi phường gồm có 5 đào, 1 kép đàn đáy, 1 kép đánh sênh. Lúc thi mỗi đào phải hát 5 bài; một quan viên cầm trồng chầu cho điểm : hát dở thì chỉ được số tiền là 0đ30; những phường được tuyển thay phiên nhau hát thờ thần ngày đêm và nhảy múa trước bàn thờ trong những buổi tế, liên tiếp 10 ngày như thế. Phường nào trội nhất trong đám có thể ăn đến 15, 20đ. (1).

b) Quan viên phát thưởng cho ả-đào sau khi tế thần hay đang khi ăn tiệc.—

Làng Bát tràng (Bắc ninh) có tục « thưởng giải ca chúc thần »: sau khi đã tế lễ đón rước Thành hoàng và cúng bái tổ tiên các họ, và sau khi ả-đào đã hát thờ thần và tổ tiên xong, 3 quan viên lần lượt ra đứng giữa đình nói lớn :

—« Bớ đầu kia ! giải này là giải của các quan viên, trước mừng đúc cả đại vương tức là Thành hoàng sau, mừng tổ tiên các họ »;

—« Bớ đầu kia ! giải này là giải của kỳ anh hội, trước mừng đúc cả đại vương, sau mừng các giáp »;

—« Bớ đầu kia ! giải này là giải của các giáp, trước mừng tế chủ sau mừng quan viên », mỗi lần nói xong lấy tiền trao cho đào nương (2).

Làng Thị cầu (Bắc Ninh) cũng có tục tương tự như thế: sau khi ả-đào đã hát thờ thần, và trước khi quan viên chầm cuộc thi cỗ, 18 con trai, gọi là « bọn thập bát » phải ra dõng dạc gọi bọn con hát ở trước mặt dân:

—« Đào nương kia ơi !
— Dạ !
— Quản giáp kia ơi !
— Dạ !

(1) Nguyễn văn Huyên, *Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite : Lý phục Man*, tr. 91-92
(2) *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, tập I quyển 3, tờ 3 và 4 a

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

— « Trước xướng thờ đức Thượng đẳng tối linh, sau tiến dân anh thưởng nhé. » Nói xong ném tiền xuống chiếc mâm thau đuới chiếu đào kép ngồi. Trước mặt đông người và nhất là trước mặt gái làng, cậu trai thập bát nào cả thẹn và nói câu trên không được trôi chảy, nghiêm chỉnh thì phải lấy tiền túi ra đền làng và nói lại cho đến khi đúng mới thôi (1).

Làng Phù lưu (Bắc ninh) có tục « phẩy quạt rao, lẩy tiền thưởng ả-đào » trong khi dân làng dùng tiệc sau lễ tế thần. Làng Phù lưu có giao hảo với làng lân cận là Hà dương; mỗi khi có lễ vào đám thì mời một số quan viên dân chúng bên Hà dương sang dự tế rồi dự tiệc tại đình. Trong khi ăn uống có ả-đào ca giúp vui; giữa bữa tiệc, người chủ tế (tiên chỉ) Phù lưu đứng dậy cầm một hào bạc nói lớn rằng :

— « Bớ đầu! bớ đầu! (2) Giải này là giải của dân em, trước thưởng thờ đức cả đại vương, sau mừng quan viên kỳ lão dân anh. Vậy có thơ rằng:

« Ung ung tại miễu
Túc túc tại cung
Hưởng tự bất diệt
Vạn phúc du đồng.
Nhân dân trường thịnh
Thọ khảo vô cùng ».

nói xong lẩy tiền cho đào nương. Liền khi ấy dân hai làng biểu đồng tình như sau: người Hà dương cầm đũa gõ vào bát thịt mà rao « hị hi » 3 lần, trong lúc người Phù lưu đứng dậy cầm quạt chỉ lên trời, phất đi phất lại, vừa phất vừa rao « ha ha! » 3 lần xong lại ngồi xuống tiếp tục ăn uống. Một lát sau người tiên chỉ Hà dương đứng lên nói lớn :

— « Bớ đầu! bớ đầu! giải này là giải của dân anh sang lễ thờ đức thánh cả đại vương, sau mừng quan viên quý xã các hàng được bốn chữ phúc thọ khang ninh. Nói xong cũng đọc một bài thơ như kiểu trên rồi lẩy tiền

(1) Toàn Ánh, *Phong lưu đồng ruộng*, tr. 60
(2) Soạn giả tập sách *Bắc ninh tỉnh khảo dị* có chú thêm rằng: Kêu bớ đây là tiếng người lớn kêu xuống người nhỏ, và đầu là cô đầu (tiếng nôm na dùng gọi ả-đào)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cho đào nương. Dân Phù lưu lại biểu đồng tình đứng dậy phẩy quạt và lần này rao hi hi ba lần trong khi người Hà dương ngồi gõ bát reo ba lần ha ha. Xong lại ăn uống cho đến no say túy lúy (1). Đó là tục phẩy rao vui tán thưởng ả-đào.

c) Ả-đào múa hát trong buổi tế thần.—

Ngày xưa hát ả-đào có rất nhiều lối « khác nhau ở lời văn ít, khác nhau ở giọng hát nhiều »; nào là lối « hát cửa quyền », dùng để hát nơi cung điện, lối « hát miếu » để hát tế thờ nơi tôn miếu, lối « hát cửa đình » để hát thờ Thành hoàng. Trong lối hát cửa đình có cách hát nói là một lối hát mà từ đời Trần về trước vừa đào vừa kép đều có hát cả: kép hát thời ấy gọi là hà nam, hát trai hay nam xướng, đào hát thì có tên là hà nữ, hát gái hay nữ xướng; kép hát rồi đào hát lại theo như âm điệu và bài kép đã hát thì gọi là Hà liễu. Về sau kép chuyên môn về đàn và nay hát nói chỉ có ả-đào hát thôi (2).

Cũng như khi bắt đầu hát chèo, hát tuồng có đoạn giáo đầu, bắt đầu cuộc hát ả-đào có cách giáo trống giáo hương (hay là giáo trống dâng hương): khi mới cử nhạc anh kép rung mấy hồi trống dài rồi đọc lên mấy câu để chúc mừng:

« Hoàng đồ củng cố
Đề đạo hòa xương
Quần giáp tôi dâng cách giáo hương cho phải phép ».

rồi ả-đào cầm mấy nén hương dâng lên trước mặt thần cũng vừa đi vừa hát mấy câu để chúc mừng:

« Một nén hương thơm thấu chín tầng
Kính trời kính đất kính linh thần
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân » (3)

---

(1) *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, sđd. tập III quyển 14, tờ 20 b-24 b.
(2) Lê quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, quyển I và Phạm đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*: Phạm Quỳnh có dẫn sách này trong bđd, tr. 177
(3) Nguyễn đôn Phục, bđd., tr. 284

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Rồi ả-đào bắt đầu vào phách ra phách, tiếng khoan, tiếng mau hòa với tiếng đàn đáy và tiếng trống chầu: như thế gọi là thiết nhạc. Xong đến ngâm vọng là khi ả-đào bắt đầu ngâm nga mấy câu rồi mới vào phách. Ả-đào hát thêm hai câu lục bát gọi là hát mưỡu rồi mới trình bày các bài hát nói. Trong mỗi bài thường có 11 câu, cũng có thể có đến ngoài 20 câu— cách đánh phách, đánh trống, câu đàn tiếng hát đều phải theo một truyền thống nhất định.

Hát có 5 cung chính: cung Nam là giọng đi bằng phẳng mà xuống thấp;
cung Bắc là giọng đi rắn rỏi mà lên cao,
cung nao là đương cung nọ chuyển sang cung kia, mà cung nao chen vào ở giữa;
cung pha là giọng đọc lơ lớ đi không đọc như chính âm nữa;
và cung huỳnh là giọng ghíp và mau.
Ngoài ra lại có hai cung phụ là :
cung trầm là giọng xuống thật trầm;
và cung hãm là giọng lên cao mà có ý hãm lại không chịu phóng ra. (1)

Hát thế nào là hay ? Theo Nguyễn-đôn Phục « hát thì lên xuống cho tròn vành, ngâm đọc cho rõ chữ mà chữ nào cũng phải có dư âm liển liển không dứt là hay. Chữ đó tức là cái hạt châu, cái dư âm đó tức là cái sợi chỉ nho nhỏ để xâu lại các thứ hạt châu ».

« Hát cũng có mấy về:
một là về sốc vác tức là hát khỏe
hai là về đài các tức là về lịch sự
ba là về thẩm thiết nẫu nung tức là về buồn
bốn là về tài tình tức là về đĩ, về lẳng lơ;
bốn về ấy đều có đặc sắc riêng không thể chia ra hơn kém được, ngoài các về ấy ra thì đều là những vẻ tầm thường » (2).

Hát mưỡu, hát nói là lối hát thông dụng nhất, nhưng trong ả-đào còn có nhiều lối khác như hát dựng cung huỳnh, hát dồn đại thạch, hát dịp ba cung bắc, hát gửi thư, hát chừ khi, hát ngâm, hát hãm, hát truyện, lại có

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 285
(2) id, ibid., tr. 285-86

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lối đọc thơ, đọc phú, hát ru đều là những lối dùng để hát thờ, hát khao, hát vọng. Không phải chính thức trong giáo phường thì có các lối hát vặt, hát ngang, gồm những điệu bồng mạc, sa mạc, hát xẩm, hát nhịp một, hát lý, hát chèo (là những bài, những điệu mượn của xẩm chợ, ca Huế, tuồng, chèo).

Cái phách của ả-đào có thể nói là « cái thước để đo câu hát » (1). Có phách rung là những khi ngâm nga chưa vào câu hát, có phách dóc là khổ nào dóc thành khổ ấy, có phách hơi là cái phách để làm mực cho hơi hát, có phách lá đầu thường đánh ở câu hát có màn đầu nhưng có khi đánh ở trong hoặc ở ngoài câu hát. Hát khoan thì đánh phách khoan, hát mau thì đánh phách mau.

Cái đàn đáy của anh kép có thể nói là « cái kim để chuyển độ hát, hay là cái thang để lên xuống bậc hát, dài ngắn cao thấp nhanh chậm đều có khuôn nhất định, đàn với phách không thể sai nhau được một phút một ly ». Đàn có 2 lối : một là lối « đàn khuôn », khuôn nghĩa là cứ bậc đàn mà đi cao thấp lên xuống không thiếu không thừa, không chịu dựa vào người hát cô đào hát khá mới theo nổi tiếng đàn ấy; cho nên hát khuôn đàn khuôn mới là giáo phường đệ nhất bộ. Lối đàn ấy nền nã mà thấy hay, cô đào dễ gõ phách, quan viên dễ đánh trống. Lại còn lối « đàn hàng hoa », nguyên là người đàn kém bề khuôn phép, chỉ có ngón tài hoa mà thôi khi gảy thì lại dựa vào người hát, thêm thắt ly kỳ, nghe thì cũng hơi sướng tai, nhưng mà cô đào khó gõ phách, quan viên cũng hơi khó đánh trống. Nhưng hai lối đàn ấy đều có cách hay cả » (2).

Cái trống của quan viên dùng để điểm nhịp mà cũng dùng để ra hiệu lệnh và để chê khen. Trong lúc chờ đợi đào kép đến quan viên đánh « sơ cổ », « tòng cổ » và « trung cổ »; đào kép đến rồi đánh « thôi cổ »; tòng cổ có 3 tiếng khoan 2 tiếng nhặt, trung cổ thì một tiếng khoan 2 tiếng nhặt, thôi cổ có 2 tiếng đều không khoan không nhặt; đánh trên tang trống ra tiếng cắc, đánh trên mặt trống ra tiếng tùng. Để gọi kép, quan viên đánh 12 tiếng cắc; để bảo kép lên dây đàn: đánh 9 tiếng tùng; để hỏi đào

(1) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 286
(2) -nt-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

kép bắt đầu đánh hai tiếng tùng tùng liên tiếp. Đào hát kém đến hết bài quan viên đánh 5,6,7 tiếng cắc tức là quan viên không thích cho ả-đào ấy tiếp tục nữa; đào hát hay quan viên đánh trống khen kiểu Tranh tiên, Phi nhạn hay Thượng mã, nhiều khi đào hát hay quá quan viên không kịp đánh tùng chỉ đánh « cắc lèo » nhịp trên tang trống (1).

Nguyễn-đôn Phục có so sánh ông quan viên cầm cái roi chầu cũng như ông quan trường cầm cái bút, ông tướng võ cầm thanh gươm: « khổ đàn khổ phách ở đâu thì trống điểm ở đấy; đàn khoan phách khoan hát khoan thì trống khoan, đàn mau hát mau phách mau thì trống mau, thế là cầm trống được còn cái hay thì vô cùng ... Phải hiểu cái văn chương cái ý nghĩa trong khúc hát... và cái tâm lý của người đặt ra khúc hát, cái thân thể mình và cái tình trạng xã-hội mình thì khúc hát mới có thú vị, mới có tư tưởng mới có tính tình. Nếu không, cô đào ngồi hát đó không khác chi cái máy truyền thanh và ông quan viên ngồi đánh trống như cái máy bửa củi» (2).

Hát ả-đào xưa gồm cả hát và múa. Tại làng Yên sở (Hà đông) trong khi nhạc tấu dâng hương, 5 ả-đào mặc quần lụa đen múa hát (3). Tại một làng khác cũng ở tỉnh Hà-đông, trong lúc nghinh thần, hai ả-đào vừa múa vừa hát với những cành hoa (4). Theo Ông Trần văn Khê, những điệu múa cành hoa của ả-đào có lẽ do các điệu múa trong cung phủ mà ra: Sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ có mấy đoạn tả về nhiều điệu múa này (5). Một trong những điệu múa cổ nhất của giáo phường có lẽ là múa bài bông trong đó ả-đào sắp thành hàng, ít ra cũng phải tự 8 người trở lên, đồng hát và đồng múa trong những động tác khoan thai, khi lui khi tới chân này chạm vào chân kia, nhún qua nhún lại, hoặc xoay tròn; mỗi ả-đào mang trên lưng hai cây đèn hoa bằng giấy; lúc múa, đèn đốt sáng và nhìn họ giống như những

(1) G. Cordier, *Essai sur la littérature annamite : La chanson*, dẫn trong Trần văn Khê, bđd. tr. 55-56

(2) Nguyễn đôn Phục, bđd. tr. 287

(3) Nguyễn văn Huyên, sđd. tr. 86

(4) *Hà đông tỉnh khảo đị*, tập I tquyển 1, dẫn trong Trần văn Khê, bđd. tr. 57

(5) Trần văn Khê, bđd., tr. 57 và *Đại Nam hội điển sự lệ*, q. 72 tờ 22a, q. 99 tờ 22b đến 24b

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hoa chiếu sáng (1). Gaston Knosp và Nguyễn đôn Phục cũng có tả sơ điệu múa bài bông này (2).

d) Ả-đào dự phần vào những điển lễ bí mật.

Về phương diện *dân-tộc-học* có một sự kiện rất đáng chú ý mà ít người đã biết đến và hiểu được là sự thờ cúng Thành hoàng ở xã thôn nước ta có 2 hình thức rất khác nhau: một hình thức bề ngoài gồm có những nghi lễ thông thường bắt chước theo các nghi thức lễ bái của giai cấp thượng lưu của thời đại phong kiến (như tế Nam-giao, tế xã tắc v.v...) và cử hành ban ngày trước mặt công chúng; và hình thức thứ hai thường chỉ cử hành về đêm, có khi cử hành tận trong hậu cung kín đáo của đình và dành riêng cho một hạng dân làng nào đó thôi: hình thức nghi lễ này tục gọi là « hèm », nghĩa là một điển lễ kỳ cựu và bí mật chủ ý gợi lại tung tích, tinh tình hay sự nghiệp của Thành hoàng bản xã. Lại nữa, tôn giáo dân gian Việt Nam có những khía cạnh ly kỳ: ngoài sự thờ cúng các thiên thần như Tản viên, Đề thích, Phù đổng và các nhân thần là những vị anh hùng lịch sử như hai bà Trưng, Lý thường Kiệt, Phạm ngũ Lão v.v... một số làng thờ những vị thần lạ lùng như thần ăn trộm, thần ăn mày, thần tham ăn, thần cụt đầu (thần chết chém), thần tình, thần dâm, thần hoạn, cùng những thần động vật như thần rắn, heo, gà, cọp, v.v... Sự thờ cúng các thần này không phải là việc hoàn toàn vô nghĩa lý. Trái lại nhà *dân-tộc-học* có thể tìm thấy trong đó nhiều yếu tố giúp ta hiểu thêm nguồn gốc và lịch sử văn hóa nước ta.

Vậy cụ thể thử bàn về một số hèm trong đó có ả-đào tham dự hầu tìm hiểu thêm phong tục tình ái của người Việt cổ đại và của nông dân Việt hiện đại. Hai ví dụ sau đây lấy ở tỉnh Bắc ninh là một trong những trung tâm nguồn gốc của Việt tộc :

Làng Đang nhiễm (huyện Văn giang) có điển lễ bí mật — hèm — là điển lễ người giả làm thần bắt ả-đào. Đêm cuối cùng của lễ vào đám, sau

(1) G. Dumoutier, sđd. tr. IX-X

(2) G. Knosp, *Rapport sur une mission d'étude musicale en Indochine*, Internationales Archiv für Ethnographie, quyển XX, tr. 242-43 và Nguyễn đôn Phục, bđd., tr. 279

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khi đã cúng tế tiệc tùng hết ngày, bô lão kỳ mục chức sắc cùng con trai con gái làng (những cô cậu đã đến tuổi lấy vợ lấy chồng nhưng còn ở độc thân ra đình nghe ả-đào ca thờ thần. Thần là thần Cọp vì thế một kỳ mục mặc xác cọp giả vào nấp dưới hương án. Vào khoảng nữa đêm, người ta tắt đèn, đào nương cứ tiếp tục ca và người kỳ mục giả làm thần nhảy ra chụp lấy đào nương đè xuống làm bộ cắn vào mình đào nương như cọp cắn. Trong lúc ấy trai gái ở trong đình cũng dự vào hèm: trai giả làm cọp ôm lấy gái, tục lệ làng cho phép trai gái được tự do đùa nghịch nhau nhưng cấm không được giao hợp . Độ 5 phút sau lại thắp đèn lên, đào nương tiếp tục ca, người giả làm thần cởi lột ra lễ bái thần, còn con trai con gái trở về chỗ cũ của mình ngồi nghiêm chỉnh như trước. Đến 2 giờ sáng con gái về nhà, con trai ở lại đình ăn uống với đào nương cho đến sáng (1).

Làng Khắc niệm thượng (huyện Vũ giàng) cũng đã có tục tương tự như thế: trong đêm cuối cùng của lễ vào đám, trai chưa vợ gái chưa chồng ra đình nghe ả-đào ca thờ thần, có quan viên kỳ mục đánh trống chầu duyệt ca. Ca từ 8 giờ tối đến 3 giờ khuya. Vào khoảng 2 giờ một bô lão lấy một cái bát úp lên trên đèn cho bớt ánh sáng, rồi một kỳ mục từ trên sập nhảy xuống ôm lấy ả-đào. Lúc ấy con trai làng cũng bắt chước kỳ mục mà lại gần con gái. Độ 3,4 phút sau, người bô lão lấy cái bát đi cho đèn sáng tỏ như trước. Làng này thờ thần cụt đầu, mỗi năm trong khi tế lễ có chặt đầu heo cúng thần. Thần có phải là « thần dâm » chăng? Không thấy nói đến, và dân làng xưa cứ hành điền lễ vừa tả trên mà không hiểu tại sao, chỉ biết rằng đó là một cổ tục truyền sao giữ vậy và năm nào không cử hành lễ ấy để thờ thần thì trong làng người vật bất an, mùa màng hư hỏng, buôn bán lỗ lã, có xảy ra bệnh tật chết chóc và dân làng lại hay sinh sự cải cọ kiện tụng lẫn nhau (2). Tại làng Đang nhiễm vừa nói trên, người ta cũng công nhận như thế.

Qua hai ví dụ trên, khó mà hiểu được phong tục ly kỳ, điển lễ bí mật của hai làng đó nếu ta không trở về nguồn gốc văn hóa của tổ tiên ta là người Lạc Việt và nếu ta không so sánh những phong tục điển lễ ấy với phong tục

(1) *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, tập I quyển 2 tờ 18-20
(2) *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, tập II quyển 6 tờ 11-13

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

của nhiều dân tộc *anh em với* Việt tộc đang sống ở thượng du Bắc Việt, ở Tây nguyên Trung Việt hay rải rác ở khắp miền Đông Nam Á.

Việc ả-đào và kỳ mục gặp gỡ nhau một cách lạ kỳ trong đình đền rã lễ vào đám, nhát trông có thể ngờ là một việc có tính cách dâm phong tục tằn, nhưng đó chỉ là một việc phụ thuộc bên cạnh việc trai gái làng được tục lệ cho phép gần gũi đụng chạm nhau một cách công khai và ở một nơi mà dân xem là khả kính. Thì ra đồng quê Việt Nam đã sống khá xa cái lễ giáo dựa trên luân lý Khổng Mạnh đã có một thời chế ngự văn minh phong kiến ở nơi thành thị, trong giai cấp quyền uy. Ta ngờ rằng dân Việt Nam trong ít nhiều thôn xã đã bất chấp cái lễ giáo nhập cảng đó với tất cả những gì chật hẹp, nhân tạo, khắc nghiệt trong nó, và họ đã lợi dụng cái hình thức tôn giáo lễ nghi bên ngoài để duy trì những phong tục *kỳ-cựu và độc đáo* của nòi giống mình.

Trong một bài khảo cứu về nghề ả-đào không thể nói dài dòng về điểm này. Tóm tắt lại, mấy sự kiện sau đây đáng để ta chú ý khi tìm hiểu mấy phong tục kia :

1— Mới đây ở xã Đào Thịnh (Yên bái) có đào được một chiếc thạp đồng, một trong những hiện vật tiêu biểu của nền văn hóa Đông sơn của người Lạc Việt, trên chiếc thạp ta thấy nhiều đôi cá sấu đang giao mặt sóng đôi và 4 cặp người nam nữ đang giao cấu: ta có thể hiểu rằng trong thời đại nguyên thủy này, tổ tiên người Việt đã sống một cuộc sống dính chặt với thiên nhiên, sự trai gái gần gũi và tự do luyến ái buổi ấy là một hiện tượng xã hội rất thông thường (1) ;

2— Nhiều chủng tộc dân tộc bà con với Việt tộc có những phong tục tình ái rất cởi mở, tự do, họ sống ở những miền tương đối hẻo lánh giúp họ dễ duy trì di sản văn hóa cổ truyền. Hội mùa xuân của dân tộc Thổ như hội Đồng mõ, hội mùa xuân của các dân tộc Thái Tây, như hội Tham lệ hay lễ Hồ bổ là những dịp để cho trai gái hiểu nhau một cách toàn diện, cuộc

(1) Đào tử Khải, *Vài ý kiến về chiếc thạp Đào thịnh và văn hóa đồng thau*, tr. 423, 46, và 50

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

gặp gỡ ngoài đồng ruộng vắng vẻ hay trong hang đá tối tăm giúp cho họ am hiểu tình ái và sẵn sàng xây dựng gia đình(1);

3— Ngay trên đất Việt-Nam, những di tích của phong tục cổ võ tự-do tình ái của tổ tiên ta còn sót lại không phải là ít, nhất là ở các làng miền Bắc : tục rước cái « nọ nàng », tục mua bánh « cu cò», tục dành nhau cướp sinh thực khí giả, hội làng La (Hà Đông), hội chùa Thầy (Sơn tây), hội Chen ở xã Nga hoàng (Bắc ninh) và vô số phong tục tình ái độc đáo được ghi lại trong các sách *Bắc ninh tỉnh khảo dị, Hà đông tỉnh khảo dị, Thanh hóa tỉnh tục lệ chí dị* (2) cho ta thấy rằng trong văn hóa bình dân cổ truyền, tình ái có một địa vị rất rộng rãi, dựa trên những tin tưởng cởi mở và thiết thực.

Để trở về vai trò ả-đào trong văn-hóa cũ, ta có thể nói rằng một khía cạnh khá bất ngờ của nghề ả-đáo giúp ta hiểu thêm phong tục tình ái của đại đa số nhân dân ta: mỗi năm vào tiết xuân, ít nhiều làng đã lợi dụng cuộc cúng tế Thành hoàng để cử hành một thứ hội mùa xuân chủ ý là cho trai gái vào tuổi dậy thì được gặp gỡ quen biết nhau một cách dạn dĩ: đứng về phương diện giáo dục mà nói thì đó là những tục lệ có mục đích soi đường chỉ lối và truyền thụ cho trai gái những bí quyết của tình ái, bằng cách công khai. Tổ tiên người Việt ngày xưa và nhiều dân tộc kỳ cựu ngày nay ở rải rác khắp thế giới đã và đang giáo dục con em trong truyền thống phong tục, và đem lại cho chúng nó một ý niệm rất lành mạnh về ái tình (3).

Nhưng đã có cái hữu dụng thì cũng có cái lạm dụng chen vào. Có những nơi người ta xuyên tạc truyền thống phong tục và tôn giáo để chế tạo ra nhiều thứ điển lễ oái oăm, vô nghĩa lý, nực cười, như hèm thần Dòm ở làng Ngang (Hà nam). Trước cuối thế kỷ XIX, có một độ đền thần trông ra một quãng đường xấu, nước lúc nào cũng lội đến bắp về và đã có tương truyền hễ đắp nó lại là bị « động ». Mỗi năm trong dịp tế xuân dân làng gọi

---

(1) Maspéro, *Les religions chinoises*, chương nói về phong tục người Thái tr. 139-94 Bonifacy, *La fête tày de Hồ bổ*,tr. 19-23
Hội Đồng mõ (báo Trung Bắc tân văn, số ngày 27,28 tháng 2 và 1,2 tháng 3, 1937)
(2) Xem bản kê các sách tham khảo, sau bài này
(3) Đọc sách *La Perfection sexuelle* của R.von Urban Paris 1960 và *La vie sexuelle des Sauvages du Nord-Ouest de la Mélanésie* của B. Malinowski, Paris 1930

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ả-đào về hát thờ thần; ả-đào đến hát không được mặc quần mà phải mặc váy. Sau khi quan viên tế xong, bàn thờ thần được hạ thấp xuống và người ta kê một cái bục cao để cho ả-đào đứng hát múa, các cô càng tình tứ hớ hênh bao nhiêu thì thần càng khoái trá bấy nhiêu ! Để tự biện bạch, dân làng kể rằng xưa tại nơi này có anh ăn mày đứng xem trộm người đàn bà tắm dưới ao rồi anh bị trợt chân té xuống ao chết luôn; vì chết vào giờ thiêng nên được tôn thành thần; thờ phụng rất chu đáo nhưng người vật trong làng vẫn bất an. Thần mới báo mộng rằng còn thiếu cái hèm ! Từ đó con đường chạy ngang trước đình phải cắt đi một khoảng để thiên hạ phải xăn quần hay xăn váy mà lội, và hàng năm phải hiến cho thần những khúc múa dâm đãng, để cho thần dòm.

Thế rồi có một hôm vào cuối thế kỷ XIX nhà thi sĩ Nguyễn Khuyến, tức là Tam nguyên Yên đỗ, đến chơi đình thần Dòm, nghe kể tục lệ ly kỳ của làng bèn làm bài thơ tức cảnh này đem dán ngay ở cửa đình :

« Đầu làng Ngang có một chỗ lội,
Có đền ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà đến đấy vén quần lên
Chỗ thì tới háng chỗ tới gối.
Ông Cuội ngồi trên mỉm miệng cười :
— Cái gì trăng trắng như con cái ?
Đàn bà khép nép đứng liền thưa
— Con chót hớ hênh, ông xá tội
— Không không con có tội chi mà
Lại đây ông cho giống ông Cuội.
Từ đó làng Ngang để ra người
Để ra toàn một phường nói dối (1) ».

Sau khi có bài thơ này đình thần Dòm mất hẳn thiêng đi, người ta đắp lại được khoảng đường chạy ngang trước cửa đình và tục lệ mời ả-đào về nhảy múa hớ hênh cho vui mắt thần cũng bị bỏ đi. Xem đó đủ biết rằng những tập quán không chính đáng, không tiêu biểu cho truyền thống phong tục đại chúng, không sớm thì muộn cũng bị vạch mặt nạ và bài trừ. Ngoài

(1) Thùy Dương, *Những tục lệ ly kỳ thú vị ở miền Bắc*, tr. 25

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ra, ví dụ kể trên còn cho ta thấy rằng trong chế độ cũ có khi ả-đào, vì sinh kế, đã dễ trở nên nạn nhân của cái tính ngông đượm màu độc đoán và ngu dân chủ nghĩa xướng ra bởi giai cấp kỳ mục trong ít nhiều làng là những kẻ tự xưng có nhiệm vụ bảo tồn hay thích nghi hóa các phong tục và luật lệ chung.

●

Hát ả-đào trong quá khứ và trong hiện tại.

Qua truyền thống lịch sử và văn-hóa của nước Việt, ta đã thấy địa vị và vai trò đào nương; phong tục học và dân tộc nhạc học phải để dành cho sinh hoạt và nghệ thuật đào nương một chỗ khá quan trọng trong cuộc khảo cứu và bảo tồn văn hóa cũ. « Nghiên cứu lối hát này, không phải cốt để làm sống lại một hiện trạng xã-hội quá thời mà cốt để tìm cái đẹp cái hay trong cổ nhạc Việt, cái dân tộc tính » trong một sự kiện văn hóa có truyền thống kỳ cựu và vững vàng: hát ả-đào qua bao nhiêu biến hóa, ngày nay vẫn là một nghệ thuật sống động qua tiếng đàn của các nghệ sĩ như Đinh khắc Ban, Nguyễn-văn Phượng... qua câu hát của các danh ca như Quách-thị Hồ, Nguyễn thị Phúc..., qua cuộc khảo tầm học hỏi của các nhà dân tộc nhạc học như Nguyễn-xuân Khoát, Trần-văn Khê...

Nghề ả-đào sở dĩ đã có một địa vị trong lịch sử và trong văn hóa chính vì hát ả-đào là một nghệ thuật có giá trị trong kho tàng dân ca và cổ nhạc Việt Nam. Nhà khảo cứu đã đi ngược lại thời gian cố tìm lại những nét sinh hoạt của nghề ả-đào hầu có những lý lẽ để thêm yêu mến trong hiện tại một nghệ thuật rất đáng duy trì và phát huy. Và có gì cảm động hơn khi tình cờ được nghe lại mấy tiếng đàn, mấy nhịp phách, mấy câu ca trù; tiếng ngân nga của ả-đào thoát ra như tự trong lòng một thời quá vãng :

« Giọng hát ở đây không vang không khỏe nhưng nó có một cái gì nhẹ nhàng, ấm áp, kín đáo... đào nương chỉ dùng một lồi trong nhà nghề thường gọi là hơi trong... hoàn toàn chỉ dùng có tiếng ngân vẩn ư, miệng không cần mở to, chỉ ngân trong cổ vang lên óc, tạo cho lời hát những đường nét mờ mờ như những bức tranh lụa, hay bức tranh thủy mạc. Còn tiếng đàn thì ngoài cái tài của nghệ nhân ra, bản thân cây đàn đáy nó cũng có những màu những vẻ, tương tự như bản chất của cái thứ giọng hát này. Nó không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trong như tiếng nguyệt, không gọn như tiếng tỳ, không đanh như tiếng tứ. Tiếng đáy nó đục mà dẻo, nó chỉ vang đến một mức nhất định để đỡ nâng tiếng hát... Còn như cổ phách thì nó cũng không đanh như chiếc song loan và cũng không vang tròn như tiếng mõ, lại cũng không nhẹ như tiếng tang trống, bản chất nó cũng đùng đục, dè dè. Và hơn nữa trong tiếng gõ của nó, nó cũng có nhiều màu sắc bằng cách xử dụng hai thứ dùi khác nhau, khiến người nghe cảm thấy dù chỉ là những tiếng gõ nhưng cũng thành một thứ giai điệu, một thứ nét nhạc hầu như trừu tượng... »

LÊ-VĂN HẢO

●

I) TÀI LIỆU NGHỆ THUẬT

a) Dĩa hát « Tiếng Hát Việt-Nam số 0083-58 — ĐH 5842 (30514 - 30515) : Hát nói : « *Hồi gió* » của Nguyễn khắc Hiếu; do Quách thị Hồ hát, Nguyễn-văn Phượng đàn đáy; (thêm vào đó có nghe cả tiếng phách).

b) Dĩa hát « Tiếng Hát Việt-Nam » số 0079-57/0080-57 — HĐ 5740 (29826-29827) : Mặt trước: *Huê Tình* (ca trù), mặt sau: *Bồng mạc, Sa mạc* (ca trù) đều do Nguyễn-thị Phúc hát, Đinh khắc Ban đàn đáy; (có thêm tiếng phách).

c) Dĩa hát « Tiếng hát Việt-Nam » số 0073-57/0074-57 — ĐH5737 (29820-29821):

Kẻ Truyện Kiều : Kể truyện : Nguyễn thị Phúc; đàn đáy : Nguyễn văn Xuân.

II) TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, 6 tập, bản chữ Hán chép tay, trữ tại Thư-viện của Á-đông học hội (Biblio. de la SOCIÉTÉ ASIATIQUE, Paris, Fonds H. MASPERO — viết tắt SAP, Mas)

2) Baron, S. *Description du Tonquin*, quyển IX trong bộ *Histoire Générale des Voyages*, Parisr 1751

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

3) Bonifacy — *La fête tày de Hồ Bổ*, , in Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient (viết tắt BEFEO) t. XV, 1915, fasc. 3

4) *Ca trù thể cách* — Bản chữ Hán chép tay trữ tại thư Viện trường Á-Đông Sinh-ngữ (Paris)

5) *Ca trù thể cách tân biên* (Xem Hoàng Sơn)

6) Cordier, G. — *Essai sur la littérature annamite: La chanson*, in Revue Indochinoise, nov. déc. 1919, janv.-fév. 1920 et mars-avril 1920.

7) Dumoutier, G. — *Les chants et les traditions populaires des Annamites*, Paris, 1890

8) Đào-duy Anh — *Việt-Nam văn-hóa sử cương* (tái bản) Sàigon 1951.

9) Đào tử Khải — *Vài ý-kiến về chiếc thạp đồng Đào thịnh và Văn hóa đồng thau*, in Nghiên cứu Lịch sử, số 27, 29 (thg 6, 9-1961)

10) Đặng thái Mai — *Văn thơ Phan-bội Châu*, Hà-nội 1960

11) *Hà-động tỉnh khảo dị* Bản chữ Hán chép tay, SAP, Mas.

12) Hoàng Sơn — *Hát ả-đào* (là bản dịch của *Ca trù thể cách tân biên*) Quảng thịnh xuất bản, Hà-nội, (không rõ năm nào xb.)

13) Hoàng Yến — *La Musique à Huế*, in Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVH) juil-sept. 1919.

14) *Khâm định Đại-Nam hội điển sự lệ* quyển 72 và 79

15) Knosp, G. — *Rapport sur une mission d'étude musicale en Indochine* in Internationales Archuv für Ethnographie, quyển XX

16) Lê quý Đôn — *Kiến văn tiểu lục*, do Phạm trọng Điềm dịch (sắp ra), Hà-nội 1962

17) *Lê triều hội điển* — quyển 3

18) *Lịch triều tạp ký*

19) Marini Romain — *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lào*, nguyên văn tiếng Ý, do François Célestin Le Comte dịch ra Pháp văn, G. Clouzier éd. Paris 1666, trữ tại Thư-viện Ste-Geneviève, Paris.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

20) Maspéro, H. *La société et la religion des Chinois anciens et celles des Thai modernes* in *Les Religions chinoises*, Paris, 1951
21) Ngô sĩ Liên *Đại-Việt sử-ký toàn thư*
22) Nguyễn đôn Phục *Khảo luận về cuộc hát ả đào*, in Nam-Phong số 70 tháng 4-1923
23) Nguyễn đổng Chi *Một số tục cổ và trò chơi của người Việt-Nam trong Tết Nguyên đán và ngày xuân*, in Nghiên cứu Văn Sử Địa số 37 tháng 2-1958
24) Nguyễn đổng Chi *Việt-Nam cổ văn học sử*, Hà-nội 1942
25) Nguyễn tiền Lãng *Les chansons annamites*, Sài-gòn 1937
26) Nguyễn văn Huyên *Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite : Lý phục man*, in BEFEO, 1938, t. XXXVIII, fasc. 1
27) Nguyễn văn Huyên *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam*, Paris 1933
28) Nguyễn văn Ngọc *Đào nương ca*, 2 tập, Hà-nội 1932
29) Nguyễn văn Ngọc *Tục ngữ phong dao*, 2 tập (tái bản) Sài-gòn 1952
30) Nguyễn xuân Khoát *Tại sao trước đây tôi mê hát cô đầu*, in Báo Cứu Quốc Xuân Nhâm dần, số 3051-3052, năm 1962
31) Phạm đình Hổ *Vũ trung tùy bút*, bản dịch của Đông châu Nguyễn hữu Tiến, Hà-nội 1960
32) Phạm Quỳnh *Văn chương trong lối hát ả đào*, in Nam-Phong số 69 tháng 3-1923
33) Phan huy Lê *Lịch sử chế độ phong kiến*, tập II, Hà-nội 1960
34) *Thanh hóa tỉnh dân tục lệ chí dị*, 1 tập và
35) *Thanh hóa tỉnh tục lệ chí dị*, 1 tập,bản chữ Hán chép tay SAP,Mas.
36) Thùy Dương *Những tục lệ ly kỳ thú vị ở miền Bắc*, in Phụ nữ diễn đàn, số đặc biệt xuân Tân sửu 1961
37) Toàn Ánh *Phong lưu đồng ruộng* (tái bản) Sài-gòn 1957
38) Trần quốc Vượng và Hà văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong-kiến*, tập I, Hà-nội 1960
39) Trần văn Khê *Hát ả-đào*, in Bách Khoa số 81 và 83 (15-5 và 15-6-1960)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

40) Trần văn Khê — *La Musique vietnamienne traditionnelle* Paris 1962

41) Trần văn Khê — *Place de la musique dans les classes populaires au Việt-Nam*, Bulletin de la Société des Études Indochinoises, nouvelle série, XXXIV, no 4, 4è trimestre 1959

42) Trần thanh Mại và Trần tuấn-Lộ, *Tú Xương, con người và nhà thơ*, Hà-nội 1961

43) *Việt sử thông giám cương mục*, tập III, tập IX (trọn bộ 20 tập) bản dịch của tổ biên dịch Viện Sử học Việt-Nam, Hà-nội 1957-60)

***

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « *Nguồn gốc và tiến-hóa của Hát Quan-Họ* » đăng ở Đại Học số 4 tháng 8 năm 1962, có một vài chỗ in sai, vậy xin đính chính lại cho đúng :

— Trang 540, cuối trang in nhầm: (1) Vũ ngọc Phan, Tục ngữ...—xin đọc là: *(1) Vũ ngọc Phan, Hát Quan-họ, trong Sơ thảo lịch sử văn học Việt-Nam, I, trg. 230-31*

— Tr. 549, giòng 7, in nhầm: nếu ta so sánh một bài hát đúm như «Trồng Cơm »... — Xin đọc là : *nếu ta so sánh một bài hát đúm như « Gái Thôn Đoài, Trai Thôn Thượng » với những bài Quan họ đơn sơ như Trồng Cơm »...*

— Tr. 558, giòng 7 (từ dưới lên trên): xin đọc là *nặng về giáo nghĩa* (1):
và giòng 5 (từ dưới lên trên): xin đọc là: *hay trời Tây (2).*

— Tr. 558 cuối trang xin thêm vào: (2) Lê văn Hảo, Feings, Structures et Problèmes d'un village Français, in ronéo, Paris 1961, trg. 172;

— Tr. 559 cuối trang xin gạch bỏ: (1) Lê văn Hảo, Feings,...

(Và một vài sơ sót nhỏ khác, kính xin độc giả lượng thứ).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tây-sơn lấy Nam-Hà

NGUYỄN PHƯƠNG

(tiếp theo Đại-Học số 27)

III. — TÂY-SƠN THẮNG DUỆ-TÔN VÀ XƯNG ĐẾ

Đánh Phúc Hạp ở Phú-Yên. —

Như đã nói đến trước đây, Tổng phúc Hạp là một đe dọa lớn cho quân Tây sơn. Chính ông đã cất quân lấy lại các tỉnh Bình thuận, Diên khánh, Bình khang, từ năm Giáp ngọ (1774), rồi đóng ở Vân phong chực ra lấy Phú yên.

Đầu năm sau, vào cuối tháng hai, ông lại được hân hạnh tiếp kiến Duệ tôn ở cửa bể Bình khang, khi Chúa đang trên đường vào Gia-định, và được Chúa ban chức tước cùng thúc giục tiến ra. Phúc Hạp chuẩn bị. Đến tháng 5, năm Ất vị (1775), ông ra đánh Phú-yên, bộ quân đóng ở Xuân đài, thủy quân ở Lâm áo. Chính lúc đó, ông đã sai tri huyện Bạch đoãn Triêu và Cai đội Thạc ra Qui nhơn đòi lại Đông cung. Không được như ý, ông kéo dài việc chinh chiến đến tháng 7, bấy giờ mới lấy được tỉnh đó.

Nhưng trong lúc thắng trận, Phúc Hạp kém khôn ngoan. Nhạc cho người vào xin hàng, ông tưởng là thật, không còn phòng bị cẩn thận nữa. Không ngờ sự sơ hở đó đã mở đường cho một vị anh hùng dân tộc có dịp tốt ra mắt lần đầu tiên trong sử sách. Nguyễn Huệ, theo lệnh của anh cả, vào yểm kích và đại thắng, Phú yên lại trở về quyền sở hữu của Tây sơn (1). Huệ bắt được Nguyễn khoa Kiên đem về, và Lý Tài, vị tướng Tàu đã chinh chiến từ lâu bên cạnh Nguyễn Nhạc, được giao phó cho việc giữ Phú yên. Nhưng chính công trạng lâu dài đó đã làm cho Lý tài ly tâm với Nhạc. Lúc đầu, Nhạc trông cậy vào Lý Tài để chống cự với địch, nhưng khi đã thành công ông đắc chí đối đãi không tử tế với bạn củ, nhất là ông đã cư xử rất tệ

---

1) Trong trận Nguyễn-Huệ lấy lại Phú Yên nầy, *Thực lục* có ghi thêm rằng: Cai đội Nguyễn văn Hiền hết sức chiến đấu và bị tử trận. (q. 12, 6b).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

với người bạn của Lý Tài là Tập Đình. Vì đó Lý Tài nhiều lần đã bàn với Tôn thất Chất, khi ông nầy còn ở Qui-nhơn với Đông-cung, về việc vào Nam giúp Chúa Nguyễn (1). Khi Tôn thất Chất thoát được rồi, Lý Tài càng nóng lòng muốn thực hiện đó hơn. Nhạc không biết như vậy đã thả cọp vào rừng. Phúc Hạp thua Nguyễn Huệ đã rút về Yên cương và em ông là chưởng cơ Tông phúc Hòa đóng ở Ô cam. Tại các chỗ đó Lý Tài đã liên lạc với họ. Sau ba tháng làm chủ tỉnh mới, và mọi việc đã sắp xong, Lý Tài đem Phú-yên dâng lại cho Phúc Hạp, còn chính mình ông, Chúa Duệ tôn cũng để ở lại dưới quyền vị lão tướng nầy. Nhưng Phúc Hạp cứ đóng tại Yên cương và Duệ tôn gửi Trần văn Thức ra cai trị Phú-yên để cùng Phúc Hạp lập thế ỷ giác, chống với địch.

Cùng với Lý Tài có một người nữa phản Tây sơn, đó là một viên tướng tên là Nghĩa. Ông Nghĩa nghe lời dụ dỗ của Tôn-thất-Chất đã bỏ hàng ngũ của Nhạc để qui thuận Tông phúc Hạp, cùng với đồ đảng ông chừng năm chục người. Không ngờ Phúc Hạp lại hạch tội ông vì trước ông làm tiền khu cho Tây sơn và đã giết nhiều người của Hạp trong trận Phú-yên. Bởi đó ông bị Phúc Hạp đem giết. Thật là một cử chỉ thô bạo, mất chính trị. (2)

Người thứ ba chống lại Tây-sơn và theo Tông phúc Hạp, đó là Châu văn Tiếp. Từ khi bất mãn với Nhạc về vấn đề nghinh lập Đông cung và trở về Trà lang, Tiếp vẫn tâm niệm làm tôi Chúa Nguyễn. Vào cuối năm Ất vị, ông liên lạc với Phúc Hạp ở Vân phong về việc đó. Nghe vậy, Duệ tôn vui mầng, đặt ông coi thượng đạo để hiệp lực cùng Phúc Hạp. Năm Bính thân (1776), khi quân Tây sơn vượt biển vào đánh Gia-định và Phúc Hạp theo lệnh Duệ tôn phải đem quân vào cứu viện trong đó, Hạp đã giao việc coi sóc cả vùng rộng lớn từ Phú-yên vào Bình thuận cho Châu văn Tiếp và Trần văn Thức.(3)

Tây-Sơn đánh Gia-Định lần thứ nhất (1776).

Kể từ khi thắng được Tôn thất Quyền, Tôn thất Xuân, ở Quảng nam vào tháng 11 năm Ất-vị (1775), Nguyễn Nhạc đã tự coi mình là chủ của dải

1) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 8a.
2) *Liệt truyện tiền biên*, q. 5, 7a; *Thực lục tiền biên* q., 12, 8b.
3) *Chính biên Liệt truyện*, truyện Châu văn Tiếp, q. 6, 21b-22a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đất từ Đèo Hải vân đến đèo Cù mông. Nhạc tỏ ra đắc thế, vì nguyên một việc quân họ Trịnh không can thiệp gì vào trong việc đánh giẹp loạn Quyển Xuân đã chứng minh khá rõ sự ươn ẻ và yếu đuối của các nhà cầm quyền tại Phú Xuân.

Bởi vậy, vào tháng ba năm Bính thân (1776), Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây sơn vương, đặt Nguyễn Lữ làm thiếu phó, và Nguyễn Huệ làm phụ chính (1), ba anh em cùng một lúc lên đài danh vọng, thật là một cử chỉ táo bạo, nhưng chưa phải là bước cuối cùng. Các sử gia triều Nguyễn thuật rằng, bấy giờ Nhạc đúc ấn vàng nhưng mấy lần bị khuyết, đến lần thứ ba mới thành(2). Phải chăng họ muốn ghi nhận một điểm xấu cho họ Tây sơn? Thật ra, như lịch sử cho biết, nhà Tây sơn vì quá tham bạo nên không đứng vững được lâu dài, nhưng trước khi cáo chung, họ còn làm cho họ Nguyễn tơi bời nhiều năm nữa. Một điều đáng chú ý, là việc Nhạc chọn thành Chà bàn làm kinh đô. Chà bàn là thủ phủ của các vua Chàm xưa, và các vua Chàm đã cai trị từ Đèo ngang vào cho đến Bình Thuận. Có lẽ ý Nhạc cũng muốn gầy dựng cơ nghiệp trên lãnh thổ của người Chàm đã chi phối sự định đoạt đó của ông.

Xưng vương là nói lên một phần nào rằng mình tự chủ. Thật ra không phải đợi lâu mới thấy những hành động tự chủ của Nhạc. Ngay trong tháng tư, ông đã tỏ ra xấc láo với họ Trịnh. Bấy giờ tại Hải Vân thú tướng họ Trịnh là Trương công Phụng. Phụng trước kia là bộ thuộc của Nhạc nhưng đã trở lòng sau trận Cầm sa, và được đặt coi một cơ binh để giữ biên cương. Phụng thường qua miền núi Quảng nam ăn cướp lúa người ta. Nhạc sai đồ đảng của ông đánh cho bỏ chạy (3). Nhưng đó chỉ là những việc lặt vặt đối với hạng người dưới, chứ Nhạc vẫn còn e sợ thế lực của Bắc hà, và còn phải đợi cho đến khi đủ sức hơn nữa mới mong tiến ra một cách có lợi. Nay, để gây uy tín, không gì bằng đuổi theo họ Nguyễn lưu vong.

Phần Duệ tôn, khi vào đến Bến Nghé, mọi sự đều phải xây dựng. Lực lượng Ngũ dinh bấy giờ còn ở vùng Phú yên dưới quyền Tống phúc Hạp.

---

1) *Thực lục* nói rằng lần nầy Nhạc đã phong cho Huệ chức Long nhương tướng quân, nhưng chắc là vì tác giả lầm với lần sau, khi Nhạc xưng đế , 1778.
2) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 9a.
3) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 10a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nếu hữu sự phải gọi Hạp vào mới mong chống lại được với địch quân. Trong tình trạng đó, Đỗ thanh Nhân, con người đã từ Phú Xuân vào Gia-định với Chúa, đứng ra lập một đạo quân, đặt tên là Đông sơn, để chống với Tây-sơn cả trong danh từ, cả trong thực tế. Giữa cảnh lưu vong nghèo nàn, quân không có súng, nhưng có một thứ khí giới địa phương, dùng có hiệu quả đối với chiến thuật cổ lỗ thời đó. Theo lời của Linh mục Joan de Jesu, thuật lại trong một thư để vào tháng 5, 1777, thì khí giới đó là một cái gậy làm bằng thứ cây có gai cong như mỏ diều, rất nhiều ở Gia-định, và một que dài ở đầu mút có buộc một bọc nhựa. Muốn dùng, họ đốt cho nhựa ở bọc chảy ra rồi vẩy vào địch. Hễ ai bị nhựa đó vẩy vào là cháy lên như ngọn đuốc. Gậy nhọn có gai, thì họ dùng để lao vào địch, gậy sẽ mắc vào mình địch quân chẳng khác gì lưỡi câu mắc vào miệng cá, không sao gỡ ra được, và địch sẽ bị bắt dễ dàng. Khí giới như thế rất có kết quả trong thời người ta thường ở trần để chiến trận (1).

Một nhân vật nữa đã đóng một vai không kém quan trọng trong những ngày đầu của Duệ tôn ở Gia-định, đó là Mạc thiên Tứ. Thiên Tứ là một trung thần của họ Nguyễn. Kể từ khi Chúa Túc tôn (1724-1736) đặt ông làm đô đốc trấn Hà tiên, ông bao giờ cũng nhiệt thành vì nhiệm vụ và luôn luôn sẵn sàng trợ giúp triều đình Huế. Năm Giáp Ngọ (1774), được tin họ Trịnh xâm chiếm, Tây sơn nổi loạn, ông đã cho chở lúa ra ủng hộ quân hướng, nhưng không may bị địch chận cướp ngoài khơi Qui nhơn. Từ đó ông rất lo lắng cho số phận Chúa. Vì vậy, khi nghe tin Duệ tôn đã trốn được vào Gia-định, cả gia đình ông vội vàng đến bái yết và cung cấp những thức cần thiết. Để tỏ lòng biết ơn, Duệ tôn ban cho ông tước Quốc lão đô đốc quận công. Các con ông cũng được mỗi người một chức xứng đáng, Tử Hoàng được làm chưởng cơ, Tử Thượng làm thắng thủy cai cơ, Tử Duyên làm tham tướng cai cơ. Thiên Tứ và các con ông chẳng những có lòng với Chúa mà họ còn có một lực lượng. Với lực lượng đó, lúc hữu sự, họ có thể giúp Chúa được một phần nào . Và việc biển không lâu đã xảy tới (2).

Xưng vương rồi, Nguyễn Nhạc cho chuẩn bị đi đánh Gia định. Vào

1) Thư của Linh mục Joan de Jésu, gửi cho Linh-mục Phụ tỉnh, được lược dịch lại trong *B.S.E.I.*, tập 15, 1940, 84.
2) *Liệt truyện tiền biên*, truyện Mạc thiên Tứ, q. 6, 12b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tháng năm, năm Bính thân, Nguyễn Lữ thừa lệnh anh cả làm tiết chế dẫn thủy binh vào Sai-côn và đã chiếm được thành đó. Chúa Duệ tôn không có lực lượng sẵn, vì lực lượng Đông sơn ở Tam phụ chứ không phải ở Sai côn, nên lần nữa phải lưu vong, nay chỗ nầy, mai chỗ khác. Các tài liệu đồng thời cho biết là quân Tây sơn theo đuổi Chúa rất gắt, đến nỗi có lần Chúa phải chun xuống gầm giường của Linh mục Diego de Jumilla mới thoát được tay địch quân lục soát. (1) Sau đó Chúa chạy ra Trấn biên tị nạn, và cấp tốc gọi Tổng phúc Hạp đem quân từ Phú yên vào cứu. Đang khi chờ đợi, lực lượng mà Chúa có thể cậy vào đó là Đỗ thanh Nhân và Mạc thiên tứ. Về Đỗ thanh Nhân, *Liệt truyện* và *Thực lục* (2) nói rõ là từ Tam phụ ông đã đem quân Đông sơn hơn ba nghìn người, cùng với các tùy tướng như Nguyễn hoằng Đức (3), Trần Sức, Đỗ Hoành, Võ Nhàn (4), Đỗ Bảng, đánh với quân Tây sơn ba trận đều thắng cả và lấy lại được Sai-côn. Nhưng việc tái chiếm kinh đô Gia-định có lẽ không phải chỉ là công của họ Đỗ. Các tài liệu triều Nguyễn không nói đến, nhưng kẻ sống ở Gia-định lúc đó cho rằng Mạc thiên Tứ cũng có công nhiều. Linh mục Leclers chẳng hạn, vào tháng 7, 1776, nghĩa là ngay sau khi biến cố xảy ra, đã viết rằng: « Quan đốc trấn Cần cao đã lấy tỉnh Đồng nai lại cho Chúa Nam hà ». Linh mục nầy còn cho biết là Thiên Tứ đã có sai sứ sang Cao man xin tiếp viện, nhưng không được việc gì (5).

Khi quân Đông sơn và quân của Mạc thiên Tứ kéo đến, Nguyễn Lữ biết là không sao chống cự được, bèn cho đốt phá Sai-côn, chở thóc lúa đầy 200 thuyền rồi trở về Qui nhơn. Đọc sử Triều Nguyễn, người ta dễ có cảm tưởng là quân Tây sơn đã bị đại bại, vội vàng thổi binh. Nhưng sự kiện chở 200 thuyền thóc có thể tỏ ra rằng cuộc rút quân nầy không đến nỗi hỗn độn lắm.

---

1) *Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, tập 15, 1940, 84.

2) *Chính biên Liệt truyện*, q. 27, 22a; *Thực lục tiền biên*, 12, 10b.

3) Nguyễn hoằng Đức, là người Kiến hưng, tỉnh Định tường, làm thuộc hạ của Đỗ thành Nhân, nhưng khi ông nầy bị giết đã theo Nguyễn Ánh. Truyện cũng được chép ở quyển 7 trong *Chính biên Liệt truyện*, 10b-16b.

4) Võ Nhàn là anh của Võ Tánh, khi Đỗ thanh Nhân bị giết, ông đã phản với Nguyễn Ánh và thua trận chết. *Chính biên Liệt truyện*, q. 6, 1a.

5) Thư viết ngày 26 tháng 7, 1776. *Nouvelles Lettres Édifiantes*, quyển 6, 301.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tây sơn đi rồi, Chúa trở về Bền nghé ở tạm trong một nhà tranh tầm thường. Người ta phải lấy ván của nhà thờ các linh mục Dòng Phan-xi-cô để làm dinh cho Chúa. Để cám ơn Đỗ thanh Nhân, Chúa thăng ông lên chức Ngoại hữu Chưởng cơ, Phương quận công. Được chức mới, Thanh Nhân càng tỏ ra kiêu hãnh hơn, và ăn ở khó chịu với những kẻ ngang hàng với ông. Bấy giờ, Tống phúc Hạp đem bộ thuộc vào tới nơi. Đối với một người dày công nghiệp và lão thành như Tống phúc Hạp, Thanh Nhân không ghen tị gì, nhưng cùng vào với Phúc Hạp còn có Lý Tài, và Thanh Nhân không ưa ông đó. Vào tháng sáu, khi Tống phúc Hạp qua đời rồi, (1) sự xích mích giữa hai người càng gay gắt hơn. Thấy Chúa muốn dùng Lý Tài, Thanh Nhân không cầm mình được đã tung ra những lời thô bỉ như gọi Lý Tài bằng đồ chó heo. Trước thái độ đó, một võ tướng như Lý Tài cố nhiên là không thể nào chịu được. Ông đem bộ thuộc ông lên núi Chiêu Sơn, chực dịp trả thù. Thanh Nhân tức giận muốn tìm cách tiêu diệt, đem quân lên đánh, nhưng lại bị thua. Cảnh tượng chia rẽ đó, không cần phải nói, là hết sức tai hại cho họ Nguyễn (2).

Tây-Sơn đánh Gia-Định lần thứ hai (1777).

Đang khi ở Gia-Định Chúa Nguyễn đã yếu thế lại còn chia rẽ, thì Nguyễn Nhạc càng tìm cách củng cố địa vị để tấn công vào Nam.

Đối với Bắc hà, việc xưng vương và đánh đuổi Trương công Phụng đã gây nên ít nhiều dư luận không tốt. Phú Xuân im lặng, nhưng không khỏi lo ngại. Muốn đánh tan mọi ngờ vực, Nhạc lại phải dùng đến lối ngoại giao mua chuộc có lần ông đã dùng một cách có hiệu quả. Ông gửi Đỗ phúc Tiến đem lễ vật ra Phú Xuân rồi ra Bắc để khiêm tốn xin Chúa Trịnh cho ông làm trấn thủ hai phủ ông vừa đánh bọn Quyền, Xuân, mà lấy được. Trước kia Trịnh Sâm đã bằng lòng với Hoàng ngũ Phúc rằng việc Quảng Nam về sau sẽ định. Nay ngày giờ định đoạt đã đến, nhưng định như thế nào? nếu không phải là giao cho Nhạc cai trị như lời Nhạc xin. Khi quân Bắc Hà thắng trận dưới sự điều khiển của Hoàng ngũ Phúc mà

---

1) Tống phúc Hạp khi làm trấn thủ Long Hồ đã ăn ở đẹp lòng dân, nên khi được tin ông mất, không ai là không chạy đến khóc lóc thảm thiết, « người cày bỏ cày, người buôn bỏ chợ, đến ba ngày mới thôi ». *Liệt truyện tiền biên*, q. 3, 7b.

2) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 11b; *Chính biên Liệt truyện*, q. 27, 22b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

còn do dự chưa dám định hẳn đất đó thuộc về Bắc hà, do người Bắc hà làm chủ, huống hồ, nay người thắng không phải là người Bắc hà mà lại là chính Nguyễn văn Nhạc. Thật ra ở Bắc hà không phải là không có ai thấy trước được chỗ bí đó. Nhiều lần Nguyễn lệnh Tấn đã trình bày tình trạng nguy hiểm của cương giới phía nam cho Phạm ngô Cầu nghe, nhưng Ngô Cầu không đếm xỉa gì. Trước tình trạng nầy Lệnh Tấn đã phải mật báo cho Thăng Long biết, đại khái nói: « Ngô Cầu là người khiếp nhược vô mưu, nếu cứ để trong tay Ngô Cầu thì đất Thuận Quảng sẽ mất. Xin bỏ Ngô Cầu đặt một tướng khác, may ra mới giữ được Thuận hóa » (1). Nhưng Trịnh Sâm đã chán việc xông pha, lại đang say mê Thị Huệ, không lòng đâu để nghĩ đến việc xa xuôi, nên cho Lệnh Tấn là hiếu sự, đòi về Bắc làm tham chính Sơn Tây, và khen Ngô Cầu là hiếu hòa, trịnh trọng. Như thế, việc Nhạc xin chỉ là một dịp tốt cho Trịnh Sâm thanh toán xong vấn đề Quảng Nam. Và vào đầu năm Đinh Dậu, (1777), Chúa Bắc hà ban cho Nhạc chức Quảng nam trấn thủ tuyên úy đại sứ: Một thắng lợi ngoại giao của Nhạc về phía Bắc, để đem đến một thắng lợi quân sự về phía Nam!

Trước thế lực đang bành trướng như vậy của Tây Sơn, họ Nguyễn ở Gia Định không thấy có dấu gì rõ, tỏ ra có thể đương đầu được. Tông phúc Hạp đã chết. Đỗ thanh Nhân và Lý Tài chia rẽ cùng thù địch lẫn nhau. Hơn nữa, vào cuối tháng 10 năm Bính thân, khi Đông cung thoát tay Nguyễn Nhạc trốn được vào Gia Định, hố chia rẽ càng đào sâu thêm, vì bấy giờ hiềm khích không phải chỉ ở giữa tướng sĩ, mà còn giữa cả Duệ Tôn và Đông-cung. Đây một việc xảy ra làm chứng.

Khi Đông cung vào rồi, vì có thiện cảm với Lý Tài, Đông cung xin Chúa triệu viên tướng Tàu về giúp. Duệ Tôn bảo tham mưu Nguyễn-danh Khoáng lên núi Chiêu Sơn lo việc đó. Lý Tài không tin, bắt Danh Khoáng giữ lại, rồi kéo thuộc hạ về Sai-Côn. Nghe tiếng Lý Tài đến, quân Đông Sơn bỏ Sai-Côn chạy về Tam-phụ, và Duệ Tôn cũng chạy theo, chỉ còn Đông cung ở lại. Đang khi Lý Tài thúc trống ầm ầm đổ đến, Đông cung ở trong thành cho kéo cờ hiệu lên, trên đó có để sáu chữ: Đông cung phụng Mệnh Chiêu An. Bọn họ thấy thế hạ khí giới vào yết kiến. Thế là từ nay, Lý Tài cũng như Đông cung, cả hai đều có chỗ dựa để lên mặt,

1) *Cương mục*, q. 45, 2ab; *Thực lục tiền biên*, q. 12, 15b; *Hoàng lê nhất thống chí*, (bản dịch của Ngô tất Tố) trang 54.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Lý Tài dựa vào Đông cung để lấy thế, Đông cung dựa vào Lý Tài để lấy sức. Để bàn bạc riêng với nhau, Lý Tài mời Đông cung về Du miệt, đại bản doanh của ông, và Đông cung không ngần ngại đi theo cùng ở lại đó ít ngày. Họ bàn gì ở Du miệt ? Nhiều chuyện to tát. Nhưng dầu việc gì, người ta cũng có thể đoán được rằng thâm ý của Lý Tài là trả thù lại Đỗ thanh Nhân, vì lối ngược đãi của viên tướng đó kể từ khi Phúc Hạp mất. Và Đông cung cũng không phải là không có một thâm ý. Phải chăng đây là một dịp tốt để lên tột bậc danh vọng, và để trả thù một phần nào về cách cư xử, nếu không phải là tàn ác, thì ít nhất cũng là rất tệ, khi Duệ Tôn bỏ ông cô đơn tại Câu Đê ? Với Lý Tài triệt để ủng hộ, phải chăng nay Đông cung là chủ ? Bởi đó, khi ra đi Du miệt, Đông cung đã sai Nội tả Nguyễn Mẫn trở về Sai-côn « ủy phủ quan quân, chiêu an lê thứ » chẳng khác gì một vị Chúa. Và khi Đông cung cùng Lý Tài trở lại Sai-côn, ông đã lên làm Chúa thật.

Thật thế, Lý Tài và Đông cung đã sai Trương phúc Thận đi rước Duệ Tôn từ Tam phụ về Chùa Kim Chương, ngoài thành Sai-côn. Tại đó, ngày Kỷ tỵ, tháng 11, năm Bính thân, tức là ngày 14 tháng 12, 1776, cả hai người ra yết Chúa, và việc phải đến đã đến. Duệ Tôn không còn biết làm gì khác ngoài sự hội triều thần văn võ lại và nhường ngôi cho Đông cung. Theo các sách sử triều Nguyễn, thì Đông cung « vì sự thế ép buộc, bất đắc dĩ phải nhận » (1) chức Chúa, tự xưng là Tân chính vương, cùng tôn Duệ Tôn lên làm Thái thượng vương. Thử hỏi Đông cung có phải bị sự thế ép buộc thật không ? Không có gì chắc. Mà nếu có, thì sự thế đó cũng là do Đông cung gây nên một phần lớn, vì chính ông đã « thỉnh ư Duệ Tôn » (2) để sai người đi mời Lý Tài về. Chẳng vậy, sao sau cuộc trao chức đổi vị, Duệ Tôn lại muốn trở về Tam phụ với quân Đông Sơn, để Tân chính vương lại với quân của Lý Tài ở Sai-Côn ? Cứ bình tĩnh mà xét, sự xích mích giữa Duệ Tôn và Tân chính vương, đến đợt nầy, không còn có thể chối cãi nữa (3).

1) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 15a.
2) *Liệt truyện tiền biên*, q. 2, 28b.
3) Trong sử sách triều Nguyễn, không bao giờ người ta kể Tân chính vương như là một vị Chúa thật. Khi thụy phong, vì đó, họ cũng không cho chức Hoàng đế như các Chúa khác, mà chỉ được chức Hiếu Huệ Vương (Ibid., q. 2, 31b). Hơn nữa, chuyện của Đông cung không đứng ra một mục riêng mà chỉ được nói gộp vào trong chuyện của Thái tử Hiệu, con thứ 9 của Võ vương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trong triều đình mới của Tân chính vương, người thế lực hơn cả cố nhiên là Lý Tài. Tân chính vương ban cho ông chức Bảo giá Đại tướng-quân. Tôn thất Chất được làm thiếu phó, Tôn thất Xuân được làm chưởng cơ. Chức Nội tả, Chúa mới có ý dành cho Đỗ thanh Nhân, để làm như một lời kêu gọi đoàn kết, nhưng ai cũng biết trước là không thể nào ông nhận, sau Chúa giao cho Phạm công Lý. Chúa mới còn sai Tống phúc Hòa (1) cùng Thiêm Lộc đi trấn giữ Long Hồ để phòng khi có biến.

Việc Đỗ thanh Nhân không tham gia triều đình của Tân chính vương, điều đó xem ra không ai lấy làm lạ. Nhưng lạ thật, và vô cùng nguy hiểm, đó là sự Nguyễn Ánh ra mặt ủng hộ lập trường họ Đỗ. Ánh lấy lẽ rằng Lý Tài kiêu hoạnh, khó kiềm chế, nên khuyên Duệ Tôn về Tam phụ với quân Đông sơn để lo việc khôi phục. Tiếng « dĩ đỗ hưng phục » (2) đây, cần phải để ý. Hỏi nó có nghĩa gì ? Chỉ là khôi phục sự nghiệp đã bị Tây sơn cướp phá mà thôi, hay còn ám chỉ khôi phục cả chức Chúa vừa bị Tân chính-vương đoạt mất ? Ức thuyết sau không phải là vô lý, vì chúng ta thấy quân Đông sơn chỉ phục quyền Duệ Tôn mà thôi, và như đã nói đến trên, sau khi nhường quyền cho Tân chính vương, Duệ Tôn đã bỏ chùa Kim-Chương về Tam phụ với bọn họ. Nhưng tiếc thay, Duệ Tôn đi không lọt, vì Lý Tài biết được, liền xuất quân bắt về Du miệt, và hôm sau, Tân chính vương sai Trương phúc Dĩnh rước về Sai-côn. Hỏi rước về có phải để chung sức chống lại với địch không? Có lẽ là chỉ giữ lấy đó cho quân Đông sơn khỏi có chỗ dựa để lộng hành, thế thôi. Ở đời, thường chia rẽ là chết. Cảnh chia rẽ nầy của họ Nguyễn ở Gia-Định sẽ xô cả lũ vào chỗ chết dưới lưỡi gươm sắc bén của Tây Sơn.

Từ lúc đó, đang khi Đỗ thanh Nhân và Nguyễn Ánh ở Tam phụ tăng cường đảng Đông sơn và ở dưới quyền danh dự của Duệ Tôn, thì Tân-chính vương cùng Lý Tài cũng tổ chức việc phòng thủ. Chẳng những họ sắp đặt chương trình thế thủ ở Gia Định, mà họ còn nghĩ đến việc ra chiêu mộ quân và quấy rối ngay ở địa hạt của địch. Đó là nhân dịp Võ duy-

1) Tống phúc Hòa là em của Tống phúc Hạp, tổ tiên là người Thanh hóa vào nam làm quan. Sau khi Hạp chết, Hòa tận tâm với họ Nguyễn cho đến khi tự tử. *Liệt truyện tiền biên*, q. 3, 8b-9b.

2) *Thực lục tiền biên* (q. 12, 14b) nói là Thiêm Lộc, nhưng *Liệt truyện* (q. 3, 8a) lại nói là Tống phúc Thiêm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguy (1), và Tô văn Đoái (2) ở Qui Nhơn mới vào. Cả hai ông đều ở Huế ra đi lánh nạn với Duệ Tôn, nhưng vì ngăn trở phải ở lại, nay đem nhau vào, với 200 quân sĩ kèm theo. Họ đã cho Tân chính vương biết nhiều tin tức về các hoạt động của Tây sơn cũng như về dân tình ngoài đó. Vì vậy, Tân chính vương lập một phái bộ đi Quảng Ngãi chiêu tập nghĩa binh. Vương đặt Tống phúc Đàm làm giám quân, Trần văn Hòa làm tham mưu, để cùng thống sứ Đặng văn Phong, chiêu phạt sứ Nguyễn văn Đồng thi hành việc đó. Không may khi phái bộ ra đến Bồ Đề, bị quân của Huệ phục kích, Trần văn Hòa tử trận, Tống phúc Đàm trốn về quê ở Thuận hóa, còn mấy người kia trở vào Gia-Định (3). Chính trong hoàn cảnh đó, quân Tây Sơn vào đánh miền Nam.

Bấy giờ là tháng ba năm Đinh Dậu (1777).

Quân Tây sơn gồm cả bộ binh cả thủy binh.

Người chỉ huy Tây sơn lần nầy không phải chỉ là Nguyễn Lữ, mà có cả Nguyễn Huệ, một tay anh hùng bạt chúng.

Dầu là thường thiên lệch đối với những kẻ họ cho là « ngụy », các sử gia triều Nguyễn vẫn nói về Nguyễn Huệ với những tiếng rất kêu. Bắt đầu chuyện ông nầy, *Liệt truyện* chép: « Nguyễn văn Huệ là em của Nhạc, tiếng nói như chuông, mắt sáng như điện, giảo, kiệt, thiện chiến, ai ai cũng phải sợ... Trong bốn lần (4) đi đánh Gia Định, lúc ra trận, ông đi trước, sĩ tốt hiệu lệnh nghiêm minh, thuộc hạ ai nấy dốc lòng vâng mệnh!» (5). Trong lúc họ Nguyễn chia rẽ tơi bời, thì chính đó là kẻ thù của họ.

Khi quân Tây sơn kéo vào, Tân chính vương để Lý-Tài ở lại Sai-côn và tự mình cầm quân đi nghinh chiến ở Trấn biên. Vương không gặp địch, nhưng những kẻ đi đón ở thượng đạo, như phó tiết chế Nguyễn cửa Tuấn(6),

---

1) Võ duy Nguy, người Thừa Thiên, huyện Phú Vinh. *Chính biên Liệt truyện* q. 6, 27.
2) Tô văn Đoái, người Bình Dương, tỉnh Gia-Định, làm quan ở Huế. *Ibid*, q. 14, 2b.
3) *Chính biên Liệt truyện*, q. 8, 33a; *Thực lục tiền biên*, q. 12 15 ab.
4) Bốn lần đi đánh Gia Định, nhưng xem ra Nguyễn Huệ chỉ đi có ba lần thôi, vì lần đầu chỉ có Nguyễn Lữ cầm quân.
5) *Chính biên Liệt truyện*, q. ò0, 17b.
6) Nguyễn cửa Tuấn, cháu năm đời của Nguyễn cửa Kiều, *Liệt truyện tiền biên* q. 4, 14a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chưởng cơ trưởng đạ Nguyễn đại Lữ, đều bị quân Tây sơn đánh chết. Đang lúc đó thủy binh Tây sơn cũng thắng Lý Tài mấy trận ở vùng Sai-côn. Được các tin đó, Tân chính vương hội tướng sĩ lại bàn mưu. Tham tán Nguyễn đăng Trường (1) để nghị rằng quân của địch đông, mình ít, chống cự không được, nên rút về Sai-côn lo việc chiến thủ. Vương nghe theo, dẫn lực lượng về thủ đô, giao trấn biên lại cho Tổng phúc Lương giữ. Về đến Sai-côn chưa được mấy ngày, vương được tin quân Tây-sơn đến đánh. Bấy giờ Lý Tài đem quân ra nghinh chiến ở Hóc môn, thắng được quân Tây sơn và giết được viên tuần sát họ tên là Huyền. Nhưng lúc đó, có quân của Tổng phúc Thận tự Cần giờ kéo về tiếp viện. Lý Tài không biết trước, thấy cờ xí xa xa, nghi là quân Đông sơn đang nhân dịp có giặc để đến hại mình, bèn cho binh sĩ giải tán. Thừa dịp đó, quân Tây sơn đuổi theo. Không biết xoay trở đàng nào, Lý Tài hoảng chạy về Tam phụ và bị quân Đông sơn giết chết. (2)

Mất Lý Tài, Tân chính vương may được Phúc Thận giúp đỡ. Nhờ đó hai Chúa thoát nạn, Duệ tôn đi Đằng giang (Định tường), còn Tân chính vương đi Tranh giang (Gia-định). Bấy giờ, Nguyễn Ánh từ Tam phụ đem 4000 quân Đông sơn đến. Với quân Đông sơn và Nguyễn Ánh, người chỉ huy không còn phải là Tân chính vương nữa, mà Duệ tôn. Chúa cũ nầy biết Tân chính vương không thể ở chung với quân Đông sơn được, bèn

---

1) Nguyễn đăng Trường, Thực lục kể chuyện rằng: Trước kia, trong năm Giáp ngọ (1774), Đăng Trường muốn theo Chúa nhưng không kịp, nên đem mẹ vào ẩn ở Qui-Nhơn. Khi Đông cung vào Gia-Định rồi, Nguyễn Huệ gặp ông và cư xử tử tế với ông chẳng khác nào một vị tân sư. Đăng Trường không chịu nhận giúp Huệ, nhất định bỏ ra đi. Huệ nói: « Tiên sinh đi như thế, ý muốn quay trời đất lộn ngược lại, hỏi làm sao được? Tôi chỉ sợ có ngày hối hận nhưng sẽ quá muộn ». Đăng Trường đáp: «Đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay thờ mẹ tôi, rồi thờ Chúa, ý nghĩa thật là rõ rệt. Còn công việc xuôi hay không, được hay mất, đó là tại mạng, sao lại hối hận ». Khi Huệ bắt được Đăng-Trường, ở Sai-côn, Trường không đổi ý và bị giết (q. 12, 18a).

2) Khi Lý Tài bị quân Đông-sơn giết, thủ hạ của ông bỏ rút ra Bình thuận với Châu văn Tiếp, và rồi sẽ cùng Châu văn Tiếp trở vào Sai-Côn. Chính bọn họ đã giết Phạm Ngạn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bảo ông cứ giữ Tranh giang còn mình thì đi Tài phụ. Ở đó, Duệ tôn cho dàn quân đợi giặc.

Tháng tư năm Đinh dậu, quân Tây sơn đến đánh Tài phụ, rồi đuổi riết theo Duệ tôn. Ông nầy thua chạy về Long hưng, thuộc tỉnh Định tường, may có mưa to mới thoát được tay địch. Ở Long hưng, Đỗ thanh Nhân cũng từ Giá khê kéo tới. Cả hai đều đi Cần thơ hội binh cùng Mạc thiên Tứ. Mặc dầu với cả sự cọng tác của Thiên Tứ, Duệ tôn cũng nhận thấy không ăn thua gì đối với sức của địch quân, nên bảo Đỗ thanh Nhân cùng Nguyễn Quân ra Bình thuận xin Châu văn Tiếp và Trần văn Thức giúp đỡ. Trần văn Thức trước kia giữ Phú yên thay Châu văn Tiếp khi ông nầy rút vào Bình thuận, nhưng về sau cũng giao tỉnh đó lại cho các tướng là Khâm lý Thanh và Đề đốc Vĩnh (1) để vào Bình thuận với Châu văn Tiếp chực để đối phó với tình hình Gia-định. Khi nghe Đỗ thanh Nhân xin Tiếp và Thức đánh quân Tây sơn về phía Bình thuận để chia lực lượng đối phương, Tiếp và Thức không nghe, lấy lẽ rằng quân ít quá. Lẽ nầy có thể đúng sự thật, nhưng còn có một lẽ nữa, đó là bọn Tiếp Thức, không ưa Duệ tôn. Chúng ta còn nhớ việc Châu văn Tiếp đã cùng với Nhạc bàn nhau việc nghinh lập Đông cung và khi thấy Nhạc không thực lòng thì Tiếp ly khai và vào hiệp lực cùng Tông phúc Hạp để chống lại. Sự kiện đó tỏ ra Tiếp sùng thượng Đông cung hơn Duệ tôn. Rồi kể từ khi Đông cung lên ngôi Chúa và Đỗ thanh Nhân chia rẽ cùng lấy danh nghĩa Duệ tôn để đỗ kỵ Tân chính vương, hơn nữa, từ khi Lý Tài bị quân Đông sơn giết và Hòa nghĩa quân rút ra làm thủ hạ của Tiếp, thì lòng Tiếp lại càng bớt vâng phục Duệ tôn. Bởi đó không lạ gì khi thấy Tiếp từ chối lời thỉnh cầu của Đỗ thanh Nhân nhân danh Chúa của ông.

Trong lúc đó, Tây sơn đánh ở Tranh giang. Tân chính vương bị thua rút về Trà tân (Định tường), bảo Tông phúc Hòa giữ Mỹ lũng (Vĩnh long). Tông phúc Thiêm lại rước vương về Ba việt rồi đến chống cự với địch ở Hương đôi, nhưng Hương đôi chẳng mấy chốc cũng thất thủ và ông trở lại Ba việt. Tân chính vương bấy giờ đặt Tông phúc Hòa làm Tổng lãnh chư quân. (2)

1) Cho đến bây giờ, vùng Phú-yên, Nha-trang, Bình-thuận còn ở trong tay quân của họ Nguyễn. *Chính-biên Liệt truyện*, 9.623a.

2) Khi thuật về các việc nầy, *Thực lục* (q. 12, 18a) cứ gọi Tông phúc Thiêm là Thiêm Lộc. Hãy xem chuyện Tông phúc Thiêm ở *Liệt truyện* (chính biên, q. 3, 1b-2a).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi Duệ tôn cũng như Tân chính vương trốn tránh hết chỗ nầy đến chỗ khác như vậy, thì Nguyễn Huệ vào thành Sai-côn. Ở đây Huệ bắt được Nguyễn Đăng Trường, một người Huệ đã dụ dỗ theo Tây sơn khi còn ở Qui-nhơn, nhưng không được. Huệ tưởng trong lúc thất bại Trường đổi ý, bèn hỏi: « Tiên sinh nay thế nào? » Trường không ngần ngại đáp: « Nay chỉ có chết mà thôi, hà tất phải hỏi ». Và Huệ đã cho Trường được như ý. Làm chủ Sai-côn, Huệ đã thành công to tát, nhưng ông không dừng lại đó vì bao lâu còn Chúa Nguyễn là bấy lâu kẻ thù của ông còn có thể nổi dậy đạp đổ công trình ông, nên ông cho theo đuổi riết cả Chúa cũ, cả Chúa mới (1).

Vào tháng bảy năm Đinh Dậu, quân Tây sơn đánh cả hai mặt, vừa ở Bình thuận vừa ở Lục tỉnh. Ở Bình thuận họ giết được Trần văn Thức bấy giờ đang đem quân vào có ý tiếp viện miền Nam. Trong Nam, thì họ tấn công Ba việt, đồn cuối cùng của Tân chính vương. Bấy giờ các ông thiếu phó Tôn thất Chất, Nội tả Nguyễn Mẫn, Chưởng cơ Tống phúc Hựu, đều đã bị bệnh mất, chỉ còn chưởng cơ Tống phúc Hòa và Tống phúc Thiêm ở Hương đôi mới chạy về. Tây sơn đánh mấy trận đều bị thua, nhưng Tân chính vương biết chắc không chóng thì chầy, địch quân sẽ thắng. Chúa nghĩ đến việc đi Bình thuận cầu cứu với Châu văn Tiếp, không may tướng sĩ không còn ai hưởng ứng nữa. Tống phúc Hòa thì lòng dầu còn, mà sức đã kiệt, thấy tình thế không sao cứu vãn được nữa bèn bảo thuộc hạ rằng: « Các anh tuổi còn ít sức còn mạnh, nay nên tản mác đi để trông lập công về sau. Phần ta tuổi đã già, sức đã hết, dầu có muốn tồn tại để rồi báo đáp ơn trên cũng không thể nào được, hơn nữa, thân làm đại tướng mà phải chịu cái nhục không giữ gìn được xã tắc, thì hỏi sống làm gì? » Rồi ông tự tử. (2) Lúc đó Tống phúc Thiêm cũng trốn đi, thế là chỉ còn Tân chính vương với địch. Hỏi phải làm sao bây giờ? Đánh mà chết ư? Như thế quân dân sẽ bị giết hại vô ích. Gì bằng tự nộp mình để bảo toàn cho kẻ dưới? Nghĩ thế, Tân chính Vương hẹn với quân Tây-sơn rằng: « Nếu các ngươi bảo toàn tính mạng quân dân trong đồn, thì ta sẽ tự ra nộp». Họ bằng lòng. Thế là Chúa sa vào tay họ, và bị họ giết hại. Ở đây một vấn đề lịch sử được nêu lên, nhưng rất khó giải quyết: Hỏi Tân chính vương

---

1) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 18b.
2) *Liệt truyện tiền biên*, q. 3, 8b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bị Tây sơn giết ở đâu và lúc nào? Không có tài liệu nào nói rõ, nhưng có thể đoán được là quân Tây sơn đã dẫn Tân chính vương về Sai-côn và giết tại đó, và giết vào những tháng cuối cùng của năm Đinh dậu chứ không để qua năm sau. Các quan bị bắt theo Chúa có 18 người và tất cả cùng chung số phận như Chúa (1).

Vào tháng 9, Duệ tôn đang ở Cần thơ với Mạc thiên Tứ, quân Tây sơn bèn đổ dồn về đó. Tử Duyên cho quân của ông ra chống cự. Trước kia Duyên đã hiệp lực với quân cần vương đã chống Tây sơn, nhưng bị thua phải rút về Trấn giang, nay tự Trấn giang ông đến cứu Duệ tôn và rước Chúa về đó trú ẩn. Phần Mạc thiên Tứ, ông thấy ở Trấn giang lúc đó còn yên, nhưng rồi sao cũng loạn, nên xin Chúa mau mau bỏ Trấn giang, để theo sông cạn Cần thơ qua đất Kiên giang, vì ở đây, nếu có việc gì không may xảy tới thì có thể dễ dàng ra Tân dương đảo rồi tùy thế định liệu. Duệ tôn nghe theo. Thiên tứ hộ giá đi trước, và bảo con ông đến Hiệp giang lấy gỗ chắn lòng sông lại. Dọc đường, Duệ tôn lo lắng hỏi Thiên tứ rằng: « Nay thế giặc hùng hậu, việc nước như thế, còn có thể khôi phục được không? » Thiên Tứ buồn bã khóc, và dâng mình đi cầu viện nhà Thanh. Ông nói: « Thần xin sẵn sàng liều thân khuyển mã đi xa sang Quảng đông cầu viện với nhà Thanh, xin Trung quốc cất quân sang tiêu diệt bọn hung tàn để khôi phục vương thổ. « Thần nghĩ rằng nếu không đổ mưu như thế, thì không còn đất trú chân ». Được Chúa ưng theo, Thiên Tứ liền bảo thuộc hạ ông là Ngũ nhung cai cơ Khoan đem Chúa đi Tân-long, còn ông thì ở lại cửa Kiên giang để đợi thuyền của Quách Ẩn đến mà đi Quảng đông. Thiên Tứ có lòng trung thành thật, nhưng mưu đồ của ông quá muộn. Khi Chúa và Tứ chưa kịp làm được gì, thì quân Tây sơn đã đổ đến chiếm Long xuyên, bắt được Duệ tôn, và Nguyễn phúc Đồng, anh cùng một mẹ với Nguyễn Ánh, rồi đem về Sai-côn giết (2). Thiên Tức

1) *Liệt truyện tiền biên*, q 2, 31 ab. Tại đây, chúng ta thấy rằng : « Năm Canh tuất, vương bị hại ». Tính ra năm Canh tuất tức là năm 1790, như thế không thể được, vì bấy giờ Nguyễn Ánh đã lấy lại được Sai-con rồi, đàng khác không thấy dấu gì cho biết là quân Tây Sơn đã đem Tân chính vương về Qui-Nhơn giam giữ rồi năm 1790 giết Chúa tại ngoài đó.

2) Cùng với Duệ Tôn, con Chưởng cơ Trương phúc Thận, Lưu thủ Lượng, tham mưu Nguyễn danh Khoáng đều bị giết. *Thực lục tiền biên*, q. 12, 19b-20a. Xem *Liệt truyện tiền biên*, q. 6, 10ab.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cũng bị quân Tây sơn bắt. Họ dụ dỗ ông theo họ, nhưng ông không chịu rồi cùng Tôn thất Xuân trốn sang Xiêm cầu viện.

Bắt được cả Tân chính vương, cả Duệ tôn, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ cho rằng việc Gia định đã yên, nên giao việc gìn giữ lại cho bọn Tổng đốc Châu, hồ tướng Hản, tư khẩu Uy, điều khiển Hòa, cai cơ Chẩn, rồi trở về Qui nhơn. (1) Tại Qui nhơn, khi nghe tin thắng trận, Nguyễn Nhạc cũng hết sức sung sướng, vì như thế là đã đạt được một mục đích, tức là diệt Chúa Nguyễn. Uy thế lẫy lừng, tương lai sáng rực, ông sẵn sàng để bước thêm một bước nữa trên đường vinh quang cho ông, cho anh em ông, cho dòng họ ông, nói chung lại cho quân Tây sơn: Nguyễn Nhạc xưng đế.

Nguyễn Nhạc xưng đế.

Dầu chưa nói được là làm chủ Nam hà như ông vẫn mong ước từ lâu, vì Nam hà còn gồm cả Phú Xuân, thủ đô của Chúa Nguyễn mà bấy giờ lực lượng Bắc hà đang chiếm cứ, Nguyễn Nhạc cũng nhận thấy sự cần thiết phải làm một cái gì để đánh dấu một giai đoạn thắng lợi mới và nhất là để thỏa chí tang bồng của ông sau khi quân Tây sơn giết được hai Chúa Nguyễn trong một lúc. Vì vậy, đã xưng vương kể từ hai năm nay, ông chỉ còn một bậc nữa để trèo mà thôi, là xưng đế.

Quả thế, đầu năm Mậu tuất, 1778, Nguyễn Nhạc tự xưng là Hoàng-đế, lấy hiệu là Thái Đức nguyên niên. Để thưởng công hai em đã cộng tác đắc lực với ông, ông đặt Lữ làm tiết chế và Huệ làm Long nhương tướng quân. Trong việc thăng phẩm trật nầy, chúng ta có thể ghi nhận được rằng, ba anh em Tây sơn còn nặng tình ruột thịt, anh cả giữ chức lớn nhất đã đành, nhưng Lữ vẫn giữ chức thứ hai và Huệ chức thứ ba, mặc dầu chiến công lừng lẫy của Huệ không còn ai chối cãi. Một ghi nhận khác, là đến đây, những kẻ đã cộng tác với Nhạc trong buổi đầu, nay không còn nữa. Về đệ tam trại chủ Huyền Khê, không rõ số phận thế nào, nhưng Nguyễn Thung, đệ nhị trại chủ, thì sau khi lấy được Qui nhơn, ông đã cùng Nhạc chiến thắng Tôn thất Hương trong trận Bích Kê, rồi về giữ thành Qui Nhơn, đang khi Nhạc đi đánh Nguyễn cửu Dật ở Quảng Nam. Không ngờ, về sau, trong dịp Nhạc xưng vương, năm 1776, Thung chỉ được chức Nguyên

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 9b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhung, ông tức giận lắm bèn cùng với Nhưng Huy, Tứ Linh định chiếm thành Qui Nhơn để làm phản, và đã bị Nhạc ghép tội xử tử (1).

Việc Nguyễn Nhạc xưng đế đầu năm Mậu Tuất, có lẽ không phải chỉ mải thắng trận về quân sự mà thôi, mà còn để khánh thành một công cuộc khác không kém quan trọng, đó là việc xây xong thành Chà bàn. Thành nầy từ đây Nhạc cho gọi là Hoàng đế thành. Đó là một công trình kiến-trúc to tát. Quyển Tây sơn sử truyện để lại những nét tả hiểm có sau đây:

« Nhạc theo nền thành cũ cho đắp cao lên bằng đá phong, chu vi 10 lý. Tường thành cao một trượng hai xích, dày ước chừng hai trượng. Thành có năm cửa. Đàng trước mở hai cửa, cửa bên hữu gọi là Vệ môn, cửa bên tả gọi là Tân khai môn. Bên trái, bên phải và đàng sau, mỗi bên đều có một cửa. Ba góc, đông-nam, đông-bắc, Tây-bắc, mỗi góc có xây một núi đất. Phía tây có xây Đĩnh nhĩ đề, phía Tây nam có Giao đàn thành. Bên trong thành, thì có Tử thành? Trong Tử thành có Bát giác điện, nay là mộ của Võ Tánh. Trước đó có Bát giác lâu, nay là chỗ Chiêu trung tự. Thế rồi, đàng trước còn có Quyền bồng cung, bên tả, bên hữu có dực lang làm chỗ ở cho người canh gác. Trước cung có Nam lâu môn, bên tả có Từ đường, bên hữu có Võ miếu, di tích nền cũ nay hãy còn » (2).

Với chức Hoàng đế, Nguyễn Nhạc đã tự cho mình là người chủ trên hết của một vùng lãnh thổ từ Quảng nam ăn vào đến hết đất Gia Định. Nhưng chẳng mấy chốc, ông đã nhận thấy rằng ông không phải là người chủ độc nhất trông nước của ông, vì cùng với ông còn có Nguyễn Ánh, một tay anh hùng chẳng kém gì bất cứ một anh hùng nào khác của đất nước Việt Nam.

---

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 14a. Trong dịp Nhạc xưng vương và cho Nguyễn Thung chức Nguyên nhung, theo *Tây sơn sử truyện* (4b) thì Nhạc còn cho các người khác các chức sau đây: Giáo Hiền, chức quân sư, Diệm làm sĩ sư, Tân làm Lại bộ, Bạc làm hộ bộ, Chí làm Lễ bộ, Vịnh làm binh bộ, Bùi văn Nhật làm hình bộ, Phạm Ngạn làm nội hầu, Bùi đắc Tuyên làm thái úy, Đặng văn Chân làm ngự úy, Diện làm điều khiển, Nghĩa làm đốc vụ, Vân làm tổng nhung, Uy làm đô đốc, Chân làm chỉ huy, Đá, Tiếp, Hồng đều làm đô úy.

2) *Tây sơn sử truyện*, 5a. Năm Gia-Long 12, thành bị phá để lấy đá xây thành mới.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

IV. — TÂY SƠN ĐÁNH NGUYỄN ÁNH

Nguyễn Ánh với cuộc khởi nghĩa Long-Xuyên.

Vào cuối năm Đinh dậu, nếu ở thành Chà bàn, người ta rộn ràng về việc tức vị, thăng chức, vì đã đánh lấy được Gia Định, thì lúc đó ở Gia-Định, người ta cũng đang lo đặt lên một người để cầm đầu kháng chiến, người đó là Nguyễn Ánh. Dầu còn trẻ tuổi, Nguyễn Ánh, kể từ khi lưu vong vào Nam, đã tỏ ra càng ngày càng xuất sắc.

Tháng 10 năm Bính thân (1776), Ánh vâng mệnh Duệ Tôn đi đánh Chân lạp cùng tiết chế Nguyễn cửu Tuân và cai cơ Trương phúc Thận, và đã bắt được Nặc Vinh đầu hàng (1). Rồi khi cuộc tranh chấp quyền thế giữa Đỗ thanh Nhân và Lý Tài trở nên gây cấn đến nỗi Duệ Tôn phải nhường ngôi Chúa cho Đông cung Dương, Ánh đã quyết định đứng hẳn về phía Đông sơn, không nhận Tân chính vương. Tháng ba năm Đinh dậu (1777), khi quân Tây sơn vào đánh, Ánh ở Tam phụ, và khi Sai-côn thất thủ, đã đem 4000 quân Đông sơn đến Tài phụ có ý giúp Duệ Tôn. Nhưng Tài phụ rồi cũng mất và Duệ Tôn cũng như Tân chính vương đều sa vào tay Nguyễn Huệ.

Tháng 10 năm Đinh dậu, khi Duệ Tôn và Nguyễn phúc Đồng bị bắt ở Long Xuyên, Nguyễn Ánh xuýt nữa cũng đã chung phải cùng số phận. May sao bấy giờ Giám mục Bá-đa-Lộc đang ở gần đó đã cứu được Ánh rồi đem về giấu trong nhà người. Trốn ẩn như vậy một tháng, Ánh được tin đại quân Tây sơn đã rút về Qui nhơn, bèn trở lại Long Xuyên lo việc khởi nghĩa (2). Đây là một biến cố quan trọng mở đầu một giai đoạn mới trong cuộc tranh đấu giữa họ Nguyễn và Tây sơn.

Bấy giờ các tướng cũ dần dần tụ lại, trước hết là Đỗ thanh Nhân, tướng quân Đông sơn, rồi đến Thống binh Nguyễn văn Hoằng, chưởng dinh Tống phúc Khuông, Tống phúc Lương, điều khiển Dương công Đằng, v.v... Họ đánh điều khiển Hòa của Tây sơn, chiếm lấy Long hồ, rồi tiến về Sai-côn. Nhờ dân chúng ủng hộ, và tướng sĩ các nơi hưởng ứng, quân của

1) *Thực lục tiền biên*, q. 12, 14a.
2) Bấy giờ Giám-mục Bá-đa-Lộc đem Nguyễn Ánh sang ẩn náu tại nhà người ở Cao mên. Louis-Eugène Louvet, *Mgr d'Adran*, Delhomme et Briguet, Paris, 1900, 60-61.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ánh lấy lại được thủ đô của đất Gia-Định, và bọn Tổng đốc Châu, Tư khẩu Uy phải vội vàng chạy về Qui Nhơn (1). Để tiện việc điều khiển quan quân và tỏ ra rằng họ Nguyễn vẫn còn, đầu năm Mậu tuất (1778), tướng sĩ đồng thanh yêu cầu Ánh đứng lên chính thức nhiếp chính. Thế là đang khi Nguyễn Nhạc nghĩ rằng đã đến lúc ông phải thêm uy quyền, vì họ Nguyễn không còn nữa, thì chính lúc đó, một người trong dòng họ Nguyễn ra mặt chống lại với ông, chẳng những thử thách lực lượng ông mà còn gọi tước vị của ông là ngụy vị. Cuộc tranh chấp giữa hai phe « chính » và « ngụy » còn lâu dài, nhưng rồi đứa trẻ bấy giờ mới 17 tuổi này sẽ toàn thắng và sẽ trở thành Gia Long (2).

Đảm đương trọng trách, Nguyễn Ánh liền lo chuẩn bị để chống cự Tây sơn, vì biết chắc không chóng thì chầy họ sẽ trở lại. Quả thế, sau bốn tháng, họ đã trở lại, nhưng may một điều là không phải Huệ hay Lữ mà chỉ là Tổng đốc Châu. Ánh chưa mạnh mẽ gì, vì chưa có thì giờ nhiều để gây dựng sau lần tan nát của năm Đinh dậu, dầu vậy cũng đã đủ sức để phòng thủ. Dưới quyền chỉ huy của Tổng đốc Châu, và các người đã quen việc Gia-Định như Tư khẩu Uy, hộ giá Phạm Ngạn và bọn tướng Liêm, Năng, thủy quân Tây sơn vào đánh và chiếm được các vùng Trấn biên, Phiên trấn, cùng miền duyên hải. Nhưng quân họ Nguyễn liền đổi được từ thế thủ ra thế công và Đỗ thanh Nhân giết được Tư khẩu Uy ở Bến Nghé, chiếm được hầu hết thuyền địch; Thống binh Nguyễn văn Hoằng lấy được Lộc đã giết bọn Liêm, Năng, làm cho quân Tây sơn phải lùi khỏi Trấn biên. Phạm Ngạn thì bị thua chạy ra Bình thuận, nhưng ở đó gặp Châu văn Tiếp và Lê văn Quân, nên phải vội vàng lui về Qui Nhơn (3).

Thật, quân Tây sơn đã phải thất bại lớn và tướng sĩ của Nguyễn Ánh càng hăng hái thêm để củng cố lực lượng.

Nguyễn Ánh làm Chúa Gia-Định

Cả năm Kỷ hợi, quân Tây sơn không vào. Nhờ đó, Nguyễn Ánh đã có thể lo việc tổ chức về hành chánh cũng như về quân sự. Cũng năm đó,

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 9b.

2) Bấy giờ Nguyễn Ánh không còn người anh nào nữa, và cả dòng họ Nguyễn cũng không còn ai để dành quyền với Ánh.

3) *Chính biên Liệt truyện*, q. 27, 23b, và q. 30. 10a. Về Lê văn Quân, ông đã được Duệ Tôn gọi vào giúp nhưng đầu năm Mậu tuất, ông lại được Ánh sai ra Bình thuận trợ lực cho Châu văn Tiếp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ở Chân lạp, Nặc Vinh lại nổi dậy, Ánh phải sai Đỗ thanh Nhân đi đánh dẹp. Nhân đặt con của Nặc tôn, là Nặc Ân, lên ngôi, rồi để Hồ văn Lân ở lại coi việc bảo hộ. Uy thế của Ánh nhờ vậy, càng lừng lẫy (1).

Sang năm Canh tí (1780), thấy không còn gì trở ngại, Nguyễn Ánh xưng vương, và Đỗ thanh Nhân được đặt làm Nội hữu phụ chánh, thượng tướng quân. Với chức mới đó, Thanh Nhân càng làm việc một cách hăng hái. Trong năm 1780 chẳng những ông dẹp được một cuộc nội loạn của thổ dân ở Trà vinh, mà ông còn đốc suất công việc xây dựng thủy quân để đối phó với Tây sơn. Việc nầy kể ra rất hệ trọng vì vùng Gia Định là một nơi nhiều sông ngòi và kênh lạch. Ông chế tạo một kiểu chiến thuyền mới, kín đáo và vững chắc, để có thể hoạt động song song với bộ quân (2).

Một đàng thấy việc tăng cường, tiến hành đều đặn, đàng khác đã hai năm nay không thấy quân Tây sơn kéo vào, Nguyễn Ánh táo bạo nghĩ rằng đã đến thời phải ra đánh địch ngay ở sào huyệt của họ. Để thi hành ý định đó, Chúa đặt Tôn thất Dụ làm Chưởng trung quân Tiết chế điều phát chư đạo bộ binh ở Bình thuận (3) và triệu Châu văn Tiếp vào Gia-Định để giao một chức còn quan trọng hơn, tức là Khâm sai đô đốc chưởng cơ quản An toàn dinh lệnh đại tư nông, điều phát tướng sĩ binh dân chư sự vụ, quận công. Với chức mới nầy Tiếp được Chúa giao cho việc kiểm điểm lực-lượng để đi đánh Qui nhơn. Cả mùa xuân năm Tân sửu (1781), Tiếp lo xếp đặt các việc. Đặc biệt nhất là ông viết thư cho các tùy tướng của ông là Thanh và Vĩnh, lúc đó đang còn đóng giữ ở Phú yên. Thư ông đại khái nói: « Vừa rồi, khi về triều kiến, vương thượng đã ban cho Tiếp làm đại tướng để điều khiển các đạo quân ra đánh Tây sơn. Nay tôi đang duyệt binh và sắp đặt khí giới cho mọi sự được sẵn sàng. Tướng sĩ ta ở lại ngoài ấy, hoặc có ai thiếu thốn đồ dùng, các ngài có thể giúp đỡ họ, rồi bao giờ Tiếp ra, Tiếp sẽ trả lại cho bội hậu » (4). Lối xử sự nầy tỏ ra Châu văn

1) *Ibid.*, *q.* 31, 6a. Nặc Vinh bị Đỗ thanh Nhân giết, và Nặc Ân bấy giờ mới lên 8 tuổi.

2) *Chính biên Liệt truyện*,, q. 27, 24a.

3) *Nt.*, q. 4, 7b.

4) *Nt.*, q. 6, 23a. Trong quyển *Hisrtoire Moderne du Pays d'Annam*, (trang 194), Charles Maybon cho rằng Bình thuận đã mất vào tay Tây sơn và chính Lê-văn Quân đã ra lấy lại được một thời gian. Ông viết: Une expédition fut dirigée vers le Bình Thuận sous les ordres de Lê văn Quân qui réussit à y établir pour un temps l'autorité royale. Nói thế không đúng với các sự kiện nêu ra ở đây.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tiếp là một tướng khôn ngoan, biết lợi dụng mọi trường hợp để làm phấn khởi lòng quân sĩ, và đồng thời cũng chứng minh rằng Nguyễn Ánh không phải là không biết dùng người.

Đến mùa hạ, Châu văn Tiếp dẫn quân ra Diên khánh. Tôn thất Dụ ở Bình thuận cũng được lệnh đem bộ thuộc ra trợ lực. Cả hai ra Vân-phong đào hào đắp lũy lo việc đánh địch. Không may một biến cố lớn xảy ra khiến việc lớn đó phải đình hoãn, đó là việc Đỗ thanh Nhân bị giết và quân Đông sơn dấy loạn ở Gia Định. Được tin đó, Tôn thất Dụ phải rút quân về Bình thuận, còn Tiếp thì đóng giữ Trà lang, chỗ ông đã đóng trước, khi bắt đầu nổi dậy một lần với Nguyễn Nhạc (1). Nhưng sao việc biến vừa nói lại có thể xảy ra, và xảy ra trong lúc Châu văn Tiếp đem quân đi đánh Qui-Nhơn?

Như chúng ta đã thấy, đối với Nguyễn Ánh, Đỗ thanh Nhân là một người có công rất lớn. Chính ông đã ủng hộ Ánh để Ánh có thể lên ngôi nhiếp chính và rồi lên vương vị. Ánh cũng đã đáp lại bằng cách đặt ông lên tột bậc trong quan chế bấy giờ. Nhưng Thanh Nhân vốn là người có tính kiêu hãnh, tự phụ, không bao giờ lấy gì làm đủ. Bởi vậy ông làm nhiều việc quá đáng và muốn vượt cả quyền Chúa nữa. *Thực lục* và *Liệt truyện* thuật lại một số các tội ác của ông, đại khái nói: ông mộ thêm vây cánh riêng cho ông, ông tự cầm quyền sinh sát trong tay, muốn ban cho ai ơn gì thì ban, muốn đoạt của ai thì đoạt; trong cung, ông cắt xén bớt các khoản chi phí, đến nỗi, ngày kỵ ở Hưng miếu, ông cũng không bỏ tiền ra mua lễ vật, khiến Ánh phải xuất tiền túi ra lo; người trong đảng của ông, hễ ai thân hậu, thì ông cho mang cùng một tên họ như ông; bọn đó lại thiếu sống người ta, bắn chết đàn bà có thai, cùng dùng những hình khổ hết sức thâm độc để phạt kẻ khác, ai cũng phải cắn răng mà chịu; hơn nữa, khi quân Tây-sơn vào đánh, có lần ông đã mưu đem quân Đông Sơn vào rừng để trở lòng theo địch, nhưng rồi việc không thành. Cũng theo các tài liệu kể trên, thì, dầu vậy, Nguyễn Ánh vẫn đối đãi tử tế với Đỗ thanh Nhân. Nhiều lần Ánh thân hành đến thăm Thanh Nhân tại nhà của ông này, nhưng ông không giữ lễ phép gì. Đồ đảng của ông còn phụ họa theo ông, chửi bới mọi người không kiêng nể ai. Nói tóm lại, chúng ta thấy rằng Đỗ thanh Nhân dần

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 6, 21b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

dần đã muốn trở thành một Trương phúc Loan thứ hai, nhưng vì Nguyễn Ánh không phải là Duệ Tôn, nên Thanh Nhân đã chóng bị hạ. Nhân dịp Tổng phúc Thiêm tâu xin Chúa trừ diệt kẻ bạo tàn, Ánh đã cho gọi Thanh Nhân đến, và khi ông nầy vào, võ sĩ đã chực sẵn để giết đi (1).

Cố nhiên một người như Đỗ thanh Nhân không thể không có những đồ đệ trung thành, và các kẻ đó xúi quân Đông Sơn nổi loạn. Trong bọn họ, nổi tiếng hơn cả, có Võ Nhàn, anh của Võ Tánh, và Đỗ Bàng. Hai ông nầy đem đồ đảng đóng giữ Tam phụ để chống lại với Nguyễn Ánh, nhưng không được lâu, vì quân đội của Ánh đến bao vây, giết được Võ Nhàn và rồi Nguyễn Ánh chia quân Đông Sơn ra làm bốn đạo. Xét ra loạn Đông Sơn đã gây tai hại rất lớn cho sự nghiệp Nguyễn Ánh, vì sở dĩ quân Tây sơn lại trở vào đánh Gia-Định năm Nhâm dần (1782), cũng là bởi Đỗ thanh Nhân không còn nữa, và sở dĩ họ thắng được, cũng là bởi được nhờ một phần ở lòng phản bội của tướng sĩ Đông Sơn.

Nhưng đang lúc Châu văn Tiếp đi đánh Tây sơn, hoặc Đỗ thanh Nhân tỏ ra thái độ quyền thần và bị giết, một sự kiện khác cũng khai diễn và rất đáng ghi nhận vì nó nêu lên một chiều hướng mới trong việc chuẩn bị chống với Tây sơn. Sự kiện đó chính là sự Nguyễn Ánh thâu nhận người Tây phương và kỹ thuật họ để tăng cường lực lượng. Như chúng ta sẽ thấy, cố gắng nầy của Ánh không phải sẽ đem ngay thắng lợi lại cho Chúa Nguyễn, nhưng chính hướng đó sẽ giúp Ánh đánh tan được kẻ thù và thống nhất được xứ sở.

Thật thế, bấy giờ Nguyễn-Ánh có Manuel, người Pháp ở trong hàng ngũ thủy quân, và đã mượn tàu chiến Bồ đào nha đến trợ lực.

Manuel là một thanh niên Giám-mục Bá-đa-Lộc đã đem từ Pondichéry đến Gia Định kể từ năm 1774 để giúp việc cho người. Nhân dịp Nguyễn Ánh lên vương vị, vị giám mục đã giới thiệu tên thanh niên đó với Chúa mới. Dầu không được rõ về ngày giờ Manuel bắt đầu vào giúp việc cho Ánh,

---

1) Về Đỗ thanh Nhân bị giết, có hai điều nên ghi nhận, là lý do ông bị giết, và thời gian việc đó xảy ra. Về lý do Ánh giết Đỗ thanh Nhân, dầu cho *Thực lục* (Đệ nhất kỷ, q. 1, 15b) và *Liệt truyện* (q. 27, 24b) có phóng đại đi nữa, chắc chắn rằng không thể nào hai tài liệu đó đã bịa đặt ra các tội ác như chúng ta đã đọc. Bởi đó không thể nói được với Maybon (*op. cit.* 196) là chỉ vì Nguyễn Ánh ghen tương ảnh hưởng của họ Đỗ. Về năm, thì *Chính biên Liệt truyện* q. 30, 10a nói là Nhâm dần (1782), nhưng *Thực lục* và các chỗ khác đều nói là Tân sửu (1781).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chúng ta cũng chắc được điều nầy là Manuel đã là một người đóng một vai trò khá quan trọng trong việc huấn luyện thủy quân, và đã mang tên Mãn-noài trong lịch-sử Việt-Nam. Mãn-noài được Ánh ban cho chức cai cơ và coi một chiếc «tây dương thuyền»; nhưng cho được làm chủ thuyền đó, Mãn-noài đã phải dùng đến nhiều thủ đoạn không được ngay chính.

Bấy giờ Nguyễn Ánh có thuê được ba chiếc tàu Bồ-đào Nha ở Mã-cao về để lo việc phòng thủ, và có người Bồ điều khiển các tàu đó. Mãn-noài muốn đứng ra chỉ huy cả ba chiếc. Thấy vậy, hai chiếc lấy lẽ ra biển để chống địch quân và nhân đó đã trở về Mã cao, đem theo cả vũ khí đạn dược và một số binh sĩ Nam-hà. Còn chiếc thứ ba ở dưới quyền của Mãn-noài nên không trốn được, nhưng không mấy chốc đã xảy ra xích mích lớn giữa sĩ quan Bồ và tên thanh niên Pháp. Cuối cùng Mãn noài đã tìm được cách giết bọn họ. Trước hết ông mời viên chủ tàu Bồ ăn tiệc và cho người đó uống rượu say. Bấy giờ ông nói là có lệnh Chúa gọi chủ tàu. Viên sĩ quan Bồ phải đến, nhưng vì quá say, ngồi huych xuống ngủ, và Mãn noài cho một tên lính về phe với mình giết đi. Mãn-noài cũng thanh toán các thủy thủ Bồ khác một cách tàn ác không kém. Ông lừa khi bọn họ ngủ, rồi sai lính đến chém giết. Hai mươi bảy người Bồ bị chết như vậy, chỉ có mấy kẻ bơi thoát được vào bờ.

Lúc đó dưới tàu có một linh mục người Tây ban nha thuộc dòng Phan-xi-cô, tên là Antonio. Linh-mục nầy do linh-mục Jumilla gửi xuống làm tuyên-úy cho binh sĩ dưới tàu với sự đồng ý của Nguyễn Ánh. Khi xảy ra các việc giết lát trên, Mãn noài sợ linh mục Antonio mách lại với Chúa nên ông tìm cách làm hại. Có lần ông đã định buộc linh mục vào đuôi ngựa lối đánh ngựa chạy cho chết, nhưng không thi hành được. Ông cũng bảo lính Việt giết linh mục, họ không chịu; về sau vì ông thúc lắm, họ đã phải vâng lời. Làm tất cả các việc đó xong, Mãn noài đã làm giấy bắt lính Việt Nam ký vào, nói rằng người Bồ dưới tàu đã đòi giết người Nam hà nên họ đã phải tự vệ. Nguyễn Ánh biết thế buồn bả hết sức. Chúa đem việc đó giao cho linh mục Jumilla xử, nhưng vì có giấy lính Nam-hà ký, nên không làm gì được (1).

1) Chuyện lôi thôi giữa Manuel và người Bồ đã được linh mục Jumilla, bấy giờ đang ở Chợ Quán kể lại trong một thư gửi cho linh-mục Trưởng tỉnh viết trong năm 1782. Xem *BSEI*, số 15, 1940, 87-88.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Dầu sao, vào mùa xuân năm Nhâm dần, Nguyễn Ánh cũng đã có một lực lượng thủy quân khá lớn để đối địch với quân Tây sơn đang kéo vào.

Hoàng Đế Thái Đức vào đánh Nguyễn Ánh.

Đã mấy năm, vì sợ thế Đỗ thanh Nhân, quân Tây sơn không vào Gia-Định. Nhưng vừa được tin ông đó bị Nguyễn Ánh giết, Nguyễn Nhạc vui mừng nói: « Hữu Phương chết rồi, các tướng khác không đáng lo nữa». Thế rồi Nguyễn Nhạc chuẩn bị một cuộc viễn chinh lớn mà chính ông sẽ cầm đầu.

Vào mùa xuân năm Nhâm-dần (1782), ông cùng với Nguyễn Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào cửa Cần giờ (1). Nguyễn Ánh ra nghinh chiến ngay tại cửa sông với 400 thuyền, 70 ghe lớn và chiếc tàu Bổ do Mãn noài chỉ huy. Khi hai bên gặp nhau đang đánh rất hăng, bỗng một vị đại tướng của Chúa với một phần lớn thuyền ghe tách ra ngoài khơi rồi hàng với quân Tây sơn. Người tướng đó là Nhàn Trập và đoàn thuyền phản bội Nguyễn Ánh đó là quân Đông sơn. Trước tình trạng nguy hiểm như vậy, Ánh phải rút lực lượng vào đến sông Ngã bảy (Thất kỳ giang). Bấy giờ, theo lời của linh mục Ginestar kể, « quân địch đuổi theo, hai lần họ cố trèo vào tàu mà không được, vì tên Pháp trên đó dùng lựu đạn đánh họ tan tành. Không nản chí, quân Tây sơn tấn công lần thứ ba một cách mãnh liệt hơn. Tên Pháp bỗng bị thủ hạ bỏ, lại không biết lao mình xuống nước mà lội trốn như họ, nên đã phải sang đền tội lỗi ở thế giới bên kia » (2). *Thực lục* chỉ bắt đầu thuật trận thủy chiến nầy kể từ Thất kỳ giang và nói rằng: « Giặc nhờ gió thuận, xông thẳng vào, quân Chúa phải rút lui. Cai cơ Mãn noài chỉ huy tây dương thuyền cầm cự mãi. Khi bị địch vây đánh tứ phía, ông đã châm lửa cho thuyền nổ chết ». Xem ra các sử gia triều Nguyễn đã tỏ ra cảm phục cái chết anh hùng của tên thanh niên Pháp. Về Nguyễn Ánh, họ càng ca tụng nhiều hơn. Theo họ thì lúc đó Chúa cầm đầu binh thuyền đến tiếp ứng và gặp địch ở Tam-kỳ giang. Mình bận nhung phục, Chúa đứng đầu thuyền chỉ huy binh sĩ. Địch bắn vào thuyền xé mất cả trụ, quân sĩ rất khiếp sợ, nhưng Chúa đứng thẳng đầu thuyền không động, tay cầm

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 10b. Quân Tây sơn vào Gia Định lần nầy có lẽ vào lối tháng giêng năm Nhâm dần.
2) Theo một thư đề ngày 7 tháng 7, 1782.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

điều thương bắn lại địch, vừa ra lệnh cho thuộc hạ đánh mãi. Nhưng dầu Chúa làm gì cũng không thể đẩy lui hay ngăn cản được họ nên phải rút về Bến Nghé. Quân Tây sơn cứ đuổi theo mãi và Chúa phải chạy đến Tam phụ (1). Khi từ Sai-côn đi Tam phụ, Tổng phúc Thiêm không theo kịp Nguyễn Ánh, bị quân Đông sơn bắt được giết đi để trả thù cho chủ tướng họ là Đỗ thanh Nhân (2).

Thế là Nguyễn Nhạc làm chủ Sai-côn.

Nhưng, vào lối đầu tháng tư, từ Bình thuận, Tôn thất Dụ đem tướng sĩ vào tiếp viện Chúa Nguyễn, trong số đó có Trần xuân Trạch và Hồ công Siêu. Trạch đi thẳng đến Tam phụ, còn Tôn thất Dụ cùng quân Hòa nghĩa đi đường Bình dương và gặp Phạm Ngạn của Tây-sơn ở cầu Tham lương. Trong một trận quyết chiến hai bên đều bị hại, Tây sơn mất Phạm Ngạn và Tôn thất Dụ mất Siêu. Tại Sai-côn, Nhạc được tin viên Hộ giá của mình đã bị quân Hòa-Nghĩa (người tàu) giết, tức giận hết sức, bèn tung quân ra, truyền tàn sát người Tàu, không kể dân hay lính. Lúc đó linh mục Castuera ở Chợ quán, đã ghi lại trong một thư để ngày 7 tháng 7, 1782, rằng: « Tây sơn ở gần nhà chúng tôi đã giết gần bốn nghìn người Tàu, vì theo lời người ta đồn thì một quan Tàu về phe Chúa đã hạ sát vị tướng giỏi nhất của họ» (3). Tử thi, họ đem vất xuống sông, đến nỗi, theo lời của *Thực lục*, « hơn một tháng, người ta không dám ăn cá, ăn ếch, hay uống nước sông » (4).

Phần Nguyễn Ánh, chạy đến Tam phụ không phải là một thượng sách, vì Tam phụ là trụ sở của quân Đông-sơn, mà quân Đông-sơn đã phản Chúa một cách trắng trợn ở mặt trận và nhất là họ vừa giết Tổng phúc Thiêm. Đàng khác quân Tây-sơn đã bổ vây khắp nơi, đi đâu cũng có thể bị nguy hiểm. May sao lúc đó Trần xuân Trạch đến và cùng Nguyễn kim Phẩm đem Chúa đến Lữ phụ, là chỗ đang có Nguyễn hoằng Đức và Dương công Đăng lập đồn cố thủ. Dọc đường, quân Tây-sơn đuổi theo, do Đô Đốc Nguyễn Học cầm đầu. Nguyễn kim Phẩm chận lại, giết được Học và phá

1) *Thực lục, Đệ nhất kỷ*, q. 1, 16a.
2) *Chính biên Liệt truyện*, q. 13, 2b.
3) Có chỗ nói người Tàu bị giết đến hàng vạn người.
4) *Thực lục, Đệ nhất kỷ, q. 1, 17a. Chính biên liệt truyện*, q. 30, 10b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

được lực lượng địch. Nguyễn Ánh mừng rỡ, thưởng Kim Phẩm ba mươi lượng vàng và cho xua quân đuổi theo Tây-sơn đến Trấn định. Tại đây, Ánh thu xếp tiền đến Tứ kỳ giang, đặt Nguyễn hoằng Đức làm tiên phong, Tôn thất Cốc làm trung quân, các ông Trạch, Phẩm, làm hộ giá. Không ngờ Nguyễn Huệ đã dàn quân dọc sông, xông ra đánh rất dữ. Ánh bị đại bại, rút về Lật giang, rồi có lưu thủ Thăng, tiên phong Túy từ dinh Vĩnh trấn đến rước về Hậu giang. Từ đó, Chúa đến Giá khê, thuộc Kiên giang, và bị quân Chân lạp đuổi đến Sơn tích. Chúa còn bị họ đuổi nữa, vì theo lời của linh mục Castuera thì ít lâu sau khi vào Sai-côn « quân Tây sơn đã đến Chân lạp, làm chủ nước đó, và bắt bớ những người Nam hà trốn qua đó. Quân Tây sơn và người Chân lạp cố bắt cho được Chúa đang chạy trốn. Mấy hôm trước, người Chân lạp đã thề hứa đánh cho đến chết để ủng hộ quân Tây-sơn. Người ta báo cho chúng tôi rằng, Chúa đã thắng Tây sơn (trong các trận ở Lữ phụ và Trấn định) và đã gần hoàn toàn phá được họ. Chúng tôi trở về Nam hà (vì bấy giờ Castuera đang trốn ở Chân lạp), nhưng chúng tôi vừa đến họ đạo đầu tiên thì đã phải vội vàng lui lại Chân lạp. Thật vậy, Chúa vừa bị đại bại (trong Trận Tứ kỳ giang) và trốn ra biển (1). Chỗ Chúa ở lúc đó là đảo Phú quốc (2).

Khi còn ở Hậu giang, Nguyễn Ánh có sai một phái đoàn đi Xiêm cầu viện, gồm cả thảy chừng 150 người, trong đó có Trần xuân Trạch, Hà văn Đản, Trần xuân Hiệp, Trần xuân Các, Nguyễn kim Loan, Cao phúc Trí, Nguyễn văn Nhàn, dưới sự điều khiển của Giám quân Nguyễn hữu Thụy. Chưa biết rõ việc người Chân lạp đã theo Tây sơn, nên họ đi đường bộ qua nước đó và bị giết hầu hết, chỉ có hai ông Nhàn, Trí, là trốn được qua Xiêm bằng đường biển và Hiệp trở lại Nam hà, nhưng rồi về quê, không đánh giặc nữa (3).

Vào tháng 5, năm Nhâm dần, lực lượng của Nguyễn Ánh kể ra không còn gì nữa. Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ yên lòng đem quân về Qui-

1) Tiếp theo thư của linh mục Castuera nói trên.

2) *Thực lục* Đệ nhất kỷ, q. 1, 18ab. *Chính biên Liệt truyện*, q. 18, 4a.

3) Cũng một thư của linh mục Castuera vừa nói. Xem truyện của các ông Trần xuân Trạch (*Chính biên Liệt truyện*, q. 18, 3...), Nguyễn hữu Thụy (q. 13, 5a...), v.v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhơn, giao Gia định lại cho cựu tướng Đông sơn đầu hàng là Nhàn Trập và Hộ bộ Bá. Và Nguyễn Ánh lại tìm cách hoạt động (1).

Lần nữa Nguyễn Ánh lấy lại Sai-Côn, và lại bại.

Bắt đầu từ tháng 6 năm Nhâm dần, quân Tây-sơn đồn trú ở các miền Gia định đã bị binh-sĩ của Nguyễn Ánh tấn công. Người đầu tiên thu được một vài thắng lợi, đó là Hồ văn Lân. Bấy giờ ở Long hồ, Nguyễn Loan của Tây sơn đóng giữ. Lân với một số tàu binh của các trận trước tiên đến đuổi Loan chạy và chiếm lấy thành. Lân còn đi với các tướng của Chúa như cai cơ Nguyễn văn Quý, điều khiển Dương công Đăng đánh Tây sơn ở Lật giang và lấy được 10 chiếc thuyền cùng nhiều khí giới, đạn dược (2). Nhưng đó mới là những trận lẻ tẻ.

Đến tháng 8, đại quân của Châu văn Tiếp kéo vào. Tiếp được tin Nguyễn Ánh thất bại, liền đem bộ thuộc vào cứu viện. Với cờ hiệu « Lang sơn tá quốc » để nhắc lại việc ông đã khởi nghĩa một lần cùng Nguyễn Nhạc ở núi Trà lang, Tiếp đặt Phạm văn Sĩ làm tiên phong, Lê văn Quân làm tả chi, Nguyễn văn Thuận làm hữu chi, Nguyễn văn Thảo làm hậu đạo, cùng Nguyễn Long và Phan Viện giúp Tôn thất Mân làm trung đạo, đang khi chính ông chỉ huy kỉnh tốt để tiếp ứng các nơi, ồ ạt gieo thanh thế khắp các nơi ông đi qua. Nghe vậy, ở Sai-côn, quân Tây sơn nao núng. Hộ bộ Bá bàn với Nhàn Trập rằng: « Văn Tiếp rất giỏi võ nghệ, nay ông đem đại quân đến đánh, không thể nào chống cự được, nên rút quân về Qui nhơn đã, đến xuân sang năm lại vào tái chiếm, cũng không muộn gì ». Nhàn Trập không nghe. Ông đem quân ra nghinh chiến, bị Phạm văn Sĩ xông vào đánh trước, rồi các đạo khác của Tiếp ùa theo, đánh vỡ tan tành. Nhàn Trập và hộ bộ Bá cùng chạy về Qui-nhơn.

Bấy giờ Nguyễn Ánh ở Phú quốc.

Châu văn Tiếp cho người đem tin thắng trận cho Chúa, còn chính mình ông dẫn quân đi rước Chúa về Sai côn. Nhờ Tiếp, Ánh lại được làm chủ kinh đô vùng Gia định trong mấy tháng.

---

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 11A.
2) *Thực lục, Đệ nhất kỷ, q. I*, 19a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng số phận lao đao của Chúa Nguyễn còn dài. Được lòng dân nên khi vắng lực lượng của Tây sơn, Chúa dễ khôi phục lại Gia định. Nhưng sau bao nhiêu lần thất bại, quân của Chúa đã hao mòn dần, tướng sĩ cũng chết bớt mỗi khi một ít, nên không sao đương đầu được với đại quân của kẻ thù, và đại quân đó không lâu lại xuất hiện.

Tháng hai năm Quí mão (1783) Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ dẫn binh thuyền vào cửa Cần giờ. Họ chia nhau ngược giòng sông, đang khi đoàn thuyền tiến, thì bên bắc ngạn có đạo quân của tư khẩu Nguyễn văn Kim, bên nam ngạn có đạo quân của đô đốc Lê văn Kẻ, tất cả đều lên cùng một lúc, ào ào như nước vỡ bờ.

Nguyễn Ánh đem tất cả lực lượng ra nghinh chiến, có Châu văn Tiếp, Tôn thất Mân, Trương công Đăng, Nguyễn kim Phẩm, v.v. Nhưng hai bên vừa gặp nhau, quân của Chúa Nguyễn đã bị thất bại lớn. *Thực lục* thuật rằng: « Lưu thủ Thăng, tiên phong Túy đem quân Chúa ra chống cự, truyền cho binh sĩ dùng hoả công để phóng. Không may gặp lúc nước lên to tràn cả bờ, lại bị lúc gió đông bắc thổi mạnh khiến mồi lửa quay lại đốt thuyền hạm của Chúa. Binh sĩ tan vỡ tán loạn « (1). Tôn thất Mân khi chạy » qua một chiếc cầu phao bị Lê văn Kẻ chặt đứt cầu rơi xuống nước chết. Trương công Đăng giúp Châu văn Tiếp trốn thoát được, và rồi Tiếp trốn thẳng sang Xiêm cầu viện. Phần Nguyễn Ánh khi chạy về Tam phụ, tòng thần chỉ còn Nguyễn kim Phẩm và 5, 6 người, còn binh sĩ không đến một trăm.

Quân Tây-sơn lấy Sai-côn rồi dần dần chiếm lại các nơi, đang lúc đó Nguyễn Ánh thâu thập lực lượng để chống cự.

Vào tháng tư một trận lớn xảy ra ở Công tuyền, quân Nguyễn Ánh chạm trán với quân Nguyễn Huệ. Kết quả, Nguyễn Ánh bị thiệt mất các tướng Nguyễn đình Toàn, Nguyễn văn Quý, Trần đại Huề và binh bộ Minh. Quân Tây sơn tràn xuống Hậu giang. Nguyễn Ánh và bộ hạ chạy trốn một cách hết sức nheo nhóc. *Thực lục* kể rằng: « Khi đến Lật giang, nước chảy rất xiết, không thuyền nào qua được. Quân lính lội qua đều phải chết đuối. Nhưng Ánh vốn quen bơi nên qua được đến Đằng giang. Sông ở đây nhiều cá sấu không sao qua được. Có con trâu nằm ở bờ, Ánh cưỡi lên để đi.

1) *Thực lục, đệ nhất kỷ*, q. 2, 1b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Không may đến giữa sông, nước chảy mạnh, trâu chết. Bấy giờ cá sấu giúp Ánh qua đến bờ. Ánh đi Mỹ tho, kiếm thuyền rước quốc mẫu cùng cung quyến ra trú tại đảo Phú quốc » (1).

Ở đảo nầy bấy giờ đã có nhiều người chạy trốn Tây sơn ra trú ẩn, trong đó người ta nhận thấy Giám mục Bá đa lộc và mấy linh-mục dòng Phan-xi-cô, như Cha Castuera chẳng hạn. Cha nầy có cho biết về các việc trù tính của Nguyễn Ánh lúc đó. Trong một thư viết ngày 14 tháng 7, 1784, linh mục nói: « Không lâu sau khi chúng tôi đến đảo, Chúa đã đến gặp chúng tôi và xin Đức Giám mục vui lòng giúp Chúa để tái chiếm đất nước hiện đang ở trong tình trạng nguy hiểm. Đức Giám mục hỏi chúng tôi xem Manilla có thể giúp đỡ được gì không. Chúng tôi trả lời rằng không, vì Manilla không có khí giới. Dầu vậy theo lời khẩn khoản của Chúa, Đức Giám mục định gửi một người trong hai chúng tôi đi Manilla, với một sứ giả của Chúa, để xin cứu viện, hay ít ra để xin cho Chúa sang trú tại đó ». Nhưng tình hình đã thay đổi rất chóng nên các việc đó không thực hiện được.

Thật thế, dần dần quân Tây sơn đã dò được chỗ Nguyễn Ánh trú. Vào tháng sáu, khi Chúa Nguyễn còn ở núi Điệp thạch, bỗng tướng Tây sơn là Phan tiến Thận đem quân tới bao vây. Thật là một việc bất ngờ, Ánh không còn thể nào trốn tránh được nữa. May sao cai cơ Lê phúc-Điển sẵn lòng đóng lại vai trò Lê Lai với Lê Lợi ngày trước, lấy áo Ánh mặc vào rồi ra đứng đầu thuyền chống lại với Phan tiến Thận. Thận tưởng đó là Ánh thật hô quân xông vào bắt, thì chính khi đó Ánh trốn được sang đảo Cổ long (1), nhưng các tướng sĩ như Tôn thất Điển, Tôn thất Cốc,

---

1) Thực lực, đệ nhất kỷ q 2, 2b.

1) *Chính biên Liệt truyện* (q. 30, 11a) và *Thực lục* (đệ nhất kỷ, q. 2, 4a) đều nói là bấy giờ Nguyễn Ánh trốn sang đảo Côn-lôn. Nhưng, như Charles Maybon đã ghi nhận rất đúng rằng ở đây không phải Côn lôn, mà chính là Cổ long. (*Histoire Moderne du Pays d'Annam*, 201, chú số 3). Thật thế, trong trường hợp vội vàng và đầy nguy hiểm như thế, Nguyễn Ánh không thể đi xa được một cách dễ dàng. Lại, như sẽ thấy sau, Trương văn Đa đã vây lấy đảo trong đó Nguyễn Ánh đang trú đến ba vòng thuyền. Nếu là đảo Côn lôn, chắc quân Tây sơn không thể nào vây thuyền được ba vòng vì đảo đó quá lớn. Hơn nữa, khi nhờ bão thoát được vòng vây, thuyền của Ánh bạt sang đảo Cổ Cốt, là một việc rất khó xảy ra nếu chỗ Ánh trốn trước đó là Côn-lôn. Vì vậy, chắc rằng sử gia Triều Nguyễn đã lầm từ Cổ-long ra Côn-lôn, bởi vì tiếng Côn-lôn nặng được nghe nói đến hơn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chưởng cơ Hoảng, và Vinh-li-Ma, một người Xiêm mới dâng mình giúp Ánh, đều sa vào tay địch (1).

Rất hối hận vì đã dại để mồi lọt mất, quân Tây-sơn cố dò la, và một tháng sau, Nguyễn Huệ sai phò mã Trương văn Đa đem quân ra Cổ long. Đa vây lấy đảo đến ba vòng thuyền, chắc chắn làm sao phen nầy cũng bắt được Ánh. Không ngờ một trận bão nổi lên, sóng gió ầm ầm, mây mưa đen nghịt. Quân Tây sơn bị thuyền chìm nhiều, binh-sĩ chết không kể xiết. Nhờ đó, Ánh thoát được vòng vây và thuyền bạt sang đảo Cổ cốt. Khi quân Tây sơn rút rồi, Nguyễn Ánh lại trở về Phú Quốc. Trong thời gian lao khổ nầy, Giám-mục Bá đa Lộc đã giúp Ánh rất nhiều (2).

Phần Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, đuổi được Ánh rồi, họ trở về Qui nhơn. Người được để ở lại cai trị Gia-Định, là phò mã Trương văn Đa. Ông cho đóng đồn khắp nơi để canh giữ nhất là cho thuyền tuần phòng cẩn thận ở các cửa sông và dọc bờ biển.

Thấy quân Tây sơn rút đi, Nguyễn Ánh hy vọng. Thua keo nầy Chúa liệu bày keo khác. Chính Chúa lấy thuyền đi dò la tình hình Tây sơn. Một hôm đến cửa biển Ma-li, Ánh gặp phải hơn vài chục thuyền địch chở đầy lính. Họ đuổi theo định bao vây lấy, Ánh hoảng hốt giăng thẳng buồm chạy về hướng đông, lênh đênh như vậy hơn bảy ngày đêm giữa đại dương, nước hết sạch, may gặp được chỗ nước ngọt mới khỏi chết khát. Sau Ánh lại trở về Phú Quốc. Bấy giờ Ánh sai Vũ văn Chính vào vùng Long-Xuyên chiêu mộ nghĩa quân. Nhân đi tuần ở cửa Đốc công, Ánh bắt được một thuyền Tây sơn, trong đó có người chủ tên là quản Nguyệt, Ánh cho đem Nguyệt vào Long Xuyên bảo Chính chém đi để lấy uy tín với nhân dân. Được Nguyệt, Chính không chém vì ông nghĩ nên lợi dụng người đó để đưa đường. Biết vậy, Ánh tức giận hết sức, giao kiếm của mình cho Trương phúc Giáo vào chém viên quản Tây sơn và quở trách Chính nặng lời.

---

1) *Thực lục* ghi rằng khi đã bắt được Điển, Cốc, Hoảng, quân Tây sơn muốn dụ họ đầu hàng, nhưng Cốc to tiếng mắng rằng: Ngô ninh vi đông bộ quỷ, bất vi Tây sơn thần. Các ông Trương phúc Điển, Tôn thất Điển còn chửi mắng họ nữa, nên tất cả bị giết. (q. 2, 6b).

2) *Thực lục* nói là bấy giờ binh sĩ Ánh đói quá phải hái cỏ mà ăn. May có một bà người Hà tiên tên là Thị Uyên chở một thuyền gạo ra giúp. (q.2, 4b)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bấy giờ lưu thủ Tây sơn ở Long Xuyên là Nguyễn Hóa. Hóa được tin rằng Nguyễn Ánh sắp đến địa phận mình liền cho 50 thuyền phục sẵn ở cửa Đốc công, rồi cho phó chiến Mỹ đi dò xét ở ngoài biển. May mà các tướng của Ánh là Nguyễn văn Giảng, Nguyễn văn Uy gặp được Mỹ, nên Ánh đã có thì giờ trở lui và Hóa cho thuyền đuổi theo không kịp.

Vào tháng 10 năm Quý Mão, Nguyễn Ánh ở Thổ Châu. Hồ văn Lân hoạt động ở vùng Tân châu và Tôn thất Hội, em của Tôn thất Dụ, đóng đồn ở Tinh-phụ. Nguyễn kế Nhuận bấy giờ cũng giúp Hồ văn Lân ở Tân Châu. Khi Nhuận thua quân Tây sơn phải chạy về Cần thơ, lại gặp phải Nguyễn Hóa, và hai bên đánh nhau. Rốt cuộc Nhuận thắng được Hóa và chiếm được 13 thuyền. Tiếp đó quân Tây sơn đến vây đánh đồn Tinh-phụ. Hai bên cầm cự nhau mãi cho đến đầu năm Giáp thìn (1784), rồi nhờ Hồ văn Lân đến giải vây và Hội thoát được. Lúc đó ở Tân Hòa còn có một đồn của thuộc hạ Chúa Nguyễn do Lê văn Quân đóng giữ, Hội về đó để giúp sức cho Quân. Trương văn Đa không thể để cho họ hoạt động mãi như vậy, bèn đem quân đến phá tan đồn Tân hòa. Mất chỗ trú cuối cùng ở lục địa, các tướng sĩ và Nguyễn Ánh trốn sang Xiêm cầu viện (1).

Quân Xiêm và Nguyễn Huệ.

Kể ra vào mùa xuân năm Giáp thìn, tình trạng của Nguyễn Ánh đen tối chưa bao giờ bằng. Lực lượng trên đất hầu như không còn tí gì nữa, còn chăng là ở trong lòng của một nhóm thủ hạ trốn ẩn đó đây, im hơi lặng tiếng, không dám hoạt động. Các cựu thần, một phần đã nản chí theo Tây sơn, một phần nữa đang lưu vong cực khổ.

Nguyễn Ánh sang Xiêm, không còn gặp Mạc thiên Tứ và Tôn thất Xuân nữa. Hai ông nầy đã nhân dịp có thuyền của vua Xiêm Trịnh quốc Anh đã sang đây từ khi Duệ tôn mất. Nguyễn Ánh lên nhiếp chính đã gửi Lê phúc Vi sang Xiêm giao hảo và để hỏi thăm về tình trạng Thiên Tứ. Cổ nhiên ông cùng Xuân vốn một lòng trung thành. Mùa hạ năm Canh Tý (1780) Ánh còn gửi các ông cai cơ Tham, cai cơ Tranh sang gặp Thiên Tứ và các bạn ông lần nữa. Nhưng không may lúc đó vua Xiêm được tin

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 13, 12a; *Thực lục, đệ nhất kỷ*, 2, 9b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

là có thương gia Xiêm ở Quảng đông về qua Hà tiên bị lưu thủ Thăng bắt giết và cướp hết hàng hóa, nên vua Xiêm bắt Tham, Tranh bỏ ngục. Thêm vào đó, có người Chân lạp là Ông Giao gièm pha với vua Xiêm rằng ông ta bắt được một thư ở Gia Định viết truyền cho Mạc thiên Tứ và Tôn thất Xuân làm nội ứng để mưu lấy Vọng Các. Xiêm vương hổ nghi đòi các quan Việt đến thẩm vấn. Mạc tử Duyên, con Thiên Tứ, thanh minh rằng đó là lời vu khống. Vua Xiêm giết Duyên. Thiên Tứ buồn tự tử. Tôn thất Xuân cùng Tham, Tranh và hơn năm chục người nữa đều bị vua Xiêm giết (1).

Nhưng rồi Trịnh quốc Anh cũng bị giết năm 1782, và cùng một lúc, thời gian đã làm cho triều đình Xiêm nhận thấy sự thật, nên khi Nguyễn Ánh sang Xiêm, vào mùa xuân năm Giáp thìn (1784), Chúa đã được Xiêm vương bấy giờ tiếp đãi rất tử tế. P'hut Yodfa, tên của vua Xiêm (2), là người mà năm 1782, Nguyễn Ánh đã có ý sai phái đoàn Nguyễn hữu Thụy sang cầu cứu, nhưng không may Hữu Thụy đã bị nạn dọc đường. Nay vua rất sẵn sàng giúp đỡ. Chẳng những vua cho Nguyễn Ánh hai vạn quân và ba trăm chiến thuyền, mà còn cho hai em là Chiêu Thăng, Chiêu Sương đi cầm quân đánh giúp nữa. Hỏi lòng tốt của vua Xiêm đó có kèm theo những điều kiện gì không? Lịch sử không cho biết là Nguyễn Ánh đã hứa hẹn với vua Xiêm những gì, nhưng có một điều chắc chắn vua Xiêm không quên khi cho binh sĩ ông sang Gia-Định đánh giặc, đó là để cho họ có một dịp ăn cướp làm giàu, như sau nầy chúng ta sẽ thấy.

Vậy vào tháng 6 mọi sự sắp đặt đã đâu vào đấy. Nguyễn Ánh đặt Châu văn Tiếp làm Bình Tây đại đô đốc, chỉ huy tất cả quân đội, rồi cùng Chiêu Thăng Chiêu Sương đem quân rời đất Xiêm. Tháng 7, cuộc giao tranh đã khai diễn ở Kiên giang. Tướng Tây sơn là Nguyễn Hóa bị thua ở Trần giang, và không lâu quân Tây sơn còn phải bại ở các nơi như Ba Thắc, Trà Ôn, Bân Thiết, Sa-Đéc. Vừa lấy được vùng Hà Tiên, Nguyễn Ánh liền đặt con của Mạc thiên Tứ, là Mạc tử Sinh làm tham tướng, quản lý binh dân vụ. Chúa đồng thời cũng sai Trịnh ngọc Trí mang mật thư qua

---

1) *Liệt truyện tiền biên*, q. 6, 11a-12a.

2) P. Schweisguth, *Un siècle d'Histoire dans la Péninsule Indochinoise, (1750-1850)*, Tuapin, Hanoi, 1944, xem ở cột nói về nước Xiêm. Trong nầy, tác giả nói là chính vua P'hut Yodfa có dự chiến ở Gia-Định, nhưng thật sự không có.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các đồn Tây sơn để dụ các cựu thần, cùng lôi kéo sĩ dân hào kiệt. Ông khuyên được trưởng đồn Liêm áo là Lý đầu hàng với Nguyễn Ánh. Ở Sa-Đéc có một người mạo xưng là Tôn thất Thăng cũng mở cờ nổi dậy và có thuộc hạ đông. Khi ở Xiêm, Chúa đã nghe việc đó, nên khi về nước, Chúa liền cho bắt tên giả mạo đó ra trị tội (1).

Lối tháng 10 xảy ra một trận thủy chiến dữ dội ở Bân Thiết giữa chưởng cơ Bảo của Tây sơn và Bình Tây đại đô đốc Châu văn Tiếp. Tiếp đánh rất hăng, nhưng Bảo cầm cự mãi. Lừa lúc Tiếp tiến quá xa căn cứ tiếp viện, Bảo đem quân cắt ngang đường lùi làm cho Tiếp bị vào thế cô lập rất nguy hiểm. May sao Ánh đem quân đến kịp để giết được Bảo và cứu Tiếp. Dầu sao, Tiếp cũng đã bị thương nặng, ông hô to rằng: « Trời chưa cho dẹp được giặc Tây sơn », rồi chết (2). Sau trận đó, Trương văn Đa rút về Long Hồ, để lại nhiều người nối việc của Châu văn Tiếp, là Lê văn Quân. Tháng 11, Ánh đặt ông nầy làm Khâm sai tổng nhung chưởng cơ. Ông chỉ huy mặt trận lớn đánh Tây sơn ở Ba Việt, Trà Tân, lấy được hai nơi đó nhưng một tùy tướng ông bị tử trận, đó là Trịnh văn Lượng.

Bấy giờ cùng với sự trợ lực của quân Xiêm, Nguyễn Ánh đang thắng khắp nơi, thanh thế lừng lẫy. Nhưng quân Xiêm không phải chỉ giúp Nguyễn Ánh đánh Tây sơn, họ còn cố cướp bóc dân chúng như để bù vào công lao của họ. Bởi đó tiếng than oán nổi lên khắp nơi làm cho chính Nguyễn Ánh phải lo ngại. Theo *Thực lực* thuật lại thì có lần Chúa Nguyễn đã phải thốt ra rằng: « Được nước là nhờ được lòng dân. Nay Châu văn Tiếp đã mất, quân Xiêm tung hoành không sao chế ngự được. Vậy được Gia-Định mà khiến dân không còn tin tưởng nữa, thì ta không nỡ lòng làm, thà thôi đánh cho dân ta khỏi khổ » (3).

Nhưng nếu Nguyễn Ánh không chế ngự được quân Xiêm cho họ khỏi cướp bóc thì cũng rất khó mà bảo họ thôi đánh. Dầu sao, không muốn thôi họ cũng phải thôi, vì Trương văn Đa khi rút về Long Hồ đã cấp báo tình hình cho Nguyễn Nhạc, và chủ tướng Tây sơn vội vàng sai Nguyễn Huệ vào Gia Định lần nữa. Bấy giờ là tháng chạp năm Giáp thìn, và đang

---

1) *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 11b.
2) nt., 6, 26a.
3) *Thực lực, đệ nhất kỷ*, q. 2, 14b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

độ quân Xiêm tiến mạnh. Dầu là với lực lượng sốt dẻo ở Qui nhơn mới đem vào, mấy trận đầu Huệ vẫn thua. Xưa nay đã quen chiến thắng, thấy thua, Huệ có vẻ ngã lòng và đã hòng rút quân về. May sao, một cựu tướng của Nguyễn Ánh đã đầu hàng Huệ, tên là Lê xuân Giác, hiến cho Huệ một kế phục kích hữu hiệu. Ông bảo Huệ đem bọn « kình tốt » đến mai phục ở quãng đường giữa Sầm giang và Miệt giang, (thuộc Định tường), rồi dụ quân Xiêm đến. Các tướng Xiêm, một đàng vì đã thắng luôn nên ít đề phòng, đàng khác không quen địa thế nên lỡ ra hữu sự không biết đàng xoay xở, bởi đó khi họ bị quân Tây sơn lừa kéo xuống Mỹ tho và rồi bị quân đó đổ vào đánh cả thủy lẫn bộ, họ đã thua một trận tan tành, tất cả chỉ còn sống sót chừng vài nghìn người vội vả theo đường bộ qua Cao mên trở về nước.

Quân Xiêm thất bại là tất cả hy vọng của Nguyễn Ánh cũng biến thành mây khói. Thật là một kinh nghiệm tủi nhục, vì kết quả quân sự chỉ là con số không mà dân gian bị thiệt hại đau đớn. Khi Chúa đến Trấn giang, chỉ còn có mấy người theo, Mạc tử Sinh vẫn trung thành. Chúa sai Sinh cùng cai cơ Châu văn Trung (1) đem tin buồn sang cho vua Xiêm. Phần Ánh, thì ra Thổ châu, rồi đến Cổ Cốt, rồi cũng sang Xiêm. Dầu vậy, vị Chúa trẻ của họ Nguyễn không bao giờ thất vọng. Trước khi đi Vọng các, Chúa đã quyết định một việc to tát, đó là cho Giám mục Bá-đa-Lộc đem Hoàng tử Cảnh qua Pháp cầu viện (2). Trong lúc đó, tại Xiêm, Ánh cũng không ngừng theo dõi tình hình để chực có cơ hội gầy lại nghiệp cũ của cha ông. Nhưng cơ hội lần nầy chưa đến vội, vì bầy giờ là những năm oanh liệt của Anh Em Tây Sơn. Nguyễn Huệ ở Gia-Định về sẽ lên đường ra Bắc, làm rung động cả sơn hà.

NGUYỄN PHƯƠNG

---

1) *Thực lục, đệ nhất kỷ*, q. 2, 15a. Trong phái đoàn đi Pháp với Hoàng tử Cảnh có các ông Phạm văn Nhân, Phạm văn Khiêm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Những sai lầm của Đại-Việt Sử-ký toàn thư

NGUYỄN PHƯƠNG

Ai cũng biết bộ *Đại-Việt sử-ký toàn thư* là của Ngô-sĩ Liên, viết vào năm 1479, dưới đời Lê Thánh-Tôn. Nhưng nói cho đúng, sách này không phải do một tác-giả. Chính Ngô-sĩ-Liên đã nói rõ điều đó. Trong bài biểu dâng sách cho vua, ông viết: « Nhân nay cúi đội ơn Thánh, đem tôi vào làm việc trong Quán, tôi lấy hai bộ sách « *Đại-Việt sử-ký* » đời trước, tham-khảo với Dã-sử, biên tập thành bộ «*Đại-Việt sử-ký toàn thư* ». Rồi trong Phàm lệ của sách, ông còn cho biết thêm rằng: « Việc làm ra bộ sách này gốc ở hai bộ *Đại-Việt sử-ký* của Lê-văn Hưu cùng Phan-phu-Tiên, lại tham-bác với Bắc-sử, Dã-sử, Truyện, Chí, với các điều nghe, thấy, lưu truyền ». Như thế sách có đến ba tác-giả, vì vậy rất khó phân-biệt được chuyện nào là do ai đã đem vào trong bản văn của sách, có lẽ chỉ chắc được một chỗ là phần thêm cuối cùng thuộc về một mình Ngô-sĩ-Liên mà thôi.

Tuy nhiên nhìn kỹ vào cách kết-cấu của bộ *Toàn thư*, chúng ta cũng có thể nhận được một phần nào sự đóng góp của từng tác giả. Sở dĩ nhận được như thế, trước là vì Ngô-sĩ Liên có cho biết một số các chuyện ông đã vì ý-định viết *Toàn thư*, mà bổ-túc vào công-trình của Lê-văn Hưu; hai là vì Phan-phu Tiên khi viết lại *Đại-Việt sử-ký*, đã không thay đổi gì ở phần Lê-văn Hưu chép trước, tức là từ Triệu-Đà đến Lý Chiêu-Hoàng, mà chỉ viết chắp vào thôi; sau hết, dầu những chỗ thay đổi không được nói rõ, đôi khi người đọc cũng có thể nhận được câu nào đã được viết từ đời Lê-văn Hưu, và câu nào là của Ngô-sĩ-Liên, nhờ sự so-sánh bản văn của *Toàn thư* với các tài-liệu đã được các sử-gia đó dùng đến, nhất là trong phần *Ngoại kỷ*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quả thế, các sử-gia thời trước có một lối chép sử dễ theo dõi. Phần nhiều họ không tiêu-hóa tài-liệu họ có. Thường họ lặp lại, chẳng những nguyên câu chuyện họ biết được, mà cả nguyên-văn nữa. Nói chung thì Lê-văn Hưu đã lấy ở các tác-giả như Tư-mã Thiên, Ban-Cổ, Tư-mã Quang v.v.. còn Ngô-sĩ Liên thì lấy ở các ông Lý-tế Xuyên, Trần-thế-Pháp, Vũ-Quỳnh, mà bổ-túc vào những chỗ ông nghĩ là thiếu sót ở « cựu sử ». Nhờ đối-chiếu như vậy, mà chúng tôi nhận được khuynh-hướng chính của từng người trong hai sử-gia vừa nói, cũng như cách viết sử của họ. Và cũng nhờ đối-chiếu như vậy mà chúng tôi biết được giá-trị của từng đoạn sử ở phần ngoại kỷ của *Toàn-thư*. Giá trị của một đoạn sử là do giá-trị của sử-liệu được dùng để cấu-tạo nên nó. Bởi đó một khi biết rõ nguồn gốc, chúng ta đánh giá được dễ-dàng. Chúng tôi có lần đã đánh giá các đoạn của Ngô-sĩ-Liên thêm vào (1), nay, trong bài này chúng tôi chỉ phê-bình một mẩu chuyện nhỏ *Toàn thư* đã lấy ở sử Tàu, và người đã lấy trước hết có lẽ là Lê-văn-Hưu.

Để thấy rõ « những sai lầm » chúng tôi muốn nói đến trong một chuyện nhỏ như chuyện Khâu-Hòa, được kể ở phần Ngoại kỷ của *Toàn thư*, quyển 5, tờ 2b - 3a, sắp trình bày dưới đây, chúng tôi xin nêu ra đại-cương về phương-pháp Lê-văn Hưu đã dùng để chép phần ngoại-kỷ. Sau khi đã đối-chịu các sử-liệu Trung-hoa với các sự-kiện được thuật từ Triệu-Đà đến Khúc Hạo, tức là từ thế-kỷ thứ 2 trước kỷ nguyên cho đến thế-kỷ thứ 10 sau kỷ-nguyên, chúng tôi thấy rõ rằng Lê-văn Hưu đã dùng một quyển sách làm căn-bản, rồi đây đó, gặp thêm được điều gì ở sách nào khác thì chêm vào sau.

Chúng ta biết rằng Lê-văn-Hưu viết *Đại-Việt sử-ký* vào năm 1272, dưới đời Trần Thánh-Tôn. Nhưng trước đó, thời nhà Tống cai-trị Trung quốc, trong năm thứ ba, hiệu Trị bình vào tháng tư, ngày tân-sửu, tức là ngày 14, tháng 5, 1066, vua Anh-tông đã « mệnh Long đồ Trực học-sĩ, thị-lang độc Tư-mã-Quang, biên tập lịch-đại quân thần sự tích » (2). Quyển

(1) Xin xem ở bài « Nghiên cứu dân Lạc-Việt » ở đặc-san Đại-học Sư-phạm, Huế, số I, 1690, 17-33

(2) Đầu bài tựa về bộ *Tư trị thông giám*, của nhà xuất-bản Nghệ-văn ấn thư quán, ở Đài-bắc, năm 1955.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sách Tư-mã-Quang vâng lệnh vua mà viết suốt 19 năm mới xong đã được mệnh danh là *Tư trị thông giám*. Đó là một bộ sử soạn theo lối biên niên gồm các sự việc xảy ra khắp cả Trung-quốc kể từ thời Chiến-quốc đến thời Ngũ-đại nghĩa là từ Uy-liệt-vương nhà Chu (425-402) cho đến Thế-tông nhà Hậu Chu (954-959). Vì là biên-niên, sử-gia lấy thời gian làm bố cuộc, kể hết ngày này đến ngày khác, hết tháng này đến tháng khác, hết năm này đến năm khác. Một chuyện ở An-đông có thể nằm bên cạnh một chuyện ở An-tây, hay ở Quảng-châu, nếu xảy ra trong cùng một đơn-vị thời-gian. Mà bởi vì đất cổ Việt trong khoảng các thế-kỷ đó là một phần của lãnh-thổ Trung-quốc, nên hễ bao giờ có việc gì quan trọng xảy ra, sử-gia cũng nhắc đến.

Vậy Lê-văn-Hưu đã làm gì ?

Thấy bộ sử đó vừa sáng sủa, vừa vững-vàng, ông đã dùng làm căn-bản để viết phần Ngoại-kỷ của ông. Nhưng ông đã dùng làm căn-bản như thế nào ? Chẳng những ông dùng khung thời gian do Tư-mã Quang đã cấu-tạo sẵn, ví dụ năm thứ mấy, hiệu vua nào, tháng nào có nhật-thực, nguyệt-thực, mà lại hễ chỗ nào nói đến Giao-chỉ, Giao-châu, An-nam, là ông chép lại cả câu chuyện. Kể từ việc hai bà Trưng khởi-nghĩa mà đi, đường lối chính của ông là như vậy. Về chuyện Triệu-Đà, đang khi ông giữ khung thời-gian của Tư-mã-Quang, ông đã xen vào những đoạn thích-hợp lấy trong *Sử-ký* của Tư-mã Thiên, *Tiền hán thư* của Ban-Cố, v.v...

Nhưng phương-pháp viết sử của Lê-văn Hưu, dầu giản-tiện, cũng có thể đem đến nhiều sai lầm. Trước hết, mặc dầu ông đã đọc, kể từ thời Triệu-Đà, nghĩa là từ đời Nhị thế nhà Tần (209-207) mà đi, qua hơn 200 quyển (sách gồm 291 quyển) của bộ *Tư-trị thông giám*, ông vẫn bỏ qua nhiều chỗ về Giao-chỉ, Giao-châu, hoặc An-nam. Bỏ qua như vậy vì ông có ý chăng ? Nhưng có những đoạn mà bỏ qua, chẳng những là một thiếu sót, mà còn là một sai lạc, hay nói cho đúng, một căn-nguyên sai lạc, vì bỏ những chỗ đó sẽ đem người viết và người đọc đến những kết-luận không đúng. Do đó, chúng tôi nghĩ rằng Lê-văn-Hưu, và rồi sau này Ngô-sĩ-Liên nữa, đã là việc không chu đáo. Điều sai lạc thứ hai là về thời gian. Lê-văn-Hưu có thể gặp được một đoạn nói về Giao-chỉ ở một tháng trước, và ông chép lại đúng ngày tháng đó; nhưng cách ít tháng, ông có thể gặp một

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chỗ nói về Giao-chỉ nữa và lần này thay vì kể rõ ngày tháng như lần trước, ông có thể quên điều đó đi và chỉ viết việc xảy ra vào bên cạnh biến cố cách mấy tháng trước, khiến cho người đọc tưởng chừng cả hai việc xảy ra trong cùng một tháng. Đó là chưa nói đến nạn tối nghĩa ở nhiều chỗ vì sự cắt lấy một đoạn trong một câu chuyện dài. Thật thế, nhiều chỗ, việc xảy ra ở cổ Việt có liên quan đến các nhân-vật và sự việc đã nói ở các tỉnh khác. Bởi đó, khi chỉ chép lấy câu hay đoạn nói về Giao-chỉ, nhiều nhân-vật xuất-hiện mà không được giới-thiệu, hoặc nhiều sự việc có vẻ thiếu hụt đầu đuôi.

Nói chung như thế rồi, xin để cập đến chuyện Khâu Hòa gìn giữ Giao-châu.

Khâu-Hòa là một nhà cai-trị vua Văn-đế nhà Tùy (601-604) sai sang làm Thái-thú Giao-châu sau Lưu-Phương, khi ông này được đặt làm Hoan-châu đạo Hành quân Tổng quản để chuẩn-bị đánh Lâm-ấp. Chúng tôi xin dịch chuyện vừa nói theo bản văn của *Toàn thư* (q. 5, 2b - 3a) rồi sẽ phê-bình sau. Sách đó chép :

« Mậu dần (năm đầu hiệu Vũ-đức triều Cao-tổ Lý-Uyên nhà Đường), mùa hạ, vào tháng tư, Thứ-sử Khâm-châu là Nịnh-trường-Chân, đem đất Uất-lâm, Thủy-an dâng cho Tiêu-Tiễn, Thái-thú Hán-dương là Phùng-Áng đem đất Thương-ngô, Cao-yếu, Châu-nhai, Phiên-ngung, dâng cho Lâm-sĩ Hoằng. Tiễn và Sĩ-Hoằng đều sai người sang chiêu-mộ Thái-thú Giao-châu là Khâu-Hòa. Hòa không chịu theo. Tiễn sai Trường-Chân đem binh-sĩ Lĩnh-nam đi đường biển sang đánh Hòa. Hòa muốn ra nghinh tiếp, nhưng viên Tư-pháp thư-tá của ông, là Cao-sĩ-Liêm, bàn với ông rằng: Binh-sĩ của Trường-Chân tuy nhiều, nhưng ở xa đến, lương ít không thể kéo dài lâu được; bởi đó quân ta trong thành đủ sức chống cự, cần gì mà vừa nghe tiếng đã đành chịu kẻ khác đàn áp. Hòa nghe theo. Ông đặt Sĩ-Liêm làm Hành-quân Tư-mã, chỉ-huy tất cả các dinh quân thủy lục chận đánh thắng được địch. Trường-Chân may mắn thoát được thân, còn binh-sĩ ông bị bắt hết sạch. Rồi Hòa xây một « thành con » chu-vi chín trăm bộ để phòng ngự. Bấy giờ gặp lúc nhà Tùy mất, Hòa nộp cống-phẩm cho nhà Đường. Vua Đường hạ chiếu cho ông Lý-đạo-Hựu mang cờ tiết sang phong Hòa làm Thái tổng-quản Giao-châu với tước Đàm-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

quốc-công. Hòa sai Sĩ-Liêm dâng biểu xin về chầu. Vua Đường ra lệnh cho quân đi đón; năm đó nhà Tùy mất.

« Nhâm ngọ (năm thứ 5 hiệu Vũ-đức nhà Đường). Trước kia, thời nhà Tùy, Khâu-Hòa làm Thái-thú Giao-châu, đã cậy vào uy-thế nhà Tùy cho tuần do hết các khe động. Ông ở tại châu hơn 60 năm. Các nước như Lâm-ấp, dâng Hòa ngọc trai sáng, sừng tê đẹp, và đồ bằng vàng. Bởi đó Hòa giàu có không khác gì vua. Năm đó nhà Đường đổi Giao-châu làm An-nam đô hộ phủ ».

Câu chuyện *Toàn thư* vừa kể về Khâu-Hòa, có thể bao hàm bốn sự-kiện chính :

I.— Khâu-Hòa bảo-vệ Giao-châu chống với lực-lượng của Tiêu-Tiên.
II.— Thái-độ của Khâu-Hòa đối với triều-đại mới là nhà Đường.
III.— Nói chung về thời gian Khâu-Hòa cai trị Giao-châu.
IV.— Đổi Giao-châu ra làm An-nam đô hộ phủ.

Về phương-diện thời gian, hai việc trước nằm trong năm Mậu-dần, tức là năm 618. Việc thứ ba là một nhận xét tổng-quát về cả giai-đoạn của Khâu-Hòa ở Giao-châu, nó có thể bắt đầu từ 605 tức là năm *Toàn thư* nói đến việc Lưu-Phương thôi coi sóc Giao-châu để vào làm Hành quân Tổng quản ở Hoan-châu (1) và cáo chung hơn 60 năm sau, tức là vào khoảng 666 gì đó. Và việc thứ tư xảy ra vào năm Nhâm ngọ, năm thứ 5 hiệu Vũ-đức nhà Đường tức là năm 622. Nhận định như vậy xong, chúng tôi xin phê bình. Để cho việc trình bày được rõ ràng, chúng tôi sẽ phê bình lần lượt các việc chính của câu chuyện.

*

I.— Việc Khâu-Hòa bảo vệ Giao-châu. — Đoạn này ăn từ đầu câu chuyện cho đến hết chỗ nói về sự xây một thành con (tử thành) để phòng ngự. Ở đoạn này, chúng tôi sẽ nêu ra : a) cách chép sử của tác giả và b) những khuyết điểm của nó.

(1) *Toàn thư* : q. 5, tờ 1.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

a) Nhận xét đầu tiên người đọc có thể có khi đưa mắt nhìn qua đoạn này là sự-kiện được trình bày một cách chi-tiết, có năm, có tháng, có các vai chính trong truyện, có một bố cuộc rõ ràng, có những câu trích linh-hoạt. Nó có vẻ đầy đủ, khác hẳn với các việc sau, mặc dầu các việc sau không kém quan-hệ, hoặc nằm trong một khoảng thời-gian dài hơn. Nếu đem so-sánh đoạn này với các đoạn sau, thì chúng ta có thể chê rằng tác-giả đã không có mực thước, trình bày một cách gặp chăng hay chớ, không làm chủ được vấn-đề. Chê thế là đúng, nhưng hỏi chê thế có ích gì, vì chính phương-pháp của tác-giả là gặp sao hay vậy. Hơn nữa, trước một thực tế hết sức oái-ăm mà chúng tôi sẽ trình bày trong các đoạn sau, có lẽ chúng ta đáng khen phương-pháp gặp sao hay vậy đó của tác-giả hơn là đáng chê, vì cứ sự thường chỉ những chỗ tác-giả chép lại nguyên-văn một việc tác-giả gặp được trong *Tư-trị thông giám*, hoặc là trong một bộ sử nào khác, là có một ít giá trị, còn những chỗ tác-giả tự hành văn lấy lại đầy dẫy sai lạc. Đoạn này, sở-dĩ được các điểm hay như đã nói, là vì Lê-văn-Hưu đã gặp được viết sẵn trong tác-phẩm của Tư-mã-Quang, ở quyển 185, tờ 20. Ở chỗ này, chúng ta thấy mọi sự giống hệt như ở *Toàn thư*, chỉ thiếu câu: « Rồi Hòa xây một thành con chu-vi chín trăm bộ để phòng ngự ». Nhưng trước khi nói dài hơn thiết-tưởng nên đối-chiếu hai bản văn chữ Hán với nhau cho dễ thấy sự tương đồng :

Toàn thư, 9-5, 2b

戊寅(唐高祖李淵
武德元年),夏,四月,
欽州刺史甯長真
以鬱林,始安之地
附於蕭銑;漢陽太
守馮盎以蒼梧,高
要,珠崖,番禺之地
附於林士弘,各遣
人招交州太守丘
和,和不從.銑遣長
真帥領南兵自海

Tư-trị, 9.185,19a

唐…高祖…武德
元年…,夏…四月
…欽州刺史甯長
真亦以鬱林,始安
之地附於銑;漢陽
太守馮盎以蒼梧,
高凉珠崖番禺之
地附於林士弘銑,
士弘各遣人招交
趾太守丘和.和不
從.銑遣甯長真帥

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

道攻和。和欲出迎之。司法書佐高士廉說和曰：長真兵數雖多，懸軍遠來，糧不少，能持久，城中勝兵足以當之。奈何望風受制於人？和從之。以士廉爲行軍司馬，將水陸諸營逆擊破之。長真僅以身免，盡俘其衆。

嶺南之兵自海道攻和。和欲出迎之。司法書佐高士廉說和曰：長真兵數雖多，懸軍遠至，不能持久，城中勝兵足以當之。奈何望風受制於人？和從之。以士廉爲軍司馬，將水陸諸軍逆擊破之。長真僅以身免，盡俘其衆。

Cổ nhiên, cứ mặt chữ mà nói, hai bản văn không phải giống nhau như đúc. Người ta có thể nêu lên những dị biệt, như :

Toàn thư	Tư trị
1. Nịnh-trường-Chân dĩ Uất lâm	1. Nịnh-trường-Chân *diệc* dĩ Uất lâm
2. Phó ư *Tiêu* Tiên	2. Phó ư Tiên
3. Phùng-Áng dĩ... Cao *yểu*	3. Phùng Áng dĩ... Cao *lương*
4. Các khiển nhân	4. *Tiên, Sĩ-Hoằng*, các khiển nhân
5. Chiêu Giao-*châu* Thái-thú	5. Chiêu Giao-*chỉ* Thái-thú
6. Tiên khiển Trường-chân	6. Tiên khiển *Nịnh*-Trường-Chân
7. Quân viễn *lai*	7. Quân viễn *chỉ*
8. *Lương* thiếu bất năng đãi cữu	8. Bất năng đãi cữu
9. Liêm vi *hành* quân Tư-mã	9. Liêm vi quân Tư-mã
10. Thủy lục chư *dinh*	10. Thủy lục chư *quân*

Nhưng nếu đọc với một đôi tí hiểu biết, người ta nhận thấy ngay rằng trong 10 chỗ dị biệt vừa kể không chỗ nào làm thay đổi ý, trái lại có thể nói được là các dị biệt đó xuất-hiện chỉ vì người sao không chú ý. Chứng cớ của sự lơ đễnh thấy được rõ ràng ở dị biệt số 3. *Toàn-thư* chép Phùng-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Áng đem đất Cao yểu dâng cho Lâm-sĩ Hoằng, hỏi Cao yểu ấy là gì và ở đâu? Không lẽ nào một nhà chép sử Việt-nam có thể đổi địa danh thời xưa của Trung-quốc, một địa danh mà Tư-mã-Quang đã viết là Cao-lương và Hồ-tam-Tỉnh đã chú rằng: « đó là đất Cao châu, và Dương đế nhà Tùy đã đổi ra Cao lương. »? Nói tóm lại, hai bản văn giống nhau đến nỗi phải kết luận rằng bản này sao lại bản kia, hay nói rõ hơn tí nữa, bản của *Toàn thư* đã sao bản của *Tư-trị thông giám*.

b) Bởi vì Lê-văn Hưu gặp chỗ nào nói đến Giao-châu là sao lại chỗ đó như vừa thấy, nên sách ông chứa đựng nhiều khuyết điểm. Khuyết-điểm lớn nhất của ông là làm cho biến cố trở thành cô-độc, thiếu mất bối-cảnh lịch sử chung. Khi Tư-mã-Quang chép *Tư-trị thông giám*, dầu ông theo sự diễn tiến của thời gian để trước thuật, ông vẫn cho người đọc một cái nhìn tổng-quát về sự việc xảy ra trên toàn cả Trung-quốc. Đàng khác, các sự việc trong một nước thường ba động đến nhau, chằng chịt lấy nhau, nên một nhân-vật có thể đóng vai ở một địa-điểm trước khi đóng vai ở địa điểm lân cận, hay một sự-kiện xảy ra nơi này có thể là nguyên nhân cho sự-kiện xảy ra chỗ kia. Người viết, vì viết biến-cố ở cả hai nơi nên thường không lặp lại những điều đã nói ở một nơi trên, bởi lẽ rằng không còn cần thiết cho độc-giả để theo dõi câu chuyện nữa. Nay, một người như Lê-văn Hưu chỉ bứng lấy những chỗ nói đến Giao-châu, thế tất sẽ phải cắt dứt nhiều dây liên lạc với các châu quận khác, và như vậy nhiều sự-kiện nhiều nhân-vật hiện ra đột-ngột trong tác-phẩm của ông. Những bằng-chứng của sự đột-ngột này gặp thấy dễ dàng trong đoạn văn nêu ra trên đây của *Toàn thư*.

Trước hết nên nhớ rằng về chuyện của Khâu-Hòa trong *Toàn thư*, tất cả chỉ có đoạn đó nói đến. Nhưng vừa đọc vào, nhiều câu hỏi rất tự-nhiên dồn-dập hiện ra. Sao Nịnh-trường-Chân lại đem Uất lâm, Thủy-an dâng cho Tiêu Tiền, hay Phùng Áng đem Thương ngô, v.v... dâng cho Lâm sĩ-Hoằng ? Mà Tiêu Tiền, Lâm-sĩ Hoằng là những con người thế nào đã mới được chứ? Rồi hai người đó chiêu-mộ Khâu-Hòa để làm gì? và sao Khâu Hòa lại không theo ? Trước bầy nhiêu thắc mắc, độc-giả của *Toàn thư* không sao trả lời thỏa mãn được. Nhưng nếu đọc đoạn đó ở *Tư-trị thông giám* thì lại khác. Câu chuyện có trước, có sau. Chúng ta sẽ thấy dễ dàng rằng vào cuối đời Dương đế nhà Tùy (605-617) triều-đình suy-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

yếu, hào-kiệt các nơi nổi dậy hùng-cứ mỗi người một phương. Trong số các hào-kiệt đó ở miền Nam có Lâm-sĩ Hoằng chiếm giữ Phần dương, Tiêu Tiến chiếm giữ Giang lăng, đang khi Lý Uyên vẫy vùng ở Trường-an, giật được tước Đường-vương và còn vươn lên cho đến ngôi Thiên-tử. Chính giữa lúc hỗn loạn đó mà kẻ yếu phải tìm về với kẻ mạnh, và kẻ mạnh tìm thêm vây cánh để hạ thủ đối lập. Bây giờ mới thấy nguyên do tại sao Nịnh trường-Chân và Phùng Áng đem đất đi dâng, tại sao Khâu Hòa được sứ-giả của Tiên và Sĩ-Hoằng đến chiêu-mộ. Nhưng hỏi cớ làm sao Khâu-Hòa lại không bắt chước Trường-Chân, hay Phùng-Áng? Đó là vì Khâu-Hòa còn nhớ nghĩa cũ với nhà Tùy, hơn nữa ông cũng chưa tin gì vào sự thành đạt của hai vị anh hùng non nớt đó. Thật muốn hiểu Ngoại-kỷ của *Toàn thư*, rất cần phải tìm đến các nguồn sử-liệu của nó.

*

II.— Khâu-Hòa, theo *Toàn thư* nói, đã về với nhà Đường sau khi thắng Nịnh-trường-Chân và nhà Tùy mất. Đó là đoạn thứ hai chúng tôi xin đem ra phân-tích và phê-bình.

Chúng tôi xin chia đoạn này ra làm ba việc :

a) Nhà Tùy mất, Khâu-Hòa triều cống nhà Đường;
b) Nhà Đường phong chức cho Khâu-Hòa;
c) Khâu-Hòa về châu vua.

Trước khi bàn về từng chi-tiết, chúng tôi xin lưu ý điều này là tác-giả *Toàn thư* đã cho rằng cả ba việc đó vào trong năm Mậu dần (618); chính câu « năm đó nhà Tùy mất » nằm ở cuối cùng đoạn bắt phải hiểu như vậy, vì năm đó nói đây, tức là năm xảy ra các việc vừa kể, và nhà Tùy mất năm 618. Một ghi nhận nữa không kém quan trọng, đó là đoạn này không phải sao lại nguyên văn của *Tư trị thông giám*, nhưng người viết *Đại-Việt sử-ký* (*Toàn thư*) đã dùng những điều biết được trong sách của Tư-mã-Quang rồi tự hành văn lấy. Phải chăng hễ chỗ nào Lê-văn Hưu tự viết lấy là chỗ ấy sai? Để thấy rõ điều đó, xin theo dõi các việc trình bày dưới đây.

a) Phải chăng Khâu-Hòa đã về với nhà Đường sau khi thắng Trường-Chân ? Các tác-giả *Toàn-thư* dựa vào đâu để nói một cách đơn giản như vậy? hay họ phỏng đoán? Nếu họ dựa vào sử-liệu, thì tiếc thay sử-liệu đã cho biết khác. Sự thực là đang khi Khâu-Hòa thắng ở Giao-Châu, tình-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hình ở Trung-quốc biến chuyển nhiều. Vào tháng tư năm Mậu-dần (618) Tiêu-Tiển đã tự xưng Hoàng-đế, định lập lại nhà Lương. Một tháng sau vào ngày Giáp-tý (tức là ngày 19 tháng 6, 618) Lý-Uyên từ chức Đường vương bước lên ngôi thiên-tử lập sự nghiệp nhà Đường.

Trong trường-hợp đó Khâu-Hòa đã xử trí thế nào? Khai thác triệt để cuộc thắng trận và tự lập ở Giao-Châu ư ? Không, ông không đủ can đảm để làm việc đó. Thì theo nhà Đường mới tức vị ư? Cũng không. Khâu-Hòa là quan nhà Tùy, chưa quen biết gì với vua mới ở Trường-an. Vậy ông làm thế nào ? *Tư trị thông giám* chép : « Khi được tin xấu về Dương-đế, ông đem quân phó cho Tiển » (1). Từ đó Giao-châu dính liền với số phận của Giang-lăng. Nhưng Tiêu Tiển chẳng bao lâu tỏ ra thất thế. Trong hàng tướng lãnh, nhiều kẻ bất bình với ông, khiến cho lực lượng chia rẽ. Ở ngoài ông lại bị nhà Đường đánh bại dần dần. Chính vì nghe được các điều không tốt đó, nên vào tháng 9 năm Vũ-đức thứ 5 (622), Khâu-Hòa đầu hàng nhà Đường, và cùng một tháng đó Tiêu-Tiển cũng mở cửa Giang lăng đầu hàng nốt (Tư trị thông giám, q. 189, 28b). Như vậy, chẳng những khi nhà Tùy mất, nhà Đường lên, Khâu-Hòa đã không theo nhà Đường ngay như *Toàn thư* nói, mà ông lại theo kẻ thù của nhà Đường trong vòng 4 năm. Bỏ qua sự kiện đó và dồn việc Khâu-Hòa triều cống nhà Đường vào trong năm 618, phải kể là một sai lạc lớn.

b) Hai việc sau, tức là việc nhà Đường phong chức Tổng-quản cho Khâu-Hòa, và Khâu-Hòa về triều yết, đã được *Toàn thư* đặt vào năm 618. Kỳ thực, nhà Đường đã cho Khâu-Hòa làm Giáo-châu Tổng-quản vào năm Vũ-đức thứ 5, tháng ba, ngày Giáp-thìn, tính ra là ngày 23 tháng 5, năm 622. Sau khi được chức mới, Khâu-Hòa xin nhà Đường cho về chầu vua ở Trường-an. Chẳng những vua cho phép mà còn « khiển kỳ tử Sư Lợi nghinh chi » (2); dịch: « sai con ông ta là Sư-Lợi đi đón ông »; Sư Lợi, tức là Khâu Sư Lợi. Người ta có thể nói đó là một sai lạc không đáng kể. Nhưng thiết tưởng những sai lạc về thời-gian bao giờ cũng rất đáng chú y. Một biến cố không có thời gian là một biến cố mất hẳn giá trị lịch-sử. Bởi đó, trình bày một việc xảy ra không đúng với ngày tháng của nó, bao giờ cũng có hại cho sự tìm hiểu chân lý về quá khứ.

*

(1) Đắc Dương đế hung vẫn, diệc dĩ quân phó ư Tiển. q.185, 20b.
(2) *Tư trị thông giám*, 190, 66.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

III.—Bây giờ chúng ta bước qua đoạn các tác giả *Toàn thư* nói chung về đời sống Khâu Hòa ở Giao-châu. Đoạn này họ thuật lại dưới mào đề của năm Nhâm ngọ (622), nhưng cứ cách họ nói, công việc không phải xảy ra năm đó. Điều đáng chú ý nhất của đoạn đó có lẽ là câu: « Ông ở tại châu hơn 60 năm », vì chắc chắn rằng nhờ sự ở lâu đó và nhờ cách cai-trị tử tế của ông mà ông đã được « giàu có không khác gì vua ! ». Nhưng hỏi làm thế nào để biết được ông cai-trị Giao-châu lâu đến thế ?

Như đã nói trên, theo *Toàn thư*, thì Khâu-Hòa phải ở lại Giao-châu ít nhất là đến năm 666. Để quả quyết điều đó, phải có một trong hai điều kiện sau đây, hoặc là có những tài-liệu chắc chắn làm chứng, hoặc là ít ra trong thời gian từ 605 đến 666 không có dầu một người nào khác được triều đình Trung-quốc bổ-nhiệm sang cai-trị Giao-châu. Về bằng cứ tích cực, chúng tôi không tìm được ở các sử-liệu chúng tôi có thể có, và chúng tôi cũng tin chắc rằng, sẽ không ai tìm được những sử liệu như thế. Bằng cứ tiêu cực cũng không làm sao tìm được, vì trái lại, lịch sử đã cho biết nhà Đường có đặt các quan cai-trị Giao-châu, khác với Khâu-Hòa, trong khoảng thời gian vừa nói. Đây chúng tôi xin kể ra một vài ví-dụ để ủng-hộ luận-đề của chúng tôi.

Quả thế, chỉ mấy tháng sau khi Khâu-Hòa xin về triều yết, chúng ta đã thấy xuất-hiện một Giao-châu Thứ-sử khác, mà tên gọi là Quyền-sĩ-Thông. Nhân dịp nói đến việc đánh quân mọi Đột quyết ở Tam-quan-sơn, *Tư-trị thông giám*, chép: « Vũ đức ngũ niên, cửu nguyệt, Quý tị, Giao-châu Thứ-sử Quyền-sĩ-Thông, Hoằng-châu Tổng-quản Ưu-văn Hãm, Linh-châu Tổng quản Dương-sư-Đạo, kích Đột Quyết ư Tam quan sơn, phá chi ». Xin dịch: « NămVũ đức thứ năm, vào tháng chín, ngày Quý tị (tức là ngày 25 tháng 10, 622) Thứ sử Giao-châu là Quyền-sĩ-Thông, Tổng quản Hoằng-châu là Ưu-văn Hãm, Tổng quản Linh-châu là Dương-sư-Đạo đánh quân Đột-Quyết ở núi Tam quan và thắng được » (1). Sau đó chức Giao-châu Thứ-sử được đổi sang Giao-châu đô đốc, và trước năm 666, Tư-mã-Quang có nhắc đến các viên đô-đốc vào các trường-hợp sau đây :

(1) q. 190, 13a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Võ-đức thất-niên, cửu nguyệt, Quý mão, Nhật nam nhân Cương tử lộ phản, Giao-châu đô đốc Vương chí Viễn kích phá chi » Dịch : Năm Võ-đức thứ bảy, vào tháng 9, ngày Quý mão (tức là ngày 23 tháng 10, 624) có người ở Nhật nam tên là Cương tử-Lộ làm phản. Viên đô đốc Giao-châu là Vương-chí Viễn đánh phá được » (1).

« Trinh Quan nhị niên, thập nguyệt, Giao-châu đô đốc Toại-an-công Thọ dĩ tham đắc tội. » Dịch: Năm Trinh Quan thứ hai, vào tháng 10 (tức là lối từ 2 đến 30 tháng 11, 628), viên đô đốc Giao-châu là Toại-an-công Thọ (họ tông thất), vì tham lam nên bị tội (2).

Bằng ấy sự việc đã dư đủ nói lên rằng Khâu-Hòa không còn cai-trị Giao-châu hơn 60 năm nữa.

***

IV. — Về vấn-đề cuối cùng chúng tôi phải bàn đến chỉ được nói trong *Toàn thư* bằng một câu vắn. Đó là một câu nói chứa đựng đầy ý nghĩa lịch-sử như sẽ thấy sau, nhưng hỏi nói như thế có đúng không đã, bởi vì nếu nó đúng ý nghĩa kia mới đúng, mà nó sai, ắt hẳn ý nghĩa do đó mà ra phải sai. Trước tiên thử hỏi tình hình chính trị lúc bấy giờ có cho phép gọi miền Nam Trung-quốc là An-nam chưa ?

Như trên đã để cập đến, vào năm 621, Khâu-Hòa đã ra hàng nhà Đường, và kế đó, cấp trên Khâu-Hòa, là Tiêu Tiên cũng ra hàng nữa. Rồi, để thêm lạc quan cho chung quanh vùng Giao-châu, các viên cựu quan nhà Tùy như Đặng văn Tiến, ở Quảng-châu, và Lý-Giao, Thái thú Nhật-Nam, đều quy-thuận Trường-an vào ngày Mậu-dần, tháng tư năm Võ-đức thứ năm, tức là ngày 11 tháng 6, năm 622 (3). Sau đó ít tháng, vào tháng bảy, Hán-dương Thái-thú là Phùng-Áng, thủ-hạ Lâm-sĩ-Hoằng, cũng đầu thú, và được vua nhà Đường đặt làm Tổng-quản Cao-châu, với tước Cảnh-quốc-Công (4). Như vậy, phải chăng sử-gia đã có thể yên tâm chép « Lĩnh-nam tất bình » và bấy giờ, nếu nhà Đường đặt cho miền nam Lĩnh-nam đó một tên mới với

(1) *Tư-trị thông giám*,, q. 191, 9b.
(2) *Ibid* q. 193, 2b.
(3) *Tư-trị thông giám*, q.190, 9b.
(4) *Ibid*, 190, 11a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

một cấp bậc hành-chánh mới, tức là An-nam đô-hộ-phủ, thiết tưởng việc đó rất là thích đáng.

Nhưng nhà Đường có làm thế không? Thưa không; năm 622 nhà Đường chưa đặt tên An-nam đô-hộ-phủ. Không cần phải lục xét tài-liệu lâu dài, cứ nhìn lại các chức Giao-châu đô-đốc của Vương chí Viễn, năm 624, hay của Toại-an-công Thọ năm 628, nói trên thì đủ thấy sự sai lầm của *Toàn thư* ở điểm này.

Nếu nhà Đường không đặt tên An-nam đô-hộ phủ vào năm Nhâm ngọ (622) như *Toàn thư* dạy, thì nhà Đường có bao giờ dùng tên đó để gọi vùng Giao-châu không? Có lắm. Vua Cao-tông, vào năm đầu, hiệu Châu-lộ tức là năm 679, đã đem chế độ đô-hộ phủ áp dụng vào vùng Lĩnh-nam, gọi là An-nam đô-hộ phủ, kiêm cả Lực phủ và Chiêm phủ (1). Đây không phải lần đầu tiên Trung-quốc có chế độ đó. Nhà Đường vào năm Canh tí, hiệu Trinh-quan thứ 14, (640) đã đặt An-tây đô hộ phủ ở thành Giao-hà (2); Năm Đinh vị, hiệu Trinh-quan thứ 21 (647) đặt Yên-nhiên đô-hộ phủ ở Hàn-hải (3), phủ này được đổi làm Hàn-hải đô hộ đóng ở thành Vân-trung năm Vĩnh-huy nguyên-niên (650), và đến năm kỷ tị, hiệu Tổng chương thứ hai (669) đổi lần nữa thành An-bắc đô hộ phủ (4). Năm Mậu thìn, hiệu Tổng chương nguyên niên (668) đã đặt An đông đô hộ phủ ở Bình-nhượng (5). Sau khi đã có An-tây, An-bắc, An-đông như vậy rồi, bấy giờ mới đến An-nam.

Đến đây, có thể nói là việc phê bình đoạn văn của *Toàn thư*, viết về Khâu-Hòa đã xong. Chúng ta đã thấy rằng trong bốn điểm chính của đoạn văn, chỉ điểm nhất là đúng, nhưng điểm đó lại được sao ở *Tư-trị thông giám*; còn ba điểm kia tác-giả của *Đại-Việt sử-ký (Toàn thư)*, đã tự viết lấy và đã sai lạc cả ba, không nhiều thì ít. Thật là một tình trạng đau buồn cho nền sử-học. Nhưng tình-trạng đó không phải đau buồn mà thôi, mà

(1) *Ibid* q. 233, 28b.
(2) q. 195, 27a.
(3) *Tư trị thông giám*, q. 198, 24b.
(4) *Ibid*, q. 201, 28a.
5) *Ibid*, q. 201, 25b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

còn nguy hại nữa. *Toàn thư* hiện giờ là một quyển sử Việt-nam rất được giới học-giả tin cậy, và sách đó càng được nhiều người tin cậy bao nhiêu, nguy hại của nó càng to lớn hơn bấy nhiêu. Nó nguy hại vì các khuyết-điểm do phương-pháp dùng các nguồn sử-liệu của nó, vì một người chỉ đọc *Toàn thư*, chứ không biết đến xuất xứ của các chỗ *Toàn thư* sao lại, sẽ rất dễ hiểu sai chính những chỗ được sao lại đó. Nó nguy hại thực sự chính là vì các chỗ tác giả của nó, thay vì sao lại, đã tự viết ra, như vừa thấy trên. Để làm chứng rằng *Toàn thư* có thể đẻ ra những hậu quả không hay cho việc viết sử, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn của Charles Patris khi ông này viết về Khâu-Hòa, mà ông gọi lầm là Hoa-lịch. Đây chúng tôi dịch Patris :

« ... Đàng khác, năm 618 còn quan trọng hơn nhiều vì nó đem lại một thay đổi sâu xa trong việc phân chia ranh giới các tỉnh ở «Việt nam»... Cao-tôn đã lập ra một đơn vị hành chánh mới mà cương giới chừng chừng ở bắc là Quảng-đông và nam là Quảng nam. Rồi lãnh thổ rộng rãi đó được chia làm 13 tỉnh đặt dưới quyền cai-trị của Hoa-lịch và chỉ có liên-lạc với vua Trung-quốc bằng việc nộp cống phẩm hằng năm. Một điều cũng cần phải nêu lên nữa, đó là 13 tỉnh vừa nói được gọi là An-nam đô-hộ phủ. Như vậy, lần đầu tiên xuất hiện một biến đổi chủ chốt về phương-diện chính trị, như nhận được ngay ở danh từ của nó, một danh từ mà hai chữ đầu tồn tại mãi cho đến ngày nay, còn mấy chữ sau thay đổi chế độ bắc thuộc cũ và tình trạng nô lệ đã có gần nghìn năm, thành một chế độ đô hộ.

« Việc thiết lập chế độ vừa nói có phải đánh dấu một tiến bộ thực sự và một thoa dịu đáng kể trong tình trạng dân chúng không? Khó để quả quyết điều đó, và sau này chúng ta còn thấy nhiều lần ở An-nam những viên quan lại Tàu tham bạo, coi lĩnh thổ đó như đất đã thuộc về họ và người bị trị như hạng nô lệ chính cống. Tuy nhiên, trong ý của vị thiên-tử đã ban bố chế độ mới, chế độ đó phải là biểu hiệu của một nền tự do rộng rãi hơn cho người An-nam. Đó là nhờ sự khôn ngoan và tài cai trị khéo léo của Hoa-lịch, con người đáng lãnh tất cả vinh dự trong việc thay đổi chính trị này. Thiên triều xét vì không hề xảy ra một cuộc nội biến nào dưới quyền cai trị của một vị đại diện như thế, lại thấy ở các tỉnh này dân chỉ biết lam lủ cày cấy, buôn bán chứ không nghĩ việc làm loạn, nên đã thiết lập nền đô hộ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vừa để ban ân huệ trong dịp lên ngôi, vừa để tỏ ra bằng lòng vì việc trị an trên toàn lãnh thổ » (1).

Đọc đoạn này, chúng ta thấy tác giả đã có những suy luận chặt chẽ, dựa trên những tiền đề rút ở *Toàn thư*, như là :

1) Khâu-Hòa đã quy thuận nhà Đường trong năm 618 ;

2) Cao tổ đặt chế độ An-nam đô-hộ phủ trong dịp lên ngôi ;

3) Chế độ đó là riêng ở An-nam để thưởng cách cai trị khôn khéo của Khâu-Hòa.

Nhưng, như đã chứng-minh trên, các tiền đề đó không có sự thật, nên công trình lý luận của Patris vô ích.

Chẳng những học giả của thế hệ trước đã không hiểu rõ về giá trị của *Đại-Việt sử-ký Toàn thư*, mà giữa làng văn hiểu cổ ngày nay, cũng có nhiều người hết lời ca tụng bộ sử đó, cùng các tác-giả của nó. Lê-văn Hưu chẳng hạn, không phải là không có chỗ đáng ca tụng, ví dụ như về phương diện ông là sử-gia đầu tiên của Việt-Nam. Nhưng lời ca tụng chỉ có giá trị khi nó tô điểm cho sự thật, mà sự thật về giá trị Lê-văn Hưu, xét về mặt sử gia đầu tiên, vẫn còn ít người bình tâm cân nhắc. Một sử gia đầu tiên thường có sức lôi cuốn của sự mới mẻ; hơn nữa, ông có trách nhiệm quan trọng của kẻ đặt đà. Nếu ông đặt đà sai hướng, như cho Triệu-Đà, hay Lữ-Gia là người Việt nam chẳng hạn, rồi vì sự mới mẻ lôi cuốn, đa số sẽ dễ-dàng lầm theo. Về Triệu-Đà hay Lữ-Gia, ngày nay, với một ít hiểu biết quá khứ không còn ai có thể quả quyết là những người thuộc về lịch sử nước nhà. Ấy thế mà mới đây, *Văn-Đàn* đã ra một số đặc biệt trong đó Lữ-Gia chẳng những được tiên quyết là người Việt-Nam, mà mục đích của số đặc biệt này lại là để tuyên bố ông đó là một nhà ái quốc Việt-Nam đầu tiên. Trong hội-đồng biểu quyết công trạng Lữ-Gia, chúng ta thấy một số nhân vật có tên tuổi, mà chỉ có ông Nguyễn Ngu-Ý là tỏ ra nghi ngờ vấn đề tiên quyết về Lữ-Gia. Thật là quá ít (2).

---

(1) *Essai d'Histoire d'Annam, Première Partie, L'antiquité et le Haut Moyen-Age* Huế, Đắc-lập, 1923, trang 180-181.

(2) Xem *Văn Đàn*, số 40, 2-8-62. Chúng tôi đã phê bình hướng lịch sử của Lê văn Hưu trong một bài đài sắp công bố, nhan đề là « Tiến trình hình thành quốc gia Việt-Nam ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chúng tôi nêu ra những hậu quả không được tốt đẹp đó, chỉ là để nói lên rằng khi ca tụng vị sử gia đầu tiên của Việt-Nam, chúng ta phải ca tụng với sự dè dặt cần thiết. Nhưng trái lại bạn Nguyễn thế Giang đã ca tụng Lê-văn Hưu mà không biết dè dặt. Để bắt đầu, bạn Giang đã có một đề mục như: « Lê-văn Hưu, một sử-gia kiệt-xuất ». Thế rồi bạn Giang tìm cho được những lời lẽ kêu nhất để ngợi khen, đề thán phục cái tài lỗi lạc của con người đã chép *Đại-Việt sử-ký* (1). Song le, kiệt xuất và lỗi lạc sao được, khi Lê văn Hưu cũng là tác giả của những đoạn sử như đoạn nói về Khâu-Hòa chúng tôi vừa phân tích và phẩm bình. Không ai trách bạn Giang, một sinh-viên mới chẵn 18 tuổi khi niên học 1962-63 bắt đầu; nhưng bài của bạn Giang là như một vết đen thích hợp làm cho nổi bật lên sự cần thiết cấp bách phải duyệt lại một cách thấu đáo công trình của Lê-văn Hưu, Ngô-sĩ Liên, nhất là phần *Ngoại-kỷ* của bộ *Đại-Việt sử-ký Toàn thư*, để có thể sử-dụng được những chân lý lịch-sử bao hàm trong đó (2).

NGUYỄN PHƯƠNG

(1) Xem *Văn Đàn*, số 40, 25-3-1961.

(2) Để góp phần vào việc tìm tòi chân lý lịch sử, tác giả bài này sắp xuất bản một tập sách, nhan đề là: *Phần Ngoại kỷ của Toàn thư với sử liệu Trung-quốc*, trong đó sẽ đối chiếu và phê bình, theo lối bài trên đây, những đoạn — rất nhiều — mà các tác giả Việt-nam đã sao lại của sử-gia Trung-quốc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐIỂM SÁCH

RENÉ DESCARTES :
NHỮNG SUY-NIỆM SIÊU-HÌNH-HỌC

Dịch giả: L.M. TRẦN-THÁI ĐỈNH
Bộ Q.G.G.D. xuất bản, in lần thứ nhất, Sài-gòn 1962, 252 trang, 50$.

Đây không những chỉ là một bản dịch, mà còn là một tiểu luận về Descartes.

Dịch giả để tới hơn 50 trang đầu để « dẫn lộ » cho độc giả. Lời dẫn lộ chia làm ba phần :

1) Vị trí của Descartes trong lịch-sử triết-lý. Dịch giả nhấn mạnh rằng Descartes là cha sinh ra triết học thời mới, nhất là « đã khai sinh cho hai học thuyết lớn nhất của thời đại: Kant và Husserl » Vẫn biết Kant và Husserl là hai ngôi sao rất sáng trong đêm tối của triết học, nhưng hình như dịch giả đề cao Descartes hơi quá mức một chút. Phong trào tục-hóa Vũ trụ đã bắt đầu với triết lý. Trước Descartes, không ít thì nhiều, các triết gia cũng đã thoát ra khỏi thái-độ tôn thờ vũ trụ (Thales, Leukippos, Demokritos, kể cả Aristoteles, v.v...). Sau Descartes, các triết gia cũng chưa hạ bệ hẳn được Vũ-trụ thần thiêng (Spinoza). Dù sao vẫn có thể viết như dịch giả: « Ta thấy chính chủ-thể tính, tức Cogito đã dẫn Descartes đến chỗ « hạ bệ » cái Vũ-trụ mà cổ-nhân đã tôn thờ như thần thánh » (trg 15). Vì Descartes ý thức được sự hạ bệ đó hơn cổ-nhân.

2) Vị trí của cuốn *Suy-niệm* (ở trang 22, dòng 4, có lẽ nhà in in lầm là *Suy-nghiệm*) trong tư tưởng của Descartes. Độc-giả lại có dịp hiểu những nét chính và độc đáo của tư tưởng Descartes.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

3) Tóm tắt mấy đề tài trong cuốn *Suy-niệm*.

Bản dịch gần 80 trang, căn cứ trên bản chính bằng tiếng la-tinh và bản tiếng Pháp. Cách dùng tiếng và cách đặt câu của dịch giả rất đơn-sơ dễ hiểu. Đó là một ưu-điểm hiếm có, nhất là ở cái thời đại mà người ta chỉ muốn lấy những danh-từ kêu đẹp (theo đúng nghĩa chữ logodiarrhée gốc Hi-lạp) để che đậy một đầu óc rỗng tuếch, viết những câu khó hiểu để cho thiên hạ tưởng mình thâm thúy và để che đậy mớ tư tưởng rối rắm mà mình nuốt chưa trôi. Nếu đem ra so sánh với bản chính, sẽ thấy bản dịch lột được đầy đủ ý-nghĩa. Đây lại cũng là một ưu-điểm nữa, nó đòi dịch giả không những phải am tường ngoại ngữ mà còn phải am hiểu triết lý. Thiếu căn bản đó khó mà viết cho xuôi tiếng Việt và cho có ý nghĩa, có lý sự.

Sau đó có tới 70 trang (bản dịch chỉ gồm 80 trang) để chú thích những danh từ chuyên môn và những đoạn văn khó hiểu đối với độc giả Việt-Nam.

Phần tự-vựng (7 trang) tỏ ra rằng dịch giả dùng tiếng gọn và đúng ý Phải am hiểu triết-lý và Hán-văn mới làm được như thế. Tuy nhiên thiết tưởng chỗ nào có thể, cũng nên dùng tiếng Việt vào triết-lý cho dễ hiểu và cho danh từ triết-học thêm phong phú. (Người Đức cũng đã khai thác khả năng ngôn ngữ họ như thế. Ví dụ thay vì dùng những tiếng chuyên môn từ ngoại ngữ du nhập vào, như: essentia (essence), existentia (existence) thì họ dùng chữ Sosein, Dasein v.v...). Đáng để ý chữ *phân-minh*: theo gốc tiếng, thì nó có thể dùng để dịch hai ý tưởng *clair* (minh) và *distinct* (phân), nhưng hình như dịch giả đã theo gót một vài vị đàn anh mà dùng thêm chữ *rõ-ràng* (chữ này là tiếng Việt dịch rộng chữ *minh* là Hán-Việt). Trừ một vài tiếng còn có phải thảo luận, phần tự vựng đó đáng được phổ-biến để cho danh từ Triết-lý được thống nhất.

Những nhận xét trên đây nhằm mục đích xây dựng. Nó không có ý và cũng không có thể làm tổn thương cho giá trị cuốn sách đáng được phổ biến này vậy.

***

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ARISTOTE :

ĐẠO ĐỨC-HỌC CỦA NICOMAQUE

dịch-giả : ĐỨC HINH *Bộ Q.G.G.D. xuất bản, in lần thứ nhất, Sài-gòn, 1961, 416 trang, 75$.*

Sách in khá đẹp, gồm có lời nói đầu, một bài tựa, bản dịch và mấy trang dành cho ngữ vựng.

Dịch giả căn cứ vào bài tựa và bản dịch Pháp-văn của Voilquin để viết bài tựa và viết bản dịch Việt-văn. Những ai hiểu triết-lý Aristote hẳn sẽ ngạc nhiên về đầu đề quyển sách, vì hiện nay người ta nói Ethique *à* Nicomaque chứ không nói Ethique *de* Nicomaque nữa. Hơn nữa bản dịch của Voilquin kể là đã cũ rồi. Có nhiều danh từ quan hệ mà Voilquin dịch chưa sát lắm. Ví dụ chữ *Sophia*, Voilquin dịch là *Sagesse;* nhưng theo các triết-gia chuyên môn thì Aristote dùng chữ đó với nghĩa là *Philosophie*, cũng như những chữ *Sophos, Sophistês* có nghĩa là *Philosophe* (xem R.A. Gauthier, La morale d'Aristote, Paris 1958, trang 97-98). Tiếc rằng đã không dịch thẳng từ tiếng Hy-lạp, dịch giả lại không chọn bản dịch Pháp-văn đúng và mới nhất, đó là cuốn: *Aristote, l'Ethique à Nicomaque. Introduction, Traduction et Commentaire par R.A. Gauthier et J.Y. Jolif, 325 + 989 trang*, in ở Louvain từ hơn hai năm nay. Vì nếu căn cứ vào đó, chắc bài tựa sẽ đem lại cho độc giả nhiều cái mới lạ, và các chú thích cũng phong phú hơn.

Về bản dịch tiếng Việt, độc giả có thể nhận xét một vài điểm sau đây:

1) **Nhiều chữ dịch không sát ý:** Ví dụ trong quyển I, 1/1 (chương I số I): « điều thiện » (quelque bien), 1/3: « phức tạp » (multiples), 1/5: « chỉ-định » (nommer), II/3: « ấn định » (préciser), II/5: « hiển nhiên » (apparemment), II/6: « thần bí » (divin), IV/4: « có một nền tảng hợp lý » (paraissent avoir un fondement raisonnable). Còn nhiều ví dụ như thế trong các chương sau. Nó không làm cho ta hiểu sai hẳn tư tưởng của Aristote, nhưng làm cho bản dịch kém phần hoàn hảo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

2) Nhiều đoạn dịch trệch ý: Ví dụ: cũng trong Q.I, 1/4: « các môn kiến trúc-học » (les sciences architectoniques) (có lẽ dịch giả lầm tưởng là chữ *architecturales*), III/2: « điều đẹp và điều công bình... có những sai-biệt, về sự giải thích, rộng rãi và có thể lầm lẫn đến nỗi hai điều ấy hình như chỉ tồn tại là nhờ hiệu quả của bản-tính » (le beau et le juste... comportent des divergences d'interprétation, si vastes et si susceptibles d'erreur qu'ils ne paraissent avoir d'être que grâce à la loi et non par un effet de la nature), III/7 : « Tuổi trẻ hoặc tính trẻ là một điều ít quan trọng, bởi vì sự thiếu chú ý không phải là một yếu-tố của thời gian... » (Peu importe d'ailleurs qu'on soit jeune par l'âge ou trop jeune de caractère, car ce défaut d'attention n'est pas facteur du temps...), IV/3: « khi đau ốm người ấy thích sức khỏe hơn cả, sự giàu có hơn cả khi nghèo khổ » (malade, il donne la préférence à la santé, pauvre à la richesse), VI/1: « Vậy chúng ta hãy để lại vấn đề này. Tốt hơn là chúng ta khảo-sát điều thiện một cách tổng-quát để biết nó ở chỗ nào » (Laissons donc ce sujet. Il est sans doute préférable de faire porter notre examen sur le bien considéré en général et la question de savoir en quoi il consiste).

3) Hành văn cầu kỳ khó hiểu.— Trên đây đã có một vài câu khó hiểu. Độc giả cũng còn có thể thấy một vài đoạn khác: trg 17 dòng 21-23: « Nó không thể thích-hợp với một quần-chúng như là quần-chúng mà sự bình đẳng và học-vấn càng tăng-gia đã đưa đến đời sống luân-lý trong Đế-quốc La-mã ». III/4: « Thực thế, người trí thức xuất hiện ra khi chỉ đòi hỏi một sự rõ-ràng thích hợp với từng loại đề-tài ». Các ví dụ từ nãy đến giờ không ra khỏi mấy chương đầu trong quyển I. Nhưng không phải là không có trong các quyển sau. Thiết tưởng cũng không cần nói thêm nữa.

4) Có nhiều chỗ khó hiểu đối với độc giả Việt-Nam chưa am tường văn-hóa Hy-lạp và chưa quen với triết-học. Ví dụ điển-tích Priam (trg 15). Khi đọc câu « Bởi vì sự giàu có chỉ ích lợi mà thôi và có một cứu-cánh khác hẳn nó » (V,7), độc giả cũng ước có một câu chú giải về cái dị-biệt giữa cái mà người Pháp dịch là « le bien utile » và « le bien honnête ». Độc giả cũng muốn được hiểu thêm về sự dị-biệt giữa tác-động (faire, *poiein*) và hành-động (agir, *prattein*), khi đọc câu: « Vì sự sáng tác và sự hành-động khác nhau » (Q·VI, c. IV, số 5).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

5) Danh từ triết lý của dịch-giả có nhiều khi lạ tai đối với sinh viên ban triết, vì thế dễ làm cho hiểu lầm. Ví dụ: cái giác (sensible), khả-hành (possible) (xem ngữ-vựng); tinh hoa (essence), tính chất (qualité), tương quan (relation) (trg. 30 dòng 4).

Tất cả những điểm chúng tôi nêu ra trên đây không nhằm phủ-nhận các cố gắng của dịch-giả. Cái công lớn của dịch giả vẫn là phổ biến được một quan-niệm mới về đạo-đức-học. Người ta thường học đạo-đức bằng cách nhớ kỹ ngũ giới, thập giới hay các thứ luận-lý-diễn-ca, nhưng ít biết đến khoa đạo-đức-học, là một suy tư về hiện tượng đạo đức. Khoa đó làm cho độc-giả có thể đặt câu hỏi: Đông-phương có đạo-đức-học hay chỉ có hệ-thống đạo-đức thôi ? Đó là những điều có thể nảy ra trong óc độc giả khi đọc bản dịch này.

Độc giả có thể hy-vọng rằng bản in thứ hai sẽ cẩn thận và hoàn hảo hơn. Như thế dịch giả sẽ có thể giúp độc giả hiểu Aristote nhiều hơn.

***

BERGSON:

NĂNG-LỰC TINH-THẦN

Dịch giả : L.M. CAO VĂN LUẬN
Nhà xuất bản Đại-Học Huế, 1962, 160 trang, 50$.

Đây là bản dịch cuốn *L'Énergie spirituelle*, dịch giả đã cho in từng phần trong Tạp-Chí Đại-Học từ đầu năm 1961.

Dịch giả dịch sát ý của tác giả. Độc giả có thể đọc bản dịch để hiểu Bergson. Muốn dùng danh từ cho đúng, cần phải hiểu triết-lý và cần phải thạo tiếng Pháp, tiếng Việt và chữ Hán. Hai cái sở trường đó của dịch giả, ai đã đọc bộ sách Triết-lý giáo khoa đầu tiên bằng tiếng Việt đều có thể nhận thấy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Có lẽ đôi khi dịch giả theo quá sát cách đặt câu của Pháp-văn, làm cho câu tiếng Việt hơi nặng và hơi dãi. Ví dụ ngay trang 6, ta đọc: « Nếu cái nhận thức mà chúng ta tìm kiếm quả thực là cho chúng ta hiểu biết được gì, nếu nhận thức ấy làm được cho tư tưởng ta nảy nở thêm thì tất cả những sự phân tích trước về then máy của tư tưởng chỉ có thể cho chúng ta thấy sự không thể đi xa như vậy, vì chúng ta đã khảo cứu tư tưởng chúng ta trước khi nó có được sự nảy nở cần phải có ». Đây chỉ là một trong những trường hợp hiếm có.

Độc giả có thể phàn nàn rằng vì muốn xuất bản kịp đầu niên học nên dịch giả chỉ viết lời tựa vắn tắt chứ không chỉ cho độc giả biết qua về thân thể và sự nghiệp của Bergson, vị trí của Bergson trong lịch sử Triết-lý, và vị trí của cuốn sách trong tác phẩm của Bergson. Nhưng theo một nguồn tin mới, dịch giả sẽ bàn đến những vấn đề đó trong một cuốn sách sắp xuất bản về tư-tưởng của Henri Bergson.

TRẦN VĂN

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Tòa-soạn Đại-Học vừa nhận được :

GIÓ-THU của Bác-sĩ Trương-quý-Lâm, bút hiệu *LAN-GIAO*, do tác giả xuất bản và gởi tặng. Sách gồm có 14 truyện ngắn, chọn lọc, để cập đến nếp sống của giới cần-lao.

Sách dày 154 trang, trình bày đẹp, ấn loát công phu.

Giá bán : 35$.

NHỮNG SUY-NIỆM SIÊU-HÌNH-HỌC, nguyên tác của **René Descartes**, bản dịch của L.M. *TRẦN-THÁI-ĐỈNH* giảng-viên Đại-Học Huế và Sài-gòn. Có thêm phần **Nhập-đề** 60 trang, giúp hiểu hệ thống Triết-học Descartes và phần **Chú-giải** 80 trang rất đầy đủ.

Sách dày 250 trang, do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản và dịch-giả gởi tặng. Giá bán : 50$

BẢN BÁO-CÁO VỀ HOẠT-ĐỘNG KỸ-THUẬT, của **Viện Pasteur Việt-Nam** gởi tặng. Sách dày 242 trang, loại giấy tốt, trình bày trang nhã.

LA CONCEPTION BOUDDHIQUE DU DEVENIR,

Luận-Án Tiến-sĩ Triết-Học của ông *NGUYỄN-VĂN-TRUNG*, do Tác-giả xuất bản. Sách dày 164 trang. Giá bán : 50$

●

A REVISION OF ASTERISCIUM AND SOME RELATED HYDROCOTYLOID UMBELLIFERAE

của **Mildred E. Mathias và Lincoln Constance**

THE SYSTEMATICS OF OENOTHERA SUBGENUS CHYLISMIA

của PETER H. RAVEN

do **University of California Publications in Botany** ấn hành và gởi tặng.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn quý Ông LAN - GIAO, NGUYỄN-VĂN-TRUNG, VIỆN PASTEUR, L.M. TRẦN-THÁI-ĐỈNH, Nhà Xuất-bản ở Hoa-Kỳ *và xin trân trọng giới thiệu cùng quý vị độc giả Đại-Học.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ,

Chúng tôi có nhận được nhiều thư và bưu-phiếu của quý vị gởi mua ĐẠI-HỌC đóng thành bộ từ năm 1958 đến nay.

Rất tiếc là những bộ ấy vừa đóng xong là hết ngay, vì số bộ đóng có hạn.

Từ nay, quý vị nào muốn mua, xin biên thư đặt mua trước. Quý vị nào đã gởi tiền về rồi, xin vui lòng đợi một thời-gian ngắn. Nếu không tiện đợi chờ, chúng tôi sẽ gởi tiền hoàn lại.

Xin thành thật cám ơn.

Tạp-chí ĐẠI-HỌC

Nên đọc:

XÂY DỰNG TÁC-PHẨM TIỂU-THUYẾT

của NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Giá 40đ

VI-TRÙNG-HỌC Y-KHOA

Toàn bộ — In lần thứ hai

của Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-ÁI

Giá 580đ

Đã có bán:

PHƯƠNG-PHÁP LUẬN

Discours de la Méthode

của RENÉ DESCARTES

do L.M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

(In lần thứ hai) **Giá 30đ**

Sắp phát hành:

Ý-THỨC LUẬN

Essai sur les données immédiates de la conscience

của H. BERGSON

do L.M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐÓN XEM

SỐ ĐẶC BIỆT

ĐẠI-HỌC

KỶ-NIỆM 5 NĂM VẬN-ĐỘNG
GÓP PHẦN XÂY-DỰNG NỀN VĂN-HỌC
NƯỚC NHÀ

ĐẠI-HỌC

VỚI SỰ CỐ GẮNG QUA 5 NĂM CỦA 72 NGÒI BÚT CÓ TÊN TUỔI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC CÙNG SỰ THAM-GIA CỦA CÁC HỌC-GIẢ NGOẠI-QUỐC Ở ĐỨC, PHÁP THỤY-ĐIỂN, TRUNG-HOA QUỐC-GIA v.v...

LẦN ĐẦU ẤN-HÀNH

SỐ ĐẶC BIỆT

ĐẠI-HỌC

Tháng 12 năm 1962

CÓ PHỤ-TRƯƠNG

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC
18, Hoàng-hoa-Thám, Huế

Giá : 20$

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục